

The GREAT GATSBY



F·SCOTT·FITZGERALD

SÁCH MỚI.NET - THƯ VIỆN EBOOK MIỄN PHÍ

Gatsby vĩ đại - Scott Fitzgerald

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

[Chương I](#)

[Chương II](#)

[Chương III](#)

[Chương IV](#)

[Chương V](#)

[Chương VI](#)

[Chương VII](#)

[Chương VIII](#)

[Chương IX](#)

Chương I

Hồi tôi còn nhỏ tuổi, nghĩa là hồi dễ bị nhiễm các thói hư tật xấu hơn bây giờ, cha tôi có khuyên tôi một điều mà tôi ngẫm mãi cho đến nay:

- Khi nào con định phê phán người khác thì phải nhớ rằng không phải ai cũng được hưởng những thuận lợi như con cả đâu.

Ông không nói gì thêm, nhưng vì hai cha con chúng tôi xưa nay vẫn rất hiểu nhau mà chẳng cần nhiều lời nên tôi biết câu nói của ông còn nhiều hàm ý khác. Vì vậy tôi không thích bình phẩm một ai hết. Lối sống ấy đã mở ra cho tôi thấy nhiều bản tính kì quặc, nhưng đồng thời khiến tôi trở thành nạn nhân của không ít kẻ chuyên quấy rầy người khác. Những đầu óc không bình thường nhanh chóng nhận ra và gắn bó với đức tính này khi nó biểu lộ ở một người bình thường. Bởi vậy, ở trường đại học tôi bị mang tiếng oan là kẻ ranh mãnh vì tôi nghe thấu những nỗi đau khổ thầm kín của những tay ăn chơi bừa bãi mà tôi không quen biết. Phần lớn không phải do tôi tìm cách moi chuyện. Thường tôi giả vờ ngủ hay đang chăm chú vào việc gì đó, thẳng hoặc còn tỏ ra hơi khó chịu nữa, mỗi khi tôi nhận thấy qua những dấu hiệu không thể nhầm được là sắp lại có một chuyện

tâm sự gì đây. Bởi vì những chuyện tâm sự của các chàng trai trẻ, hay ít ra những lời lẽ mà họ dùng để diễn đạt, thường là cóp nhặt của người khác và mất hết ý nghĩa vì rõ ràng đã bị bớt xén đi nhiều chỗ. Không bình phẩm nghĩa là còn hi vọng, hi vọng mãi. Tôi e còn bỏ sót một điều gì đó nếu tôi quên nói, như cha tôi đã khẳng định một cách hợm hĩnh và tôi hợm hĩnh nhắc lại ở đây, rằng ý thức về những phép xử thế lịch sự cơ bản không được chia đều cho mọi người khi họ ra đời.

Sau khi đã khoe tính tôi khoan dung như thế rồi, tôi phải thú nhận rằng sự khoan dung của tôi cũng có giới hạn. Cách cư xử của con người ta có thể đặt trên nền tảng là đá rắn hay đầm lầy, nhưng quá một mức nào đó thì tôi bắt cần biết nó xây dựng trên nền tảng nào. Khi tôi ở miền Đông trở về mùa thu vừa rồi, tôi như muốn tát cả mọi người đều mặc đồng phục và vĩnh viễn đứng ở tư thế nghiêm về đạo đức. Tôi không còn muốn những cuộc thâm nhập ồn ào với những đặc quyền dòm ngó vào tận trái tim con người. Trong phản ứng ấy, tôi chỉ chừa ra có Gatsby, người được lấy tên đặt cho cuốn sách này, một con người tiêu biểu cho tất cả những gì mà tôi thành thật khinh bỉ. Nếu nhân cách là một chuỗi liên tục những cử chỉ đúng dụng ý của mình thì ở con người này có một cái gì huy hoàng, một sự nhạy cảm sắc bén với những hứa hẹn của cuộc đời, tưởng chừng người ấy giống như những cỗ máy phức tạp ghi lại những trận động đất cách xa hàng vạn dặm. Sự ứng cảm nhạy bén ấy hoàn toàn không phải là tính dễ xúc cảm mềm yếu được tâng bốc là “khí chất sáng tạo”. Nó là một khả năng hi vọng hiếm có, một sự sẵn sàng ứng tiếp các biến cố trong đời, sẵn sàng đến lãng mạn, mà tôi chưa hề thấy có ở một ai khác và có lẽ cũng sẽ không bao giờ gặp lại nữa. Không, kết cục Gatsby hoá ra là một con người tốt. Chính những gì ám ảnh Gatsby, chính làn bụi nhớ nhuốc cuộn theo sau những giấc mơ của Gatsby đã tạm thời làm tôi mất hứng thú quan tâm đến những nỗi đau buồn ngăn ngủi và những niềm vui chốc lát của con người.

*

* *

Gia đình tôi là một gia đình danh giá và sung túc, đã sinh cơ lập nghiệp từ ba đời nay tại một thành phố miền Trung – Tây này. Dòng họ Carraway hợp thành một thứ gia tộc riêng và tục truyền chúng tôi thuộc dòng dõi các quận công Buccleuch, nhưng người thực sự sáng lập ra chi họ chúng tôi là em trai ông nội tôi. Người ông ấy của tôi đã đến thành phố này năm 1851, cử người thay mình tham gia cuộc Nội chiến, và khai trương nghề bán buôn đồ ngũ kim. Nghề kinh doanh ấy, cha tôi còn tiếp tục cho đến nay.

Tôi chưa từng gặp người ông ấy, nhưng hình như tôi giống cụ, nhất là căn cứ vào bức chân dung sơn dầu mô tả một bộ mặt khá sắt đá treo trong phòng giấy

của cha tôi. Tôi tốt nghiệp đại học ở New Haven (1) năm 1915, đúng một phần tư thế kỷ sau cha tôi, và ít lâu sau tôi tham gia cuộc di dân muôn màng của người Teuton mà người ta gọi là cuộc Đại chiến thế giới. Tôi vui thích với cuộc phản công đến nỗi sau khi trở về quê hương, tôi cứ đứng ngòì không yên. Miền Trung Tây không còn là trung tâm ám áp của thế giới nữa, mà tôi thấy nó bây giờ như một đường rìem rách nát của vũ trụ. Bởi vậy tôi quyết định đi New York học nghề giao dịch chứng khoán. Tất cả những người tôi quen đều ở ngành giao dịch chứng khoán, vì vậy tôi cho rằng nghề này có thể nuôi sống thêm một anh chàng chưa vợ nữa. Các bậc cô dì chú bác của tôi tề tựu đông đủ để bàn luận về việc này y như thể đây là việc chọn trường dự bị đại học cho tôi vậy. Cuối cùng, cả nhà kết luận: “Ờ cũng được”, với vẻ mặt rất nghiêm trang và do dự. Cha tôi đồng ý chu cấp cho tôi trong một năm, và sau mấy lần hoãn đi hoãn lại, tôi đến ở New York, tưởng là vĩnh viễn, vào mùa xuân năm 1922.

Tìm chỗ ở ngay tại thành phố có lẽ thuận tiện hơn, nhưng nay đang vào lúc thời tiết ám áp mà tôi lại vừa mới rời một nơi có những bãi cỏ rộng thênh thang và những hàng cây thân ái, cho nên khi có một đồng nghiệp trẻ tuổi ngỏ ý với tôi cùng thuê chung một ngôi nhà ở ngoại ô, tôi coi ngay đấy là một ý kiến tuyệt diệu. Anh ta tìm được một ngôi nhà gỗ đơn sơ đã dãi dầu mưa nắng với giá thuê là tám mươi đôla một tháng, nhưng đến phút chót anh ta được lệnh của công ty phái đến làm việc tại Washington, và thế là tôi về sống một mình ở ngoại ô. Tôi có một con chó – ít nhất cũng là trong vài ngày trước khi nó bỏ đi, – một chiếc xe Dodge cũ và một chị giúp việc người Phần Lan để dọn dẹp nhà cửa và vừa sửa soạn bữa sáng cho tôi vừa lằm bằm một mình những câu cách ngôn Phần Lan bên bếp điện.

Tôi cảm thấy bơ vơ lạc lõng mất vài hôm cho đến một buổi sáng có một người đến đây sau tôi, chặn tôi ngang đường, hỏi với vẻ ngờ ngác:

- Làng West Egg đi lối nào, thưa ông?

Tôi chỉ đường cho ông ta. Sau đấy, khi bước đi tiếp, tôi không còn cảm thấy lạc lõng nữa. Tôi đã là một người dẫn đường, một người mở đường, một người dân gốc ở đây rồi. Người kia đã tình cờ trao cho tôi quyền cư trú ở chốn này.

Và thế là cùng với vàng dương rực rỡ và những lùm cây đâm chồi nảy lộc tua tủa mau lẹ như những hình ảnh chớp nhoáng trong một bộ phim quay nhanh, trong tôi đã trỗi dậy niềm tin tưởng quen thuộc là cuộc sống lại bắt đầu cùng với mùa hè.

Trước hết có bao cuốn sách cần đọc, biết bao nhiêu sức khỏe cần thu lượm ở làn không khí tươi trẻ đem lại sức sống cho con người. Tôi mua khoảng một chục cuốn sách nói về công việc ngân hàng, tín dụng và đầu tư. Những cuốn sách ấy xếp thành hàng đở rục và vàng choé trên giá sách của tôi như những

đồng tiền mới toanh vừa mới đúc, hứa hẹn sẽ tiết lộ cho tôi biết những bí quyết óng ánh mà chỉ Midas, Morgan và Maecenas (2) nắm được. Ngoài ra tôi còn có tham vọng đọc nhiều cuốn sách khác nữa. Hồi ở đại học, tôi khá thích văn chương, có năm tôi đã viết một loạt bài xã luận rất long trọng và dễ hiểu cho tờ “Tin tức trường Yale”. Bây giờ tôi sẽ đưa tất cả những thứ đó trở lại cuộc sống của tôi và lại trở thành một trong những chuyên gia cực kì hiếm hoi là “con người toàn diện”. Đây không phải là một lời châm biếm – xét cho cùng, cuộc đời sẽ dễ hiểu hơn nhiều khi ta nhìn nó từ một cửa sổ duy nhất.

Ngẫu nhiên mà ngôi nhà tôi thuê lại nằm ở một trong những cộng đồng kì lạ nhất Bắc Mỹ. Nó nằm trên hòn đảo mảnh khảnh và huyền ảo phơ mình về phía Đông New York. Ở đó, trong số nhiều cảnh lạ có hai địa hình khác thường. Cách thành phố khoảng hai mươi dặm có hai quả trứng khổng lồ giống hệt nhau về hình dáng nhô ra dải nước mặn bị thuần hoá nhất ở Tây bán cầu, tức là cái sân gia cầm khổng lồ ẩm ướt mà người ta gọi là Eo biển Long Island. Hai quả trứng ấy cách nhau một vũng nước được gọi là vịnh cho lịch sử. Chúng không phải là những hình bầu dục hoàn hảo; giống quả trứng trong câu chuyện về Columbus, chúng bị dẹt lại ở đầu tiếp xúc với đất liền, nhưng sự giống nhau về hình dạng của chúng hẳn phải làm cho đám hải âu bay lượn bên trên không bao giờ hết băn khoăn lúng túng. Còn đối với các sinh vật không cánh thì hiện tượng đáng chú ý hơn lại là sự khác nhau giữa hai quả trứng ấy về mọi mặt, trừ hình dáng và kích thước.

Tôi ở West Egg, tức là quả trứng phía Tây. Phải thú nhận rằng trong hai nơi thì ở đây kém sang trọng hơn, tuy rằng đó chỉ là một cách nói hết sức sơ sài về sự tương phản kì quặc và khá bi thảm giữa hai nơi. Ngôi nhà của tôi nằm ở đúng đầu quả trứng, cách Eo biển chưa đến năm mươi thước và bị kẹp giữa hai tòa nhà đồ sộ cho thuê với giá mười hai hoặc mười lăm nghìn đôla một vụ nghỉ mát. Tòa nhà bên phải nhà tôi là một công trình kiến trúc khổng lồ, dù ta lấy bất cứ tiêu chuẩn nào để đánh giá. Nó đúng là phiên bản của một tòa thị chính nào đó ở Normandy, với một ngọn tháp ở một đầu mới toanh dưới những đám dây trường xuân lưa thưa, một bể bơi bằng cẩm thạch và hơn bốn mươi mẫu Anh thảm cỏ và vườn cây. Đó là tòa lâu đài của Gatsby. Hay nói cho đúng hơn – vì tôi không quen biết ông Gatsby – đó là tòa lâu đài của một nhà quý tộc tên là như vậy đang ở. Còn ngôi nhà của tôi, nó là một vật gai mắt, nhưng chỉ là cái gai vặt nên người ta đã bỏ qua nó khiến cho nhà tôi có một mặt trông ra biển, một mặt trông sang một phần thảm cỏ nhà láng giềng, và được cái an ủi là sống cạnh những bậc triệu phú. Tất cả chỉ mất có tám mươi đôla một tháng.

Ở mé bên kia cái vịnh nhỏ xíu, các dinh thự trắng toát của làng East Egg sang trọng lung linh bên bờ nước, và lịch sử của mùa hè vừa rồi bắt đầu vào tối hôm

tôi lái xe sang bên ấy ăn tối với vợ chồng Tom Buchanan. Daisy là cô em họ xa của tôi, còn chồng cô là Tom thì tôi đã quen hồi ở đại học. Ngay sau chiến tranh tôi đã về ở với vợ chồng họ hai ngày tại Chicago.

Trong những mặt giỏi giang về thể xác của Tom, phải kể anh ta là một trong những cầu thủ bóng bầu dục khỏe nhất tại New Haven, có thể nói đó là một nhân vật tầm cỡ quốc gia, thuộc loại những kẻ đã đạt tới đỉnh cao của tài năng ở tuổi hai mươi mốt, đến nỗi mọi thành tích sau đấy đều bị lu mờ. Gia đình Tom cực kỳ giàu có, ngay hồi ở đại học cung cách tiêu xài của Tom cũng đã bị chê trách. Nhưng nay Tom đã rời Chicago đến New York với một bầu đoàn đông đúc đến nỗi làm người ta phải nín hơi kinh ngạc: ví dụ Tom đem từ Lake Forest đến cả một bày ngựa để chơi polo. Khó tưởng tượng được một người ở tuổi tôi lại giàu tới mức có thể ăn chơi xa xỉ đến vậy.

Tôi không biết vợ chồng Buchanan đến sống ở miền Đông này để làm gì. Họ đã sang Pháp ở một năm không vì một lí do gì đặc biệt, rồi sống nay đây mai đó, ở đâu có những kẻ chơi polo và giàu có tụ tập lại với nhau. Lần này họ đến ở hẳn đây – Daisy báo cho tôi biết vậy qua điện thoại, nhưng tôi không tin. Tôi không biết gì về những chuyện tâm tình của Daisy, nhưng về Tom, tôi cảm thấy anh ta sẽ mãi mãi sống một cuộc đời lãng du, luyến tiếc tìm kiếm sự hỗn loạn bi thảm của một trận đấu bóng nào đó không bao giờ gặp lại.

Và thế là vào một buổi chiều nóng nực và lộng gió, tôi lái xe sang East Egg thăm hai người bạn cũ mà tôi không hiểu biết gì mấy. Nơi ở của họ là một toà nhà lộng lẫy quá sự chờ đợi của tôi: một toà lâu đài theo kiểu kiến trúc thời thuộc địa Georgia với những màu trắng và màu đỏ vui mắt, trông xuống mặt vịnh. Thảm cỏ bắt đầu từ sát bãi biển chạy dài một phần tư dặm cho đến cổng chính, nhảy qua những đồng hồ mặt trời, những lối đi lát gạch, những luống hoa rực rỡ, để rồi cuối cùng như thể đang đà chạy va phải toà nhà bật lên thành những dây nho leo tường. Để bớt đơn điệu, mặt trước toà nhà được trở một dãy cửa sổ kiểu Pháp dài xuống sát sàn nhà. Những cửa sổ ấy giờ đây đang lấp lánh những ánh phản chiếu của vàng bạc và được mở rộng để đón buổi chiều nóng nực lộng gió. Trong bộ quần áo đi ngựa, Tom Buchanan đang đứng xoạc chân trên bậc thềm cửa chính.

Tom đã thay đổi nhiều so với hồi học ở New Haven. Giờ đây Tom là một gã đàn ông ba mươi tuổi, lực lưỡng, tóc màu vàng rơm, khoẻ miệng tàn nhẫn và dáng điệu ngạo mạn. Đôi mắt long lên xác xược áp đảo cả gương mặt và làm cho Tom lúc nào cũng có vẻ hung hăng, đầu chúc về phía trước. Ngay cả vẻ sang trọng mềm mại của bộ quần áo đi ngựa cũng không che giấu nổi sức khoẻ ghê gớm của tấm thân. Hai bắp chân Tom nhét chặt căng đôi ủng bóng loáng đến mức gần làm đứt tung cả dây buộc, và có thể nhìn thấy những bắp thịt cuộn cuộn

nổi lên từng múi mỗi khi Tom cử động đôi vai dưới chiếc áo veston mỏng. Đây là cơ thể có một sức khỏe ghê gớm, một tấm thân tàn bạo.

Giọng nói của Tom, một giọng nam cao rè rè thô lỗ, càng làm tăng thêm vẻ căm kỉnh lúc nào cũng toát ra từ con người Tom. Trong dáng điệu ấy có một chút gì đó kهن kiêu kẻ cả, ngay cả đối với những người mà Tom ưa thích. Vì vậy ở New Haven có những kẻ ghét cay ghét đắng Tom. Dáng Tom như có ý bảo người ta:

“Này, đừng vội nghĩ rằng ý kiến của tôi về những vấn đề này là quyết định chỉ vì tôi khỏe hơn, mạnh hơn anh”.

Tom và tôi thuộc cùng một hội sinh viên trong năm chót, và tuy chúng tôi chưa bao giờ chơi thân với nhau, nhưng xưa nay tôi vẫn cảm tưởng Tom thích tôi và muốn làm tôi thích anh bằng kiểu cách ân cần thô lỗ và kهن kiêu của anh.

Hai chúng tôi nói chuyện với nhau vài phút trên bậc thềm ngập nắng. Tom khoe với tôi, đôi mắt long lên đảo đi đảo lại liên hồi:

- Tôi kiếm được nơi này thú vị ra trò.

Nắm lấy cánh tay xoay người tôi lại, Tom duỗi bàn tay to bè khoát một vòng rộng giới thiệu khung cảnh bày ra trước mắt, gộp cả vào trong cái khoát tay ấy một khu vườn chầm kiêu Italia, một phần tư héc-ta trồng một loại hồng gát hương, một chiếc xuống máy mũi dẹt nhấp nhô theo sóng nước ngoài khơi.

- Nhà này trước của Demaine, ông trùm dầu lửa.

Tôi lại vặn người tôi lại, lịch sự nhưng đột ngột:

- Ta vào nhà đi.

Chúng tôi đi qua một hành lang cao dẫn đến một gian phòng sáng sửa phơn phớt hồng, hai đầu nối với toà nhà một cách mảnh dẻ bằng hai cửa sổ kiểu Pháp, bậu cửa thấp sát sàn như cửa ra vào. Các cánh cửa sổ mở hé, trắng lấp lánh trên nền cỏ tươi mát bên ngoài và cỏ dường như mọc len cả vào trong nhà một chút. Một ngọn gió nhẹ thổi qua gian phòng làm cho rèm cửa sổ ở một đầu phòng cuộn bay vào trong, và ở đầu kia cuộn bay ra ngoài như những lá cờ nhàn nhạt, xoắn chúng lại và hát lên về phía bánh cưới rắc đường là trần nhà. Sau đó nó lướt qua tấm thảm đỏ thẫm màu rượu vang, tạo thành một cái bóng gọn trên mặt thảm như gió trên mặt biển.

Vật duy nhất hoàn toàn bất động trong gian phòng là một chiếc đi văng lớn có hai phụ nữ trẻ đang tựa lưng y như đang ngồi trong chiếc giỏ treo của một khinh khí cầu bị néo vào cột. Cả hai đều mặc đồ trắng, áo họ phấp phồng và uốn lượn như thể vừa mới được gió cuộn về đây sau khi bay phấp phới khắp gian phòng. Tôi đã phải đứng sững một lúc lâu, lắng nghe tiếng phàn phật của các rèm cửa và tiếng kéo kẹt của bức tranh treo trên tường. Sau đó có tiếng sầm một cái khi Tom đóng cửa sổ sau lại. Bị giam hãm, ngọn gió lặng dần trong gian phòng và

các rèm cửa, chiếc thảm cùng hai người phụ nữ trẻ được quả khí cầu hạ từ từ xuống sàn nhà.

Trong hai người phụ nữ ấy, người trẻ tôi không quen. Cô ta nằm duỗi dài ở một đầu đi vắng, hoàn toàn bất động, cảm hơi héch lên một chút như thể đang đỡ ở chóp cầm một vật gì lăm le chực rơi. Ví thử có liếc mắt thấy tôi, cô ta cũng không để lộ ra – thực vậy, suýt nữa tôi buột mồm lẩm bẫm câu xin lỗi vì đã trót đến quấy rầy cô ta.

Người thứ hai là Daisy. Nàng ngồi dậy, hơi chúi người ra phía trước với một vẻ chăm chú rồi buông ra những tiếng cười nho nhỏ duyên dáng và ngớ ngẩn. Tôi cũng cười theo và bước vào phòng.

- Em tê-ê đại vì sung sướng.

Daisy lại cười, cứ y như đã nói một câu gì dí dỏm lắm. Nàng giữ bàn tay tôi trong tay nàng một lúc, ngược mắt nhìn lên mặt tôi với vẻ như không có ai trên đời nàng mong gặp bằng tôi. Đó là một kiểu cách của nàng. Bằng một giọng thì thào nho nhỏ, Daisy cho tôi biết cô gái đang làm trò tung hứng kia tên là Baker. (Tôi nghe nói Daisy thấp giọng thì thào là cốt làm cho người nghe phải ngả người về phía nàng. Lời chỉ trích đó không đúng và cũng không làm mất đi tí nào vẻ duyên dáng của nàng).

Dù sao, đôi môi Baker cũng mấp máy, cô gạt đầu với tôi rất nhẹ, hầu như không thể nhận thấy, rồi lại nhanh chóng ngả đầu ra đằng sau – có lẽ cái vật cô đang đỡ suýt nữa lại rơi, khiến cô lo sợ. Một câu gì như xin lỗi lại suýt nữa buột ra ở miệng tôi. Hầu như mọi sự biểu thị cao độ của tính tự mãn đều làm tôi sững sờ khâm phục.

Tôi quay lại cô em họ tôi khi nàng bắt đầu hỏi chuyện tôi bằng một giọng trầm trầm lôi cuốn. Giọng nói ấy làm tai người nghe cứ phải đưa lên đưa xuống như thể mỗi câu là cả một sự sắp xếp những nốt nhạc không bao giờ lặp lại nữa. Gương mặt nàng âu sầu và diễm lệ với nhiều điểm sáng lấp lánh: đôi mắt long lanh, khoé miệng nồng nàn lóng lánh. Nhưng giọng nàng mới có một sức quyến rũ mà những ai đã đem lòng yêu nàng khó có thể quên: một lời nài ép véo von, những tiếng thì thầm êm ái “Nghe em bảo này”, một câu báo tin nàng vừa mới có những chuyện vui vui thích thú và một giờ nữa sẽ lại có những chuyện vui vui thích thú khác.

Tôi kể với Daisy là trên đường đi New York, tôi đã dừng một ngày ở Chicago, và có đến hơn một chục người nhờ tôi chuyển đến nàng những tình cảm quý mến.

- Mọi người có nhớ em không? – Daisy say sưa kêu lên.

- Cả thành phố buồn rầu, ủ ê. Tất cả các xe hơi đều sơn đen một vòng ở bánh sau bên trái như một vành hoa tang, và những tiếng nỉ non kéo dài suốt đêm ở mé hồ phía bắc.

- Tuyệt quá! Tom ơi, ta trở về đi, ngay ngày mai! – Rồi Daisy nói thêm, không ăn nhập vào đâu: - Em dẫn cháu ra anh xem nhé.

- Tôi rất...

- Cháu đang ngủ. Nó lên ba rồi đấy. Anh chưa thấy nó bao giờ à?

- Chưa.

- Thế thì em phải để anh gặp cháu. Nó...

Tom Buchanan từ nãy vẫn luôn chân đi loanh quanh gian phòng, bây giờ đứng lại, đặt tay lên vai tôi:

- Nick, dạo này anh làm gì?

- Tôi làm nghề giao dịch chứng khoán.

- Anh làm cho hãng nào?

Tôi nói với Tom tên hãng thuê tôi. Anh ta đáp lại bằng một giọng dứt khoát:

- Tôi chưa nghe thấy tên đấy bao giờ.

Câu nói ấy làm tôi bực mình, tôi đáp lại cộc lốc:

- Rồi anh sẽ nghe thấy thôi, nếu anh còn ở lại miền Đông này.

- Ồ, anh khỏi lo, tôi sẽ ở lại đây chứ. – Tom liếc mắt nhìn Daisy rồi lại nhìn tôi như sẵn sàng đối đáp thêm những câu khác. – Tôi có họa là ngốc mới đi sống ở nơi khác.

Vừa đúng lúc ấy, cô Baker buông ra một tiếng “Đã hẳn!” đột ngột đến nỗi làm tôi giật mình. Đây là lời nói đầu tiên của cô suốt từ khi tôi đến đây. Rõ ràng nó làm cô ngạc nhiên không kém gì tôi, vì cô ngáp một cái và sau một loạt động tác nhanh nhẹn khéo léo, cô đứng dậy.

- Em mới như cả người, – Baker phàn nàn. – Em nằm dài ở đi văng này không biết từ cái thuở nào.

- Đừng có mà trách chị, – Daisy bác lại. – Chị đã cố kéo em đi New York suốt chiều này cơ mà.

- Thôi, xin cảm ơn. – Baker nói với bốn li cocktail vừa mới được đưa ở dưới nhà lên. – Em đang tập luyện rất căng.

Ông chủ nhà nhìn Baker, vẻ không tin.

- Thật không? – Nói rồi, Tom cầm cốc rượu uống cạn một hơi như thể chỉ có một giọt rượu dưới đáy cốc. – Bao giờ cô làm được một việc gì thì tôi mới ngạc nhiên.

Tôi nhìn Baker, không biết cái việc mà cô ta “có thể làm được” ấy là cái gì. Tôi thích nhìn cô ta. Baker là một cô gái mảnh mai, bộ ngực nhỏ nhắn, thân hình thẳng đuồn mà cô làm cho nó càng thêm ngay đơ bằng cách uốn ngực và đưa vai ra đằng sau y như một thiếu sinh quân. Đôi mắt xám mịt mịt vì ra nắng nhiều, trên một gương mặt uể oải, duyên dáng và bực bội, đang nhìn lại tôi cũng với một vẻ hiêu kỳ lễ độ. Bây giờ tôi chợt nhận ra là đã gặp cô hay đã nhìn thấy

ảnh cô ta ở đâu rồi.

Baker hỏi với giọng khinh khỉnh:

- Ông ở West Egg à? Tôi có quen một người bên ấy.

- Tôi lại không quen biết một ai cả.

- Ông hẳn phải biết Gatsby chứ.

- Gatsby à? – Daisy xen vào, – Gatsby nào nhỉ?

Tôi chưa kịp trả lời Gatsby là láng giềng của tôi thì người lên báo bữa tối đã dọn xong. Thọc mạnh cánh tay rắn chắc của anh khoác lấy tay tôi, Tom Buchanan lôi tuốt tôi ra khỏi gian phòng như đẩy một quân cờ từ ô này sang ô khác. Hai người phụ nữ trẻ, dáng thon thả, uể oải, tay chống nhẹ lên hai bên hông, bước đi trước chúng tôi ra hàng hiên phơn phớt hồng đã được mở ra đón ánh hoàng hôn. Ở đó, trên mặt bàn đã có bốn ngọn nến run rẩy trước làn gió bây giờ chỉ còn hây hây nhẹ nhẹ.

- Nến làm gì? – Daisy cau mày phản đối. Nàng nhón tay dụi tắt mấy ngọn nến. – Hai tuần nữa là đã đến ngày dài nhất trong năm rồi. – Nàng nhìn tất cả chúng tôi, nét mặt tươi roi rói. – Phải chăng người ta bao giờ cũng chờ đợi ngày dài nhất trong năm để rồi nó trôi qua lúc nào không hay? Tôi bao giờ cũng chờ đón ngày dài nhất trong năm nhưng rồi lại bỏ lỡ.

- Ta phải bàn với nhau làm cái gì đi, – Baker vừa ngáp vừa ngồi xuống bên bàn, loay hoay y như định ngã mình xuống giường.

- Đúng đấy, nhưng mà là cái gì? – Daisy nói, rồi nàng quay sang tôi, giọng phân vân: - Những người khác, họ làm gì nhỉ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Daisy đã cúi xuống nhìn ngón tay út của mình, vẻ kinh hoàng.

- Xem này, – Daisy kêu lên, – ngón tay em đau.

Tất cả chúng tôi cùng nhìn: một đốt ngón tay bị tím bầm.

- Tom, chính mình gây ra đấy, – giọng Daisy cáo buộc. – Không phải mình cố ý nhưng mà là tại mình. Thật đáng đời cho em vì đã lấy phải một gã thô lỗ, to xác.

- Tôi ghét cái từ to xác này, dù là đùa, – Tom cau kính gạt đi.

- To xác! – Daisy lại càng nhấn mạnh thêm.

Đôi khi Daisy và Baker cùng nói một lúc, nói một cách kín đáo, lửng lơ, cợt nhả, không bao giờ đi đến chỗ huyền thuyên mà chỉ là những lời mát lạnh như các tà áo trắng và đôi mắt trống rỗng không chứa đựng một ham muốn nào hết của họ. Họ ngồi đó, chấp nhận sự có mặt của Tom và tôi, chỉ nhẹ nhàng và lịch sự cố giải trí chúng tôi hoặc để chính họ được giải trí. Họ biết rằng chẳng mấy chốc sẽ xong bữa tối, rồi ít phút nữa buổi tối cũng sẽ qua đi và sẽ bị vô tình xếp xó. Cuộc sống ở đây khác hẳn với miền Tây, nơi các buổi tối diễn ra dồn dập hết phần này đến phần khác cho tới lúc kết thúc, trong sự chờ đón luôn luôn thất vọng hoặc

trong nỗi bồn chồn khiếp sợ chính giây phút hiện tại.

Sau cốc rượu thứ hai, một thứ rượu vang chất đở nồng mùi nút chai, nhưng trong thời kì cấm rượu lúc này thứ rượu ấy cũng đã là khá ghê gớm rồi, tôi thú thực:

- Daisy ạ, cạnh em, anh cảm thấy không còn là một người văn minh nữa. Em không thể nói đến mùa màng hay một chuyện gì khác được à?

Tôi không có chủ ý gì đặc biệt khi nói câu này nhưng lời tôi được dẫn lại một cách bất ngờ. Tom lớn tiếng, giọng gay gắt:

- Nền văn minh sắp bị phá tan tành rồi. Tôi vô cùng bi quan về tình thế. Anh đã đọc cuốn “Bước hưng thịnh của các đế quốc da màu” của một gã tên là Goddard chưa?

- Quả thực, chưa, – tôi trả lời, hơi ngạc nhiên trước giọng Tom.

- Đó là một cuốn sách hay mà mọi người cần phải đọc. Cuốn sách nêu lên ý kiến là nếu chúng ta không cẩn thận thì giống người da trắng cuối cùng sẽ bị hoàn toàn nhấn chìm. Ý kiến rất khoa học, nó đã được chứng minh.

- Anh Tom dạo này rất uyên thâm, – Daisy nói với một vẻ buồn rầu vô cớ, – Anh ấy đọc những cuốn sách ác liệt, có những từ dài đằng dặc. Cái từ mà chúng ta...

- Những cuốn sách ấy đều rất khoa học, – Tom nhấn mạnh, con mắt bồn chồn nhìn Daisy. – Gã này đã nghiên cứu vấn đề rất sâu. Chúng ta, nòi giống thống trị, phải coi chừng, nếu không các nòi giống khác sẽ ngoi lên cầm đầu.

- Chúng ta phải đánh gục chúng. – Daisy thì thào, nháy mắt một cách dữ tợn với mặt trời đỏ rực.

- Anh lẽ ra đã phải sống ở California, – Baker bắt đầu, nhưng Tom đã cắt ngang lời cô và nặng nề xoay người trên ghế.

- Tác giả đưa ra ý kiến nói rằng tất cả chúng ta đều là dân phương Bắc: tôi này, anh này, cô này, và... – sau một phần giây đồng hồ ngập ngừng, Tom gộp cả Daisy bằng một cái gật đầu nhẹ, và nàng lại nháy mắt với tôi, – và chúng ta là những người đã sản xuất ra tất cả những gì tạo nên nền văn minh – nào là khoa học, nghệ thuật, và mọi thứ khác. Anh hiểu không?

Có một vẻ bi ai trong cách Tom nặn óc suy nghĩ, tưởng đâu tính tự mãn của anh bây giờ mạnh hơn trước nhưng vẫn không đủ đối với anh nữa. Ngay cùng lúc ấy, chuông điện thoại réo vang trong nhà, và người hầu phòng rời khỏi hàng hiên đi vào. Daisy lợi dụng sự gián đoạn chốc lát này ngả người về phía tôi, thì thào giọng hào hứng.

- Em tiết lộ với anh một điều bí mật trong nhà nhé. Đó là cái mũi của người hầu phòng. Anh có muốn nghe chuyện cái mũi của người hầu phòng không?

- Chính vì chuyện ấy mà tôi đến đây đây.

- Hoá ra, xưa nay không phải ông ta chỉ làm hầu phòng đâu. Trước kia ông ta chuyên đánh bóng các bộ đồ ăn bạc cho một gia đình ở New York, họ có một bộ đồ ăn gần hai trăm thực khách. Ông ta phải lau chùi đánh bóng suốt từ sáng đến tối, việc ấy cuối cùng ảnh hưởng đến cái mũi của ông ta.

- Tình hình ngày một tệ hơn, – Baker nhắc.

- Phải rồi, tình hình ngày một tệ hơn, đến nỗi cuối cùng ông ta phải bỏ nghề.

Trong giây lát, tia nắng cuối cùng rọi lên gương mặt rạng rỡ của Daisy với vẻ âu yếm lãng mạn. Giọng nàng làm tôi phải nén thở ngả người về phía nàng khi nghe nàng nói... Thế rồi vàng sáng ấy tan dần, các tia nắng nấn ná luyến tiếc khi phải rời nàng, như lũ trẻ con phải bỏ hè đường náo nhiệt về nhà lúc chiều tối.

Người hầu phòng trở lại, nói nhỏ vào tai Tom vài ba câu. Tom cau mày xô ghế, bỏ vào trong nhà không nói một lời. Y như sự vắng mặt của Tom đã khơi dậy ở Daisy một điều gì đó, nàng lại ngả người về phía trước, giọng rạng rỡ véo von:

- Em rất thích có anh tại bàn ăn, anh Nick ạ. Anh làm em nghĩ đến... một bông hồng, đúng là một bông hồng. Có đúng anh ấy giống một bông hồng không? – Daisy quay sang Baker tìm lời xác nhận. – Đúng là một bông hồng!

Nói thế không đúng. Tôi không có vẻ gì giống một bông hồng. Daisy chỉ nói tào lao thế thôi, nhưng một làn hơi ấm áp làm cho người ta xao xuyến toả ra từ người nàng như thể trái tim nàng ẩn náu trong những lời nói nhẹ như không vương hơi thở và say đắm lòng người kia muốn trào ra đến với ta. Bỗng nhiên, Daisy quẳng khăn ăn lên mặt bàn, xin lỗi rồi vào trong nhà.

Baker và tôi đưa mặt vội nhìn nhau, cố tình không bộc lộ gì trong ánh mắt đầy. Tôi toan nói thì Baker đã nhanh nhẹn ngồi nhồm dậy, khẽ nhắc nhở: “Suyt!”. Có tiếng rì rầm sôi nổi trầm trầm trong phòng bên, và Baker không chút ngưng nghịu nghiêng người cố dỏng tai nghe. Tiếng rì rầm vang lên to gần tới mức nghe rõ lời, sau lắng xuống rồi lại nổi lên sôi nổi và cuối cùng thì im bật.

- Ông Gatsby mà cô nói là láng giềng của tôi,... – Tôi mở đầu câu chuyện.

- Ấy, đừng nói, ông. Để tôi nghe xem lại có chuyện gì.

- Chuyện gì? – Tôi ngây thơ hỏi.

Baker thành thật ngạc nhiên:

- Ông không biết ư? Tôi tưởng mọi người biết hết cả.

- Tôi không biết.

- Ở kia..., – cô ta ngập ngừng, – Tom có một ả nhân tình ở New York mà.

- Tom có một ả nhân tình? – Tôi ngây ngô nhắc lại.

Baker gật đầu:

- Lẽ ra ả phải biết phép lịch sự không gọi điện thoại vào đúng bữa tối chứ. Có phải không ông?

Tôi gần như chưa kịp hiểu lời cô ta thì đã có tiếng áo sột soạt và tiếng giày da

kêu xin xít. Tom và Daisy trở lại bàn ăn.

- Không đừng được mà! – Daisy reo lên với giọng vui vẻ gay gắt.

Nàng ngồi xuống, dò xét nét mặt trên Baker rồi nhìn sang tôi, nói tiếp:

- Em vừa mới ra ngoài vườn một phút, ngoài vườn rất thơ mộng. Trên bãi cỏ có một con chim. Em chắc là một con hoạ mi đã theo chuyến tàu White Star Line hoặc tàu Cunard đến đây. Nó vừa tung cánh bay đi vừa hát. – Giọng nàng véo von: - Thật là thơ mộng, có phải không Tom?

- Rất thơ mộng, – Tom đáp, rồi quay sang tôi với giọng thiếu não. – Ăn xong, nếu trời còn đủ sáng, tôi sẽ dẫn anh đi xem chuồng ngựa.

Chuông điện thoại trong nhà vang lên làm mọi người giật mình. Daisy nhìn Tom lắc đầu một cách dứt khoát, và thế là vấn đề đi thăm chuồng ngựa, và thực ra là mọi vấn đề, đều tan ra mây khói. Giữa những mẩu chuyện rời rạc trong năm phút cuối cùng bên bàn ăn, tôi còn nhớ là mấy ngọn nến lại được thắp lên, tuy không cần thiết, và tôi cảm thấy muốn nhìn thẳng vào mặt mọi người, nhưng đồng thời lại muốn tránh mọi con mắt. Tôi không đoán nổi Daisy và Tom đang nghĩ gì, nhưng tôi chắc rằng ngay cả Baker là người xem chừng đã tạo được cho mình một thái độ hoài nghi dày dặn, cũng không hoàn toàn xua nổi khỏi đầu tiếng kêu lạnh lạnh chói tai giục giã của người thực khách thứ năm kia. Tuy tâm tình, có người có thể thấy tình thế này hay hay. Còn tôi thì bản năng thúc giục tôi phải gọi điện ngay cho cảnh sát.

Khỏi phải nói là chuyện ra xem ngựa không được nêu lại nữa. Tom và Baker đi cách nhau vài ba bước trong ánh sáng lờ mờ về phòng sách như để đứng canh bên một thi thể bằng xương bằng thịt, còn tôi, cố làm ra vẻ hào hứng và hơi giả diếc nữa, tôi đi theo Daisy qua một dãy hành lang nối liền nhau đến tận những bậc thềm đằng trước. Tôi và nàng ngồi xuống cạnh nhau trên một chiếc ghế mây đôi trong bóng tối dày đặc.

Daisy lấy hai bàn tay đỡ mặt như vuốt ve những đường nét kiêu diễm, đôi mắt nàng thông thả đưa đi đưa lại nhìn vào bóng hoàng hôn mướt như nhung. Thấy nàng bị xúc động dữ dội, tôi hỏi chuyện về con gái nàng vài ba câu cho khuây khoả.

- Anh Nick ạ, anh và em không hiểu biết nhau nhiều, dù chúng mình là anh em họ với nhau. – Daisy đột ngột nói. – Anh đã không đến dự đám cưới của em.

- Lúc đó anh ở mặt trận chưa về.

- Ừ nhỉ. – Nàng ngập ngừng. – Đời em đã có lúc bất hạnh, anh Nick ạ, và bây giờ em oán ghét hết cả.

Tất nhiên Daisy có lí do gì đấy để oán ghét. Tôi chờ nghe tiếp nhưng nàng không nói gì thêm. Một lúc sau, tôi rụt rè trở lại chuyện con gái nàng.

- Anh chắc rằng con bé nói... nó ăn, và đã làm được nhiều trò rồi, em nhỉ.

- À vâng, – Daisy nhìn tôi với vẻ thần thờ, – Anh Nick, em bảo này, em sẽ kể cho anh nghe em đã nói gì sau khi sinh nó. Anh có muốn nghe không?

- Có chứ.

- Chuyện này sẽ cho anh thấy em đã đi đến chỗ nghĩ như thế nào về... cuộc sống. Anh ạ, con bé ra đời chưa được một giờ thì Tom đã đi đâu không biết. Em tỉnh dậy sau khi tan thuốc mê với một cảm giác bơ vơ trợ trợ vô cùng. Em hỏi ngay người nữ y tá xem con trai hay con gái. Chị ta bảo là con gái, thế là em quay mặt đi và khóc. Sau em tự nhủ: “Thôi được, con gái càng hay. Hi vọng lớn lên nó sẽ ngu ngốc. Trên đời này, không có gì tốt cho bằng đối với một đứa con gái – xinh xắn và ngu ngốc”.

Daisy nói tiếp, giọng quả quyết:

- Anh thấy đấy, em nghĩ cuộc đời thật kinh khủng. Mà ai cũng nghĩ như em, cả những người tân tiến nhất. Em biết thế. Em đã đi khắp mọi nơi, đã thấy đủ mọi chuyện và đã làm đủ mọi điều. – Đôi mắt nàng đảo quanh với những ánh thách thức, gần giống Tom, và nàng cười khanh khách với một giọng khinh bỉ xúc động. – Hiện đại, ôi lạy Chúa, em là một con người hiện đại.

Khi tiếng nàng tắt đi, tôi bắt tôi phải chú ý và phải tin lời nàng, tôi đã cảm thấy ngay sự không thành thật cơ bản ở những lời nàng vừa mới nói ra. Nó làm tôi khó chịu, như thể cả buổi tối nay chỉ là một trò đùa nhằm khai thác một xúc cảm ở tôi để góp phần vào trò đùa đó. Tôi chờ đợi, và tôi đã không làm. Chẳng mấy chốc, nàng nhìn tôi với một nụ cười hoàn toàn giả dối trên gương mặt xinh đẹp, khác nào để cho tôi hiểu rằng nàng nằm trong một cái hội kín khá quý phái mà cả nàng lẫn Tom đều là hội viên.

*

* *

Trong nhà, gian phòng màu đỏ thẫm được thấp những chùm đèn toả sáng như những chùm hoa nở rộ. Tom và Baker mỗi người ngồi ở đầu một chiếc đi văng dài. Baker đang đọc tờ “Bưu điện chiều thứ bảy” cho Tom nghe – rì rầm và đều đều, những từ mắc quện vào với nhau thành một giọng làm tâm hồn thư thái. Ánh đèn phản chiếu sáng chói trên đôi ủng của người đàn ông và mờ đục trên mái tóc vàng rực màu lá thu của người phụ nữ, hắt lại đánh loáng một cái trên các trang báo mỗi khi Baker giở sang một trang mới làm cho những bắp thịt thon thon hơi di động trên cánh tay cô.

Thấy chúng tôi vào, Baker giơ tay ra hiệu bảo chúng tôi hãy im lặng một lúc đã.

- Còn nữa, xin xem tiếp phần sau trong số tới, – cuối cùng Baker nói và vút tờ báo lên bàn.

Cô ưỡn thẳng người, rung rung đầu gối rồi đứng dậy.

- Mười giờ, – Baker nói, tưởng đâu như nhìn giờ trên trần nhà. – Đã đến giờ ngủ

đối với một cô gái ngoan.

Daisy giải thích:

- Jordan sẽ đấu giải ngày mai tại Weschester.

- Ồ, cô là *Jordan Baker* à?

Bây giờ tôi đã hiểu tại sao trông cô ta quen thế – vẻ mặt càng càng đáng yêu ấy đã nhìn tôi nhiều lần từ những bức ảnh trên các báo trong mục sinh hoạt thể thao tại Asheville, Hot Springs và Palm Beach. Tôi cũng đã được nghe kể một chuyện về cô ta, một chuyện không hay ho, hàm ý chê bai, nhưng là chuyện gì thì tôi quên mất từ lâu rồi.

- Chúc chị ngủ ngon, – giọng Baker dịu dàng. – Đánh thức em dậy vào lúc tám giờ nhé.

- Nếu em chịu dậy.

- Em sẽ dậy chứ. Ông Carraway, chúc ông ngủ ngon. Mong sớm gặp lại ông.

- Tất nhiên là sẽ gặp lại rồi, – Daisy xác nhận – Quả thực, em đang tính đến chuyện làm mới đây, anh Nick ạ. Anh hãy năng đến đây chơi đi, em sẽ... ồ... em sẽ ghép hai người lại với nhau. Anh hiểu chứ, em sẽ giả vờ vô tình nhốt cả hai người vào trong tủ, cho lên thuyền rồi đẩy ra biển, đại khái như vậy.

- Chúc tất cả ngủ ngon nhé, – Baker từ trên cầu thang nói vọng xuống. – Em không nghe thấy gì cả đâu.

- Một cô bé hay đáo để, – một lúc sau Tom cất lời – Lẽ ra họ không nên để cô ấy đi lảng vảng khắp nơi như thế.

- Họ là ai? – Daisy hỏi, giọng lạnh lùng.

- Gia đình cô ấy.

- Gia đình cô ấy chỉ có một bà cô già đến mười thế kỉ. Vả lại, anh Nick sẽ trông nom cô ấy, có phải không, anh Nick? Mùa hè năm nay, hầu như tất cả các ngày nghỉ cuối tuần Jordan Baker đều sẽ về chơi đây. Em nghĩ không khí gia đình sẽ rất tốt đối với cô ấy.

Daisy và Tom bỗng im lặng nhìn nhau.

- Cô ấy là người New York à? – Tôi vội hỏi.

- Người Louisville. Hai chúng em đã sống tuổi thơ ấu trong trắng bên nhau ở đây. Tuổi thơ ấu trong trắng đẹp để...

- Mình đã huyền thuyên tâm sự với anh Nick ở ngoài hiên rồi phải không? – Tom đột nhiên hỏi.

- Em ấy ư? – Daisy nhìn tôi. – Em không nhớ nổi, nhưng hình như em với anh Nick nói chuyện với nhau về giống người phương Bắc thì phải. Đúng thế. Ngẫu nhiên bập vào chuyện ấy rồi, chưa kịp nhận ra thì...

- Anh không nên nghe gì cũng tin, Nick ạ. – Tom khuyên tôi.

Tôi trả lời nhẹ nhàng là tôi không nghe được một điều gì cả, và mấy phút sau tôi

đứng dậy ra về. Họ tiến tới tận cửa và đứng cạnh nhau trong một khoảng ánh sáng tươi vui. Tôi vừa mới nổ máy chiếc xe của tôi thì Daisy gọi to, giọng như ra lệnh:

- Khoan đã! Em quên chưa hỏi anh cái này, rất quan trọng. Nghe đâu anh đã đính hôn với một cô gái ở miền Tây rồi thì phải.

Tom thân mật phụ họa:

- Đúng. Nghe đâu anh đã đính hôn rồi.

- Người ta bịa đấy. Tôi quá nghèo.

- Nhưng chúng em có nghe thấy thế, – Daisy vẫn một mực khẳng định, lại cười mở như một bông hoa khiến tôi ngạc nhiên. – Có ba người nói, vậy phải là có thật.

Tất nhiên, tôi biết họ ám chỉ đến chuyện gì, nhưng tôi chưa phải đã đính hôn, dù là mập mờ. Có những kẻ mách lẻo đã tung tin đính hôn và đó là một trong những lí do làm tôi phải chuyển đến miền Đông này. Ta không thể ngừng giao du với một người bạn lâu năm chỉ vì có những lời đồn đại, mặt khác tôi không muốn bị đẩy đến chỗ lấy người ấy chỉ vì có những lời xào.

Sự quan tâm của họ làm tôi khá xúc động và làm cho họ bớt xa cách trong cảnh giàu sang của họ. Tuy nhiên, khi lái xe ra về, tôi thấy bản khoăn và hơi ngao ngán. Tôi dường như cảm thấy Daisy lẽ ra phải bế con chạy khỏi cái nhà này, nhưng rõ ràng nàng tuyệt nhiên không có ý định đấy. Còn Tom, việc anh ta “có một người tình ở New York” thực sự không làm tôi ngạc nhiên bằng việc anh ta chán nản sau khi đọc một cuốn sách. Có một cái gì đó làm anh ta phải dớp lấy những tư tưởng cũ rích như thể cái tấm thân ích kỉ lợng của anh không còn nuôi nổi quả tim hồng hách bên trong nó nữa.

Mùa hè đã đến từ lâu trên nóc các quán ăn và trước cửa các hiệu sửa chữa xe cạnh đường với những cột bơm xăng sơn đỏ mới toanh đứng sừng sững trong những vũng ánh sáng. Về đến nhà ở West Egg, tôi cất xe rồi ra sân ngồi một lúc trên một chiếc máy xén cỏ hỏng. Gió lộng, để lại một đêm trăng sáng vàng vạc ồn ào những tiếng chim đập cánh trong các vòm cây và tiếng ì ọp không dứt của lũ ếch nhái trong bụng căng đầy hơi thở của trái đất. Bóng một con mèo ăn đêm chập chờn dưới ánh trăng. Khi ngoái đầu nhìn theo con mèo, tôi nhận ra không phải chỉ có một mình tôi ngồi đây – cách tôi năm mươi bước, từ trong bóng đen của toàn lâu đài cạnh nhà tôi nổi lên một bóng người, hai tay thọc trong túi quần, đang đứng nhìn những vì sao lốm đốm như rác bạc trên bầu trời. Một vẻ gì đó trong dáng điệu ung dung và đôi chân vững chãi đứng trên nền cỏ bảo tôi đó chính là Gatsby: anh ta ra đây xác định xem phần thuộc về mình trong bầu trời địa phương của chúng tôi là bao nhiêu.

Tôi toan gọi anh ta. Baker đã nói đến anh ta trong bữa ăn và đó đủ là một lời

giới thiệu. Nhưng tôi đã không gọi vì Gatsby bỗng có một động tác ngụ ý anh ta muốn được một mình – anh ta giơ tay về phía trước làn nước đen sẫm với một động tác kì quặc và tuy đứng cách xa như vậy, tôi vẫn nhận thấy người anh run run. Bất giác tôi nhìn về phía biển, nhưng không thấy gì ngoài một đốm sáng xanh đơn độc, nhỏ xíu và xa tít, có thể là đầu một bến thuyền. Khi tôi quay lại đưa mắt tìm Gatsby thì anh đã biến mất, và tôi lại ngồi một mình trong bóng tối xôn xao.

Chú thích:

(1) Trường đại học tổng hợp Yale ở bang New Haven (Những chú thích trong sách là của người dịch).

(2) Các nhân vật nổi tiếng giàu có trong huyền thoại (Midas), trong lịch sử (Maecenas) và trong xã hội đương thời ở Mỹ (Morgan).

Chương II

Giữa đoạn đường từ West Egg đi New York, đường xe hơi bỗng rú lại với đường sắt, chạy sát cạnh nó một phần tư dặm như muốn lẩn tránh một vùng đất thê lương. Cả một vùng thung lũng này bị chìm ngập dưới một lớp bụi dày xám như tro, trông chẳng khác nào một trang trại quái đản, nơi tro mọc lên như lúa mì, thành gò, thành đống, thành những vườn tược kì quái, nơi tro mang hình những ngôi nhà, những ống khói lò sưởi và cả làn khói toả ra từ những ống khói ấy, và cuối cùng với một cổ gẳng vượt bậc, nó mang hình những con người xám ngoét lơ mờ di động hoặc chỉ chực khuyu ngã trong một bầu không khí mù mịt. Thỉnh thoảng, một đoàn tàu với những toa xe xám xịt trườn trên một con đường vô hình, phát ra một tiếng rít rùng rợn rồi dừng lại. Ngay lập tức, những con người xám ngoét kia tay cầm những chiếc xẻng chì bầu đến hung nhúc như đàn kiến và làm bốc lên một đám mây dày đặc che kín các hoạt động mờ ám của họ.

Nhưng bên trên mảnh đất xám nhờ nhờ và những đám bụi bác thếch lênh bênh trôi đi không dứt trên mặt đất ấy, nếu định thần nhìn một lúc, ta sẽ nhận ra hai con mắt của bác sĩ T. J. Eckleburg. Đó là một cặp mắt xanh lơ khổng lồ, con người cao đến một mét. Hai con mắt của bác sĩ T. J. Eckleburg không nằm trên một bộ mặt nào cả, mà chúng nhìn mọi người qua một cặp kính vàng kéch sù đặt trên mỗi cái mũi khuyết. Hẳn là hai con mắt ấy đã được một ông lang mắt thích đùa nào đó đặt ở đây để quảng cáo cho phòng chữa bệnh của ông ta ở quận Queens, nhưng sau đó ông bác sĩ Eckleburg đã rơi vào cảnh mù loà vĩnh viễn hay đã bỏ quên cặp mắt ấy và chuyển đi nơi khác rồi. Nhưng hai con mắt ông, đã bị phai nhạt đôi chút vì dải dầu mưa nắng và lâu ngày không được một

nước sơn, vẫn dăm chiêu nhìn xuống bãi đổ tro hoả táng mệnh mông này. Ở về một mé thung lũng tro có một mặt sông ngàu bản. Khi chiếc cầu cát bắt qua sông được nâng lên để thuyền bè qua lại, hành khách đi trên các đoàn tàu đổ bên sông chờ qua cầu có thể ngắm cảnh vật sầu thảm này tới chừng nửa giờ. Tàu hoả bao giờ cũng đỗ lại ở đây ít nhất một phút, và chính trong dịp đó, tôi đã gặp người tình của Tom Buchanan lần đầu tiên. Ở đây Tom có người quen là ở đó người ta kháo nhau về chuyện người tình của Tom. Bạn bè anh rất khó chịu thấy anh dẫn tình nhân đến các quán ăn đông khách rồi để mặc ả ngồi một chỗ, ra chuyện trò với bất cứ người quen nào. Tuy tò mò muốn biết mặt ả nhưng tôi tuyệt nhiên không có ý muốn gặp, thế mà rút cuộc vẫn gặp. Buổi chiều hôm ấy, tôi đáp tàu đi New York cùng với Tom. Khi tàu đỗ lại cạnh mấy gò bụi tro, Tom đứng dậy, nắm lấy khuỷu tay tôi, ép tôi xuống tàu. Anh nặng nề đòi:

- Xuống thôi. Tôi muốn anh gặp bà bạn gái của tôi.

Tôi chắc Tom đã uống khá nhiều rượu trong bữa trưa vì anh ép buộc tôi với vẻ gần như hung bạo. Hẳn anh ta hẹn hĩnh cho rằng không có việc nào khác đáng làm hơn đối với tôi trong một buổi chiều chủ nhật.

Tôi theo chân Tom bước qua một cái hàng rào thấp quét vôi trắng chạy dọc theo đường sắt rồi đi ngược con đường cái dưới cặp mắt nhìn chăm chăm của bác sĩ Eckleburg. Nhìn khắp vùng chỉ thấy có mỗi một dãy nhà nhỏ xây bằng gạch vàng nằm sát rìa vùng đất hoang, nó như một “Phố chính” thu nhỏ của một tỉnh lỵ ở liền ngay cạnh cõi hư không. Dãy nhà có ba cửa hiệu, một hiệu đề bảng cho thuê, một hiệu là một quán ăn mở cửa suốt đêm có một con đường mòn bụi làm dẫn đến. Cửa hiệu thứ ba là hiệu sửa chữa xe hơi, biển đề: “Sửa chữa – GEORGE B.WILSON – Mua bán xe hơi”. Tôi theo Tom vào trong hiệu.

Trong nhà nghèo nàn và xơ xác, chỉ thấy có mỗi một chiếc xe Ford đã nát hết cả, bụi phủ dày, nằm bẹp ở một góc nhà tối tăm. Tôi đang nghĩ thầm rằng cái cửa hiệu không ra hồn cửa hiệu này chắc chỉ là một cái màn che đậy bên ngoài, còn những gian phòng lộng lẫy và thơ mộng chắc được giấu kín đáo ở tầng trên thì đích thân người chủ hiệu xuất hiện ở khung cửa một phòng giấy, chùi tay vào một mảnh giẻ. Đó là một người đàn ông nhu nhược, nước da xanh rớt, tóc vàng và có đôi ba nét điển trai. Thấy chúng tôi, một ánh hi vọng ảm ướm loé lên trong đôi mắt xanh nhạt của ông ta.

Tom vui vẻ vỗ vỗ vai người chủ hiệu:

- Thế nào, ông bạn Wilson, làm ăn ra sao?

- Không có gì phải phàn nàn, – Wilson đáp nhưng giọng nói không có lấy một chút tự tin. – Bao giờ ông mới để lại cho tôi chiếc xe ấy?

- Tuần sau. Tôi đang cho sửa.

- Sửa chậm quá, ông ạ.

- Không chậm đâu, – giọng Tom lạnh lùng. – Mà nếu ông thấy chậm, để tôi bán cho người khác vậy.

- Tôi không có ý nói thế, – Wilson vội giải thích, – tôi chỉ muốn nói là...

Giọng ông ta nhỏ dần đi, còn Tom thì đảo mắt nhìn vào phía trong, vẻ nóng ruột. Sau đó tôi nghe thấy tiếng chân bước xuống cầu thang, và một lúc sau một người phụ nữ dáng hơi đầy che khuất ánh sáng hắt từ phòng giấy ra. Bà ta trạc ba mươi năm tuổi, hơi béo, nhưng mũm mĩm đa tình như thường thấy ở một số phụ nữ. Bà ta mặc một chiếc áo kếp màu xanh thẫm chấm hoa, khuôn mặt tuyệt nhiên không có nét gì gọi là đẹp, nhưng có thể nhận ra ngay sức sống hùng hực ở người bà ta, nó như làm cho các dây thần kinh trong người bà ta lúc nào cũng nóng rực. Bà ta mỉm miệng cười từ tốn, đi ngang qua mặt chồng tưởng đâu đó chỉ là một cái bóng rồi đến bắt tay Tom. Sau đó bà ta liếm môi, và không quay mặt lại, bảo chồng bằng một giọng ẻo ọt thô lỗ:

- Lấy cho mấy cái ghế nào, để ngồi chứ.

- Có ngay, có ngay, – Wilson vội vã nghe lời. Ông ta đi về phía phòng giấy nhỏ và tan biến ngay vào với màu tường xi măng. Một lớp bụi tro mốc thếch phủ lên bộ quần áo sẫm và mớ tóc nhạt của ông ta như nó phủ lên tất cả mọi thứ ở đây, chỉ trừ có vợ của ông. Bà vợ tiến sát lại người Tom.

- Anh muốn gặp em, – Tom nói như ra lệnh. – Em đi ngay chuyến tàu tới nhé.

- Vâng.

- Anh sẽ chờ bên quầy báo ở tầng dưới nhà ga.

Bà ta gật đầu và nhích ra xa vừa lúc George Wilson ở phòng giấy bước ra với hai cái ghế.

Chúng tôi đợi bà ta ngoài đường, ở một chỗ khuất. Mấy hôm nữa là đến ngày Quốc khánh mừng Bốn tháng Bảy, một đứa trẻ con Ý khảng khiu, da tái mét, đang đi treo một dây pháo dọc đường sắt.

- Chỗ này khiếp nhỉ! – Tom cau mày nhìn bác sĩ Eckleburg.

- Kinh khủng.

- Được sống đi là tốt cho mục đấy.

- Chồng bà ta không có ý kiến gì à?

- Wilson ấy à? Hắn tưởng vợ đi thăm em gái ở New York. Hắn đàn độn đến nỗi không nhận ra mình tồn tại ở trên đời nữa.

Thế là tôi và Tom Buchanan với người tình của anh cùng đi tàu lên New York – nói cho đúng hơn thì không hẳn đi cùng vì bà vợ Wilson kín đáo ngồi riêng ở một toa khác. Tom đã chịu chiếu cố đến ý kiến của những người dân East Egg có thể đi cùng chuyến tàu.

Bà ta đã thay áo, mặc một chiếc áo mút-xơ-lin hoa nâu. Chiếc áo căng trên cặp mông khá đồ sộ khi Tom đỡ bà ta xuống sân ga New York. Tại quầy báo, bà ta

mua một tờ “Chuyện đô thành” và một tờ tạp chí điện ảnh rồi vào cửa hàng tạp phẩm ở nhà ga mua một hộp kem thoa mặt và một lọ nước hoa nhỏ. Ra ngoài ga, bà ta chèo bốn chiếc taxi, đến chiếc thứ năm mới ửng. Chiếc xe sơn màu sim, ghế đệm màu xám nhạt, đưa chúng tôi ra khỏi khu nhà ga về phía ánh nắng chói chang. Nhưng xe vừa mới lăn bánh bà ta đã nhào người lên, đập tay vào tấm kính chắn đường trước, giọng hối hả:

- Em muốn mua một con trong bày chó kia. Em muốn nuôi một con. Có một con chó trong nhà thật là tuyệt.

Xe lùi lại và dừng bánh trước mặt một ông già tóc bạc phơ, trông giống John D. Rockefeller (1) đến kì cục. Trong cái giỏ treo trước ngực ông cụ lúc nhúc khoảng một chục con chó con vừa mới đẻ, không rõ thuộc giống nào.

- Giống chó nào đấy? – Bà vợ Wilson hăm hở hỏi khi cụ già bán chó đến cạnh cửa xe.

- Đủ mọi giống. Quý bà thích giống nào?

- Tôi muốn mua một con béc-giê. Chắc cụ không có?

Ông cụ nhìn vào trong giỏ với con mắt ngờ vực, thọc tay vào trong nắm gáy lôi ra một con chân đạp giầy giụa.

- Không phải là chó béc-giê. – Tom nói.

- Dạ, đúng vậy, nó không phải là giống béc-giê, – ông cụ nói với giọng thất vọng. – Nó thuộc giống Airedale nhiều hơn, – Ông cụ đưa bàn tay vuốt lưng con vật trông giống như một tấm khăn mặt nâu, – Quý ngài nhìn lông nó đây này. Lông thế mới là lông chứ! Giống chó này không bao giờ bị cảm lạnh để làm quý ngài phải vất vả vì nó.

Bà vợ Wilson hào hứng:

- Nó trông dễ thương đấy chứ. Giá bao nhiêu hả cụ?

- Con này ấy à? – Ông cụ nhìn con chó với con mắt cảm phục. – Con này, xin bà trả cho mười đôla.

Con vật đổi chủ và cuộn mình nằm gọn trong lòng bà vợ Wilson. Tổ tiên hoặc họ hàng nhà nó thế nào cũng có con thuộc giống Airedale, tuy chân nó trắng đến lạ. Bà vợ Wilson sung sướng vuốt ve bộ lông, chiếc áo khoác ngoài chống mọi thời tiết của con chó. Bà ta hỏi ra chiều tế nhị:

- Nó là trai hay gái đấy?

- Con chó này ấy à? À, nó là trai.

- Nó là một con chó cái, – giọng Tom dứt khoát. – Đây, tiền trả cho cụ đây, cầm lấy mà đi mua mười con khác.

Xe chúng tôi chạy bon bon về phía đại lộ Năm, ấm áp và êm dịu, gần như một nơi thôn dã trong buổi chiều chủ nhật mùa hè này. Chắc tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy một bày cừu trắng hiện ra ở góc phố.

- Đổ lại một tí, – tôi nói. – Tôi xin phép chia tay ở đây.

- Không được, – Tom vội ngắt lời tôi. – Anh không lại chơi chỗ chúng tôi thì Myrtle sẽ méch lòng lắm đấy. Có đúng không, Myrtle?

- Ông quá bộ đến chơi chỗ chúng tôi đi. – Myrtle Wilson khấn nài. – Tôi sẽ gọi đây nói cho Catherine, cô em gái tôi, bảo nó đến nữa. Nó được những người thuộc giới sành sỏi đánh giá là rất đẹp.

- Thôi được, tôi xin đến, nhưng...

Chúng tôi đi tiếp, lại xuyên qua Công viên về khu Tây. Đến phố 158, chiếc xe dừng lại trước một dãy nhà nằm giữa những dãy nhà khác giống hệt nhau khiến nó trông như một khoanh bánh cắt ra từ một chiếc bánh trắng dài. Nhìn xung quanh với con mắt của một bà hoàng khi trở lại vương quốc mình, bà vợ Wilson ôm lấy con chó và mấy thứ đồ vừa mới mua, vênh váo bước vào nhà.

- Tôi sẽ cho gọi vợ chồng McKee lên, – bà Wilson nói trong lúc chúng tôi đi cầu thang máy. – Và tất nhiên phải gọi đây nói cho cả cô em tôi nữa.

Căn hộ nhỏ nằm ở tầng trên cùng, gồm một phòng khách nhỏ, một phòng ăn nhỏ, một phòng ngủ nhỏ và một buồng tắm. Trong phòng khách, một bộ xa-lông bọc đệm quá to so với nó được kê choán đến tận cửa thành ra đi lại trong phòng cứ luôn luôn vấp phải những cảnh phụ nữ đứng đưa trên những cái đu trong khu vườn Versailles. Trên tường treo có mỗi một bức ảnh phóng to quá cỡ, trông như ảnh một con gà mái đậu trên một tảng đá mờ mờ. Nếu lùi được ra xe nhìn thì mới thấy con gà mái trở thành một cái mũ, và tảng đá là khuôn mặt một bà già béo phì, toét miệng cười nhìn xuống gian phòng. Nhiều số báo “Chuyện đô thành” cũ nằm ngổn ngang trên bàn cùng với một cuốn “Simon gọi Peter” và một vài tạp chí khổ nhỏ ở Broadway chuyên đăng những chuyện tai tiếng. Bà Wilson trước hết lo đến con chó của mình. Thằng nhỏ trông thang máy lâu bầu đi kiếm một cái hộp đựng đầy rơm, một ít sữa, và tự nó đem về thêm một hộp bánh bích quy, loại bánh cho chó ăn, to tướng và cứng như đá. Một chiếc bánh nằm lờ đờ chờ cho tan suốt cả buổi chiều trong đĩa sữa. Trong khi đó Tom mở khóa lấy ở một ngăn kéo bàn giấy ra một chai whisky.

Cả đời, tôi chỉ bị say có hai lần, lần thứ hai là vào chiều hôm ấy. Vì thế mọi chuyện diễn ra ở đây, tôi thấy lờ mờ như được phủ một làn sương mù, tuy rằng cho đến tận quá tám giờ tối gian phòng vẫn còn chói chang ánh nắng. Ngồi trên lòng Tom, bà Wilson gọi điện thoại cho nhiều người. Sau đó hết thuốc lá, tôi xuống nhà đi mua tại hiệu thuốc ở góc phố. Khi tôi trở lại, họ đã biến đi đâu cả đôi. Tôi kín đáo ngồi ở phòng khách, đọc một chương trong cuốn “Simon gọi Peter”. Không biết văn chương trong cuốn sách này viết lộn xộn thế nào hay rượu whisky làm méo mó hết mọi sự, mà tôi đọc chẳng hiểu một chữ nào hết.

Đúng lúc Tom và Myrtle trở lại (sau cốc rượu đầu, bà vợ Wilson và tôi thân mật

gọi nhau bằng tên riêng) thì khách khứa vừa vặn kéo đến ngoài cửa.

Cô em, Catherine, là một cô gái khoảng ba mươi tuổi, người dong dỏng, vẻ dạn dĩ, mái tóc hung cắt ngắn cuộn lại thành búp dày và chắc, da đánh phấn màu trắng ngà. Lông mày được tỉa đi rồi kẻ lại thành một đường gọn hơn, nhưng cố gắng của tự nhiên để khôi phục lại đường vạch cũ đem lại một vẻ chao mờ trên nét mặt cô. Mỗi bước cô ta đi là vang lên không ngớt những tiếng kêu lách cách của không biết bao nhiêu vòng tay bằng đất nung xô đi xô lại trên cánh tay cô. Catherine đi đứng với vẻ vội vã tự nhiên của người chủ nhà và nhìn các đồ đạc trong phòng với con mắt bà chủ, khiến tôi không biết có phải cô sống ở đây hay không. Nhưng khi tôi hỏi thì cô cười khảnh khách mãi, nhắc lại to câu hỏi của tôi và trả lời là cô sống với một người bạn gái ở khách sạn.

Ông McKee ở phòng dưới là một người ẻo lả, nước da tai tái. Ông ta vừa mới cạo mặt xong vì trên mặt còn sót lại một vệt bọt xà phòng trắng. Ông chào từng người trong phòng một cách rất cung kính. Ông cho tôi biết ông làm “công tác nghệ thuật”, sau đó tôi hiểu ra ông làm nghề thợ ảnh và là tác giả của bức ảnh mờ mờ ảo ảo chụp bà mẹ Myrtle Wilson đang tồn tại như một cái bóng phảng phất trên tường. Vợ ông là một người đàn bà the thé, uể oải, đờm dáng và kinh tởm. Bà ta kiêu hãnh kể với tôi chồng bà đã chụp ảnh bà một trăm hai mươi bảy lần kể từ ngày lấy nhau.

Myrtle Wilson đã thay quần áo. Bây giờ bà ta mặc một kiểu áo rất cầu kì may bằng một thứ sa màu kem kêu sột soạt mỗi khi bà ta lướt thướt chiếc áo đi lại trong phòng. Chịu ảnh hưởng của chiếc áo, cá tính Myrtle cũng đã thay đổi. Sức sống hưng hực lồ lộ lúc ở hiệu sửa chữa ô tô đã chuyển thành một vẻ kênh kiệu rõ rệt. Giọng cười, cử chỉ, lời ăn tiếng nói của Myrtle mỗi lúc một vênh váo hơn và con người bà ta càng nở to ra thì gian phòng càng co nhỏ lại xung quanh bà ta cho đến khi dường như bà ta quay xung quanh một cái trục kêu kẽo kẹt om sòm trong bầu không khí mù mịt khói.

Myrtle Wilson kể với cô em gái, giọng the thé, kiểu cách:

- Cô này, bọn chúng nó hầu như đưa nào cũng chỉ muốn lừa bịp mình. Chúng nó chỉ nghĩ đến tiền. Tuần trước, tôi có nhờ một con mẹ đến đây xem cái chân của tôi, khi nó đưa giấy tính tiền, tưởng đâu nó đã cắt ruột thừa cho tôi không bằng.

Bà McKee hỏi:

- Con mẹ ấy tên là gì?

- Tên nó là Eberhardt. Nó đi các nhà khám chân cho mọi người.

- Tôi thích cái áo của chị lắm, – bà McKee nhận xét. – Trông nó đẹp ghê.

Myrtle Wilson khinh khỉnh rướn hai hàng lông mày, bác bỏ lời khen:

- Cũ rích rồi. Chỉ khi nào không thiết để ý đến xống áo, tôi mới mặc đến nó.

- Nhưng chị mặc trông có dáng lắm, tôi nói thực đấy. Chester mà vợ được chị

trong chiếc áo này, tôi chắc anh ấy sẽ sáng tác được một cái gì đó ra trò. Tất cả chúng tôi yên lặng nhìn bà Wilson. Bà ta vén một món tóc rủ xuống mắt, ngoái cổ lại đằng sau nhìn chúng tôi với một nụ cười rục rỡ. Ông McKee ngoẹo đầu sang một bên chăm chăm nhìn bà ta rồi chăm chậm đưa đi đưa lại bàn tay trước mặt mình một lúc:

- Tôi phải đổi ánh sáng. Tôi muốn làm nổi hình khối của nét mặt và sẽ cố ghi lại tất cả mái tóc phía sau.

McKee vợ vội kêu lên:

- Ấy chớ! Đừng đụng đến ánh sáng. Tôi thấy...

McKee chòng “suyt” một cái và tất cả chúng tôi lại nhìn vào nhân vật. Vừa vặn lúc đó, Tom ngáp to thành tiếng, đứng dậy bảo:

- Ông bà McKee uống một chút gì chứ? Myrtle, em cho đem thêm đá lên, cả nước suối nữa, kéo mọi người díp mắt cả bây giờ.

- Em đã bảo thằng nhỏ đi lấy đá rồi đấy, – Myrtle lại rướn hai hàng lông mày, tỏ ra bực tức với thói lười nhác của hạng người hèn hạ, – Bọn này cứ phải ộp chúng suốt mới được việc.

Bà ta nhìn tôi và cười vô cớ. Rồi bà ta sà xuống ôm con chó, say sưa hôn hít nó, đoạn lướt thướt kéo lê chiếc áo vào gian bếp như thể trong đó có một chục đầu bếp đang đứng chờ lệnh.

Ông McKee khoe:

- Tôi đã đem về được vài bức kha khá ở Long Island đấy.

Tom ngây người nhìn ông ta.

- Có hai bức chúng tôi đã đóng khung ở dưới nhà.

- Hai bức gì? – Tom hỏi.

- À, hai bức ảnh khảo cứu ấy mà. Một bức tôi đặt tên là “Mũi Montauk – Chim hải âu”. Bức kia tôi đặt tên là “Mũi Montauk – Biển”.

Cô Catherine ngồi xuống cạnh tôi trên chiếc đi-văng, hỏi chuyện:

- Ông cũng ở Long Island à?

- Tôi ở West Egg.

- West Egg à? Tôi đã đến đấy dự dạ hội cách đây một tháng. Tại nhà một người tên là Gatsby. Ông có biết ông ấy không?

- Tôi ở ngay cạnh nhà ông ấy.

- Này ông, nghe đâu người ta bảo rằng ông ấy là cháu hay anh em họ gì đó của Hoàng đế Áo Wilhelm. Tiền của ông ta ở đó mà ra cả.

- Thực à?

Cô ta gật đầu:

- Tôi đâm sợ ông ấy. Chẳng dám để ông ấy dính dáng gì đến mình.

Những lời mách bảo lí thú này về người láng giềng của tôi bị gián đoạn vì McKee

vợ bất thần chỉ tay vào Catherine.

- Chester ơi, tôi thấy mình có thể sáng tác được một cái gì đó với cô ấy. – Bà ta the thé, nhưng McKee chồng chỉ gật đầu cho qua chuyện rồi lại quay sang Tom:

- Tôi mong được ai giới thiệu để có dịp sáng tác thêm nữa ở Long Island. Chỉ cần có ai giúp tôi buổi đầu thôi.

- Nhờ Myrtle ấy, – Tom cười phì một tiếng khi bà vợ Wilson bê khay vào. – Cô ấy sẽ viết cho ông một cái thư giới thiệu, phải không Myrtle?

- Cái gì? – Bà ta ngơ ngác.

- Em viết thư giới thiệu McKee với ông chồng em để ông ta chụp vài bức ảnh khảo cứu về chồng em. – Mối Tom máy máy trong khi anh tìm chữ. – “George Wilson tại trạm bơm xăng” hay một cái gì đại loại như thế.

Catherine ngả người sát tôi, thì thầm vào tai tôi:

- Cả hai người đều không chịu nổi kẻ mà họ đã lấy làm vợ làm chồng.

- Thật không?

- Không chịu đựng được nhau mà, – cô nhìn Myrtle rồi nhìn sang Tom. – Tôi thì tôi cho rằng việc gì phải sống với nhau khi đã không chịu đựng được nhau? Ở vào địa vị họ thì tôi xin li dị quách cho xong, rồi hai bên lấy nhau.

- Thế bà chị cô cũng không ưa chồng à?

Câu trả lời thật bất ngờ. Nghe lỏm được câu hỏi, Myrtle đáp lại bằng những lời thô bạo và tục tĩu.

- Ông thấy chưa, – Catherine đắc thắng reo lên. Sau cô lại hạ giọng. – Thực ra, chính bà vợ đàng anh ấy làm cách trở hai bên. Bà ấy theo đạo Thiên chúa mà người Thiên chúa giáo thì không được phép li dị.

Daisy không phải là người Thiên chúa giáo. Tôi hơi khó chịu trước lối bịa đặt dựng đứng ấy. Catherine nói tiếp:

- Khi nào hai người lấy được nhau, họ sẽ về sống ở miền Tây cho đến khi chuyện này qua đi.

- Sang châu Âu thì kín đáo hơn.

- Ôi chao ông thích châu Âu hả, – cô ta reo lên kinh ngạc. – Tôi vừa mới ở Monte Carlo về.

- Thế à.

- Vừa mới về năm ngoái. Tôi đi cùng với một cô bạn sang đó.

- Cô ở đấy có lâu không?

- Không, chỉ đến Monte Carlo rồi về ngay. Bọn tôi đi qua đường Marseille. Khi đi, chúng tôi đem theo hơn một nghìn hai trăm đôla, nhưng chúng tôi bị moi hết sạch tại các phòng riêng. Phải nói với ông là chúng tôi bị một mẻ lao đao mới về được. Lạy Chúa, sao mà tôi ghét cái thành phố ấy đến thế.

Bầu trời lúc ráng chiều hoe lên giây lát qua khung cửa sổ như màu mật ong

biêng biếc xanh của Địa Trung Hải, rồi giọng nói của McKee vợ kéo tôi trở lại gian phòng.

- Suýt nữa thì tôi cũng phạm sai lầm, – giọng bà ta sôi nổi. – Tẹo tèo teo nữa thì tôi phải lấy một đũa không ra gì, hấn cứ theo đuổi tôi suốt bao nhiêu năm trời. Tôi biết hấn là kẻ hèn kém so với tôi. Mọi người không ngớt lời bảo tôi: “Lucille, gã ấy không xứng với cô đâu”. Nhưng nếu tôi không gặp Chester thì thế nào hấn cũng chiếm được tôi.

- Đúng rồi, nhưng tôi bảo này, – Myrtle Wilson gật gù. – Ít ra chị đã không lấy hấn.

- Thì đã hấn.

- Còn tôi, tôi đã lấy hấn, – Myrtle nói, giọng mập mờ. – Và đó là chỗ khác nhau giữa trường hợp tôi và trường hợp chị.

Catherine hỏi:

- Chị Myrtle, vì có gì mà chị lấy? Có ai bắt chị lấy đâu?

Myrtle suy nghĩ một lúc, sau cùng nói:

- Tôi lấy hấn vì tưởng hấn là người lịch sự. Tôi tưởng hấn cũng thuộc loại con nhà này nọ, chứ biết đâu hấn liếm gót giày tôi không đáng.

- Chẳng có một thời chị yêu hấn như điên là gì. – Catherine nói.

- Yêu hấn như điên! – Myrtle kêu lên, vẻ không tin. – Ai bảo là tôi yêu hấn như điên. Đối với hấn, tôi chẳng bao giờ yêu hơn yêu... cái người này.

Bà ta bỗng nhiên trở vào tôi và mọi người nhìn tôi với con mắt chê trách. Tôi cố thể hiện qua nét mặt là tôi không mong chờ một tình cảm nào cả ở bà ta.

- Điên gì? Tôi chỉ có điên lúc tôi lấy hấn thôi. Lấy xong tôi biết ngay là mình nhầm. Hấn đã mượn ở đâu một bộ đồ keng để mặc hôm cưới, thế mà hấn chẳng bảo tôi lấy một câu. Người chủ bộ đồ đến đòi đúng vào hôm hấn vắng nhà. Tôi nói: “Ô, thế bộ quần áo là của ông sao? Tôi chưa được nghe nói bao giờ cả”. Nhưng tôi trả nó cho ông ta rồi lăn ra giường khóc hết nước mắt suốt buổi chiều.

Catherine lại quay sang nói với tôi:

- Đúng là chị ấy phải chia tay với hấn thôi. Họ đã sống trên nóc cái gara ấy suốt mười một năm trời, và anh Tom là người tình đầu tiên của chị ấy từ trước đến nay.

Chai whisky – chai thứ hai – bây giờ liên tục chuyển từ tay người nọ sang tay người kia, chỉ trừ có Catherine. Cô này bảo rằng “chẳng cần gì cũng vui rồi”. Tom bấm chuông gọi người gác cổng lên sai đi mua bánh mì kẹp thịt, loại bánh được quảng cáo rất nhiều, tự nó cũng đủ thay cho một bữa ăn đầy đủ. Tôi muốn bỏ ra về để có thể dạo bước về mạn công viên ở phía đông trong ánh hoàng hôn êm dịu, nhưng mỗi lần tôi định đi thì lại bị mắc vào một vấn đề tranh cãi gay

gắt, nó như những sợi dây kéo giật tôi trở lại chiếc ghế đang ngồi. Tuy nhiên, dây cửa sổ với ánh đèn vàng của mấy gian buồng chúng tôi ở trên cao hẳn cũng chứa đựng một phần bí mật của nhân loại đối với con mắt của người khách tình cờ đi qua dưới đường phố đang tối dần. Tôi thấy được cả người khách đó đang ngược mắt nhìn lên dò hỏi. Tôi như vừa ở bên trong vừa ở bên ngoài, vừa ngỡ ngàng sung sướng, vừa ngán ngẩm trước vẻ đa dạng không cùng của cuộc sống.

Myrtle kéo ghế lại sát cạnh tôi và đột nhiên hơi thở nóng hổi của bà ta phả sang tôi câu chuyện về cuộc gặp gỡ đầu tiên giữa bà ta với Tom.

- Trên tàu, những chỗ trống cuối cùng bao giờ cũng là hai chỗ ngồi đối diện nhau. Hôm ấy tôi đi New York thăm em gái tôi, định ngủ lại đêm với nó. Anh ấy mặc com-lê, đi giày da bóng. Tôi không bứt nổi con mắt khỏi anh ấy, nhưng mỗi lần anh ấy nhìn tôi thì tôi lại giả vờ nhìn tờ quảng cáo ở phía trên đầu anh ấy. Khi xuống ga, anh ấy đi cạnh tôi, ngực áo sơ mi trắng của anh ấy ép sát vào cánh tay tôi. Thấy thế tôi dọa gọi cảnh sát nhưng anh ấy biết là tôi không dám. Tôi bối rối đến nỗi khi bước lên taxi cùng với anh ấy, tôi hầu như không nhận ra là không phải mình lên xe điện ngầm. Lúc nào tôi cũng chỉ nghĩ: "Đời người là mấy, đời người là mấy".

Myrtle quay sang bà McKee và gian phòng vang đầy tiếng cười giả tạo của bà ta.

- Chị McKee thân mến, tôi sẽ biếu chị chiếc áo này khi tôi không dùng đến nó nữa. Ngày mai, tôi phải mua một chiếc khác. Tôi phải kê thành một bản những thứ cần phải mua. Một máy xoa bóp này, một máy uốn tóc này, một cái vòng cổ cho con chó, một đĩa gạt tàn nho nhỏ xinh xinh có nút bấm bật lò xo và một vòng hoa có dải băng đen để đặt lên mộ mẹ tôi suốt mùa hè. Tôi phải kê ra thành một bảng để khỏi quên tất cả những gì cần mua.

Đã chín giờ tối – hầu như ngay sau đó tôi xem đồng hồ và thấy đã mười giờ rồi. Ông McKee đã ngủ thiếp trong một chiếc ghế bành, hai bàn tay nắm chặt đặt trên bụng y như bức ảnh chụp một con người năng động. Tôi rút mùi soa lau vết bọt xà phòng trên má ông, nó đã làm tôi bứt rứt suốt cả buổi chiều.

Con chó nhỏ ngồi trên mặt bàn, đôi mắt nhắm tịt nhìn qua làn khói, thỉnh thoảng rên rỉ yếu ớt. Những bóng người biến đi rồi lại hiện ra, bàn bạc với nhau đi đâu đó rồi lạc mắt nhau, tìm kiếm nhau và gặp lại nhau cách đó vài ba bước. Khoảng gần nửa đêm, Tom Buchanan và bà Wilson đứng đối diện với nhau, tranh cãi gay gắt xem bà Wilson có quyền gọi tên Daisy không.

- Daisy! Daisy! Daisy! – Myrtle Wilson hét lên – Tôi mà đã muốn nói thì tôi cứ nói! Daisy! Dai...

Bằng một động tác gọn và chính xác, Tom Buchanan xoè tay đánh chảy máu mũi

người tình của mình.

Sau đó là những chiếc khăn mặt thấm máu vớt trên sàn buồng tắm, những tiếng phụ nữ rầy la, và vượt lên trên những âm thanh hỗn độn là một tiếng kêu rên đau đớn dài, đứt quãng. Ông McKee đang ngủ gà ngủ gật giật mình tỉnh dậy, quáng mắt bước về phía cửa. Đi được nửa chừng, ông ngoái cổ lại nhìn cảnh tượng: vợ ông và Catherine, tay cầm đồ cứu thương, hét va chỗ này lại vấp chỗ kia giữa những đồ đạc ngổn ngang, miệng vừa rầy la vừa an ủi, và hình người tuyệt vọng nằm trên đi văng, máu chảy ròng ròng, đang cố rải một tờ báo “Chuyện đô thành” lên những cảnh vườn Versailles trên tấm thảm. Vội lấy chiếc mũ móc trên đế đèn treo, tôi bước theo ông ta.

Trong buồng thang máy đang cọt kẹt hạ xuống, ông ta bảo tôi:

- Hôm nào mời ông đến ăn trưa.

- Đến đâu?

- Đâu cũng được.

- Nhấc tay ra khỏi cần máy, ông kia. – Người coi thang máy quát.

- Xin lỗi, – ông McKee đàng hoàng đáp lại. – Tôi không để ý là tay tôi sờ phải nó.

- Được thôi, – tôi nhận lời. – Tôi sẵn lòng.

...Tôi đứng cạnh giường ông ta, còn ông ta thì đang ngồi giữa đống khăn trải giường, người mặc quần áo lót, tay cầm một cái cặp giấy to tướng.

- “Người đẹp và Con thú”... “Cô đơn”... “Con ngựa kéo già”... “Cầu Brooklyn”...

Sau đó tôi nằm thiu thiu ngủ ở tầng dưới lạnh giá của nhà ga Pennsylvania, nhìn chăm chăm vào tờ Tribune buổi sáng, chờ chuyến tàu bốn giờ.

Chú thích:

(1) Nhà đại tư bản Mỹ, vua dầu lửa.

Chương III

Bên nhà người láng giềng của tôi, tiếng nhạc réo rắt suốt các đêm hè. Trong khu vườn màu thiên thanh của Gatsby, đàn ông đàn bà nườm nượp người đến kẻ đi như những con bướm đêm giữa những tiếng thì thào, giữa rượu sâm banh và các vì sao. Chiều chiều, những hôm nước triều lên, tôi đứng ngắm đám khách của Gatsby đùa giỡn với sóng biển hoặc tắm nắng trên bãi cát nóng thuộc khu vực nhà anh, trong khi hai xuống máy rẽ nước trên mặt vịnh kéo những tấm ván lướt nặng qua những xoáy nước sủi bọt. Vào những ngày nghỉ cuối tuần, chiếc xe Rolls Royce lộng lẫy của Gatsby biến thành một chiếc xe buýt con đưa đón khách khứa đi về giữa thành phố và toà biệt thự suốt từ chín giờ sáng đến tận quá nửa đêm, trong khi chiếc xe du lịch có khoang chở hàng rộng đằng sau của anh vụt đi vụt lại loang loáng như một con ong vàng choé ra ga đón tất cả các

chuyến tàu. Thứ hai hàng tuần, tám gia nhân cộng thêm một người thợ làm vườn phụ vất vả cả ngày với nạo cỏ và bàn chải, nạo kim, búa và dao xén cây, sửa chữa những chỗ bị tàn phá hư hại trong đêm trước.

Tuần nào cũng vậy, cứ đến thứ sáu, một cửa hàng rau quả ở New York gửi đến năm hòm cam và chanh, và tuần nào cũng vậy, cứ đến thứ hai thì chỗ cam, chanh ấy, bị bổ làm đôi và moi hết ruột, chất thành từng đồng có ngọn đi ra bằng cửa sau. Ở nhà bếp có một cái máy trong nửa giờ có thể vắt được hai trăm quả chanh nếu được ngón tay cái của một gia nhân ấn hai trăm lần lên một cái nút nhỏ.

Ít nhất nửa tháng một lần, một toán thợ trang trí đem đến vài trăm mét vải và đủ đèn màu để biến cả khu vườn bát ngát của Gatsby thành một cây thông Noel. Trên các bàn ăn lấp lánh các món khai vị là những khúc giăm-bông nướng đậm đà nằm chen giữa những đĩa rau tươi màu sắc sặc sỡ, những khoanh bánh nhồi thịt lợn và những con gà tây vàng rộm như được quay bằng ma thuật. Tại gian tiền sảnh chính đã dựng lên một quầy rượu chất đầy các loại rượu trắng, rượu mùi, rượu khai vị, những loại rượu đã biến mất từ lâu trên thị trường đến nỗi hầu hết các đám khách nữ của Gatsby còn quá trẻ không phân biệt nổi loại nào với loại nào.

Bảy giờ thì dàn nhạc đến, không phải là một tốp nhạc nhỏ năm sáu người, mà là cả một đoàn nhạc công chơi đủ các loại kèn sáo, oboe, trombone, saxophone, cornet và piccolo cùng với trống cái và trống con. Đến giờ này, đám khách bơi ngoài bãi biển đã kéo nhau về hết và đang mặc quần áo trên gác. Xe hơi từ New York đến đỗ hàng năm trên đường xe chạy trong vườn, và ở các gian tiền sảnh, các phòng khách và hàng hiên đã sặc sỡ những màu sắc sống sượng, những kiểu tóc mới lạ, những chiếc khăn choàng Castile nằm mơ cũng không thấy. Quầy rượu hoạt động nhộn nhịp, các li rượu từng khay bay ra vườn cho đến khi không khí bên ngoài tràn ngập tiếng cười nói, những câu bóng gió vô tình, những lời giới thiệu nghe rồi quên ngay và những cuộc gặp gỡ nồng nhiệt giữa những đám khách nữ không bao giờ thuộc tên nhau.

Ánh đèn mỗi lúc một rục rờ hơn khi trái đất lảng xa dần mặt trời. Và khi dàn nhạc tấu lên điệu nhạc cocktail vàng thì bản hợp xướng các giọng người lại cao thêm một nấc nữa. Mỗi phút tiếng cười một dễ dàng hơn, nó tràn ra lênh láng, hào phóng, bật ra giòn giã sau một lời đùa vui. Các nhóm khách khứa thay hình đổi dạng mau lẹ hơn, vừa mới phình to ra với đám người mới đến đã lại tan đi rồi nhóm họp lại trong nháy mắt. Đã thấy có những cô gái trẻ trên loăng quăng sà vào đám này một tí đám kia một tí giữa những cô gái khác đầy đà hơn nên ít xê dịch hơn, bất thần trở thành trung tâm của một nhóm người trong một giây phút vui cười hể hả rồi náo nức vì thắng lợi, lại lướt đi tiếp giữa các gương mặt, các

tiếng nói và màu sắc mỗi lúc một khác dưới những ánh đèn không ngừng biến đổi.

Bỗng một trong những cô gái phiêu lãng ấy, run rẩy trong bộ xiêm áo trong mờ, vớ lấy một cốc rượu trong không trung, nốc cạn một hơi để lấy can đảm, tay vung vẩy như diễn viên múa Frisco, ra nhảy một mình trên một cái bục phủ vải dày. Không khí lặng đi một lát. Người chỉ huy dàn nhạc thay đổi nhịp điệu cho khớp với cô ta, và tiếng xì xào bỗng nổi lên vì mọi người tưởng nhầm truyền tai nhau bảo rằng cô ta chính là cô đào thường đóng thay vai Gilda Gray trong những tiết mục thoát y vũ. Cuộc vui đã bắt đầu.

Đêm đầu tiên sang nhà Gatsby, tôi tin rằng tôi là một trong số khách ít ỏi đã thực sự được mời đến dự. Còn thì mọi người cứ tự nhiên đến, không cần tới ai mời. Họ nhảy lên xe hơi đưa họ đến Long Island rồi bỗng thấy mình cuối cùng đứng trước cửa nhà Gatsby và được một kẻ bất kì nào đó đã quen biết chủ nhà dẫn vào. Sau đấy, họ cư xử theo phép xử sự ở một công viên giải trí. Khách có khi đến rồi về mà chẳng hề gặp chủ nhân. Họ đến dự cuộc vui với sự hồn nhiên được coi là giấy vào cửa.

Tôi thì đã chính thức được mời. Hôm thứ bảy ấy, từ sáng sớm, một anh tài mặc đồng phục màu trứng sáo đi ngang qua bãi cỏ nhà tôi, cầm một bức thư ngắn của ông chủ, một bức thư hợp thức đến kinh ngạc. Bức thư viết là ông Gatsby lấy làm hân hạnh nếu tôi vui lòng đến dự buổi “dạ hội nhỏ” mà ông tổ chức tối nay. Ông ta đã gặp tôi nhiều lần và từ lâu đã định sang thăm tôi nhưng bị ngăn trở vì một loạt tình huống đặc biệt. Bên dưới kí tên Jay Gatsby bằng một nét chữ oai vệ.

Trong bộ đồ bằng nỉ trắng, tôi đặt chân lên khu vườn của Gatsby vào lúc hơn bảy giờ một chút. Tôi đi vắn vơ hơi ngượng nghịu giữa những cơn lốc và những đợt sóng người mà tôi không quen biết. Thịnh thoảng đây đó có một bộ mặt mà tôi đã từng gặp trên các chuyến tàu ven nội ra vào New York. Tôi đã ngay lập tức kinh ngạc thấy sao đông thanh niên Anh đến thế trong đám khách khứa; họ đều ăn mặc lịch sự, đều có vẻ hơi đói ăn như nhau, đều nói chuyện sôi nổi và nho nhỏ với những người Mỹ vẻ chắc nịch và làm ăn phát đạt. Tôi đoán chắc là họ đang gạ bán cái gì đó: cổ phần, xe hơi hay bảo hiểm. Ít nhất có thể thấy rõ một điều là họ đau đớn khi nhìn thấy chung quanh họ những đồng tiền dễ kiếm và tin rằng chỉ cần một vài lời ăn nói đúng điệu là tiền bạc ấy sẽ về tay họ.

Vừa đến nơi là tôi tìm gặp chủ nhân ngay, nhưng hỏi han hai bà khách, họ đều trân trân nhìn tôi với con mắt ngạc nhiên, và khăng khăng quả quyết rằng họ hoàn toàn không biết Gatsby hiện ở đâu, thành thử tôi đành lần đi về phía bàn rượu, chỗ độc nhất trong khu vườn mà một người đàn ông lẻ loi có thể ngồi nán lại mà không có vẻ là cô đơn và không biết dùng thời gian của mình làm gì.

Chỉ vì lúng túng không biết làm gì, tôi đã toan uống cho say mềm thì Jordan Baker ở trong nhà bước ra, đứng ở bậc thềm bằng cẩm thạch trên cùng, hơi ngả người ra đằng sau một chút, nhìn xuống khu vườn với một vẻ chăm chú và dè bĩu.

Được nghênh tiếp niềm nở hay không, tôi thấy vẫn cần phải tỏ ra thân quen với một ai đó đã, rồi mới có thể đi thân mật chuyện trò với những khách qua đường.

- Ơi này, – tôi hét lên và tiến về phía Jordan. Giọng tôi hình như vang to không tự nhiên qua khu vườn.

- Em đoán chắc anh phải ở đây, – Jordan lơ đãng đáp khi tôi đến gần. – Em nhớ là anh ở ngay bên cạnh.

Jordan hờ hững nắm lấy bàn tay tôi như hứa hẹn là một lát nữa sẽ quan tâm đến tôi, rồi cô ghé tai về phía hai cô gái mặc hai bộ đồ vàng giống nhau vừa mới đứng lại ở dưới chân thềm. Hai cô gái ấy cùng kêu lên:

- Chào chị! Thật đáng tiếc là chị đã không thắng.

Đấy là họ nói về giải đánh gôn. Jordan bị thua trong trận chung kết tuần trước.

Một trong hai cô gái áo vàng nói tiếp:

- Chị không nhận ra chúng tôi, nhưng cách đây một tháng chúng tôi đã gặp chị ở đây rồi.

- Sau lần ấy, các chị đã nhuộm màu tóc khác, – lời nhận xét của Jordan làm tôi giật mình, nhưng hai cô gái kia đã thản nhiên bỏ đi, thành ra câu nói của Jordan hóa ra nói với mặt trăng đang mọc lên sớm, được bày ra như bữa ăn trưa lầy ở trong làn cửa một người bán hàng. Với cánh tay vàng thon thả của Jordan đặt trên tay tôi, hai chúng tôi bước xuống bậc thềm và đi loanh quanh trong vườn. Một khay rượu lướt về phía chúng tôi trong ánh tranh tối tranh sáng, rồi chúng tôi ngồi vào một cái bàn cùng với hai cô gái áo vàng ban nãy và ba ông khách, người nào cũng được giới thiệu với chúng tôi với cái tên là ông Lâm bầm.

Jordan hỏi chuyện cô gái ngồi bên:

- Chị có hay đến dự các cuộc vui này không?

- Lần gần đây nhất là lần tôi gặp chị đấy, – cô gái trả lời bằng một giọng nhanh nhẩu, trơ tráo, rồi quay sang người bạn đi cùng: - Cậu cũng vậy phải không, Lucille?

Lucille cũng vậy.

- Đến chơi đây thật là thích, – Lucille nói. – Tôi chẳng bao giờ bận tâm đến những việc mình làm nên lúc nào tôi cũng vui. Lần trước đến đây, tôi vương ghé làm rách toạc mất cái áo, ông ấy hỏi tên và địa chỉ tôi. Chưa đến một tuần sau, tôi đã nhận được một cái hộp của cửa hàng Croirier đựng một chiếc áo dạ hội mới tinh.

- Chị có nhận không? – Jordan hỏi.

- Nhận chứ. Tôi định mặc tối nay nhưng nó rộng bụng, phải sửa lại. Áo màu xanh lam, chấm xám. Giá hai trăm sáu mươi nhăm đôla.

Cô gái kia giọng sôi nổi:

- Ai cư xử như vậy chắc là phải có chuyện gì mờ ám. Ông ta không để có chuyện rắc rối với bất kì ai.

- Ai cơ? – Tôi hỏi.

- Gatsby. Có người bảo với tôi...

Hai cô gái và Jordan cúi đầu vào với nhau nói nhỏ:

- Có người bảo với tôi họ đoán chừng ông ấy đã giết người.

Tất cả chúng tôi đều rùng mình. Ba ông Lâm bầm cùng ngả đầu chăm chú lắng nghe.

- Theo tôi, không ghê gớm đến thế đâu, – Lucille ngờ vực bác lại. – Có lẽ ông ta là một điệp viên của Đức hồi chiến tranh thì đúng hơn.

Một trong ba ông kia gạt đầu tán thành.

-Ồ không phải đâu, – lời cô gái thứ nhất. – Không thể như thế được, vì hồi chiến tranh ông ấy ở trong quân đội Mỹ. – Cô ta thấy chúng tôi lại ngả sang tin vào lời mình nên hào hứng chúc đầu về phía trước. – Hãy để ý đến ông ấy mà xem, những khi ông ấy tưởng không có ai nhìn mình. Tôi đánh cuộc là ông ấy đã giết người.

Cô ta nheo mắt và rùng mình, Lucille cũng rùng mình. Tất cả chúng tôi ngoái đầu lại đưa mắt tìm Gatsby. Những kẻ không có mấy chuyện trên đời làm họ phải thì thầm nhỏ to với nhau mà nay cũng phải thì thầm với nhau về Gatsby, đó chẳng phải là một bằng chứng về những lời phỏng đoán ngông cuồng mà con người Gatsby đã gây ra hay sao.

Bữa tiệc đầu – sẽ còn một bữa tiệc nữa, sau nửa đêm – được dọn ra. Jordan mời tôi ngồi cùng với cô xung quanh một cái bàn ở một mé vườn. Có ba cặp vợ chồng và một anh chàng bám riết Jordan, một anh sinh viên hay nói những lời bóng gió cục cằn và rõ ràng tưởng rằng thể nào Jordan cũng sẽ hiến thân không ít thì nhiều cho mình. Không ăn nói huyền thuyên, nhóm người này đều giữ một vẻ nghiêm nghị như nhau và tự gánh lấy vai trò đại diện cho giới quý tộc nông thôn – đó là khu East Egg hạ cố đến chơi khu West Egg, nhưng vẫn cẩn thận tránh để mình không bị lây nhiễm cái vui nhộn sắc sỡ ở đây.

Sau khoảng nửa giờ uống phí và không ăn ý, Jordan nói nhỏ với tôi:

- Ta đi đi. Họ đạo mạo quá, không hợp với em.

Hai chúng tôi đứng dậy và Jordan viện cớ là chúng tôi đi tìm chủ nhân. Cô ta bảo: tôi chưa gặp mặt chủ nhân bao giờ, vì thế cảm thấy không tiện. Anh chàng sinh viên gạt đầu, vẻ ngờ vực, buồn buồn.

Jordan và tôi trước hết đến quầy rượu. Quầy rượu đông kịt nhưng không có

Gatsby ở đây. Đứng ở đầu bậc thềm, Jordan không nhìn thấy Gatsby đâu cả, ở ngoài hiên cũng không. Chúng tôi hú hoạ đẩy thử một cánh cửa trông trang nghiêm và bước vào một phòng sách cao rộng, kiến trúc kiểu Gothic, tường bọc gỗ chạm trổ theo kiểu Anh, có lẽ đã được bê nguyên xi từ một toà lâu đài đồ nát nào đó ở bên kia đại dương về đây.

Một người đàn ông phục phịch, tuổi trung niên, cặp kính to tương như mắt cú, dáng có vẻ khá say, đang ngồi trên mép một chiếc bàn lớn, ngậy người nhìn các giá sách với con mắt lão đảo. Thấy chúng tôi, ông ta hồi hải xoay người lại, ngắm Jordan từ đầu đến chân, lớn tiếng hỏi:

- Ý kiến cô thế nào?

- Ý kiến gì?

Ông ta huơ tay về phía các giá sách:

- Về những cái kia kia. Mà thôi, cô khỏi phải kiểm tra. Tôi đã kiểm tra rồi. Thật cả đấy.

- Sách ấy à?

Ông ta gật đầu.

- Hoàn toàn thật, bên trong có đủ cả trang lẫn chữ hẳn hoi. Tôi cứ tưởng chúng làm bằng giấy bồi, nhưng không phải, hoàn toàn là sách thật. Sách có trang hẳn hoi và... Đây này, để tôi cho các vị xem.

Đoán chắc là chúng tôi hoài nghi, ông ta chạy đến các giá sách, lấy ra cuốn "Các bài thuyết trình của Stoddard" tập một, reo lên đắc thắng:

- Các vị thấy chưa! Một ấn phẩm thật sự. Tôi đã tưởng nhầm. Anh chàng này là một nhà dàn cảnh ngoại hạng. Không chê vào đâu được! Trông giống thật biết bao. Biết cả khi nào thì dừng lại... Nhưng mà các vị còn đòi hỏi gì nữa, mong chờ gì nữa?

Ông ta giằng lấy quyển sách khỏi tay tôi và háp tấp đặt nó vào chỗ cũ trên giá, lăm bằm bảo rằng bỏ đi một viên gạch thì cả phòng sách có thể sẽ đổ sụp.

Ông ta hỏi:

- Ai dẫn các vị đến đây? Hay các vị tự đến. Tôi thì có người đưa đến. Ở đây khách khứa hầu hết là được người khác đưa đến.

Jordan nhìn ông ta với con mắt vui vẻ, nhanh nhẹn, nhưng không đáp lại một lời nào.

- Tôi được một phụ nữ tên là Roosevelt dẫn đến chơi đây, – ông ta nói tiếp. – Bà Claud Roosevelt. Các vị có quen không? Tôi có gặp bà ta đêm qua, ở đâu đó. Tôi say đến nay để được một tuần rồi. Tôi nghĩ vào ngồi trong thư viện một lúc có lẽ may ra đỡ say chẳng.

- Có đỡ không?

- Đỡ một chút. Chưa thể nói được. Tôi mới ở đây có một tiếng đồng hồ. Tôi đã

nói với các vị về các cuốn sách chưa nhỉ? Sách thật cả. Chúng...

- Ông đã nói rồi.

Chúng tôi nghiêm trang bắt tay ông ta rồi đi ra.

Khách khứa bây giờ đang nhảy với nhau trên nền đất rải vải bạt trong vườn. Những ông luống tuổi đun đẫy với những cô gái trẻ theo những đường vòng tròn vụng về không biết đâu là cùng. Những cặp nhảy cao sang thì ôm nhau uốn éo theo đúng thời thượng, quanh quẩn ở những chỗ khuất. Rất nhiều cô gái chưa chồng nhảy một mình hoặc đánh đàn banjo hoặc đánh trống đỡ cho dàn nhạc. Đến nửa đêm, bầu không khí vui vẻ hể hả càng tăng. Một ca sĩ nổi tiếng hát giọng nam cao bằng tiếng Ý và một giọng nữ trung quen biết hát theo điệu jazz. Giữa các tiết mục ấy, người ta bày ra những trò kì quặc ở khắp khu vườn, trong khi những chuỗi cười giòn giã ngân dài vang vọng lên trên vòm trời mùa hạ. Một cặp diễn viên, tưởng ai hóa ra hai cô gái áo vàng, biểu diễn một tiết mục trẻ con hóa trang. Rượu sâm banh được rót ra trong những cái li to như bát vại. Mặt trăng cất mình lên cao hơn và trên mặt nước ngoài eo biển nổi chập chờn một hình tam giác bằng vẩy bạc, hơi run rẩy theo tiếng lanh tanh giòn tan của những cây đàn banjo trong vườn.

Tôi vẫn ở bên Jordan Baker. Hai chúng tôi đang ngồi ở một chiếc bàn cùng với một chàng trai trạc tuổi tôi và một cô gái nhỏ bé ồn ào, động một tí là cười ngặt nghẽo. Bây giờ tôi cũng lẫn mình vào cuộc vui. Tôi đã uống hai li rượu sâm banh to bằng cái bát, và cảnh tượng trước mắt tôi đã biến đổi thành một thứ trò có ý nghĩa, cốt yếu và sâu sắc.

Vào lúc cuộc vui lắng xuống, anh chàng nọ cười mỉm với tôi, hỏi bằng một giọng nhã nhặn:

- Tôi trông ông quen quen. Hồi chiến tranh, ông có ở sư đoàn một không nhỉ?

- Có. Tôi ở trung đoàn bộ binh hai mươi tám.

- Tôi ở trung đoàn mười sáu mãi cho đến tháng Sáu năm một nghìn chín trăm mười tám. Tôi biết ngay là đã gặp ông ở đâu rồi mà.

Chúng tôi nói chuyện một lúc với nhau về một vài làng mạc nhỏ bé, xám xịt và ẩm ướt bên Pháp. Rõ ràng, anh ta ở quanh quẩn đâu đây thôi, vì anh ta khoe với tôi vừa mới mua được một chiếc thủy phi cơ, định sáng mai sẽ đi thử.

- Ông có thích đi thử với tôi không, người anh em? Đi ngay gần bờ thôi, dọc eo biển.

- Vào lúc nào?

- Lúc nào tùy ông.

Tôi đã toan hỏi tên anh ta thì Jordan quay sang tôi, hé mở một nụ cười, hỏi tôi:

- Bây giờ anh vui rồi chứ?

- Hơn trước nhiều. – Tôi ngoảnh sang nói với người bạn mới quen. – Những

cuộc vui như thế này, tôi chưa quen. Ai lại tôi chưa gặp chủ nhân. Tôi ở ngay cạnh đây, – tôi huơ tay chỉ về phía hàng rào vô hình xa xa, – và cái ông Gatsby này cho tài xế cầm giấy mời sang mời tôi.

Người kia nhìn tôi một lúc như không hiểu gì hết, rồi bỗng nhiên anh ta nói:

- Tôi là Gatsby đây.

- Ủa! – Tôi thốt lên. – Ồ, tôi xin lỗi ông.

- Tôi tưởng ông biết rồi. Tôi sợ không được là một chủ nhà thật tốt, người anh em ạ.

Anh ta cười thông cảm. Đó là một trong những nụ cười rất hiếm, nó có khả năng làm ta vĩnh viễn yên lòng, loại nụ cười may ra ta được gặp bốn hoặc năm lần trong cả đời. Nó nhìn vào, hoặc dường như nhìn vào toàn thế giới vĩnh cửu trong giây lát rồi tập trung vào ta với một ý nghĩ tốt về ta, một ý nghĩ không sao cưỡng lại được. Nó hiểu ta đúng ở chừng mực ta muốn người khác hiểu mình, nó tin tưởng ở ta đúng như ta muốn tin tưởng ở mình và bảo với ta rằng nó có ấn tượng về ta đúng như ấn tượng tốt đẹp nhất mà ta mong muốn người khác nghĩ về ta. Vừa vặn đến lúc ấy thì nụ cười tan biến, và trước mặt tôi là một kẻ lưu manh sang trọng trẻ trung, tuổi khoảng băm mốt hoặc băm hai, lờ lẽ cầu kì gần đi đến chỗ phi lí. Ngay trước lúc anh ta tự giới thiệu, tôi đã có cảm tưởng rõ là anh ta chọn lời ăn tiếng nói hết sức thận trọng.

Gần như đúng lúc Gatsby xưng tên thì một người hầu phòng chạy vội đến báo là có điện thoại từ Chicago gọi anh ta. Gatsby hơi nghiêng đầu xin lỗi từng người chúng tôi:

- Ông thấy cần gì thì cứ bảo, người anh em ạ. – Gatsby nhắc tôi. – Xin lỗi, tôi xin gặp lại ông sau.

Gatsby đi rồi, tôi quay ngay sang Jordan. Tôi thấy cần phải bày tỏ nỗi kinh ngạc của tôi với cô. Tôi tưởng Gatsby phải là một gã đàn ông hồng hào béo tốt, tuổi cỡ trung niên cơ.

- Ông ta là ai thế? – Tôi hỏi – Cô có biết không?

- Ông ta chỉ là một người tên là Gatsby.

- Tôi muốn hỏi ông ta gốc gác ra sao, hiện nay làm gì?

- Bây giờ anh cũng lại lao vào vấn đề này! – Jordan trả lời với một nụ cười uể oải. – Ông ta có lần kể với em là đã từng theo học ở Oxford...

Một bối cảnh lờ mờ bắt đầu hiện ra đằng sau Gatsby, nhưng đến câu sau thì nó lại tan đi.

- ...nhưng em không tin.

- Tại sao?

- Em không biết. Chỉ biết em không cho rằng ông ta đã học ở đấy.

Có một cái gì đó trong giọng nói của Jordan làm tôi nhớ đến câu “Tôi chắc ông

ấy đã giết người” của cô gái kia, và nó kích thích trí tò mò của tôi. Tôi có thể sẵn sàng chấp nhận không chút hoài nghi nếu có ai bảo rằng Gatsby xuất thân ở miền đồng lầy bang Louisiana hoặc ở khu East Side bình dân của New York. Bảo như vậy thì còn có thể hiểu được. Nhưng không đời nào lại có những chàng trai không biết gốc gác ở đâu bỗng dưng xuất hiện để mua hẳn một dinh thự bên bờ eo biển Long Island Sound. Ít ra thì với con mắt người tỉnh lẻ kém từng trải của mình, tôi không tin có thể có chuyện đó.

- Dù sao mặc lòng, chỉ biết là ông ta tổ chức những buổi tiếp tân lớn. – Jordan đổi đề tài với cái thói của người thành thị không ưa những gì cụ thể. – Mà em thì thích những buổi tiếp tân lớn, ở đó kín đáo biết bao, không ai biết đến ai. Ở những buổi tiếp tân nhỏ không có lấy một chút riêng tư nào cả.

Trống đánh một tiếng “bùm” to rồi tiếng người nhạc trưởng đột nhiên vượt lên trên sự ồn ào huyên náo trong vườn:

- Thưa quý vị, theo yêu cầu của ông Gatsby, dàn nhạc chúng tôi sẽ trình diễn hầu quý vị tác phẩm mới nhất của Vladimir Tostoff, một nhạc phẩm đã làm cho người nghe tại hội trường Carnegie trong tháng Năm vừa qua phải xì xào thán phục. Nếu quý vị đọc báo chắc quý vị biết là bản nhạc này đã làm dư luận rất xôn xao, – ông ta cười tùm tùm với một vẻ hồ hởi nhã nhặn rồi nói thêm – Xôn xao xì xào! (1)

Mọi người cười ồ.

- Khúc nhạc này, – người nhạc trưởng kết thúc bằng một giọng rần rỏi, – tên là “Lịch sử thế giới bằng nhạc jazz” của Vladimir Tostoff.

Tôi không kịp hiểu tác phẩm của ông Tostoff là thế nào, vì đúng vào lúc nó bắt đầu được cử lên, thì mắt tôi bắt gặp Gatsby đang đứng một mình trên bậc thềm cẩm thạch nhìn từ nhóm người này đến nhóm người khác với con mắt hài lòng. Nước da rám nắng của anh căng ra để coi trên gương mặt, và mái tóc ngắn trông như ngày nào cũng được xén sửa. Ở anh, tôi không thấy có gì là nham hiểm độc ác. Tôi tự hỏi không biết có phải vì anh không uống rượu mà anh khác hẳn đám khách khứa của anh không, vì tôi thấy hình như sự vui đùa nhộn nhạo chung quanh anh càng tăng lên thì anh càng đúng mực, càng chỉnh tề hơn. Bản nhạc “Lịch sử thế giới bằng nhạc jazz” vừa dứt thì đã có những cô gái ngả đầu lên vai các bạn trai của mình nũng nịu như những con chó bông, và những cô gái giả vờ ngất đi, ngã ngửa người ra đằng sau vào những cánh tay đàn ông, hoặc thậm chí ngã vào ngay khoảng không giữa các nhóm người, biết rằng thế nào cũng có kẻ chìa tay ra đỡ lấy mình. Nhưng không có cô gái nào ngả người vào Gatsby, không có mái tóc cắt ngắn kiểu Pháp nào đụng chạm vào vai Gatsby và không có nhóm tứ ca nào lấy đầu Gatsby làm chỗ dựa cho tiếng hát của họ.

- Xin tiểu thư thứ lỗi.

Người hầu phòng của Gatsby bất thần đứng ngay cạnh chúng tôi. Anh ta thưa:
- Thưa tiểu thư Baker, xin tiểu thư thứ lỗi, ông Gatsby mong được tiếp chuyện riêng với tiểu thư.

- Với tôi? – Jordan lấy làm lạ.

- Vâng, thưa tiểu thư.

Jordan từ từ đứng dậy, rướn lông mày nhìn tôi ra vẻ kinh ngạc, rồi đi theo người hầu phòng vào trong nhà. Tôi nhận thấy Jordan mặc áo dạ hội – cũng như mọi bộ đồ khác của cô – như mặc quần áo thể thao vậy: các động tác của cô có một vẻ nhanh nhẹn như thể hồi bé cô đã tập đi trên những bãi đánh gôn vào những buổi sáng trong trẻo giá lạnh.

Tôi còn lại một mình. Bây giờ đã hai giờ sáng. Từ nãy có những tiếng gì mơ hồ khó hiểu vọng ra từ một gian phòng có nhiều cửa sổ nhìn ra bậc thềm. Anh chàng sinh viên của Jordan lúc này đang nói chuyện với hai cô nữ diễn viên của một đoàn đồng ca, cứ chèo kéo tôi đến với họ. Tôi thoái thác và đi vào trong nhà.

Gian phòng lớn đầy ắp người. Một trong hai cô gái áo vàng đang chơi dương cầm, người hát đứng bên cạnh cô là một phụ nữ còn trẻ, dáng cao cao, tóc hung, thuộc một đoàn hợp xướng nổi tiếng. Nữ ca sĩ này đã nốc khá nhiều sâm banh nên hát được nửa chừng chị ta quyết định – một cách không thích hợp – là bài hát phải buồn, rất buồn, vì thế chị ta không chỉ hát mà còn khóc nữa. Đến đoạn nghỉ, chị ta vừa lấy hơi vừa nức nở nghẹn ngào rồi hát tiếp bằng một giọng nữ cao run run. Những giọt nước mắt lăn xuống má nhưng không chảy thành dòng vì khi chạm phải hai hàng mi tôi chì rất đậm thì chúng ngả sang màu mực rồi chảy tiếp từ từ thành những rãnh nhỏ đen đen. Một vị khách khôì hài lên tiếng gợi ý chị ta hãy hát những nốt nhạc ghi trên mặt mình thì chị ta giơ hai tay lên trời, gieo mình xuống cái ghế bành và ngủ thiếp đi một giấc say sưa vì hơi men.

Một cô gái đứng ngay chỗ khuỷu tay tôi giải thích:

- Chị ấy vừa mới xô xát với một ông tự nhận là chồng chị ấy.

Tôi nhìn ra xung quanh. Hầu hết đám phụ nữ còn lại đều đang xô xát với những người đàn ông tự nhận là chồng họ. Ngay cả nhóm của Jordan, tức bộ tứ ở East Egg, cũng bị chia rẽ vì chuyện cãi lộn. Một người trong đám đàn ông ấy đang trò chuyện một cách chăm chú khác thường với một nữ diễn viên trong khi bà vợ giữ vẻ đạo mạo và thờ ơ cố cười nhạt, nhưng sau không chịu được nữa bèn chuyển sang mở cuộc tiến công thọc sườn – chốc chốc bà ta lại xuất hiện đột ngột bên cạnh ông chồng, bắn ra những tia lửa như một viên kim cương giận dữ, rít vào tai chồng: “Ông đã hứa thế nào?”

Không phải chỉ có những vị khách nam chệnh choáng là chưa muốn ra về. Ở gian tiền sảnh bây giờ có hai ông khách tỉnh táo một cách đáng trách đứng với

hai bà vợ đang bưng bưng phần nộ. Hai bà to giọng phàn nàn với nhau:

- Cứ khi nào tôi đang vui là y như rằng ông ấy đòi về.
- Cả đời tôi không thấy ai ích kỉ đến vậy.
- Chúng tôi bao giờ cũng là những người ra về đầu tiên.
- Chúng tôi thì khác gì?

Một trong hai ông chồng rụt rè:

- Nhưng đêm nay chúng ta gần như là người cuối cùng. Dàn nhạc đã về được nửa giờ rồi.

Mặc dầu hai bà vợ đồng thanh coi hành vi xấu xa ấy là ngoài sức tưởng tượng, cuộc đấu khẩu kết thúc bằng một cuộc vật lộn ngắn, và hai bà vợ bị nhấc bổng lên đưa vào đêm tối, cho họ vung tay đập chân giầy giụa.

Trong lúc tôi chờ lấy mũ ở gian tiền sảnh thì cửa thư viện mở và Jordan Baker cùng với Gatsby ở trong bước ra. Gatsby đang nói mấy câu cuối cùng với Jordan, nhưng thái độ sôi nổi của anh bỗng chuyển ngay sang một vẻ xã giao hình thức khi thấy có mấy người khác bước lại gần mình chào từ biệt.

Nhóm của Jordan đứng trên bậc thềm nóng ruột gọi cô nhưng Jordan còn nán lại một lúc để bắt tay.

Cô khẽ bảo tôi:

- Em vừa mới được nghe một câu chuyện hết sức kì lạ. Em với ông ấy ở trong kia có lâu không nhỉ?

- Khoảng một giờ.

- Thực là kì lạ, – Jordan lơ đãng nhắc lại, – Nhưng em nhất quyết không kể để anh phải tức lên vì tò mò. – Cô ngập một cách duyên dáng vào giữa mặt tôi. – Anh đến chỗ em chơi nhé... Số điện thoại... dưới tên bà Sigourney Howard... cô em.

Vừa nói Jordan vừa vội vã bỏ đi, vẫy nhanh bàn tay rám nắng và hoà lẫn vào trong nhóm của cô ở ngoài cổng.

Hơi ngỡ ngàng là đã nán ở lại muộn đến vậy ngay trong lần sang chơi đầu tiên, tôi đến gia nhập đám khách cuối cùng của Gatsby đang xúm xít quanh anh. Tôi muốn giải thích với anh rằng tôi đã tìm anh từ đầu buổi tối và xin lỗi đã không nhận ra anh lúc ở trong vườn.

- Ông đừng nhắc đến nữa, – Gatsby sốt sắng can ngăn. – Ông hãy bỏ qua chuyện ấy đi cho, người anh em ạ. – Cách gọi thân mật suồng sã này không có ý thân mật suồng sã gì hơn cái vố vai cốt làm tôi yên tâm. – Và nhớ đừng quên sáng mai chúng ta sẽ đi thử chiếc thủy phi cơ vào lúc chín giờ tối đấy nhé.

Vừa lúc đó, người hầu phòng đến đứng sau lưng Gatsby:

- Bẩm ông, có điện thoại ở Philadelphia hỏi ông.

- Được, chờ tôi một tí. Bảo họ tôi sẽ lại ngay... Ông về nhé.

- Chào ông.

- Chúc ông ngủ ngon. – Gatsby nở một nụ cười, và bỗng nhiên tôi thấy hình như việc tôi có mặt trong đám khách khứa ra về cuối cùng lại là tốt, dường như đó là điều mà Gatsby mong muốn suốt tối này. – Chào ông, người anh em... Chúc ông ngủ ngon.

Nhưng khi bước xuống hết mấy bậc thềm, tôi nhận ra đêm vui chưa phải đã kết thúc hẳn. Cách cổng độ năm mươi bước, khoảng hơn một chục chiếc đèn pha ô tô rọi chiều một cảnh tượng ồn ào kì quái. Một chiếc cu-pê (2) mới toanh vừa mới rời khỏi vườn nhà Gatsby trước đó hai phút bây giờ nằm kẹt ở cái rãnh ven đường: chiếc xe không đổ nhưng gãy mất một bánh. Cái mố tường đột ngột nhô ra là nguyên nhân làm cho bánh xe bị gãy rời, và bây giờ nó đang được khoảng gần chục con người tò mò ngắm nghía. Mấy người này đã bỏ xe của họ ngang đường làm cản trở lối đi, khiến cho từ nãy các xe đằng sau bóp còi inh ỏi, càng làm cho cảnh tượng thêm hỗn loạn.

Một người mặc một chiếc áo choàng đi đường dài từ trong chiếc xe bị nạn bước xuống, đứng ngay giữa lòng đường, đôi mắt vừa bối rối vừa bỡn cợt nhìn từ chiếc xe đến cái bánh xe rồi lại từ cái bánh xe đến những người đứng xem.

- Các ông thấy chưa, nó lăn xuống rãnh!

Ông ta tỏ ra vô cùng kinh ngạc. Tôi nhận ra trước hết cái tài kinh ngạc hiếm có ấy rồi sau mới nhận ra người – chính là ông khách trong thư viện của Gatsby.

- Sao thế?

Ông ta nhún vai, giọng chắc nịch:

- Tôi không biết gì về máy móc.

- Nhưng mà tại sao cơ sự lại như vậy? Ông đâm vào tường à?

- Đừng hỏi tôi, – ông khách Mắt cú trả lời, phủi tay khỏi toàn bộ sự việc. – Tôi có biết lái gì đâu, hầu như không biết tí gì. Tự nhiên xảy ra thế này, tôi chỉ biết có thể thôi.

- Nhưng đã không vững tay lái thì đừng có thử lái ban đêm có hơn không.

- Tôi có thử đâu, – ông ta công phần giải thích. – Nào tôi có thử gì đâu.

- Ông muốn tự tử hay sao?

- May cho ông là mới bị một bánh thôi đấy! Đã lái tồi mà lại không thêm thử gì!

- Các ông không hiểu, – can phạm giải thích. – Tôi không lái. Còn có một người nữa trong xe.

Nỗi kinh ngạc do lời tuyên bố ấy gây ra thể hiện bằng một tiếng “A-à-à!” kéo dài trong khi cửa chiếc xe bị nạn từ từ mở ra. Đám đông – bây giờ đã là một đám đông – bắt giác lùi lại, và khi cửa xe được hẳn ra rồi thì mọi việc ngưng lại một lúc đầy hồi hộp. Sau đó rất từ từ, nhô ra dần từng phần một, một hình người tái mét lão đảo từ trong chiếc xe đổ chui ra, một chân xỏ trong một chiếc giày lớn

nhún nhẩy và ngập ngừng dò dẫm mặt đất.

Loá mắt vì ánh đèn pha xe hơi và luống cuống vì tiếng còi xe rền rĩ không ngớt, cái hình người ấy đứng xiêu vẹo một lúc rồi mới nhận ra người mặc áo choàng.

- Có chuyện gì đấy? – Ông ta bình thản hỏi. – Hết xăng à?

- Xem kìa!

Gần chực ngón tay chỉ vào cái bánh xe bị long ra. Ông ta lại đứng tần ngần một lúc nhìn cái bánh xe rồi ngửa mặt nhìn lên trời, tưởng đâu nó từ trên trời rơi xuống.

- Nó bị long ra rồi, – có ai đó giải thích.

Ông ta gật đầu.

- Lúc đầu tôi không biết là xe đã đổ.

Một lúc im lặng. Rồi hít một hơi dài, ưỡn ngực, ông ta hỏi bằng một giọng rần rỏi:

- Có ai chỉ giùm cho biết trạm xăng ở đâu nhỉ?

Ít nhất có khoảng một chục người, trong đó có một số còn tỉnh táo hơn ông ta một chút, giải thích là cái bánh xe và chiếc xe không còn dính với nhau bằng mối liên hệ vật chất nào nữa.

- Cho nó lùi lại, – một lúc sau ông ta lại nêu ý kiến. – Cho nó chạy số lùi vậy.

- Nhưng bánh xe đi tong rồi!

Ông ta ngập ngừng:

- Cứ thử đi, có hại gì đâu.

Tiếng còi xe inh ỏi tới cực điểm. Tôi quay gót, đi tắt qua vườn về nhà, chỉ ngoái cổ lại nhìn có một lần. Mặt trăng tròn vành vạnh như cái bánh thánh vẫn toả sáng bên trên toà nhà của Gatsby làm cảnh đêm vẫn diễm lệ như trước, và trong khu vườn vẫn sáng rực bên nhà Gatsby vẫn còn những tiếng cười và những âm thanh hỗn độn. Giờ đây, một cái gì trống rỗng hình như đột nhiên ùa ra từ các cửa sổ và các cửa lớn của toà nhà làm cho hình bóng người chủ nhà trở nên hoàn toàn trơ trọi. Anh ta đang đứng trên bậc thềm, tay giơ lên trong động tác tiễn chào đúng nghi thức.

*

* *

Đọc lại những dòng trên đây, tôi thấy mình đã cho người khác tưởng là những sự việc trong ba đêm ấy, mỗi đêm cách nhau mấy tuần, là tất cả những gì tôi quan tâm. Thực ra, không phải như vậy, chúng chỉ là những sự việc ngẫu nhiên trong một mùa hè bề bộn, và không kể mãi về sau, chứ trong lúc này chúng hoàn toàn không thu hút tôi bằng những việc riêng của tôi.

Hầu hết thời gian của tôi được dành cho công việc. Từ sáng sớm, tôi vội vã bước đi trong lòng những vực thẳm trắng xoá ở khu kinh doanh của New York đến nơi làm việc. Ở sở, tôi giao du thân mật với các đồng nghiệp cùng hạng

nhân viên như tôi, ăn trưa cùng với họ tại các quán ăn tù mù và chậ chội với các món xúc xích lợn, khoai tây nghiền và cà phê. Tôi còn có một chuyện tình nho nhỏ với một cô gái ở Jersey City làm ở phòng kế toán cùng sở, nhưng thấy anh trai cô ta bắt đầu nhìn tôi với con mắt ác cảm, tôi đã bỏ rơi luôn khi cô ta đi nghỉ hè trong tháng Bảy.

Tôi thường ăn tối tại câu lạc bộ Yale – không hiểu vì sao đó lại là sự việc ảm đạm nhất trong ngày – rồi tôi lên thư viện chăm chỉ nghiên cứu về đầu tư và chứng khoán trong một tiếng đồng hồ. Ở câu lạc bộ thường có một vài kẻ thích huyên não, nhưng họ không bao giờ mò vào thư viện, vì thế làm việc ở đây tốt lắm. Sau đấy, nếu đêm đẹp trời, tôi đi dạo trên đại lộ Madison qua khách sạn cổ kính Murray Hill, theo phố 33 ra ga Pennsylvania.

Tôi bắt đầu yêu thích New York, tôi có một cảm giác say sưa, li kì khi dạo chơi ban đêm ở thành phố này, vui thích nhìn những dòng người nam nữ và xe cộ chập chờn nhoang nhoáng trước con mắt nhón nhác của tôi. Tôi thích đi ngược Đại lộ Năm, chắm bằng mắt những người phụ nữ tình tứ trong đám người đi lại nhộn nhịp trên đường phố, tưởng tượng là chỉ vài ba phút nữa tôi sẽ bước vào cuộc sống của họ mà không một ai hay biết hay bài bác gì tôi. Đôi khi, trong óc tưởng tượng của mình, tôi đi theo họ về đến tận nhà họ ở những ngách phố vắng vẻ, và họ quay lại mỉm cười với tôi trước khi tan biến qua một khung cửa vào trong bóng tối ảm áp. Trong ánh hoàng hôn mê li ở thành phố, thỉnh thoảng tôi thấy ám ảnh một nỗi cô đơn, và cảm thấy nỗi cô đơn ấy cũng có ở những người khác, những chàng nhân viên trẻ tuổi nghèo nàn thờ thần trước tủ kính các cửa hiệu chờ đến giờ đi ăn tối một mình tại một quán ăn bình dân, những thầy kí trẻ đi vắn vơ trên hè đường chập choạng tối, để trôi đi uổng phí những giờ phút bồi hồi nhất trong đêm trường và trong cuộc đời.

Đến tám giờ tối, khi trên lòng đường tối đen của các phố Bốn mươi chen chúc những chiếc xe tắc xi chạy hàng năm về phía các rạp hát, tôi lại thấy lòng quặn lại. Trong những chiếc tắc xi đang chờ đợi nhau kia có những bóng người ngã vào nhau, những tiếng hát tiếng cười sau những câu pha trò nghe không rõ, và những đốm lửa ở đầu các điếu thuốc vẽ thành những hình tròn khó hiểu. Tưởng tượng rằng cả tôi nữa, tôi cũng đang vội vã đi đến những chỗ vui thú và sống những giờ phút say sưa mặn nồng cùng với họ, tôi thầm chúc họ mọi sự tốt lành. Trong một khoảng thời gian, tôi mất hút Jordan Baker, rồi đến giữa hè tôi gặp lại cô. Thoạt tiên, tôi lấy làm hãnh diện được đi cùng với cô đến nơi nọ nơi kia vì Jordan là một nhà quán quân về đánh gôn ai nấy đều biết tiếng. Sau đó có một cái gì hơn thế. Tôi chưa hẳn đem lòng yêu cô mà chỉ cảm thấy có một sự tò mò êm ái. Gương mặt kênh kiệu và buồn chán mà Jordan trưng ra với mọi người che đậy một điều gì đó bên trong – hầu hết những tình cảm giả tạo cuối cùng

đều che đậy một cái gì, ngay dù ban đầu người ta không định che đậy gì cả, – và một hôm tôi phát hiện ra đó là cái gì. Hôm ấy, đến chơi nhà một người quen mãi tận Warwick, Jordan đã bỏ mặc ngoài mưa chiếc xe hơi đi mượn đã hạ mui nhưng sau đó cô lại chối. Đột nhiên tôi nhớ lại câu chuyện về cô mà tối hôm ở nhà Daisy tôi không nhớ ra. Tại giải đánh gôn lớn đầu tiên mà Jordan tham dự đã xảy ra một chuyện rắc rối suýt nữa thì bị đưa lên báo: người ta bảo rằng trong trận bán kết, Jordan đã lén chuyển dịch quả cầu ra khỏi một vị trí bất lợi. Vụ này suýt nữa bùng lên to thành một vụ tai tiếng lớn, nhưng sau được dẹp đi. Người nhật bóng rút lui ý kiến của mình, còn nhân chứng duy nhất thứ hai thì thừa nhận anh ta có thể đã nhìn nhầm. Nhưng sự việc ấy và tên người ấy đã gắn liền với nhau trong óc tôi.

Theo bản năng, Jordan lẩn tránh những người đàn ông nào khôn ngoan sắc sảo. Bây giờ tôi hiểu ra rằng đó là vì cô ta cảm thấy mình được yên ổn hơn trong những giới không thể tưởng tượng là có những hành vi đi chệch khỏi một phép xử thế nhất định. Jordan đúng là một kẻ dối gian bất trị. Cô ta không thể cam chịu ở thế bất lợi và do thái độ không cam chịu ấy, tôi cho rằng từ lúc còn rất nhỏ Jordan đã bắt đầu dùng đến mưu mẹo để có thể giữ được cái nụ cười lạnh lùng và xác xược này đối với mọi người, đồng thời vẫn thoả mãn được những nhu cầu của tấm thân nhanh nhẹn rắn chắc của mình.

Đối với tôi điều đó không quan trọng. Tính gian dối ở phụ nữ là một điều chê trách đến đâu cũng không hết. Tôi chỉ lấy làm tiếc trong giây lát rồi quên đi. Chính trong lần đến chơi nhà người quen mà tôi mới kể, hai chúng tôi có một buổi chuyện trò kì quặc với nhau về cách lái xe. Sở dĩ nảy ra câu chuyện này vì Jordan lao xe vào sát mấy người thợ đang làm việc trên đường, đến nỗi cái chấn sóc xe chúng tôi sượt qua khuy áo một người thợ.

- Cô lái ẩu quá, – tôi khiển trách. – Cô phải cẩn thận hơn, nếu không thì đừng lái nữa.

- Em cẩn thận đấy chứ.

- Không phải. Cô không cẩn thận gì cả.

- Đã có người khác cẩn thận cho rồi, – giọng Jordan thản nhiên.

- Thế là nghĩa thế nào?

- Người ta sẽ tránh xa em. Phải có hai người mới thành tai nạn.

- Nhớ cô gặp phải một người cũng bất cẩn như cô thì sao?

- Em mong sẽ không bao giờ gặp. Em chúa ghét những người bất cẩn. Bởi vậy em mới thích anh.

Đôi mắt xám của Jordan Baker nhìn thẳng đằng trước nhưng cô đã cố tình làm thay đổi quan hệ giữa tôi với cô, và lúc đó tôi nghĩ là tôi yêu cô. Nhưng tôi vốn chậm nghĩ và là người mang đầy những phép tắc như những cái phanh kìm hãm

các ước muốn của tôi. Tôi biết rằng trước hết tôi phải dứt bỏ hẳn mối quan hệ rắc rối ở quê tôi đã. Lâu nay tôi vẫn mỗi tuần viết một bức thư bên dưới kí tên “Anh yêu của em” trong khi đầu óc chỉ có thể nghĩ đến chuyện tại sao cô gái ấy khi đánh quần vợt lại có một hàng mồ hôi lấm tấm trên vành môi trên. Dầu vậy, chúng tôi đã thoả thuận ngầm với nhau là phải cắt đứt khéo léo mối quan hệ ấy đã, rồi tôi mới được coi là tự do.

Chúng ta ai cũng nghĩ rằng mình có một trong những đức tính cơ bản. Riêng tôi, tôi tự cho rằng mình là một trong số những người trung thực hiếm hoi mà tôi được biết từ trước đến nay.

Chú thích:

(1) Nguyên văn: some sensation, đọc lên thành những âm láy.

(2) Xe hơi nhỏ, có một hàng ghế hai chỗ.

Chương IV

Ebook miễn phí tại : www.SachMoi.net

Sáng chủ nhật, khi chuông nhà thờ đổ hồi trong các làng ven biển, thì ai nấy cùng với người tình của mình lại trở lại nhà Gatsby, cười đùa hỉ hả trên thảm cỏ nhà anh.

Các bà các cô lượn đi lượn lại giữa những li rượu và những chậu hoa của Gatsby, nói với nhau:

- Gã này là một gã buôn lậu. Gã đã giết một người vì người này phát hiện ra gã là cháu của Von Hindenburg và là anh em họ xa gì đó với quý sứ. Này, chị thân yêu ơi, hái hộ em một bông hồng và rót hộ em một giọt rượu cuối cùng vào cái cốc pha lê này nào.

Một hôm, tôi thử ghi lại tên những người đã đến nhà Gatsby mùa hè năm ấy vào những chỗ trống bên lề một bảng giờ tàu. Bảng giờ tàu ấy bây giờ cũ rồi, những chỗ gấp đã rách hết cả và có dòng chú thích: “Bảng giờ tàu này áp dụng từ ngày mùng 5 tháng 7 năm 1922”, nhưng tôi vẫn còn đọc được những tên người đã phai màu mực. Những tên ấy sẽ cho các bạn một khái niệm rõ hơn những lời kể chung chung của tôi về những người đã chấp nhận lòng hiếu khách của Gatsby, và đã đền đáp lại anh một cách tế nhị là tuyệt nhiên không thềm biết tí gì về anh. Vậy là từ ở East Egg đến có cặp vợ chồng Chester Becker và vợ chồng Leech cùng với một người tên là Bunsen mà tôi có quen hồi ở trường đại học Yale. Có bác sĩ Webster Civet, ông này mùa hè năm sau bị chết đuối ở bang Maine. Có vợ chồng Hornbeam, và vợ chồng Willie Voltaire, và cả một nhóm tên là Blackbuck bao giờ cũng tụ tập với nhau riêng một nơi và hễ có ai đến gần là lại héch mui lên như những con dê. Có vợ chồng Ismay, vợ chồng Chrystie (hay nói cho đúng hơn là Hubert Auerbach và vợ của Chrystie) và Edgar Beaver. Anh chàng này, như người ta kể, vào một buổi chiều mùa đông, tóc bỗng dựng bạc trắng như bông.

Clarence Endive là người ở East Egg sang, như tôi còn nhớ. Ông ta chỉ đến có một lần, mặc quần cộc trắng và đã đánh nhau ở trong vườn với một gã vô lại tên là ETTY. Từ đầu đằng kia đảo Long Island đến có cặp vợ chồng Cheadle, vợ chồng O. R. P. Schraeder, vợ chồng Stonewall Jackson Abram người bang Georgia và vợ chồng Fishguard, vợ chồng Ripley Snell. Snell đến đây trước hôm

vào ngòi tù ba ngày, nằm say mềm giữa đường xe chạy trong vườn, đến nỗi để cho chiếc xe hơi của bà Ulysses Swett chệch đứt bàn tay phải. Vợ chồng Dancy cũng đến, rồi có S. B. Whitebait, tuổi đã quá sáu mươi, có Maurice A. Flink, vợ chồng Hammerhead, Beluga, nhà nhập khẩu thuốc lá và mấy cô bạn gái của Beluga.

Từ West Egg đến có vợ chồng Pole, vợ chồng Mulready, có Cecil Roebuck, Cecil Schoen và Gulick, thượng nghị sĩ bang New York, có Newton Orchid, người nắm công ty “Những bộ phim tuyệt tác”, có Eckhaust, Clyde Cohen, Don S. Schwartze (con) và Arthur McCarty, tất cả đều dính líu với ngành điện ảnh bằng cách này hay cách khác. Có vợ chồng Catlip, vợ chồng Bemberg và G. Earl Muldoon, anh em gì đó với gã Muldoon mà sau này đã bóp cổ vợ. Nhà cổ động kinh doanh Da Fontano cũng hay lai vãng đến đây. Ngoài ra còn có Ed Legros và James B. Ferret mệnh danh là “Thỏ đế” cùng với vợ chồng De Jong and Ernest Lilly – họ đến để đánh bạc, và khi Ferret tha thẩn trong vườn có nghĩa là ông ta đã nhả túi và thế nào hôm sau cổ phần của công ty Vận tải liên hợp cũng sẽ phải lên xuống.

Một gã tên là Klipspringer đến đây luôn và ở lâu đến nỗi được đặt cho cái tên là “gã ở trọ” – tôi không chắc gã có một nơi ở nào khác. Trong số những nhân vật thuộc giới sân khấu đến đây có Gus Waize và Horace O’Donovan, Lester Meyer, George Duckweed và Francis Bull. Cũng từ New York đến có vợ chồng Chrome và vợ chồng Backhysson, vợ chồng Dennicker và Russel Betty cùng với vợ chồng Corrigan, có vợ chồng Kelleher, vợ chồng Dewar và vợ chồng Scully cùng với S. W. Belcher, có vợ chồng Smirke và cặp vợ chồng trẻ Quinn, nay đã li dị nhau. Có Henry L. Palmetto, kẻ đã tự tử bằng cách lao đầu vào xe điện ngầm ở quảng trường Thời đại.

Benny McClenahan bao giờ cũng đến cùng với bốn cô bạn gái. Không phải lần nào cũng vẫn những người cũ, nhưng họ giống hệt nhau đến nỗi không thể không làm cho người ta nhầm tưởng rằng lần trước họ đã đến rồi. Tôi quên mất tên những cô gái ấy – có lẽ là Jaqueline hay Consuela, Gloria hoặc Judy hay June gì đó, còn họ thì hoặc là du dương như tên gọi các loài hoa và các tháng, hoặc nghiêm trang hơn, đọc lên nghe giống họ của các nhà đại tư bản Mỹ mà mấy cô gái ấy sẽ thú nhận là bà con với mình nếu ta gạn hỏi.

Ngoài tất cả những người ấy ra, tôi còn nhớ Faustina O’Brien đã đến đây ít nhất một lần cùng với các cô gái nhà Baedeker và chàng thanh niên Brewer bị mất mũi trong chiến tranh. Tôi nhớ còn có Albrucksburger với vị hôn thê của ông ta là cô Haag, có vợ chồng Ardita Fitz-Peter và ông P. Jewett, người có một thời đã từng làm chủ tịch Hội cựu chiến binh Mỹ, có cô Claudia Hip đi cùng với một ông mà người ta bảo là tài xế của cô, và một ông hoàng gì đó mà người ta gọi là

Công tước – tên của ông hoàng này nếu như tôi có biết thì nay cũng quên mất rồi.

Tất cả bọn họ đã đến biệt thự Gatsby mùa hè năm ấy.

*

* *

Một buổi sáng cuối tháng bảy, vào lúc chín giờ, chiếc xe lộng lẫy của Gatsby lắc lư lăn bánh trên lối đi gồ ghề sỏi đá dẫn đến cửa nhà tôi và thả ra một nét nhạc du dương từ cái còi ba nốt của nó. Đây là lần đầu tiên Gatsby đến thăm tôi tuy tôi đã hai lần đến dự dạ hội ở nhà anh, đi chơi trên chiếc thuyền phi cơ của anh, và theo lời mời khẩn khoản của anh, đã thường xuyên sử dụng bãi biển nhà anh.

- Xin chào người anh em. Vì anh đã nhận lời đi ăn trưa với tôi hôm nay nên tôi đưa xe đến đón anh đi cùng.

Thấy tôi trầm trồ ngắm nghía chiếc xe, Gatsby hỏi:

- Đẹp đấy chứ, phải không, người anh em? Trước đây anh đã trông thấy nó bao giờ chưa?

Tôi đã thấy nó. Ai cũng đã thấy nó. Chiếc xe sơn màu kem, mạ kền sáng loáng, thân xe dài khủng khiếp với nhiều chỗ phình ra làm ngăn đặt mũ, ngăn đựng đồ ăn đi cắm trại và ngăn đựng dụng cụ, còn trên mui là những thanh chắn gió đan với nhau lằng nhằng rắc rối và lấp lánh phản chiếu dễ đến hàng chục mặt trời. Ngồi sau nhiều lớp kính trông như một nhà kính ươm cây, chúng tôi cho xe chạy ra thành phố.

Tôi đã nói chuyện với Gatsby tháng trước khoảng năm sáu lần và thất vọng thấy rằng không có gì đáng nói về anh. Vì vậy cảm tưởng đầu tiên của tôi cho rằng Gatsby là một người có địa vị đã dần dần tan đi, và đối với tôi, anh nay chỉ là người chủ một lữ quán sang trọng cạnh nhà.

Thế rồi diễn ra chuyến đi chơi bằng xe hơi này, nó làm đảo lộn mọi ý nghĩ. Chưa tới làng West Egg, Gatsby đã bỏ lửng những câu nói bóng bẩy, vỗ tay vào chỗ đầu gối của bộ quần áo màu be nhạt của mình với vẻ phân vân.

- Nay, người anh em, – đột nhiên Gatsby lên tiếng làm tôi giật mình. – Anh nghĩ thế nào về tôi... đại khái là thế nào?

Bị hỏi bất ngờ, tôi nói lảng bằng những câu chung chung thích hợp với loại câu hỏi này.

Gatsby ngắt lời tôi:

- Thôi được. Tôi sẽ kể với anh đôi chút về đời tôi. Tôi không muốn anh nghĩ sai về tôi qua tất cả những câu chuyện mà anh đã nghe được.

Thì ra Gatsby cũng biết những lời tố cáo quái gở đã được gia giảm vào những lời tán gẫu trong các gian phòng ở nhà anh.

- Tôi xin kể với anh sự thật của Chúa trời, – bàn tay phải của Gatsby bỗng ra lệnh cho thần công lí đứng nghiêm. – Tôi là con một gia đình giàu có ở miền Trung Tây. Bố mẹ tôi đều đã mất. Tôi được nuôi nấng tại Mỹ nhưng được học hành tại Oxford vì tổ tiên tôi ai cũng được giáo dục tại trường đại học ấy nhiều năm. Đó là một truyền thống trong gia đình.

Gatsby liếc mắt nhìn tôi – tôi bỗng hiểu ra tại sao Jordan Baker lại tin rằng anh nói dối. Gatsby nói câu “học hành tại Oxford” một cách vội vã như muốn nuốt chửng câu đó hoặc bị tắc cổ vì nó. Có lẽ trước đây nó đã quấy rầy anh. Với mỗi nghi ngờ ấy, tất cả các lời nói của anh tan ra mây khói, và tôi tự hỏi không biết xét cho cùng, phải chăng có một cái gì hơi nham hiểm ở con người anh.

- Ở khu vực nào miền Trung Tây? – Tôi lơ đãng hỏi.

- San Francisco.

- Thế à.

- Gia đình tôi không còn ai và tôi được thừa hưởng một tài sản rất lớn.

Giọng Gatsby nghiêm trang như thể kí ức về sự tiêu vong đột ngột của gia đình hãy còn ám ảnh anh. Thoạt tiên tôi tưởng anh định giấu tôi, nhưng nhìn sang anh tôi biết không phải như vậy.

- Sau đó tôi sống như một ông hoàng tại tất cả các thành phố lớn của châu Âu – Paris, Venice, Rome – sưu tầm những thứ đồ châu báu, chủ yếu là hồng ngọc, săn bắn thú lớn, thỉnh thoảng vẽ vờ một chút, chỉ lo cho bản thân mình và cố quên đi một chuyện rất buồn đã xảy ra với tôi từ lâu.

Tôi cố ghìm lại một nụ cười hoài nghi. Những câu nói sáo rỗng quá đến nỗi chúng không gợi lên một hình ảnh nào khác là một con rối đầu chít khăn, mũn cựa rơi ra lá tả ở mọi lỗ chân lông, đang đuổi theo một con hổ trong khu rừng Boulogne ở ngoại ô Paris.

- Rồi xảy ra chiến tranh, người anh em ạ. Chiến tranh làm tôi khuây khoả rất nhiều. Tôi cố tìm cái chết, nhưng hình như tính mệnh tôi lại được thánh thần bảo hộ thế nào đó. Khi bắt đầu chiến tranh, tôi được phong trung úy. Trong trận đánh ở khu rừng Argonne, tôi dẫn đầu số binh lính sống sót trong tiểu đoàn súng máy của tôi tiến lên qua tuyến đầu, xa đến nỗi ở cả hai bên chúng tôi là một khoảng trống dài đến nửa dặm mà bộ binh không tiến lên nổi. Chúng tôi chót lại hai ngày hai đêm ở đó, một trăm ba mươi người với mười sáu khẩu đại liên Lewis, và cuối cùng khi bộ binh kéo tới thì họ thấy phiến hiệu của ba sư đoàn Đức trong các đồng xác chết. Tôi được thăng cấp thiếu tá và được chính phủ tất cả các nước đồng minh tặng thưởng huân chương, kể cả Montenegro, nước Montenegro nhỏ bé trên bờ biển Adriatic!

Montenegro nhỏ bé! Gatsby bỗng dựng lên giọng khi nói đến nước này và gật đầu, kèm theo một nụ cười. Nụ cười ấy bao gộp trong nó lịch sử rối ren của

Montenegro và bày tỏ thiện cảm với các cuộc đấu tranh anh dũng của nhân dân Montenegro. Nó đánh giá được đầy đủ chuỗi hoàn cảnh dân tộc đã làm nảy ra lời ngợi khen này từ trái tim nhỏ bé ấm áp của Montenegro. Sự hoài nghi của tôi bây giờ bị nhận chìm trong một niềm khâm phục. Tôi nghe câu chuyện như thể mình đang giờ xem một tờ hoa báo.

Gatsby rút tay vào túi rồi thả vào lòng bàn tay tôi một mẫu kim loại buộc vào một dải ruy-băng.

- Đây là tấm huân chương của Montenegro.

Tấm huân chương có vẻ rất thật khiến tôi kinh ngạc vô cùng. Vòng chữ chạy xung quanh đề "Orderi di Danilo, Montenegro, Nicolas Rex."

- Anh lật mặt sau mà xem.

Tôi đọc thấy:

- "Tặng thiếu tá Jay Gatsby, vì lòng dũng cảm phi thường."

- Đây, một vật nữa mà lúc nào tôi cũng mang theo người. Một kỉ niệm của thời kì ở Oxford. Chụp tại sân Trinity Quad. Người ở bên trái tôi bây giờ là bá tước Dorcaster.

Đó là một bức ảnh chụp khoảng năm sáu thanh niên mặc đồ thể thao đi tha thân dưới một cái cổng tò vò, qua đó có thể nhìn thấy một dãy tháp chuông. Trong số đó có Gatsby, trông chỉ trẻ hơn bây giờ một chút, tay cầm một cái gậy đánh cricket.

Như vậy là đúng chứ gì. Tôi thấy hiện ra những tấm da hổ rục rở trong dinh thự của anh trên con Kênh lớn (1), tôi như nhìn thấy anh đang mở ngăn đựng những viên hồng ngọc màu đỏ sẫm để làm dịu bớt những nỗi khắc khoải day dứt trái tim tan nát của anh.

Cất vào trong túi những kỉ vật của mình với vẻ hài lòng, Gatsby bảo tôi:

- Hôm nay tôi muốn nhờ anh một việc hệ trọng, vì vậy tôi thiết nghĩ anh cần biết đôi chút về tôi. Tôi không muốn anh nghĩ tôi chỉ là một kẻ vô danh tiểu tốt. Anh thấy đấy, tôi hay giao du với những kẻ xa lạ chỉ vì tôi đi phiêu bạt đây đó cho quên đi sự việc đau buồn đã xảy ra với tôi. – Gatsby do dự rồi nói tiếp: - Anh sẽ được biết việc tôi nhờ anh trong chiều nay.

- Trong bữa trưa tới?

- Không, chiều nay. Tôi tình cờ được biết chiều nay anh mời cô Baker đi uống trà.

- Phải chăng anh muốn nói anh yêu cô Baker?

- Không đâu, người anh em ạ. Không phải thế đâu. Nhưng cô Baker đã vui lòng nhận lời nói với anh về chuyện ấy.

Tôi tuyệt nhiên không tưởng tượng được "chuyện ấy" là chuyện gì, nhưng tôi thấy bực mình hơn thích thú. Tôi mời Jordan Baker đi uống trà đâu phải để nói

chuyện về ông Jay Gatsby. Tôi tin chắc việc nhờ vả này sẽ là một việc gì đó hết sức kì quái, và trong một lúc, tôi lấy làm tiếc đã đặt chân đến khu vườn quá đông đúc của Gatsby.

Gatsby không nói thêm lời nào nữa. Về đúng mực của anh tăng lên khi chúng tôi đến gần thành phố. Chúng tôi qua cảng Roosevelt, nhìn thoáng thấy những chiếc tàu viễn dương sơn quanh thân một vành đai đỏ, và lướt nhanh qua một phố lát đá tồi tàn, hai bên là hai dãy quán rượu tối lù mù nhưng không vắng khách, những quán rượu của một thời kì hoàng kim đã tàn phai – những năm một nghìn chín trăm gì đó. Sau đó là đến thung lũng tro, trải dài ra hai bên chúng tôi. Tôi thoáng thấy bà vợ Wilson đang loay hoay bên chiếc cột bơm xăng khi xe chúng tôi vụt qua.

Cái chấn sóc xoè ra như đôi cánh, chiếc xe của chúng tôi lướt như bay qua một nửa khu Long Island City, – một nửa thôi, vì khi chúng tôi đang lượn vòng vèo giữa những cột chống đỡ con đường sắt trên cao thì tôi nghe thấy tiếng nổ quen thuộc “bập-bập-bập” của một chiếc mô tô và một nhân viên cảnh sát hùng hổ vụt lên đi song hàng với xe chúng tôi.

- Được rồi, người anh em ạ, – Gatsby nói to.

Chúng tôi cho xe chạy chậm lại. Rút trong ví ra một tấm bìa trắng, Gatsby giơ ra trước mặt viên cảnh sát.

- Ồ, thôi, – viên cảnh sát giơ tay lên vành mũ chào, – Tôi xin lỗi, thưa ông Gatsby. Lần sau tôi sẽ nhận ra ông.

- Cái gì đấy? – tôi hỏi. – Bức ảnh ở Oxford à?

- Tôi đã có dịp giúp viên cảnh sát trưởng một việc nhỏ. Ông ta năm nào cũng gửi cho tôi một tấm giấy thông hành đặc biệt thay cho thiệp chúc mừng Noel.

Trên cầu lớn, ánh nắng len lỏi quan các dầm cầu như nhấp nháy liên hồi với các xe hơi đang vun vút chạy qua, và bên kia con sông, thành phố vươn lên thành từng khối trắng trắng như những viên đường được xây dựng lên bằng một phép màu và bằng những đồng tiền không mùi. Đứng từ cầu Queensboro mà nhìn, người ta luôn cảm thấy như được trông thấy thành phố New York lần đầu với lời hứa hẹn ngông cuồng đầu tiên của nó về tất cả những điều kì diệu và mỹ lệ trên thế giới. Chúng tôi gặp một chiếc xe tang phủ đầy hoa, theo sau là hai chiếc xe rèm che kín mít và những chiếc xe khác ít màu tang tóc hơn chở bạn bè của người chết. Họ tò mò nhìn chúng tôi với những cặp mắt thiếu não và vành môi trên ngấn của người miền đông nam châu Âu. Và tôi thích thú nghĩ rằng hình ảnh chiếc xe lộng lẫy của Gatsby đã nổi bật lên trong ngày nghỉ ảm đạm này của họ. Khi chúng tôi vượt qua đảo Blackwell, một chiếc xe du lịch lớn vượt qua chúng tôi. Ngoài một người tài xế da trắng cầm lái, trong xe còn có ba người da đen ăn mặc đúng mốt, hai anh con trai và một cô con gái. Tôi cười to khi thấy con mắt

họ trọn tròn nhìn về phía chúng tôi với một vẻ kinh dị kiêu kì. Tôi nghĩ:

- Giờ đã qua chiếc cầu này rồi (2) thì chuyện gì cũng có thể xảy ra được hết, bất kể chuyện gì...

Ngay cả Gatsby có là người thế nào đi nữa cũng không làm cho tôi đặc biệt ngạc nhiên.

*

* *

Một buổi trưa ồn ào náo nhiệt. Tại một tầng hầm thoáng gió ở phố Bốn mươi hai, tôi đến gặp Gatsby để ăn trưa cùng với anh. Chớp chớp mắt cho quen với bóng tối trong nhà, tôi loáng thoáng nhận ra anh đang nói chuyện với một ai đó.

- Anh Carraway, xin giới thiệu đây là ông Wolfshiem, bạn tôi.

Một người Do Thái nhỏ bé, mũi tẹt, ngẩng cái đầu to lên nhìn tôi với hai túm lông mũi thò ra quá dài. Một lúc sau, tôi phát hiện ra hai con mắt ti hí của ông ta trong ánh sáng mờ.

- ... thế là tôi nhìn hấn ta một cái, – ông Wolfshiem nói, hớn hờ bắt tay tôi, – và ông thử nghĩ xem tôi làm gì?

- Làm gì? – tôi hỏi, giọng lễ phép.

Nhưng tất nhiên không phải là ông ta nói với tôi, vì ông ta buông tay tôi ra và hếch cái mũi biểu cảm của mình về phía Gatsby.

- Tôi trao tiền cho Katspaugh và bảo “Được rồi, Katspaugh này, đừng có trả cho hấn dù chỉ một xu chừng nào hấn còn cầm cái mòm”. Thế là hấn cầm mòm ngay lập tức.

Gatsby nắm lấy cánh tay hai chúng tôi đẩy vào trong quán ăn. Ông Wolfshiem nuốt ngược vào họng một câu nói khác vừa định thốt ra và thả mình vào một trạng thái lơ đãng của kẻ mộng du.

- Uýttxki? – người hầu bàn hỏi.

- Quán này hay đấy, – Wolfshiem nói, mắt nhìn những cô gái như những nữ tu sĩ vẽ trên trần nhà. – Nhưng tôi thích quán bên kia đường hơn.

- Ủ, uýttxki, – Gatsby tán thành, rồi quay sang Wolfshiem – Ở bên kia quá nóng.

- Nóng và nhỏ quá, đúng thế, nhưng đầy những kỉ niệm.

Tôi hỏi:

- Nơi nào thế?

- Quán Metropole cổ.

Wolfshiem vẻ u buồn, nói chậm rãi:

- Quán Metropole cổ. Đầy những gương mặt đã khuất bóng và đã vắng xa. Đầy những bạn bè nay đã vĩnh viễn ra đi. Chừng nào tôi còn sống thì tôi chưa thể quên cái đêm chúng bắn chết Rosy Rosenthal ở đó. Chúng tôi sáu người ngồi ăn và Rosy đã ăn uống rất nhiều suốt cả tối. Gần đến sáng thì người hầu bàn lại

gần cậu ta với một vẻ kì quặc, bảo là có người muốn nói chuyện với cậu ta ngoài cửa. Rosy nói: “Được rồi” và toan đứng dậy, nhưng tôi kéo cậu ta ngồi xuống:

“- Bảo bọn chó để ấy vào đây, nếu chúng nó muốn nói chuyện với cậu, Rosy ạ. Còn tôi đây thì cậu đừng có mà ra khỏi căn phòng này.”

“Lúc bảy giờ đã là bốn giờ sáng, nếu kéo cửa chớp lên thì đã thấy trời sáng rõ.”

- Anh ấy có ra không? – Tôi ngây thơ hỏi.

- Cậu ấy ra chứ. – Cái mũi của ông Wolfshiem bắn vào tôi những tia giận dữ. –

Ra đến cửa, cậu ấy còn quay lại bảo: “Đừng để hầu bàn mang tách cà phê của tôi đi nhé”. Sau đó cậu ấy bước ra hè đường, và chúng nó bắn cậu ấy ba phát vào đúng giữa bụng rồi phóng xe bỏ chạy.

- Bốn đứa ngồi ghế điện, – tôi nói và hồi tưởng lại vụ này.

- Năm đứa, nếu kể cả Becker. – Hai cánh mũi của ông ta quay sang tôi ra chiều quan tâm. – Có lẽ ông muốn tìm mối làm ăn phải không?

Hai câu nói ấy đi liền nhau làm tôi phải giật mình sửng sốt, Gatsby trả lời hộ tôi:

- Ồ, không phải đâu, ông này không phải là nhân vật ấy.

- Không phải là...? – Wolfshiem có vẻ chững chảng.

- Ông này chỉ là một người bạn. Tôi đã bảo ông là ta sẽ nói chuyện ấy vào một lúc khác cơ mà.

- Tôi xin lỗi, – Wolfshiem nói. – Tôi tưởng nhầm.

Một món thịt băm thơm ngon được dọn lên và Wolfshiem quên mất bầu không khí tình cảm hơn của quán Metropole cổ, bắt đầu ăn một cách hùng hổ mà lại lịch thiệp. Trong khi đó con mắt ông ta từ từ đảo khắp gian phòng – ông ta khép kín vòng quay bằng cách quan sát những người ngồi ngay đằng sau lưng. Tôi tin rằng nếu không vì có tôi, ông ta đã ngó một cái xuống gầm bàn.

Gatsby ngả người sang tôi:

- Người anh em này, tôi e rằng tôi đã làm anh bực mình lúc ở trong xe sáng nay.

Nụ cười của anh ta lại xuất hiện, nhưng lần này tôi chống lại được. Tôi đáp:

- Tôi không thích những chuyện bí mật, và tôi không hiểu tại sao anh lại không nói thẳng với tôi. Sao cứ phải đi vòng qua cô Baker mới được?

- Ồ, không có gì bí mật cả đâu. Cô Baker là một nhà thể thao cỡ lớn, anh biết đấy, và cô ấy sẽ không bao giờ dúng tay vào một điều gì không chính trực.

Đột nhiên, Gatsby nhìn đồng hồ đeo tay, vụt đứng dậy và vội chạy ra khỏi phòng, để tôi ngồi lại bàn một mình với ông Wolfshiem.

- Ông ấy phải ra gọi điện thoại, – Wolfshiem nói, mắt nhìn theo Gatsby. – Một anh chàng đáng quý, có phải không ông? Diễn trai và thượng lưu hết chỗ nói.

- Quả đúng.

- Ông ta là dân Oxford đấy.

- Thế à.

- Ông ta đã được giáo dục tài trường đại học Oxford bên Anh. Ông có biết trường đại học Oxford không?

- Tôi có nghe nói.

- Đó là một trong những trường đại học nổi tiếng nhất thế giới.

Tôi hỏi:

- Ông quen Gatsby đã lâu chưa?

Wolfshiem trả lời với vẻ hài lòng:

- Từ nhiều năm nay rồi. Tôi có cái may mắn quen biết ông Gatsby ngay sau chiến tranh. Chỉ nói chuyện với nhau một giờ là tôi biết đã gặp được một người có dòng dõi. Tôi tự bảo: “Đây là loại người mà ta muốn đưa về nhà giới thiệu với mẹ và em gái ta”, – ông ta ngừng lời một lúc. – Tôi thấy là ông đang nhìn khuy tay áo của tôi.

Không phải thế, nhưng bây giờ thì tôi nhìn thật. Những cái khuy áo làm bằng những mảnh ngà nhỏ trông khá quen thuộc. Wolfshiem mách bảo tôi:

- Đó là những mẫu răng người đẹp nhất.

Tôi nhìn kĩ hơn.

- Ừ mà thật! Ai nghĩ ra như vậy kể khá kì khôi.

- Ờ, ờ, – Wolfshiem xắn tay áo lên trong lần áo ngoài. – Ờ, ờ, Gatsby là người hết sức cẩn thận về khoản phụ nữ. Ngay đến nhìn vợ bạn một cái, ông ta cũng không bao giờ.

Khi nhân vật được hưởng sự tin cậy bản năng ấy trở lại bàn ăn và ngồi xuống thì Wolfshiem uống một hơi cạn tách cà phê và đứng dậy.

- Bữa ăn ngon tuyệt. Nhưng hai bạn trẻ ạ, tôi phải đi đây, để khỏi lạm dụng lòng hiếu khách của các bạn.

- Đi đâu mà vội, Meyer? – Gatsby nói, giọng không có vẻ gì mẫn mà.

Wolfshiem giơ tay lên như kiểu ban phước lành và nói, giọng long trọng:

- Các bạn rất lịch sự, nhưng tôi thuộc về một thế hệ khác. Các bạn ngồi đây bàn cãi về các trò thể thao của các bạn, về các bà phụ nữ trẻ của các bạn và các...

– ông ta thay thế cho một danh từ tưởng tượng bằng một cái hát tay nữa. – Còn tôi, tôi đã năm mươi rồi, tôi không muốn ám các bạn lâu thêm.

Khi ông ta bắt tay và quay đi, cái mũi bi thảm của ông run run. Tôi không biết mình có nói điều gì làm méch lòng ông không.

Gatsby giải thích:

- Đôi khi lão trở nên rất đa sầu đa cảm. Hôm nay là một trong những ngày sầu não ấy. Lão là một kẻ có tiếng ở New York, một cư dân phố Broadway đấy.

- Ông ta làm nghề gì, diễn viên à?

- Không.

- Thợ chữa răng?

- Meyer Wolfshiem ấy à? Không phải, lão là một tay đánh cá ăn tiền, – Gatsby ngập ngừng rồi thản nhiên nói tiếp. – Chính lão đã bố trí trước trận chung kết giải quán quân bóng chày thế giới năm 1919.

- Bố trí trước trận chung kết giải quán quân bóng chày thế giới? – Tôi nhắc lại. Câu nói ấy làm tôi sửng ngờ. Tất nhiên tôi còn nhớ trận chung kết giải quán quân thế giới về môn bóng chày năm 1919 đã bị bố trí sắp đặt từ trước, nhưng cho đến nay tôi cho rằng đó là chuyện tự nhiên xảy ra, là cái khâu cuối cùng của cả một chuỗi sự việc không thể tránh khỏi. Tôi không hề bao giờ nghĩ rằng một kẻ lại có thể lừa dối lòng tin của năm mươi triệu con người với vẻ thản nhiên của một tên ăn trộm như thế.

Một phút sau tôi mới hỏi được:

- Duyên do thế nào mà ông ta lại làm chuyện đó?

- Rất đơn giản. Lão thấy có cơ hội.

- Tại sao ông ấy không phải ngồi tù?

- Người ta không tóm cổ nổi lão, người anh em ạ. Lão láu cá lắm.

Tôi một mực đòi trả tiền. Khi người hầu bàn mang tiền thừa trả lại, tôi bỗng nhìn thấy Tom Buchanan qua đám đông, ở đầu đằng kia gian phòng. Tôi bảo Gatsby:

- Anh đi cùng với tôi ra đây một phút, tôi phải ra chào một người quen.

Thấy chúng tôi, Tom đứng bật dậy, bước khoảng năm sáu bước về phía chúng tôi. Anh sốt sắng:

- Lâu nay anh đi đâu thế? Daisy phát khùng lên vì không thấy anh gọi điện thoại.

- Đây là ông Gatsby, đây là ông Buchanan.

Hai người bắt tay nhau rất nhanh và một vẻ bối rối căng thẳng không thường thấy ở Gatsby hiện lên trên nét mặt anh.

Tom hỏi tôi:

- Đạo này anh có khỏe không? Sao anh lại đến tận đây ăn trưa.

- Tôi ăn trưa với ông Gatsby.

Tôi quay sang Gatsby, nhưng anh không còn ở đấy nữa.

*

* *

Vào một ngày tháng Mười năm một nghìn chín trăm mười bảy...
(Chiều hôm ấy, ngồi thẳng đuồn trên một chiếc ghế trong vườn trà khách sạn Plaza, Jordan kể với tôi).

... em đang đi dạo chơi ngoài phố, khi thì bước trên hè đường, khi thì trên bãi cỏ. Em thích đi trên cỏ hơn vì em đi giày Anh để có những cục cao su bám lấy đất mềm. Em mặc một chiếc váy kẻ ô mới, cái váy căng phồng lên một chút khi có gió, và mỗi lần như vậy thì các lá cờ xanh, cờ trắng, cờ đỏ treo trước cửa tất cả các ngôi nhà duỗi thẳng thẳng băng và kêu tút-tút-tút như chê trách.

Lá cờ to nhất trong hàng cờ ấy và bãi cỏ rộng nhất trong tất cả các bãi cỏ ấy là của nhà Daisy Fay. Daisy vừa tròn mười tám, hơn em hai tuổi, và là cô gái được mến mộ nhất ở thành phố Louisville, bỏ xa tất cả các cô gái khác. Daisy thường mặc đồ trắng, nàng có một chiếc xe hơi nhỏ mui trần hai chỗ cũng màu trắng. Suốt ngày, chuông điện thoại reo tới tấp trong nhà Daisy: các chàng sĩ quan trẻ ở doanh trại Taylor náo nức gọi điện thoại xin được đặc ân đến tối một mình gặp riêng Daisy. “Chỉ xin một tiếng đồng hồ thôi!”.

Sáng hôm ấy, khi em qua nhà Daisy thì chiếc xe hơi trắng của Daisy đang đỗ bên bờ hè, Daisy đang ngồi trong xe với một chàng trung úy em chưa gặp bao giờ. Hai người mê mải với nhau đến nỗi em còn cách đó có năm bước Daisy mới nhìn thấy em.

- Jordan, – Daisy bất ngờ gọi, – lại đây nào.

Em thường lấy làm hãnh diện được Daisy hỏi chuyện, vì trong số tất cả các cô gái lớn tuổi hơn mình, em ngưỡng mộ Daisy nhất. Daisy hỏi em có đến Hội chữ thập đỏ làm băng cứu thương không. Em có đến. Vậy thì nhờ em báo hộ là nàng không đến được hôm đó nhé. Trong khi Daisy nói, chàng sĩ quan kia cứ nhìn nàng, nhìn với con mắt mà người con gái nào cũng mong muốn có ngày được nhìn như vậy. Em thấy cảnh ấy tình tứ đến nỗi cho đến nay em vẫn chưa quên. Tên chàng sĩ quan là Jay Gatsby. Hơn bốn năm, em không gặp lại anh ta, – đến khi gặp lại anh ta ở Long Island em cũng không nhận ra hai người là một.

Chuyện ấy diễn ra vào năm một nghìn chín trăm mười bảy. Năm sau, em cũng có một vài chàng trai theo đuổi, và em bắt đầu tham dự các giải nên không gặp được Daisy luôn. Daisy không đi chơi với mấy ai và nếu có thì thường là chơi với một nhóm người lớn tuổi hơn mình một chút. Có những tin đồn xằng bậy về nàng – người ta bảo rằng một tối mùa đông, mẹ nàng bắt gặp con gái đang chuẩn bị hành trang đi New York để tiễn một chàng sĩ quan sắp đi phục vụ ở nước ngoài. Gia đình đã kịp ngăn lại, nhưng nàng dối với gia đình mấy tuần. Sau đấy thì Daisy không chơi bời với giới sĩ quan nữa mà chỉ giao du với một vài anh con trai địa phương ốm o, cận thị, không vào được quân đội.

Đến mùa thu năm sau, Daisy lại vui vẻ, vui vẻ như xưa. Nàng chính thức bước chân vào xã hội sau ngày đình chiến và đến tháng Hai thì có tin nói nàng đã chính thức đính hôn với một chàng trai ở New Orleans. Nhưng đến tháng Sáu thì Daisy lấy Tom Buchanan, người Chicago. Lễ cưới cực kỳ sang trọng, xa hoa, cả Louisville chưa thấy bao giờ. Nhà trai đến một trăm người đi riêng bốn toa xe lửa và thuê cả một tầng khách sạn Seelbach. Trước hôm cưới một ngày, chú rể tặng cô dâu một chuỗi ngọc trai trị giá ba trăm năm mươi nghìn đôla.

Em đi phù dâu. Em vào phòng Daisy trước tiệc cưới nửa giờ, thấy nàng đang nằm dài trên giường, đẹp như một đêm tháng Sáu trong chiếc áo dài hoa, và say

khuyết. Một tay Daisy cầm một chai rượu vang Sauterne và tay kia cầm một bức thư.

- Khen chị đi, – Daisy nói, – chị chưa bao giờ uống rượu đâu nhé, nhưng nay uống sao ngon ghê.

- Daisy, chị làm sao thế?

Thú thật với anh là em hoảng. Em chưa bao giờ thấy một người con gái nào say đến vậy.

- Em của chị này, – Daisy mò tay vào trong chiếc sọt giấy đặt ngay cạnh người trên giường lôi ra chuỗi hạt trai, – em mang xuống dưới nhà trả nó cho chủ của nó. Bảo với mọi người là Daisy đổi ý rồi. Bảo là Daisy đổi ý rồi.

Nàng bắt đầu khóc, khóc tằm tức mãi không thôi. Em chạy đi tìm người hầu gái của mẹ nàng. Mấy người chúng em khoá cửa, xúm lại ấn Daisy vào một bồn tắm nước lạnh. Daisy vẫn không chịu buông lá thư. Nàng cầm cả lá thư vào trong bồn tắm, cứ bóp chặt lấy nó làm nó mủn ra thành một cục và chỉ đến khi thấy nó sắp rơi vụn ra như tuyết mới chịu để em vứt bỏ vào hộp xà phòng.

Nhưng Daisy không hề răng nói thêm một lời nào nữa. Mấy người chúng em cho nàng ngủi nước đá quý, áp đá lên trán, ép nàng mặc quần áo, và nửa giờ sau, khi bọn chúng em ở trong buồng đi ra thì chuỗi ngọc trai đã được đeo ở cổ nàng và sự việc lôi thôi vừa rồi thế là đã xong. Năm giờ chiều hôm sau, Daisy lấy Tom Buchanan, thản nhiên như không hề có chuyện gì xảy ra, và hai vợ chồng đi chơi ba tháng ở vùng Biển Nam Thái bình dương.

Em gặp lại hai vợ chồng Daisy ở Santa Barbara khi họ trở lại Mỹ. Em nghĩ chưa từng thấy người vợ nào yêu chồng say đắm đến vậy. Chồng mà đi đâu khỏi phòng một phút thôi là Daisy đã nhón nhác nhìn quanh hỏi: “Tom đâu rồi?” và thần thờ cho đến khi anh ấy trở lại. Daisy thường ngồi cả giờ trên bãi cát, đặt đầu anh ấy lên lòng mình, lấy ngón tay vuốt nhẹ đôi mắt anh ấy và nhìn anh ấy với một vẻ đê mê sung sướng. Nhìn họ bên nhau như thế làm người ta phải xúc động, phải cười thầm trân trọng. Hồi ấy là vào tháng Tám. Một tuần sau ngày em rời Santa Barbara, Tom lái xe ban đêm đâm phải một chiếc xe ngựa trên đường đi Ventura, làm gãy mất một bánh trước. Cô gái ngồi trên xe cùng với anh ấy cũng bị đưa lên báo, vì cô ta bị gãy tay. Cô ta là một cô hầu phòng ở khách sạn Santa Barbara.

Tháng Tư năm sau, Daisy sinh con gái. Hai vợ chồng sang Pháp một năm. Em gặp họ vào một mùa xuân ở Cannes, ít lâu sau lại gặp ở Deauville, rồi sau đó họ trở về sống ở Chicago. Như anh biết, ở Chicago, Daisy được nhiều người yêu mến. Vợ chồng Daisy giao du với một nhóm người ăn chơi, trẻ trung, giàu có và bừa bãi, nhưng Daisy vẫn giữ trọn thanh danh. Có lẽ là vì Daisy không uống rượu. Không uống rượu là một lợi thế lớn giữa đám người uống nhiều. Ta có thể

giữ mồm, và hơn nữa ta có thể làm những chuyện không đúng mực cho lắm nhưng người khác đã mờ mắt không nhìn thấy gì hết hoặc chẳng thèm để tâm đến làm gì. Có lẽ Daisy chưa bao giờ dính vào chuyện yêu đương – tuy nhiên có một cái gì đó trong giọng nàng...

Thế rồi, cách đây sáu tuần, lần đầu tiên trong nhiều năm, Daisy nghe nói đến tên Gatsby. Đó là lúc em hỏi anh – anh còn nhớ không? – em hỏi anh có biết ông Gatsby ở West Egg không. Anh đi rồi, Daisy vào phòng em đánh thức em dậy và hỏi “Gatsby nào thế?” Em đang thiu thiu ngủ nhưng cũng miêu tả ông Gatsby ấy. Nghe xong, Daisy nói bằng một giọng hết sức khác lạ rằng có lẽ đó là người nàng quen. Mãi cho đến lúc bấy giờ em mới nhận ra Gatsby chính là chàng sĩ quan ngồi trên chiếc xe hơi màu trắng của Daisy năm nào.

*

* *

Khi Jordan Baker kể xong, chúng tôi đã rời khách sạn Plaza được nửa giờ và đang ngồi trên một chiếc xe mui trần chạy qua công viên trung tâm. Vàng dương đã khuất sau những toà nhà cao chót vót của các ngôi sao màn bạc trên các đường phố Năm mươi ở khu Tây, và đám trẻ con đã tụ tập như bầy dế mèn trên bãi cỏ, tiếng hát trong trẻo của chúng vang lên trong ánh chiều chạng vạng nóng bức:

*Ta là vua Araby,
Tình em phải thuộc về tay ta.
Đêm đến, khi em đã yên ngủ,
Ta bò vào thăm em của ta*

- Một chuyện ngẫu nhiên kì lạ thật, – tôi nói.

- Không phải ngẫu nhiên tí nào đâu.

- Sao không phải?

- Gatsby mua toà nhà kia là để được ở cách nhà Daisy chỉ một cái vịnh nhỏ.

Ra vậy không phải Gatsby chỉ mơ tưởng đến các vì sao trên trời trong đêm tháng Sáu ấy. Anh hiện lên sống động trước mắt tôi, bất thần rũ bỏ được cái vỏ xa hoa lộng lẫy vô mục đích của anh.

Jordan nói tiếp:

- Gatsby nhờ anh mời Daisy đến chơi nhà anh vào một buổi chiều và để cho anh ấy cùng sang chơi bên anh.

Yêu cầu nhỏ bé ấy làm tôi xúc động. Gatsby đã chờ đợi đằng đằng năm năm, đã mua cả một toà lâu đài làm nơi ban phát ánh sao cho đàn bướm đêm vô tình, chỉ để anh có thể “sang chơi” bên vườn nhà một người xa lạ một buổi chiều nào đó.

- Cần gì phải cho tôi biết tất cả đầu đuôi câu chuyện rồi anh ta mới dám hỏi một điều nhỏ mọn đến vậy.

- Anh ấy sợ, anh ấy đã chờ đợi bao nhiêu lâu rồi. Anh ấy nghĩ có thể anh bị méch lòng. Anh thấy đấy, dưới vẻ bề ngoài kia, Gatsby chỉ là một kẻ cục mịch tầm thường.

Có một điều làm tôi băn khoăn:

- Tại sao Gatsby không nhờ cô sắp đặt cho một buổi gặp gỡ?

- Anh ấy muốn Daisy đến thăm nhà anh ấy cơ. – Jordan giải thích. – Mà nhà anh thì ở ngay cạnh nhà anh ấy.

- À.

Jordan nói tiếp:

- Em cho rằng Gatsby có lẽ đã có ý mong chờ Daisy một đêm nào đó sẽ tình cờ đến dự một trong những buổi dạ hội ở nhà anh ấy, nhưng Daisy chưa bao giờ đến. Thế là anh ấy đi hỏi hủ hoạ mọi người xem có ai quen Daisy không, và em là người đầu tiên anh ấy tìm được. Chính là trong buổi tối mà Gatsby cho người đến tìm em giữa cuộc khiêu vũ. Chắc anh đã thấy anh ấy rào đón như thế nào. Cố nhiên, em đề xuất ngay một bữa ăn trưa tại New York. Nói xong, em tưởng anh ấy phát khùng:

- Tôi không muốn có chuyện gì khuất tất, – Gatsby cứ làu bàu mãi. – Tôi muốn gặp nàng ngay cạnh nhà tôi.

Khi em nói anh là bạn thân của Tom thì Gatsby đã toan huỷ bỏ dự định. Gatsby không biết gì nhiều về Tom, tuy anh ấy bảo là đã đọc một tờ báo Chicago trong mấy năm liền chỉ cốt mong sao gặp tên Daisy.

Trời bây giờ đã tối. Khi xe chúng tôi chui qua gầm một chiếc cầu nhỏ, tôi quàng tay ôm lấy đôi vai Jordan, kéo cô ta về phía tôi và ngỏ lời mời cô ta đi ăn tối. Bỗng nhiên tôi không còn nghĩ gì đến Daisy hoặc Gatsby nữa, mà chỉ nghĩ đến con người nhỏ nhắn, rắn chắc và hèn mọn này, con người hoài nghi hết thảy mọi thứ trên đời và đang nhanh nhẩu ngã người vào trong vòng tay tôi.

- Với lại Daisy cũng cần được hưởng một chút gì trong đời chứ, – Jordan thì thầm với tôi.

- Nàng có muốn gặp Gatsby không?

- Không được để Daisy biết chuyện. Gatsby không muốn Daisy biết. Anh cứ coi như là chỉ mời nàng đến uống trà thôi.

Xe chúng tôi đi qua một hàng cây tối sẫm, rồi qua mặt phố Năm mươi chín, một khối ánh sáng nhợt nhạt êm dịu hắt xuống công viên. Không như Gatsby và Tom Buchanan, tôi không có một người bạn gái nào mà gương mặt lướt qua loang loáng trên các gờ mái nhà tối đen và những dòng chữ quảng cáo sáng chói, vì vậy tôi kéo về phía mình người con gái đang ngồi cạnh tôi, siết chặt vòng tay tôi. Khoé miệng uể oải và khinh khỉnh của cô ta hé nở một nụ cười và thế là tôi kéo cô ta lại gần hơn nữa, lần này sát vào mặt tôi.

Chú thích:

- (1) Kênh ở thành phố Venice (Ý) làm thành đại lộ chính của thành phố này.
- (2) Tức là đã sang địa phận New York.

Chương V

Đêm ấy, khi xe về đến West Egg, tôi đã tưởng nhà tôi bị cháy. Hai giờ đêm mà cả một vùng bán đảo rực sáng, ánh sáng hư ảo chan hoà các lùm cây và kéo thành những sợi lấp lánh dài trên các đường dây điện. Sau một khúc ngoặt, tôi nhận ra đó là toà biệt thự của Gatsby, đèn bật sáng trưng từ tầng thượng đến tầng hầm.

Thoạt tiên tôi tưởng lại có một cuộc vui mới, một buổi dạ hội điên loạn đã biến thành một trò “đi trốn đi tìm” lấy cả toà nhà làm chỗ chơi. Nhưng không có một tiếng động nào. Chỉ có gió thổi xào xạc trên ngọn cây đu đưa các sợi dây điện làm cho ánh đèn lấp loé như thể toàn nhà nhấp nháy mắt với bóng đêm. Trong khi chiếc tắc xi chở tôi rờ máy rời đi, tôi thấy Gatsby đi tạt ngang qua vườn nhà anh về phía tôi.

Tôi nói:

- Nhà anh cứ như Hội chợ thế giới ấy.
- Thế ư? – Gatsby ngoảnh lại nhìn toà nhà với con mắt lơ đãng. – Tôi đi xem qua các gian phòng mà. Này, người anh em, ta đi Coney Island đi. Bằng xe tôi.
- Quá muộn rồi.
- Hay ta ra tắm một lát ở bể bơi. Cả mùa hè năm nay tôi chưa dùng đến nó.
- Tôi phải đi ngủ, anh ạ.
- Thôi vậy.

Gatsby nhìn tôi chờ đợi, nén lại vẻ nôn nóng. Sau một lúc, tôi lên tiếng:

- Cô Baker đã nói chuyện với tôi rồi. Ngày mai, tôi sẽ gọi dây nói cho Daisy, mời cô ấy đến dự bữa trà tại nhà tôi.
- Ồ, tốt lắm, – Gatsby nói với giọng hờ hững, – Tôi quả không muốn làm phiền anh một chút nào.
- Hôm nào tiện cho anh?
- Hôm nào tiện cho anh? – Gatsby nhanh nhẩu sửa lại lời tôi. – Quả tôi không muốn làm phiền anh một chút nào.
- Ngày kia có được không?

Gatsby cân nhắc một lúc, rồi giọng ngại ngần:

- Tôi muốn cho xén cỏ.

Hai chúng tôi cùng nhìn xuống bãi cỏ: bãi cỏ lờm chờm nhà tôi phân biệt hẳn

bằng một đường rất rõ nét với thảm cỏ sẫm bằng phẳng được chăm sóc cẩn thận, trải dài bên phía nhà Gatsby. Hẳn Gatsby muốn nói về bãi cỏ nhà tôi.

- Còn một chuyện nhỏ nữa, – Gatsby lại ấp úng, ngập ngừng.

- Hay anh định lui lại một vài ngày nữa? – Tôi hỏi.

- À, không phải về chuyện ấy. Ít ra... – Gatsby lúng túng không biết mở đầu như thế nào. – Thế này, tôi nghĩ... À này, người anh em, chắc anh kiếm không được nhiều tiền cho lắm phải không?

- Không nhiều lắm.

Câu trả lời ấy làm Gatsby có vẻ vững dạ. Anh nói tiếp, giọng vững vàng hơn.

- Tôi cũng nghĩ là không nhiều lắm. Tôi xin lỗi nếu tôi... Anh biết đấy, tôi có một công việc kinh doanh phụ nho nhỏ, một thứ làm phụ thôi, anh hiểu chứ. Và tôi nghĩ nếu anh không kiếm được nhiều lắm... Anh làm nghề chào bán chứng khoán, phải không, người anh em?

- Mới tập tành thôi.

- Thế thì có việc này khá hay đối với anh. Nó không chiếm mất nhiều thời gian của anh mà lại có thể giúp anh thu về khá nhiều tiền. Đây là một việc làm ăn tương đối kín đáo.

Đến bây giờ tôi nhận ra rằng nếu như ở vào tình huống khác thì câu chuyện này có thể đã là một trong những bước ngoặt đối với cuộc đời tôi. Nhưng vì đề nghị ấy được đưa ra không khéo léo và rõ ràng là để trả ơn cho một công việc mà tôi sẽ giúp Gatsby nên tôi không có cách nào khác là phải cắt ngang ngay ở đây.

- Tôi kín hết thời gian rồi. Tôi rất cảm ơn nhưng không thể nhận thêm việc nào nữa.

- Không phải là làm việc với Wolfshiem đâu. – Rõ ràng Gatsby tưởng rằng tôi muốn thoái thác cái “đầu mối” được nêu lên hồi trưa, nhưng tôi bảo ngay là không phải. Gatsby chờ đợi một lúc nữa, mong tôi sẽ nói sang một chuyện khác nhưng tâm trí tôi đang quá bận không muốn chuyện trò gì nên anh đành phải về.

Buổi tối vừa trôi qua làm tôi cảm thấy đầu óc lâng lâng vui sướng. Hình như tôi đã chìm ngay vào một giấc ngủ say khi bước qua cổng chính nhà tôi. Vì vậy tôi không biết Gatsby có đi Coney Island không, hoặc anh “đi xem các gian phòng” mất bao nhiêu tiếng đồng hồ trong khi toà biệt thự của anh vẫn tràn trề ánh sáng. Sáng hôm sau từ nơi làm việc, tôi gọi điện thoại cho Daisy, mời nàng đến dùng trà.

- Đừng rủ Tom, – tôi nhắc.

- Gì cơ?

- Đừng rủ Tom.

- Tom là ai nhỉ? – Daisy vặn lại với giọng ngây thơ.

Đúng hôm hẹn, trời mưa to. Khoảng mười một giờ sáng, một người thợ mặc áo

mưa kéo một cái máy xén cỏ đến gõ cửa nhà tôi thưa rằng ông Gatsby sai anh ta đến xén cỏ nhà tôi. Thấy vậy tôi mới sực nhớ là đã quên dặn chị giúp việc người Phần Lan đến làm việc hôm nay. Tôi đành phải lái xe sang làng West Egg tìm chị ta qua những ngõ ngách lầy lội quét vôi trắng, đồng thời mua vài cái tách, một ít chanh và hoa.

Hoa là thừa, vì đến hai giờ chiều, cả vườn ươm bên nhà Gatsby được chuyển sang nhà tôi với không biết bao nhiêu là chậu và bình để cắm hoa. Một giờ sau, có ai hấp tấp đẩy cánh cổng nhà tôi, rồi Gatsby trong bộ com-lê bằng nỉ trắng, sơ mi màu trắng bạc và ca-vát vàng, vội vã bước vào. Mặt anh tái mét và có những quầng sẫm dưới đôi mắt mắt ngủ. Gatsby hỏi ngay:

- Tốt đẹp cả chứ?

- Cỏ xén đẹp lắm, nếu đó là điều anh muốn hỏi.

- Cỏ nào nhỉ? – Gatsby ngờ ngác. – À, cỏ ngoài vườn!

Gatsby nhìn qua cửa sổ ra mảnh vườn, nhưng xét theo nét mặt anh, tôi cho rằng anh chẳng nhìn thấy gì cả. Gatsby nói chung chung:

- Trông rất đẹp. Có tờ báo nói chắc rằng đến bốn giờ thì trời tạnh. Hình như tờ “Nhật báo” thì phải. Anh đã có đủ mọi thứ cần thiết cho bữa trà chưa?

Tôi dẫn Gatsby vào gian bếp. Anh nhìn chị giúp việc của tôi với vẻ trách móc. Hai chúng tôi cùng xem xét tá bánh ngọt mua ở hiệu bánh về.

- Có được không?

- Được lắm, được lắm. Rất tốt, – rồi giọng thảng thốt của Gatsby nói thêm – ... người anh em ạ.

Đến khoảng ba giờ thì trời ngớt mưa và chuyển thành một làn sương bụi ẩm ướt, đây đó lơ lửng một vài giọt nước như hạt sương to. Gatsby giờ xem một cuốn “Kinh tế học” của Clay với con mắt không thần sắc. Anh giật mình khi nghe thấy tiếng chân chị giúp việc làm rung sàn bếp, thỉnh thoảng lại vụng trộm nhìn qua những ô cửa kính mờ hơi sương như thể bên ngoài đang diễn ra một loạt sự việc vô hình nhưng đáng ngại. Cuối cùng, Gatsby đứng dậy, áp úng bảo với tôi là anh đi về.

- Sao lại về?

- Không có ai đến dự bữa trà đâu. Quá muộn rồi. – Anh xem đồng hồ đeo tay như bận một việc gì cấp bách ở đâu. – Dù sao, tôi không thể đợi suốt ngày.

- Đừng ngốc nghếch. Bây giờ mới là bốn giờ kém hai phút.

Gatsby lại ngồi xuống, vẻ thiếu não cứ như tôi đã bắt ép anh ngồi. Cùng lúc ấy có tiếng xe hơi lăn bánh vào lối đi trong vườn nhà tôi. Hai chúng tôi cùng bật dậy và tôi bước ra vườn, hơi bối rối.

Một chiếc xe hơi lớn mui trần đang tiến vào lối đi dưới hai cây tử đinh hương trĩu lá và rõ những hạt nước mưa long tọng. Chiếc xe dừng lại. Gương mặt Daisy

dưới một chiếc mũ tam giác màu trứng sáo, ngoẹo sang một bên, ở trong xe nhìn tôi với một nụ cười say sưa, tươi rói.

- Có đúng là anh sống ở đây không, anh yêu quý?

Giọng nói uốn lượn tức cười của nàng là một chủ âm nổi bật giữa tiếng mưa rơi đều đều. Tôi buộc phải lắng nghe một lúc những âm thanh lên bổng xuống trầm đó chỉ bằng riêng thính giác rồi sau mới hiểu được những lời nói. Một món tóc ướt vương xuống như một vệt sơn xanh quệt ngang má và bàn tay mà tôi cảm để đỡ nàng xuống xe đắm những hạt sương lóng lánh.

Daisy nói rất nhỏ vào tai tôi:

- Anh yêu em ư, chứ sao em lại phải đến một mình?

- Đó là điều bí mật của lâu đài Rackrent. Em cho tài xế đi chơi độ một tiếng đi.

- Ferdie, một tiếng nữa lại đây. – Rồi bằng một giọng nho nhỏ trầm trầm: - Tên hấn là Ferdi.

- Xăng có làm ảnh hưởng đến mũi hấn không?

- Em chắc là không, – giọng Daisy ngây thơ. – Tại sao?

Chúng tôi vào trong nhà. Tôi vô cùng kinh ngạc thấy phòng khách trống không.

Tôi thốt lên:

- Thật là quái lạ!

- Cái gì quái lạ?

Daisy ngoảnh đầu lại vì có tiếng gõ cửa trịnh trọng nhẹ nhàng ngoài cửa trước. Tôi ra mở cửa. Nhợt nhạt như một xác chết, Gatsby đứng sừng sững giữa một vũng nước, hai tay thọc sâu vào trong túi áo vet-tông như hai quả tạ, trân trân nhìn vào mặt tôi với vẻ bi thảm.

Tay vẫn thọc trong túi áo, anh sải bước qua mặt tôi và gian tiền sảnh, quay ngoắt một cái như đi trên dây rồi mất hút vào trong phòng khách. Cảnh tượng không có gì là ngộ nghĩnh. Nghe rõ tiếng tim tôi đập thành thành, tôi khép cửa lại, ngăn những hạt mưa đang đổ xuống mỗi lúc một mau hơn.

Trong nửa phút đồng hồ, không có một tiếng động nào. Rồi tôi nghe thấy vọng từ phòng khách ra những âm thanh rì rầm nghẹn ngào và một khúc của chuỗi cười giòn tan, tiếp theo sau là giọng Daisy trong trẻo và giả tạo:

- Chắc chắn là em vô cùng vui mừng được gặp lại anh.

Một lúc im lặng, dài kinh khủng. Không có việc gì mà làm ở gian tiền sảnh nên tôi vào phòng khách.

Tay vẫn đút trong túi, Gatsby đang đứng tựa người vào thành lò sưởi, điệu bộ cố ra vẻ hoàn toàn thoải mái, thậm chí là buồn tẻ nữa. Đầu anh ngả ra sau đến nỗi nó tì vào mặt một chiếc đồng hồ hồng trên mặt lò sưởi và ở tư thế ấy, đôi mắt hốt hoảng của Gatsby nhìn đắm đắm xuống Daisy đang ngồi trên mép một chiếc ghế cứng, hơi sợ sệt nhưng vẫn duyên dáng.

- Chúng tôi đã quen nhau từ trước. – Gatsby lẩm bẩm.

Mắt anh liếc vội nhìn tôi, môi anh mấp máy hé mở định cười nhưng không cười nổi. May thanh, chiếc đồng hồ bị đầu anh tì vào chọn đúng lúc đó nghiêng đi suýt đổ, Gatsby quay lại, hai tay run run vội đỡ lấy chiếc đồng hồ đặt vào chỗ cũ. Rồi anh ngồi xuống, người thẳng đuồn, khuỷu tay tì lên tay đi-văng, bàn tay đỡ lấy cằm. Anh áp úng:

- Tôi xin lỗi về cái đồng hồ...

Mặt tôi bây giờ nóng bừng. Tôi không chọn nổi một câu thông thường nào trong số hàng nghìn câu chập chờn trong đầu. Tôi nói một câu ngốc nghếch:

- Đồng hồ cũ ấy mà.

Hình như lúc này cả mấy người chúng tôi đã tưởng nó sẽ rơi xuống đất vỡ tan.

- Em và ông Gatsby không gặp nhau đã nhiều năm nay, – giọng Daisy rất bình thản.

- Đến tháng Một tới thì được năm năm.

Câu trả lời tấp lự như một cái máy của Gatsby lại làm chúng tôi lúng túng mất ít nhất thêm một phút nữa. Không biết xoay tính cách nào, tôi đề nghị họ vào bếp giúp tôi pha trà. Cả hai đã đứng dậy thì chị Phần Lan quái quỷ làm sao đã bê khay trà lên.

May mà nhờ lúc tíu tít bày bánh trái và tách đĩa, mọi người đã bình tâm lại một chút. Gatsby lúi vào một góc tối và trong khi Daisy và tôi nói chuyện với nhau, anh chăm chú nhìn hai chúng tôi hết người này đến người kia với con mắt căng thẳng, khổ sở. Tuy vậy, mục đích không phải là được yên tĩnh, cho nên thấy có cơ hội đầu tiên là tôi xin lỗi đứng dậy. Nhưng Gatsby đã hoảng lên:

- Anh đi đâu đấy?

- Tôi trở lại ngay bây giờ.

- Tôi cần nói với anh một chuyện đã rồi anh hãy đi.

Gatsby đi theo tôi vào bếp, ngờ ngác như người mất hồn. Anh đóng cửa bếp lại rồi khẽ thốt lên “Ồi, Trời!” một cách thiếu não.

- Sao thế?

- Một sai lầm kinh khủng. – Gatsby cứ lắc đầu mãi. – Một sai lầm kinh khủng, kinh khủng.

- Anh xúc động đấy mà, có sao đâu, – và may thay tôi nói thêm, – cả Daisy cũng xúc động.

- Nàng xúc động? – Gatsby nhắc lại, vẻ không tin.

- Như anh thôi.

- Anh đừng nói to thế.

- Anh cứ như con nít ấy, – mắt kiên nhẫn, tôi nói lớn. – Không những thế lại còn vô ý thức. Ai lại để Daisy ngồi một mình trong phòng.

Gatsby giờ tay lên chặn lời tôi, nhìn tôi với một vẻ trách móc mà tôi không thể nào quên, rồi thận trọng mở cửa, trở lại gian phòng kia.

Tôi đi ra bằng cửa sau, – theo đúng lối Gatsby đã ra cách đây nửa giờ trước khi bồn chồn đi vòng quanh nhà – rồi chạy vội đến trú bên một thân cây lớn xù xì, vụn vẹo, tán lá dày kín tạo thành một cái mái che mưa. Trời lại mưa to và bãi cỏ mấp mô nhà tôi, đã được người thợ làm vườn của Gatsby xén rất đều, loang lổ những vũng nước và những bãi lầy ngẫu bùn như mặt đất thời kì tiền sử. Đứng dưới gốc cây, không có cái gì khác để nhìn ngoài toà nhà to lớn của Gatsby, và như Kant đã ngắm cái tháp chuông nhà thờ của mình, tôi ngắm mãi toà nhà ấy trong nửa giờ đồng hồ. Một ông chủ nhà máy bia đã cho xây toà nhà này vào đầu thời kì thịnh hành các kiểu kiến trúc lịch sử, tức là cách đây khoảng một chục năm. Có câu chuyện kể rằng ông này đã xin chịu trả tiền thổ trạch cho tất cả các ngôi nhà lân cận trong vùng trong năm năm, nếu chủ các ngôi nhà ấy chịu lợp mái nhà mình bằng rơm. Có lẽ sự cụt tuyệt của họ làm ông ta hết thiết tha với đồ án gây dựng lên một dòng họ, nên ông ta bước ngay sang một thời kì sa sút. Con cái ông ta đã bán nhà lúc vòng hoa tang còn treo ngoài cửa. Người Mỹ tuy sẵn sàng làm nông nô, thậm chí có thể nói là sốt sắng nữa, nhưng xưa nay họ vẫn bướng bỉnh không chịu làm nông dân. Nửa giờ sau trời lại nắng và chiếc xe của hiệu thực phẩm vòng vào đường xe chạy trong vườn nhà Gatsby chở đến những thứ dùng cho bữa tối của gia nhân nhà anh – tôi biết chắc Gatsby sẽ không đụng đến một miếng nào. Một chị hầu phòng bắt đầu đi mở các cửa sổ ở tầng trên, hiện ra từng lúc cách quãng ở các ô cửa và đến cửa sổ gian chính giữa xây lồi ra ngoài, chị ta ngả người qua bậu cửa, trầm ngâm nhỏ nước bọt xuống vườn. Đã đến lúc tôi trở vào nhà. Lúc trời còn mưa, tiếng mưa rơi nghe như tiếng thì thầm của họ trong nhà, thỉnh thoảng lại cao lên, to lên đôi chút trong những cơn xúc động. Nhưng nay không gian trở lại im lìm, tôi cảm thấy trong nhà cũng lại im lặng nốt.

Tôi vào trong nhà sau khi đã làm đủ mọi thứ tiếng động có thể làm được trong gian bếp, suýt nữa thì làm lật nhào cả cái bếp lò – nhưng tôi tin rằng họ vẫn không nghe thấy gì hết. Hai người ngồi mỗi người ở một đầu đi-văng, nhìn nhau như đang hỏi nhau hoặc sắp hỏi nhau một câu gì đó. Vẻ bối rối khi này không còn vương lại một chút nào. Gương mặt Daisy đầm đìa nước mắt. Thấy tôi vào, nàng vụt đứng dậy, lấy mùi soa chấm mắt trước một tấm gương. Nhưng ở Gatsby có một sự biến đổi quả làm tôi kinh ngạc. Anh rạng rỡ hẳn lên. Không có một lời nói hoặc một cử chỉ hân hoan nào, nhưng từ con người anh, một niềm vui sượng mới toả ra tràn ngập cả căn phòng bé nhỏ.

- Ô, chào người anh em, – Gatsby nói, y như chúng tôi không thấy mặt nhau hàng năm trời. Tôi đã tưởng anh sắp bắt tay tôi.

- Trời tạnh rồi.

- Thật à? – Khi Gatsby hiểu ra tôi nói gì, nhận ra ánh nắng lấp lánh reo vui trong gian phòng, anh nở một nụ cười như một nhà khí tượng học, như một người khách thân quen của ánh sáng say sưa thấy nó trở lại, và anh nhắc lại tin ấy với Daisy. – Em nghĩ sao? Trời tạnh rồi.

- Em sung sướng, Jay ạ, – cổ nàng, tràn đầy một vẻ đẹp đau đớn, sâu muộn, chỉ biểu lộ có niềm vui bất ngờ.

- Tôi muốn mời anh và Daisy sang bên tôi chơi, – Gatsby nói. – Tôi muốn dẫn Daisy đi xem nhà.

- Có thực anh muốn tôi sang cùng không?

- Thực chứ, người anh em.

Daisy lên gác rửa mặt – tôi ngỡ ngàng người khi sực nhớ ra quá muộn đến những chiếc khăn mặt của tôi – trong khi Gatsby và tôi chờ ngoài vườn.

- Nhà tôi trông đẹp đấy chứ? – Gatsby hỏi tôi – Anh xem toàn bộ mặt trước nhà đón ánh sáng kìa.

Tôi công nhận là toà nhà tuyệt đẹp.

Gatsby đưa mắt lướt nhìn toà biệt thự của mình, lướt qua từng chiếc cổng vòm, từng cái tháp vuông.

- Tôi mất ba năm mới kiếm được số tiền mua toà nhà này.

- Tôi tưởng tài sản của anh là được thừa hưởng?

- Đúng thế, – Gatsby không suy nghĩ nói ngay, – nhưng tôi đã gần mất sạch hồi đại loạn... đại loạn chiến tranh.

Tôi chắc Gatsby không hiểu mình đang nói gì vì khi tôi hỏi về công việc làm ăn của anh thì Gatsby đáp “Đó là việc riêng của tôi”, rồi sau mới nhận ra đấy không phải là một câu trả lời thích đáng. Anh sửa lại:

- À, tôi kinh doanh nhiều ngành. Thuốc men rồi dầu mỡ. Nhưng bây giờ tôi thôi cả hai ngành đấy rồi. – Gatsby nhìn tôi chăm chú hơn. – Phải chăng anh muốn nói anh đã suy nghĩ lại về công việc tôi đề xuất tối hôm nọ?

Tôi chưa kịp trả lời thì Daisy ở trong nhà ra, hai hàng khuy đồng trên áo lấp lánh ngoài nắng. Nàng reo lên, giơ tay trở:

- Toà nhà to lớn đằng kia à?

- Em có thích không?

- Em mê lắm, nhưng không hiểu làm sao anh ở đấy một mình được!

- Anh luôn giữ cho trong nhà lúc nào cũng đầy những con người thú vị, cả ngày lẫn đêm. Những người làm những công việc lí thú. Những nhân vật danh tiếng.

Chúng tôi không đi theo lối tắt men theo bờ vịnh mà vòng ra đường cái vào bằng cổng chính. Bằng những tiếng thì thào mê hồn, Daisy khen ngợi mọi sắc vẻ của toà kiến trúc đồ sộ như lâu đài của một lãnh chúa nổi trên nền trời, khen ngợi vẻ

đẹp của khu vườn, mùi hương lấp lánh của hoa thủy tiên trường thọ, mùi hương xôm xốp của hoa sơn trà và hoa mạn, mùi hương vàng nhạt của hoa kim ngân. Tôi có một cảm giác là lạ khi bước lên bậc thềm bằng đá cẩm thạch mà không thấy những tà áo sặc sỡ sột soạt ra vào và không nghe thấy âm thanh nào khác ngoài tiếng chim hót trên cành cây.

Vào trong nhà, khi chúng tôi đi dạo qua những phòng đàn bài trí theo kiểu thời Marie Antoinette ở Pháp, những phòng khách kiểu thời Trung hưng ở Anh, tôi cảm thấy như có những người khách đang nấp đằng sau mỗi chiếc bàn, mỗi chiếc đi văng, được lệnh phải im hơi lặng tiếng chờ cho đến khi chúng tôi đi qua. Khi Gatsby khép cánh cửa “Thư viện trường cao đẳng Merton” lại, tôi dám cam đoan là đã nghe thấy ông khách Mắt cú bật lên một chuỗi cười ma quái.

Chúng tôi lên gác thăm các phòng ngủ bày biện theo thời xưa, bao bọc trong lụa hồng và lụa xám và tươi mát với những bông hoa mới hái; thăm các phòng trang điểm, phòng bi-a, phòng tắm với bồn tắm chìm; vô tình vào phải một phòng bên trong có một ông khách mặc quần áo ngủ, đầu rối bù, đang tập những động tác chữa bệnh gan trên sàn. Người khách ấy chính là Klipspringer, “gã ở trọ”. Sáng nay tôi vừa mới gặp gã đi lang thang ngoài bãi biển, bụng lép kẹp. Cuối cùng, chúng tôi đến phần nhà Gatsby ở gồm một phòng ngủ, một buồng tắm, một phòng làm việc trang trí kiểu Adam. Chúng tôi ngồi lại, uống một li rượu Chartreuse mà Gatsby lấy ở tủ li chìm trong tường ra.

Gatsby không một lúc nào rời mắt khỏi Daisy. Tôi có cảm tưởng anh đánh giá lại mọi thứ đồ đạc trong nhà tùy theo ấn tượng mà chúng gây ra trong đôi mắt yêu quý của nàng. Đôi khi Gatsby ngậy người nhìn các tài sản của mình như thể hiện sự hiện diện kì diệu bằng xương bằng thịt của người phụ nữ này đã làm chúng không còn vẻ là thực nữa. Một lần, Gatsby bước hụt chân suýt ngã ở cầu thang. Phòng ngủ của Gatsby giản dị nhất trong các phòng ngủ, trừ một điều là trên bàn gương có một bộ đồ trang điểm bằng vàng khối mờ mờ. Daisy thích thú cầm lấy cái bàn chải miết lên tóc. Thấy thế, Gatsby ngồi xuống, lấy tay bưng mắt, miệng cười khúc khích.

- Thật là kì khôi, người anh em ạ. Tôi không... Khi tôi định...

Có thể nhận thấy ngay Gatsby đã trải qua hai tâm trạng và bây giờ anh bước sang tâm trạng thứ ba. Sau cơn bồi hồi tiếp đến niềm vui sướng điên cuồng, mê muội, nay anh bị ngợp trong nỗi kinh ngạc sững sờ trước sự có mặt của Daisy. Ý nghĩ gặp lại nàng đã chiếm lĩnh đầu óc anh từ bao nhiêu năm nay, anh đã mơ tưởng đến giây phút ấy, chờ đợi giây phút ấy, có thể nói là nghiền răng chờ đợi với một sự căng thẳng không tưởng tượng nổi. Đến nỗi giờ đây, khi mơ ước trở thành hiện thực, anh như một cái đồng hồ lên giây quá chặt, không chạy được nữa.

Một phút sau, bình tâm lại, Gatsby mở cho chúng tôi xem hai cái tủ đồ sộ và tinh xảo, bên trong treo thành từng dãy những bộ com-lê, những bộ đồ ngủ, những chiếc ca-vát và những xấp sơ-mi từng tá một xếp chồng lên nhau như những viên gạch.

- Tôi có một người bạn ở bên Anh nhận mua quần áo hộ tôi. Hàng năm, cứ vào đầu mùa xuân và đầu mùa thu, người bạn ấy gửi cho tôi một đợt những thứ hàng chọn lọc.

Gatsby lấy ra một xấp áo sơ-mi rồi ném từng chiếc một ra trước mặt chúng tôi, những chiếc sơ-mi bằng vải nỉ mịn, bằng lụa dày, bằng nỉ mỏng, bị xô nếp khi được ném lên mặt bàn thành một đống hỗn độn màu sắc. Trong lúc chúng tôi ngắm nghía, anh lại mang ra thêm nhiều xấp khác – những chiếc áo kẻ sọc, kẻ hoa, kẻ ô màu san hô, màu thiên thanh, màu ngọc xám và màu da cam nhạt, thêu chữ lồng màu xanh hồ thủy – làm cho đống áo mềm mại xa hoa này mỗi lúc một cao hơn. Bất thần, thốt lên một tiếng không tự nhiên, Daisy gục đầu trên đống sơ-mi, nước mắt chứa chan.

- Ôi, những chiếc áo mới đẹp làm sao! – Nàng nức nở, giọng nghệt lại trong những nếp vải dày. – Em buồn vì nghĩ mình chưa bao giờ được thấy những chiếc sơ-mi đẹp như thế này.

*

* *

Sau toà nhà, chúng tôi định ra thăm khu vườn, bể bơi, chiếc thuyền phi cơ và những loài hoa nở giữa mùa hạ – nhưng bên ngoài cửa sổ nhà Gatsby trời lại mưa, vì vậy chúng tôi đứng thành hàng ngang nhìn ra mặt vịnh lặn tắt. Gatsby nói:

- Nếu không có sương mù thì ở đây có thể nhìn thấy nhà em bên kia vịnh. Chỗ nhà em lúc nào cũng có một đốm sáng xanh lục, sáng suốt đêm ở đầu bến thuyền.

Daisy đột ngột lồng tay nàng qua cánh tay Gatsby, nhưng anh hình như còn đang chìm đắm trong những điều anh vừa mới nói. Có lẽ anh đã nhận ra rằng ý nghĩa lớn lao của đốm sáng này từ nay đã vĩnh viễn mất rồi. So với khoảng cách to lớn ngăn cách anh với Daisy thì cái đốm sáng kia có vẻ rất gần nàng, hầu như đụng chạm được tới nàng. Gần nhau như một vì sao gần mặt trăng. Bây giờ nó chỉ còn là đốm sáng xanh lè ở bến thuyền. Những vật làm anh mê say đã bớt đi mất một thứ.

Tôi đi vẫn vợ trong gian phòng, xem xét những đồ đạc lờ mờ trong bóng tối. Một bức ảnh lớn chụp một người đã có tuổi mặc quần áo thủy thủ du thuyền treo trên tường trước bàn giấy của Gatsby làm tôi chú ý.

- Ai đấy?

- À, đây là ông Dan Cody, người anh em ạ.

Tên nghe hơi quen quen.

- Ông ấy đã chết rồi, cách đây khá lâu. Ông ấy là người bạn thân thiết nhất của tôi.

Trên bàn có một bức ảnh nhỏ của Gatsby cũng mặc quần áo thủy thủ du thuyền, hình như chụp hồi anh mười tám tuổi. Trong ảnh, đầu Gatsby ngả ra đằng sau trong một dáng điệu như thách thức.

Daisy reo lên:

- Chao ôi, thích quá! Tóc kiểu bàn chải! Anh không bao giờ kể với em là anh để kiểu tóc bàn chải... hoặc có một chiếc du thuyền!

Gatsby vội vàng nói:

- Em xem này. Đây là một lô những bức ảnh cắt về em.

Hai người đứng cạnh nhau xem đồng ảnh. Tôi toan yêu cầu Gatsby cho xem các hộp ngọc của anh thì có chuông điện thoại. Gatsby cầm lấy máy nói:

- À... được rồi, tôi không nói chuyện được bây giờ... Tôi không nói chuyện được bây giờ mà, người anh em ạ... Tôi đã bảo là một thị trấn... Hẳn phải hiểu một thị trấn là thế nào chứ.... Thôi được, hẳn không còn ích gì cho ta nữa nếu hẳn coi Detroit (1) là một thị trấn.

Gatsby bỏ máy xuống.

- Anh lại đây, nhanh lên! – Daisy đứng bên cửa sổ gọi.

Mưa vẫn rơi, nhưng trời đã rạng ở phía tây và một dải mây hồng với những cuộn mây xấp nhẹ vàng óng lơ lửng trên mặt biển.

- Anh xem kìa, – Daisy thì thào, rồi một lát sau, nàng bảo, – Em chỉ muốn với lấy một dải mây hồng kia, đặt anh lên đó rồi đẩy đi khắp nơi.

Tôi tìm cách cáo lui, nhưng họ không nghe. Có lẽ sự có mặt của tôi lại làm cho họ thấy được riêng biệt tự nhiên hơn.

- Tôi biết là ta nên làm gì bây giờ. – Gatsby nói. – Ta sẽ nghe Klipspringer chơi dương cầm.

Gatsby ra ngoài phòng, gọi to “Ewing!”. Vài phút sau anh trở lại dẫn theo một gã trẻ tuổi, vẻ mơn mõi, lúng túng, mắt đeo cặp kính đồi mồi, mái tóc nhàn nhạt thưa thớt trên đầu. Gã bây giờ đã chỉnh tề trong một cái “áo thể thao” cổ mở, giày cao su, quần vải thô bạc phếch.

- Chúng tôi có làm gián đoạn mất buổi tập của ông không? – Daisy hỏi một cách nhã nhặn.

Klipspringer đáp ứng:

- Tôi đang ngủ... Nghĩa là trước đó tôi ngủ. Rồi tôi dậy...

- Klipspringer sẽ chơi đàn cho chúng ta nghe, – Gatsby cắt ngang lời gã. – Được chứ, người anh em?

- Tôi chơi không hay đâu. Tôi... chơi không ra gì đâu. Tôi đã bỏ tập.

- Ta xuống nhà đi, – Gatsby ngắt lời gã. Anh bấm một nút điện. Các ô cửa sổ xám xám tan biến khi toà nhà chan hoà ánh sáng.

Trong phòng đàn, Gatsby bật một cây đèn đứng đặt bên cạnh chiếc dương cầm. Khi anh châm thuốc cho Daisy, que diêm anh cầm run run. Anh ngồi xuống cạnh Daisy trên một chiếc đi văng ở cuối gian phòng, chỗ đó không có ánh sáng nào khác ngoài ánh sáng ở hành lang hắt qua sàn gỗ bóng loáng.

Chơi xong bản “Tổ ấm tình yêu”, Klipspringer xoay người trên ghế, đưa mắt tìm Gatsby trong bóng tối mờ mờ, vẻ thiếu nǎo:

- Ông thấy đấy, tôi bỏ tập rồi mà. Tôi đã thưa với ông là tôi không chơi được. Tôi bỏ tập rồi mà...

Gatsby ra lệnh:

- Đừng nói nhiều. Chơi đi, người anh em.

Từ sáng tinh mơ

Cho đến chiều tà

Ta say la đà

Bên ngoài, gió thổi mạnh và tiếng sấm ì ầm xa xa ngoài Eo biển. Ở khu West Egg bây giờ các ánh đèn đã bật lên hết. Những chuyến tàu chạy bằng điện chở khách từ New York về các vùng ngoại ô lao nhanh giữa trời mưa. Đây là giờ phút diễn ra một sự biến đổi sâu sắc ở con người, và sự kích thích đã tràn ngập không gian.

Có một điều mà ta biết chắc

Có một điều không thể nào sai

Những người giàu lo kiếm tiền tài

Những người nghèo lo để thêm nhóc

Và trong khi ấy

Giữa những lúc ấy...

Khi bước lại để cáo từ, tôi thấy vẻ ngờ ngác đã trở lại trên nét mặt Gatsby như thể ở anh đã nảy sinh một thoáng hoài nghi về giá trị của niềm hạnh phúc hiện tại của anh. Gần năm năm trời! Ngay trong buổi chiều hôm nay, hẳn có những lúc Daisy đã không ngang tầm với những ước mơ của anh – không phải do lỗi ở nàng, mà do sức sống ghê gớm của cái ảo giác ở Gatsby. Cái ảo giác ấy đã cao hơn Daisy, cao hơn mọi thứ. Gatsby đã gieo mình vào ảo giác ấy với một niềm đắm say của kẻ sáng tạo, anh không ngừng làm cho nó đầy đặn thêm lên, điểm tô cho nó bằng tất cả những lông cánh rực rỡ lạc vào tay anh. Lửa hồng và gió mát nhiều đến đâu cũng không thể sánh được những gì mà con người có thể chất chứa trong trái tim trống trải của mình.

Thấy tôi nhìn, Gatsby rõ ràng sửa lại đôi chút dáng điệu của mình. Anh nắm lấy

tay Daisy, và khi nàng thì thào một câu gì đó vào tai anh, anh quay sang nàng với một vẻ xao xuyến rõ rệt. Tôi cho rằng giọng nói ấy làm anh xúc động hơn tất cả với sự sôi nổi ấm áp, véo von trầm bổng của nó, bởi vì không có niềm mơ ước nào có thể cao hơn nó – giọng nói ấy là một lời ca bất tử.

Họ đã quên mất tôi, nhưng Daisy vẫn ngược mắt lên chìa tay ra với tôi. Gatsby thì không biết gì đến tôi nữa. Tôi nhìn họ thêm một lần nữa, họ cũng nhìn lại tôi, vẻ xa vắng, đã bị sự sống mãnh liệt bên trong mình chiếm lĩnh hoàn toàn. Sau đấy, tôi ra khỏi phòng, bước xuống những bậc thềm bằng đá cẩm thạch, dẫn mình vào trong mưa, để hai người ở lại đó bên nhau.

Chú thích:

(1) Thành phố lớn ở miền Trung - Bắc Mỹ, có ngành công nghiệp xe hơi lớn.

Chương VI

Vào khoảng thời gian này, một phóng viên trẻ xông xáo ở New York một hôm đến nhà Gatsby hỏi anh có muốn tuyên bố gì không.

- Tuyên bố về cái gì cơ chứ? – Gatsby nhã nhặn hỏi lại.

- À, về bất kể cái gì.

Phải mất năm phút rồi mò sau mới hiểu ra là anh chàng phóng viên nọ đã nghe lỏm được ai ở toà soạn nhắc đến tên Gatsby liên quan đến một sự việc nào đấy mà anh ta không chịu tiết lộ hoặc có khi anh ta cũng không biết rõ. Hôm nay được ngày nghỉ, với một sự chủ động đáng khen, anh ta vội tìm đến nhà ông Gatsby này “thử xem sao”.

Đây chỉ là một việc khai thác hú hoạ, tuy vậy người phóng viên này đã linh cảm đúng. Tiếng tăm của Gatsby, – được truyền qua cửa miệng hàng trăm người đã chấp nhận lòng hiếu khách của anh và vì thế trở thành những nguồn tin có thẩm quyền về quá khứ của anh, – tăng lên trong suốt mùa hè đến mức Gatsby gần được đưa thành tin trên báo. Các giai thoại đương thời, như chuyện có một đường ống ngầm tuồn rượu lậu từ Canada vào Mỹ, cũng được gán ghép cho Gatsby. Còn có một chuyện đồn đại dai dẳng là Gatsby không sống trong một ngôi nhà mà sống trên một con thuyền trông giống một ngôi nhà, được di chuyển bí mật nay nơi này mai nơi khác ven bờ đảo Long Island. Còn tại sao những lời bịa đặt này lại làm cho anh chàng James Gatz ở bang Dakota Bắc thích thú thì không dễ mà giải thích được.

James Gatz – đó là tên thật hay ít nhất là tên chính thức của Gatsby. Anh đã đổi lấy cái tên này hồi anh mười bảy tuổi, đúng vào giây phút anh bắt đầu bước vào đời, tức là giây phút anh nhìn thấy chiếc du thuyền của Dan Cody thả neo ở một bãi đất nông nham hiểm trong Hồ Thượng. Anh con trai mặc chiếc áo thun xanh

rách, chân đi giày vải, lúc đi tha thân ven hồ chiều hôm ấy là James Gatz, nhưng anh con trai ấy đã trở thành Jay Gatsby khi anh ta mượn một chiếc mảng chèo ra chỗ chiếc du thuyền Tuolomee thả neo, báo cho Cody biết là nửa giờ nữa trời có thể sẽ nổi gió và lật nhào chiếc thuyền của ông.

Tôi cho rằng anh đã áp ử cái tên này từ lâu. Cha mẹ anh là những tá điền chịu thương chịu khó nhưng không khấm khá lên được – trí tưởng tượng của anh tuyệt nhiên không bao giờ thực sự nhận họ là những người để ra mình. Sự thực là chàng Jay Gatsby ở West Egg, Long Island, là sản phẩm do quan niệm lí tưởng thuần túy của anh về mình sinh ra. Anh là một đứa con của Chúa trời – theo đúng nghĩa của câu nói đó nếu như câu nói đó có ý nghĩa – nên anh phải chăm lo đến công việc của Chúa cha: phụng sự một cái đẹp bao la, tầm thường và hào nhoáng. Vì thế anh đã tưởng tượng ra Jay Gatsby, đúng loại người mà một đứa trẻ mười bảy tuổi có thể nghĩ ra, và anh đã trung thành với khái niệm này cho đến cùng.

Trước đó hơn một năm, anh đã lặn lội kiếm sống ở mạn phía nam Hồ Thượng, bắt ngao và đánh cá hoặc làm bất cứ nghề gì đem lại miếng cơm manh chiếu. Tầm thân rám nắng và rắn chắc của anh đã vững chãi thêm qua những việc làm vừa vất vả vừa rồi rỗi của những ngày này. Anh biết đến phụ nữ sớm, và vì phụ nữ làm hư anh nên anh khinh bỉ họ, khinh bỉ những cô gái tân non nớt vì họ ngu dốt, khinh bỉ những người đàn bà khác vì họ điên dại vì những chuyện mà anh coi là thường tình.

Nhưng trái tim anh thì luôn luôn nổi loạn. Những điều tưởng tượng lố bịch và kì quái nhất ám ảnh anh ban đêm trên giường. Cả một thế giới cực kì sặc sỡ hào nhoáng được mở ra trong óc anh trong khi chiếc đồng hồ kêu tí tách trên giá rửa mặt, và ánh trăng ẩm ướt đổ xuống ướt sũng đồng quần áo của anh ngổn ngang dưới sàn. Mỗi đêm anh lại điểm thêm những nét mới vào những điều tưởng tượng ngông cuồng của mình cho đến khi chúng được khép lại ở một cảnh sống động trong vòng tay ru của giấc ngủ. Trong một thời gian, những điều mơ tưởng này đem lại một lối thoát cho trí tưởng tượng của anh. Chúng nhắc nhở một cách thoả đáng đến vẻ huyền ảo của thực tế, chúng nhấn nhủ rằng nền tảng của thế giới được đặt vững chãi trên đôi cánh tiên nữ.

Linh cảm về tương lai vẻ vang của mình đã khiến cho trước đó mấy tháng James Gatz đến theo học tại trường St. Olaf bé nhỏ của dòng tu Lutheran tại miền nam bang Minnesota. Anh lưu lại ở đó có hai tuần, chán nản trước sự dửng dưng hung hãn của nhà trường đối với tiếng trống giục giã của số phận mình, đối với bản thân số phận nói chung, và khinh rẻ những việc lao động trong trường mà anh phải làm để được theo học. Thế là James Gatz lại lang thang bên Hồ Thượng, và hôm chiếc du thuyền của Dan Cody thả neo xuống dải đất

nông ven bờ thì James Gatz vẫn còn đang loay hoay chưa biết nên làm gì. Hồi bấy giờ Cody đã ở tuổi ngũ tuần. Ông là sản phẩm của những mỏ bạc Nevada, của dòng sông Yukon, của mọi cuộc đổ xô đi tìm các thứ kim loại suốt từ năm một nghìn tám trăm bảy mươi năm. Những cuộc mua bán các mỏ vàng ở Montana giúp ông trở thành người mấy mươi lần triệu phú, đã làm cho ông cường tráng về thể chất nhưng mềm yếu về tâm hồn. Đánh hơi thấy vậy, rất đông phụ nữ đã tìm cách tách ông rời khỏi tài sản của ông. Những thủ đoạn không lấy gì làm hay mà nữ kí giả Ella Kaye đã dùng để đóng vai người tình của ông và đẩy ông ra biển trên một chiếc du thuyền là những chuyện thường thấy trên mặt báo năm 1902. Khi Dan Cody đã đi men theo các bờ biển hiền hoà được năm năm thì ông trở thành người nhào nặn nên số phận của James Gatz tại vịnh Little Girls.

Đối với chàng trai James Gatz, tì tay trên cán chèo ngược mắt nhìn lên boong thuyền, chiếc Tuolomee là tất cả những gì mỹ lệ và lộng lẫy của thế giới. Có lẽ anh đã cười nụ với Cody – anh chắc đã nhận ra mọi người thích mình khi mình cười nụ. Bất luận thế nào, Cody có hỏi anh vài ba câu (trong đó có câu đã làm bật ra cái tên mới toanh kia), thấy anh nhanh nhẹn và có những hoài bão quá ư nông cuồng. Mấy hôm sau, Cody đưa anh về Duluth mua cho anh một cái áo xanh, sáu cái quần bằng vải trắng và một cái mũ thủy thủ. Khi chiếc Tuolomee lên đường đi Tây Ấn và bờ biển Barbary thì có mặt Gatsby ở trên thuyền.

Gatsby được thuê mướn không với một danh nghĩa nhất định nào. Trong thời gian ở với Cody, khi thì Gatsby làm cần vụ, thừa phái, khi thì làm thuyền phó, hoa tiêu, và thậm chí làm cả cai ngục nữa, vì Dan Cody tỉnh biết những chuyện hoang toàng mà Dan Cody say có thể mắc phải, cho nên ông lo trước cho những tình huống đó bằng cách đặt lòng tin mỗi ngày một nhiều hơn vào Gatsby. Nếp sống này kéo dài năm năm, trong thời gian ấy chiếc du thuyền đi quanh lục địa được ba lần. Nếp sống ấy có thể còn kéo dài mãi nếu như không xảy ra sự việc là vào một đêm tại Boston, Ella Kaye trèo lên thuyền và một tuần sau thì Dan Cody chấm dứt lòng hiếu khách của mình bằng cách từ giã cõi đời.

Tôi còn nhớ bức ảnh chụp Cody treo trong phòng ngủ của Gatsby. Tóc ông lốm đốm bạc, da đỏ hồng hào, nét mặt rắn rỏi và trổng rỗng – một mẫu người đi khai phá những vùng đất mới và sống một cuộc đời trác táng, bê tha, một mẫu người của một thời trong đời sống nước Mỹ, kẻ đã đem về bờ biển miền Đông sự hung bạo man rợ của các nhà chứa và các quán rượu biên thủy. Chính gián tiếp nhờ Cody mà Gatsby ít uống rượu đến vậy. Đôi khi, giữa những cuộc vui, đám phụ nữ lấy sâm banh đổ vào đầu anh bởi vì anh đã tự tạo cho mình cái nếp không bao giờ đụng đến rượu mạnh.

Gatsby là người được Dan Cody cho thừa hưởng các tài sản của ông – di sản

trị giá hai mươi nghìn đôla. Nhưng Gatsby không nhận được số tiền đó. Anh không bao giờ hiểu nổi cái thủ đoạn pháp lí đã được dùng để chống lại anh, chỉ biết là tất cả gia sản rơi hết vào tay Ella Kaye. Anh còn lại với cái vốn học thức đặc biệt thích hợp của mình. Hình bóng lờ mờ của Jay Gatsby đã được bồi đắp thành thực chất của một con người.

*

* *

Những chuyện ấy, mãi về sau Gatsby mới kể với tôi, nhưng tôi ghi ra đây để xua tan những tin đồn lung tung về quá khứ của anh, những lời đồn ấy không có lấy một chút sự thật nào. Với lại, Gatsby kể với tôi chuyện này vào thời gian có nhiều xáo động, vào lúc mà tôi đi đến chỗ tin hết mọi điều đồng thời không tin một điều gì về anh. Vì vậy, tôi lợi dụng lúc tạm ngừng này, có thể nói là lúc Gatsby nghỉ lấy hơi, để dẹp đi tất cả những cách hiểu sai ấy.

Đây cũng là thời gian tôi ngừng dính líu vào công việc của Gatsby. Suốt mấy tuần, tôi không gặp anh và không nghe thấy tiếng anh qua điện thoại – hầu hết thời gian này tôi ở New York, đi tha thẩn đây đó với Jordan và cố lấy lòng bà cô già của Jordan. Cuối cùng, một chiều chủ nhật, tôi sang chơi bên nhà Gatsby. Tôi đến chưa được hai phút thì có người dẫn Tom Buchanan vào chơi nhà anh. Tôi giật mình, tất nhiên, nhưng điều thực sự kinh ngạc là chuyện ấy đến bây giờ mới diễn ra.

Đám khách này cưỡi ngựa đến. Họ có ba người: Tom cùng với một ông tên là Sloane và một phụ nữ kiêu diễm mặc quần áo đi ngựa màu nâu đã từng đến chơi đây.

Gatsby đứng ở ngoài cổng chào đón:

- Mời các vị vào chơi, rất vui mừng được đón tiếp các vị.

Làm như thể họ quan tâm đến lời mời này lắm!

- Xin mời ngồi. Mời các vị dùng thuốc lá hoặc xì gà, – Gatsby nhanh nhẹn đi lại trong phòng, rung chuông. – Tôi sẽ cho đem đồ uống lên ngay bây giờ.

Gatsby rất mất bình tĩnh trước sự có mặt của Tom. Nhưng dẫu thế nào Gatsby vẫn cứ lúng túng chừng nào anh chưa bảo đem lên được một thức gì mới mời khách, vì anh hiểu lờ mờ rằng khách khứa đến đây chẳng qua chỉ vì chuyện ấy.

Ông Sloane không dùng một thứ gì cả. Nước chanh nhé? Không, cảm ơn. Chút sâm banh nhé? Không dùng gì cả đâu, cảm ơn... Tôi rất tiếc...

- Các vị đi dạo có vui không?

- Đường xá quanh đây rất tốt.

- Chắc rằng xe hơi...

- Ờ, ờ!

Như có một sức gì thôi thúc không cưỡng nổi, Gatsby quay sang Tom sau khi

anh này đã để cho người ta giới thiệu mình như một người xa lạ.

- Ông Buchanan, hình như chúng ta đã gặp nhau ở đâu rồi thì phải.

- Ồ, đúng rồi, – Tom lau bàu một cách lịch sự, nhưng rõ ràng là không nhớ ra. –

Đã gặp nhau ở đâu rồi. Tôi rất nhớ.

- Cách đây khoảng hai tuần.

- Đúng rồi, ông đi cùng với anh Nick đây.

- Tôi biết vợ ông. – Gatsby nói tiếp, vẻ gần như gây sự.

- Thế à?

Tom quay sang đây:

- Anh Nick, anh ở gần đây à?

- Ngay bên cạnh.

- Thế à?

Ông Sloane không tham gia câu chuyện, mà ngả người sâu trong ghế với vẻ kiêu kì. Người đàn bà cũng không nói gì cho đến khi, sau hai cốc uýt-xki – xô-đa, bà ta bỗng đứng trở nên thân mật:

- Ông Gatsby, tất cả chúng tôi sẽ đến dự buổi dạ hội kì tới của ông đây. Ông nghĩ sao?

- Được chứ. Tôi rất vui mừng được đón tiếp các vị.

- Thật quý hoá! – Ông Sloane nói, giọng không có vẻ gì hàm ơn. – À, có lẽ ta phải về thôi.

- Các vị vội vã gì? – Gatsby khấn khoản. Bây giờ anh đã bình tâm, và anh muốn biết thêm về Tom. – Tại sao các vị... tại sao các vị lại không ở lại dùng bữa tối? Thế nào cũng sẽ có một vài vị khách New York đến bây giờ đây.

- Chính tôi mời ông đến dùng bữa tối với tôi. – Bà khách giọng nhiệt tình. – Xin mời cả hai ông.

Lời mời ấy bao gồm cả tôi. Ông Sloane đứng dậy.

- Ta đi thôi, – ông ta nói, nhưng chỉ nói với bà khách kia.

- Tôi nói thực đấy. – bà khách nài. – Tôi rất vui mừng được đón tiếp các ông. Có nhiều chỗ mà.

- Tôi e không đến được, – tôi đáp.

- Thế thì ông đến vậy, – bà ta khấn khoản, hướng về phía Gatsby.

Ông Sloane thì thào câu gì đó vào tai bà ta. Bà ta lại nài nỉ, nói to:

- Nếu ta đi ngay bây giờ thì chẳng muộn đâu.

- Tôi không có ngựa, – Gatsby nói. – Hồi ở trong quân đội, tôi thường cưỡi ngựa luôn, nhưng tôi chưa mua một con ngựa nào. Tôi phải đi theo các vị bằng xe hơi vậy. Tôi xin lỗi một phút.

Tất cả chúng tôi bước ra thềm, tại đó ông Sloane và bà khách nói chuyện với nhau rất hăng.

- Lạy Chúa, gã này định đi theo họ thật sao? – Tom nói với tôi. – Gã không biết là bà ta không muốn có gã à?

- Sao bà ta lại bảo là mời ông ấy đến.

- Bà ấy tổ chức một bữa tiệc lớn mà ở đây gã không quen biết một ai hết. – Tom cau mày. – Tôi không biết gã gặp Daisy ở nơi quái quỷ nào nhỉ? Có Chúa trời chứng giám, có thể là tôi nghĩ cổ, nhưng thời nay phụ nữ đi rong dài loăng quăng quá lắm, thật không hợp với tôi. Họ gặp gỡ lung tung đủ mọi hạng người.

Đột nhiên ông Sloane và bà khách xuống mấy bậc thềm và trèo lên ngựa. Ông ta bảo Tom:

- Ta đi thôi, kéo muện rồi. Ta phải đi thôi. – Rồi ông ta nói với tôi: - Nhờ ông bảo lại với ông ấy là chúng tôi không chờ được.

Tom và tôi bắt tay nhau, còn mấy người kia và tôi thì gật đầu lạnh lùng chào nhau, rồi bọn họ cho ngựa phi nước kiệu trên đường xe chạy trong vườn và khuất sau một lùm cây đứng vào lúc Gatsby, tay cầm mũ và chiếc áo khoác mỏng, hiện ra ở cửa trước. Tom rõ ràng lo ngại trước việc Daisy đi chơi một mình, vì tối thứ bảy liền sau đây, Tom đi cùng với nàng đến dự buổi dạ hội tại nhà Gatsby. Có lẽ sự có mặt của Tom làm cho cuộc vui mang một không khí ngọt ngào đặc biệt hay sao mà trong kí ức tôi nó khác hẳn những buổi dạ hội khác ở nhà Gatsby mùa hè năm ấy. Vẫn những khách khứa ấy, hay ít nhất vẫn những loại khách ấy, vẫn ê hề sâm banh, vẫn sự ồn ào náo nhiệt nhiều màu sắc, nhiều cung bậc âm thanh, nhưng tôi cảm thấy trong không khí có một cái gì căng thẳng gay gắt trước kia không hề có. Hay có lẽ vì tôi đâm quen với nó rồi, quen với việc coi West Egg là một thế giới tự tại với những phép tắc riêng của nó, những tên tuổi lớn của nó, không thua kém một nơi nào khác vì nó không cảm thấy thua kém, và bây giờ tôi bỗng lại nhìn nó bằng con mắt của Daisy. Không tài nào tránh khỏi đau buồn khi ta nhìn bằng cặp mắt mới những gì mà ta đã bỏ công sức điều chỉnh của mình vào đó.

Vợ chồng Tom đến vào lúc hoàng hôn, và trong khi cả bọn chúng tôi đi dạo giữa hàng trăm khách khứa choáng lộn, giọng Daisy như rì rào nghịch ngợm trong cổ nàng.

- Không khí ở đây sao làm em háo hức thế. Anh Nick ơi, tối nay, bất kì lúc nào anh muốn hôn em, anh cứ báo cho em biết, em sẵn sàng thu xếp cho anh được như ý. Chỉ cần gọi tên em. Hay là giơ tay ra một tấm thiệp màu lục làm ám hiệu. Em vẫn hay phân phát các tấm thiệp màu lục...

- Bà hãy nhìn xung quanh xem kìa, – Gatsby khuyên.

- Tôi đang nhìn đây. Tôi thấy vui thích lắm...

- Bà hãy đi xem mặt nhiều người mà bà có lẽ mới nghe tiếng.

Đôi mắt ngạo mạn của Tom lướt qua đám đông:

- Chúng tôi quả là không đi ra ngoài mấy. Sự thực, tôi đang tự bảo mình không quen biết một ai ở đây.

- Có lẽ ông biết người đàn bà kia chứ? – Gatsby trở một phụ nữ lộng lẫy như một chùm phong lan nhiều phần hoa hơn phần người, đang ngồi bất động dưới một cây mận trắng. Tom và Daisy nhìn hồi lâu, với một cảm giác đặc biệt hư ảo thường có khi ta nhận ra một tên tuổi của màn bạc mà ta chưa thấy mặt ở ngoài đời bao giờ.

- Bà ta đáng yêu quá! – Daisy nói.

- Người đàn ông đang cúi xuống bà ta là đạo diễn của bà ta đấy.

Gatsby trịnh trọng dẫn họ đi giới thiệu với khách khứa hết nhóm này đến nhóm khác.

- Đây là bà Buchanan... và ông Buchanan, – sau mấy giây ngập ngừng, Gatsby nói thêm: - cầu thủ pôlô.

Tom phản đối ngay:

- Ồ, không phải, không phải tôi.

Nhưng hiển nhiên câu nói ấy làm Gatsby thích thú, vì Tom vẫn cứ là “cầu thủ pôlô” cho đến hết buổi dạ hội.

Daisy thốt lên:

- Tôi chưa bao giờ gặp nhiều nhân vật danh tiếng đến thế này. Tôi thích ông kia kia... tên ông ta là gì nhỉ? Ông có cái mũi xanh ấy.

Gatsby nói tên ông khách ấy và cho biết thêm ông ta là một nhà sản xuất phim cỡ xoàng.

- Dù sao, tôi vẫn thấy ông ấy vừa mắt mình.

Tom nói đùa:

- Tôi không thích làm cầu thủ pôlô lắm đâu. Tôi thích được ngắm tất cả những nhân vật nổi tiếng kia... mà không ai biết đến mình.

Daisy và Gatsby ra nhảy với nhau. Tôi còn nhớ tôi đã kinh ngạc trước lối nhảy uyển chuyển cổ điển của Gatsby khi anh nhảy bài fox-trot, – trước đây tôi chưa nhìn thấy anh nhảy bao giờ. Rồi hai người đi tha thẩn sang bên nhà tôi, ngồi bên nhau ở bậc thềm nửa giờ đồng hồ trong khi, theo yêu cầu của Daisy, tôi đứng canh chừng ở ngoài vườn. “Phòng trường hợp xảy ra hoả hoạn hay lụt bão, – Daisy giải thích – hoặc bất kì hành động nào của Chúa”.

Tom từ trong cảnh không ai biết đến mình hiện ra khi tất cả chúng tôi ngồi vào bàn ăn. Tom nói:

- Xin lỗi nhé, tôi lại ăn với mấy người đằng kia. Có một gã kể những chuyện tức cười lắm.

- Mình cứ đi đi, – Daisy vui vẻ, – nếu mình cần ghi lại địa chỉ của ai thì cầm lấy cái bút chì vàng của em đây.

... Một lúc sau, Daisy nhìn về phía bàn Tom và bảo với tôi là cô gái kia “tầm thường nhưng mà xinh”. Tôi cảm thấy rằng không kể nửa giờ nàng ngồi riêng với Gatsby, còn thì nàng chẳng vui gì.

Chúng tôi ngồi ở một bàn mà khách khứa đặc biệt chuánh choáng. Đó là lỗi tại tôi – Gatsby phải ra nghe điện thoại và tôi đã ngồi với chính những người này mới cách đây hai tuần. Nhưng điều bữa trước làm tôi vui thì hôm nay trở nên nặng mùi.

- Cô thấy trong người thế nào, cô Baedeker?

Cô gái được câu hỏi này đang cố ngả người vào vai tôi nhưng không ngả được. Nghe hỏi, cô ta ngồi thẳng dậy, mở mắt ra:

- Hơ-ơ?

Một bà phốp pháp, vẻ lờ phờ, lúc nãy cứ đòi Daisy ngày mai đến câu lạc bộ ở địa phương đây đánh gôn với mình, đỡ lời cho cô Baedeker:

- Ồ, cô ấy bây giờ ổn rồi. Cứ uống năm sáu li cocktail vào là y như rằng cô ấy kêu lên như vậy. Tôi đã bảo cô ấy từ nay đừng có đụng đến rượu nữa.

- Tôi có đụng nữa đâu, – kẻ bị tố cáo quả quyết bằng giọng lè nè.

- Nghe thấy cô kêu lên, tôi mới bảo bác sĩ Civet đây: “Bác sĩ ơi, có người cần nhờ đến bác sĩ đấy”.

- Cô ấy rất cảm ơn, tôi tin như thế, – một người bạn khác nói, giọng không lộ vẻ gì biết ơn, – nhưng ông đã làm cho xống áo của cô ấy ướt sũng hết cả khi nhúng đầu cô ấy vào bể nước.

- Tôi ghét nhất là nhúng đầu tôi vào bể nước, – cô Baedeker lẩm bẩm. – Ở New Jersey, có lần họ đã làm tôi suýt chết đuối.

- Vậy thì đừng cô đừng đụng đến rượu nữa, – bác sĩ Civet đập lại.

- Ông hãy tự răn mình ấy! – Cô Baedeker xĩa xối. – Tay ông run rồi kìa. Tôi không để cho ông chữa cho tôi đâu.

Cuộc vui là như vậy. Gần như điều cuối cùng mà tôi nhớ là tôi đứng cạnh Daisy ngắm nhà đạo diễn với cô đào chiếu bóng của ông ta. Hai người vẫn ở bên gốc cây mận trắng và mặt họ đã gần chạm vào nhau, còn cách nhau có một vệt ánh trăng mỏng manh. Tôi bỗng hiểu ra rằng suốt cả tối nay ông ta đã rất từ từ ngả đầu về phía cô đào chỉ cốt đi tới mức gần gũi này. Trong khi tôi nhìn, ông ta ngả thêm nốt nấc cuối cùng, đặt một cái hôn lên má cô đào.

- Cô đào trông vừa mắt em lắm, – Daisy nói, – Em thấy cô ấy đáng yêu ghê.

Nhưng những gì còn lại thì Daisy lại thấy gai mắt, – mà không cất nghĩa được vì sao, bởi đó không phải là một cử chỉ mà là một xúc cảm. Nàng kinh hoảng West Egg, cái “địa điểm” không tiền khoáng hậu này mà Broadway đã để ra ở một làng chài lưới của Long Island – kinh hoảng vì sức sống thô mộc của nơi này chọc tức người ta dưới những mái từ xưa cũ, và vì cái số phận quá oái ăm lùa

các cư dân của nó qua một con đường tắt đi từ hư vô đến hư vô. Nàng thấy có một cái gì kinh sợ ở chính sự mộc mạc mà nàng không hiểu nổi.

Tôi ngồi ở bậc thềm cùng với vợ chồng Daisy trong lúc họ chờ xe. Ở đây, chỗ mặt trước nhà, khá tối, chỉ có khung cửa sáng hắt mười bộ vuông ánh sáng vào bóng đêm êm đềm. Có bóng ai thỉnh thoảng di động đằng sau tấm rèm buông xuống ở cửa sổ một gian buồng trên gác, rồi tiếp đến một bóng ai khác – một chuỗi nối tiếp vô tận những bóng người đến trang điểm trước một tấm gương vô hình.

- Gã Gatsby này thực ra là người thế nào? – Tom đột nhiên hỏi. – Một tay buôn rượu lậu có cỡ à?

- Anh nghe được đâu thế? – Tôi hỏi.

- Không phải nghe được, tôi tưởng tượng ra thôi. Những kẻ mới nổi này, rất nhiều đứa chỉ là những tên buôn rượu lậu, anh biết quá đi chứ.

- Gatsby thì không, – tôi nói vẫn tắt.

Tom nín thinh một lát. Sồi ở lối đi kêu lạo xạo dưới chân Tom.

- Hừm, hẳn chắc phải vất vả lắm mới duy trì được gánh xiếc này.

Một ngọn gió nhẹ lay động lớp tuyết lông thú xám xám trên chiếc khăn quàng của Daisy. Nàng nói một cách khó nhọc:

- Ít ra họ cũng thú vị hơn những người chúng ta quen.

- Mình trông không có vẻ thú vị lắm đâu.

- Hừm, có chứ.

Tom cả cười và quay sang tôi:

- Anh có để ý đến nét mặt Daisy khi cô gái nọ nhờ Daisy kéo cô ta đến một vòi nước lạnh không?

Daisy bắt đầu hát khe khẽ theo tiếng nhạc bằng một giọng trầm trầm, thướt tha, làm nổi nghĩa của từng lời ca như nó chưa bao giờ có và sẽ không bao giờ có nữa. Khi nét nhạc lên cao quá cỡ, giọng nàng vỡ ra dịu dàng và hạ xuống nhưng vẫn theo đúng giai điệu như hát bằng một giọng nữ trầm. Cứ mỗi lần thay đổi cỡ giọng, nàng lại rớt vào trong không trung một chút tình người ấm áp mê hồn của mình.

- Nhiều kẻ không được mời mà vẫn cứ đến, – Daisy bỗng dưng nói. – Cô gái kia nào có ai mời. Họ cứ kéo nhau đến bữa đi và chủ nhân quá lịch sự nên không thể phản đối.

- Không biết hẳn ta là người thế nào và hẳn ta làm ăn gì? – Tom vẫn một mực nêu lên ý kiến của mình. – Tôi phải tìm hiểu cho ra.

- Em có thể nói với mình ngay bây giờ, – Daisy trả lời chồng. – Ông ấy là chủ một số hiệu thuốc, rất nhiều hiệu, và biết cách làm cho những hiệu ấy làm ăn phát đạt.

Chiếc xe hơi đến chậm lăn bánh vào lối đi trong vườn.

- Anh Nick, tạm biệt anh nhé, – Daisy chào.

Đôi mắt Daisy rời khỏi tôi tìm đến gian buồng sáng ánh đèn trên bậc thềm, từ đó vọng ra qua các khung cửa ngỏ bản nhạc “Ba giờ đêm”, một bản nhạc van xơ u buồn, xinh xắn nổi tiếng trong năm. Thực ra, chính sự tự nhiên phóng khoáng của các buổi dạ hội ở nhà Gatsby chứa đựng những nét lãng mạn hoàn toàn không có trong thế giới của nàng. Có cái gì vậy ở trên kia, trong bài hát, tưởng đâu như muốn vẫy gọi nàng ở lại? Sẽ diễn ra những chuyện gì bây giờ, trong khoảnh khắc bất thường này của đêm tối? Sẽ có một người khách bất ngờ nào đến chẳng, một người con gái hiếm có trên đời, sắc đẹp rực rỡ mê hồn, trong giây phút kì ngộ, bằng một ánh mắt tươi mát mới lạ nhìn vào Gatsby sẽ xoá bỏ cả năm năm một lòng tôn thờ kia?

Đêm ấy tôi ở lại muộn, Gatsby yêu cầu tôi chờ anh cho đến khi anh được rảnh rang. Tôi nán lại ngoài vườn cho đến khi đám người tắm biển thường ngày, lạnh cóng và thích thú, từ dưới bãi biển đen ngòm chạy lên và các phòng ngủ của khách phía trên đều đã tắt đèn. Cuối cùng, khi Gatsby bước xuống các bậc thềm, nước da rám nắng của anh căng lên khác thường trên gương mặt, đôi mắt long lanh mệt mỏi. Anh nói ngay:

- Nàng không thích cảnh này.

- Thích chứ.

- Không, nàng không thích, nàng không được vui.

Gatsby nín lặng và tôi thầm đoán được nỗi chán chường mệnh mông của anh.

- Tôi cảm thấy nàng thật là xa vời đối với tôi, – Gatsby nói tiếp. – Làm sao cho nàng hiểu được.

- Anh muốn nói về buổi khiêu vũ ư?

- Khiêu vũ? – Gatsby dẹp đi tất cả các buổi khiêu vũ mà anh đã tổ chức bằng một cái bật tay. – Người anh em ạ, buổi khiêu vũ nào có đáng kể gì.

Gatsby muốn rằng Daisy phải đến gặp Tom và nói: “Tôi chưa bao giờ yêu anh”. Sau khi nàng đã xoá bỏ bốn năm đã qua bằng câu nói ấy, hai người mới có thể quyết định những việc làm thực tế hơn. Một trong những việc sẽ phải làm là khi Daisy đã được tự do, hai người sẽ trở lại Louisville và anh sẽ cưới nàng từ nhà nàng, đúng như sự thể lẽ ra phải diễn ra cách đây năm năm.

- Nhưng nàng không hiểu, – Gatsby nói. – Trước kia nàng hiểu được cơ mà. Chúng tôi đã từng ngồi với nhau hàng giờ...

Gatsby nín bật và đi lại trên lối đi tiêu điều, ngổn ngang các vỏ quả và những cánh hoa dập nát.

Tôi ước mòi:

- Vào địa vị anh, tôi sẽ không yêu cầu nàng quá nhiều. Anh không thể làm sống

lại quá khứ.

- Không thể làm sống lại quá khứ, – Gatsby kêu lên, không tin. – Sao không làm sống lại được?

Anh ngờ ngác nhìn quanh, dường như quá khứ đang lẩn quất quanh đâu đây dưới bóng toà biệt thự của anh, ngay ngoài tầm với của anh.

- Tôi sẽ sắp xếp cho mọi chuyện trở lại y như trước kia, – Gatsby hát đầu một cách kiên quyết. – Rồi nàng sẽ thấy.

Anh nói nhiều về quá khứ, tôi đoán chừng anh muốn tìm lại một cái gì đó – một quan niệm về mình chẳng – đã mất đi khi anh đem lòng yêu Daisy. Cuộc đời anh đã trở nên lộn xộn và bừa bãi từ ngày ấy, nhưng giá anh có thể dù chỉ một lần thôi trở lại một điểm xuất phát nào đấy và chậm chậm đi lại quãng đường đã qua, may ra anh sẽ tìm ra được cái đó là gì...

... Một tối mùa thu năm năm về trước, hai người sóng vai đi bên nhau trên đường phố vào lúc các hàng cây trút lá. Họ tới một nơi không có một bóng cây và hè đường lênh láng ánh trăng trắng xoá. Họ dừng lại ở đấy và ngoảnh mặt nhìn nhau. Đêm mát rượi và làm lòng người xao xuyến bởi một chất men huyền bí chỉ đến vào lúc giao mùa mỗi năm đôi lần. Ánh đèn êm ả trong các ngôi nhà mơn man bóng tối bên ngoài và có tiếng gì sột soạt xao động trên các ngôi sao trời. Liếc nhìn qua đuôi mắt, Gatsby rõ ràng nhìn thấy những tấm đá lát đường xếp dựng lên thành một cái thang vươn lên đến tận một nơi bí ẩn bên trên các hàng cây. Nếu mình anh, anh có thể trèo lên tới được chỗ ấy, và tới đó anh có thể hút lấy hương nhụy của cuộc sống, anh có thể uống từng ngụm lớn dòng sữa thần tiên diệu kì vô song.

Tim anh đập mỗi lúc một dồn dập hơn khi gương mặt trắng ngần của Daisy sát lại gần mặt anh. Anh biết rằng khi anh hôn lên đôi môi người con gái này và vĩnh viễn gắn những viên ảnh không lời nào tả xiết của mình với hơi thở dễ tàn phai của nàng thì tâm trí anh sẽ không bao giờ lại thanh thoi được nữa như tâm trí Chúa trời. Vì thế anh nán chờ, lắng nghe thêm một lúc cái âm thoa đã được ai đó gõ vào một vì sao trên trời. Sau đó anh ôm hôn nàng. Khi được cặp môi anh chạm đến, nàng xoè ra với anh như một bông hoa và sự hoá thân thật là trọn vẹn.

Những lời anh kể, và cái cái tính uỷ mị đáng sợ của anh, làm tôi lờ mờ nhớ đến một điều – một âm điệu xa xăm, vài lời nói lồm bồm mà tôi đã nghe được ở đâu đó từ rất lâu. Có một lúc, một câu nói cố hình thành trên đôi môi tôi, và tôi hơi hé miệng mấp máy như một cuộc vật lộn chứ không chỉ là một hơi thở run rẩy. Nhưng đôi môi ấy không bật ra được một âm thanh nào và điều mà tôi suy nghĩ ra sẽ không bao giờ nói được với ai.

Chương VII

Đúng đến khi tôi tò mò muốn hiểu về Gatsby nhiều nhất thì một tối thứ Bảy các ngọn đèn ở nhà anh không bật sáng và cuộc đời Trimalchio (1) của anh kết thúc một cách khó hiểu như khi nó bắt đầu. Dần dần tôi mới nhận ra là những chiếc xe hơi khấp khểnh lăn bánh vào những đường xe chạy trong vườn nhà anh chỉ đỗ lại đúng một phút rồi hậm hực bỏ đi. Không biết có phải Gatsby đau ốm không, tôi sang nhà anh xem sao. Một gia nhân lạ mặt trông không lương thiện đứng ở cửa ngò vức nhìn tôi bằng đuôi con mắt.

- Ông Gatsby ốm chẳng?

- Không, – ngừng một lúc rồi gã mới buông thêm hai tiếng “thưa ông” muộn mằn, miễn cưỡng.

- Lâu không thấy ông Gatsby, tôi lo ngại không biết vì sao. Anh thưa lại với ông chủ có ông Carraway sang thăm.

- Ông nào? – Gã hỏi cộc cằn.

- Carraway.

- Carraway. Được, tôi sẽ thưa lại.

Gã đột ngột đóng sầm cửa lại.

Chị giúp việc người Phần Lan của tôi cho biết cách đây một tuần, Gatsby đã sa thải tất cả tôi tớ trong nhà, thay bằng một nửa tá gia nhân mới. Đám gia nhân này không bao giờ vào làng West Egg để bị các nhà buôn mua chuộc mà chỉ gọi điện thoại đặt mua các đồ ăn thức uống với số lượng vừa phải. Thằng nhỏ giao hàng của hiệu thực phẩm kể lại là nhà bếp bản như chuồng lợn, và ý kiến chung của mọi người trong làng là những kẻ mới đến này trông chẳng có vẻ gì là gia nhân.

Hôm sau Gatsby gọi điện thoại cho tôi.

- Anh đi xa à? – Tôi hỏi.

- Không, người anh em ạ.

- Tôi nghe nói anh sa thải tất cả gia nhân.

- Tôi muốn mượn những kẻ không hay bép xép. Daisy thường đến luôn vào buổi chiều.

Như vậy là, vì mắt nàng không ưng mà toàn bộ quán trọ này đã đổ sụp như một ngôi nhà xếp bằng những quân bài.

- Họ là những người mà Wolfshiem muốn tôi giúp đỡ. Họ đều là anh chị em với nhau cả. Trước họ có trông nom một khách sạn nhỏ.

- Tôi hiểu.

Gatsby gọi điện thoại cho tôi là theo yêu cầu của Daisy. Nàng mời tôi ngày mai đến ăn trưa nhà nàng. Cô Baker cũng sẽ có mặt. Một nửa giờ sau, Daisy lại

đích thân gọi dây nói. Nàng có vẻ yên tâm khi tôi nhận lời. Tôi đoán chắc có chuyện gì đây, song tôi không thể nghĩ rằng họ lại chọn dịp này để gây chuyện – nhất là loại chuyện rầy rà mà Gatsby đã vẽ phác ra cho tôi hôm ở ngoài vườn. Hôm sau trời nóng như thiêu như đốt, có lẽ là ngày nóng cuối cùng nhưng nhất định là ngày nóng nhất của cả mùa hè năm nay. Con tàu tôi đi khi từ trong đường hầm nhô ra ngoài nắng thì chỉ có những tiếng còi nhà máy nóng rẫy của “Công ty bích quy quốc gia” phá tan bầu không khí hầm hập và yên lặng. Những chiếc ghế đệm nhồi rơm trên toa xe như muốn bốc lửa. Mồ hôi đã kín áo làm ướt đẫm từ nãy chiếc áo sơ-mi trắng của một hành khách nữ ngồi cạnh tôi, và đến khi tờ báo chị ta cầm hoen ố các vết ngón tay thì chị ta bật ra một tiếng than thở rồi để mặc cho cái nóng kinh người hành hạ mình. Chiếc ví của chị ta bỗng rơi đánh bịch xuống sàn.

- Ôi chào! – Chị ta kêu lên, gần như không ra hơi.

Tôi mệt mỏi cúi xuống nhặt lên trao lại cho chị ta, cẩn thận chỉ cầm mớ mớ một góc ví và duỗi thẳng tay để tỏ rõ tôi không có ý định gì xấu, thế mà tất cả hành khách ngồi gần, kể cả chị kia, vẫn cứ ngò tôi.

- Nóng khiếp! – Người soát vé nói với những bộ mặt quen thuộc. – Thời tiết quái ác!... Cha chả là nóng!... Nóng!... Nóng!... Ông có thấy nóng không? Ông có thấy...?

Tám vé tháng khi được trao trả tôi đã hoen một vết sẫm do lốt tay ông soát vé gây ra. Trong cái nóng này làm gì có ai bận tâm đến người mà cặp môi đỏ bừng được mình đặt miệng hôn, mà cái đầu tựa vào làm ướt đẫm túi ngực áo ngủ của mình.

... Một ngọn gió nhẹ thổi qua gian tiền sảnh nhà Buchanan đưa vọng ra tiếng chuông điện thoại tới tai Gatsby và tôi, trong lúc chúng tôi đứng đợi ngoài cửa.

- Dạ, xác ông chủ ấy ạ? – Người hầu phòng gầm lên vào ống nói. – Bẩm bà, tôi rất tiếc, nhưng chúng tôi không thể cung cấp được ạ... trưa nay quá nóng không đựng đến nổi.

Thực ra là anh ta nói: “Vâng ạ... vâng ạ... tôi sẽ xem.”

Anh ta đặt máy nói xuống và mồ hôi lấm tấm, ra chỗ chúng tôi đỡ lấy những chiếc mũ nan cứng của chúng tôi.

- Bà chủ đang đợi hai ông trong phòng khách! – Anh ta chỉ tay một cách không cần thiết. Trời nóng này, mọi tác động thừa là một việc lãng mại vốn dự trữ sức sống chung của mọi người.

Được che nhiều mái hiên bằng vải bạt, phòng khách rợp tối và mát. Daisy và Jordan đang nằm dài trên một chiếc đi văng rất lớn như những pho tượng bạc đề chặn lên các tà áo trắng cho chúng khỏi tung lên vì những ngọn gió hây hây vì

vu của quạt trần.

- Không nhắc nổi chân tay nữa. – Họ cùng nói.

Những ngón tay của Jordan đánh phấn trắng đê lên trên nước da rám nắng, nằm yên một lúc trong bàn tay tôi.

- Còn nhà lực sĩ Thomas Buchanan đâu? – Tôi hỏi.

Ngay sau lúc ấy tôi nghe thấy tiếng nói cau có và ồm ồm của Tom nghiền nghệt bên máy điện thoại trong gian tiền sảnh.

Gatsby đứng ở giữa tấm thảm đỏ thẫm, đưa cặp mắt ngây dại nhìn khắp xung quanh. Daisy ngẩng nhìn anh và cười khe khẽ, một tiếng cười dịu dàng làm người nghe phải xốn xang. Một làn phấn mỏng từ ngực nàng bay lên.

Jordan khẽ thì thầm:

- Tin đồn bảo rằng kẻ đang nghe điện thoại là người tình của Tom đấy.

Mấy người chúng tôi đều im lặng. Tiếng nói ở gian tiền sảnh vang to và bực bội:

- Thôi được, đã vậy, tôi không bán xe cho ông nữa... Tôi không bị trói buộc gì với ông hết... Còn ông cứ làm rầy tôi mãi đúng vào giờ ăn trưa thì tôi không để cho ông yên đâu.

- Ông nghe đã được đặt xuống rồi mà, – Daisy giễu cợt.

- Không phải đâu, – tôi quả quyết với nàng. – Đúng là có công việc thật đấy. Tình cờ mà tôi được biết.

Tom đẩy mạnh cửa, tấm thân to lớn của anh che kín khung cửa một lúc, rồi anh vội vã bước vào.

- Ông Gatsby! – Tom chìa ra bàn tay bè bè với một vẻ ác cảm khéo che giấu. – Hân hạnh được gặp ông... Chào anh Nick...

- Dem rượu lên nhé. – Daisy gọi to.

Khi Tom đã lại ra khỏi phòng, nàng đứng dậy tiến lại chỗ Gatsby kéo đầu anh xuống hôn vào môi anh.

- Anh biết là em yêu anh chứ? – Daisy thì thào.

- Anh chị quên mất là có mặt một phụ nữ ở đây. – Jordan nói.

Daisy nhìn quanh, vẻ nghi ngại:

- Em cũng hôn anh Nick đấy thôi.

- Một cô gái thấp hèn, tầm thường làm sao!

- Tôi bắt cần! – Daisy nói và nhảy giậm chân trước mặt lò sưởi bằng gạch. Rồi nhớ ra trời nóng, nàng tiu ngưỡn ngồi xuống đi văng đúng lúc một chị vú em quần áo tinh tươm dẫn đến một đứa bé gái vào trong phòng.

Daisy đưa cả hai tay ra đón con, nựng:

- Bé cưng yêu quý của mẹ! Lại đây với mẹ nào.

Chị vú buồng đưa bé ra, nó chạy ào qua gian phòng then thùng rúc vào áo mẹ.

- Bé cưng bé quý của mẹ nào! Mẹ bé đã rắc phấn lên mái tóc vàng khè của bé

chưa? Bé đứng ngay lên và chào khách của mẹ đi nào.

Gatsby và tôi cúi xuống nắm lấy bàn tay rụt rè nhỏ xíu. Sau đó Gatsby cứ nhìn mãi đứa bé với vẻ kinh ngạc. Tôi chắc trước đây anh chưa bao giờ thực sự nghĩ là có nó trên đời.

Đứa bé vội vàng quay lại với Daisy:

- Bé được mặc áo trước bữa trưa đây này.

- Vì mẹ của bé muốn khoe với khách mà, – mặt nàng cúi xuống chỗ có cái ngấn duy nhất trên cái cổ trắng trẻo xinh xắn. – Bé của mẹ xinh như mộng, phải không bé?

- Vâng ạ, – đứa bé thản nhiên trả lời. – Cô Jordan cũng mặc áo trắng kia.

- Bé có yêu các bạn bè của mẹ không? – Daisy quay người nó lại đối diện với Gatsby. – Bé có thấy các bạn bè của mẹ xinh không nào?

- Ba đâu rồi?

- Nó không giống bố nó, – Daisy giải thích. – Nó giống em. Nó có mái tóc và khuôn mặt giống em.

Daisy lại ngồi xuống đi vắng. Chị vú bước lên nắm lấy tay đứa bé.

- Lại đây nào, Pammy.

- Chào con nhé!

Luyên tiết ngoái lại đằng sau, đứa trẻ biết vâng lời níu lấy tay chị vú và bị kéo ra khỏi phòng đúng vào lúc Tom trở lại, theo sau là bốn cốc rượu gin pha chanh đầy những cục đá va vào nhau kêu lách cách.

Gatsby cầm lấy một cốc.

- Rượu có vẻ mát lạnh, – anh nói, dáng điệu lúng túng rõ rệt.

Chúng tôi uống ừng ực từng ngụm dài.

- Tôi có đọc được ở đâu đó nói rằng mặt trời mỗi năm một nóng hơn. – Giọng Tom vui vẻ thân mật. – Hình như chẳng bao lâu nữa quả đất sẽ rơi vào mặt trời... không, gượng nào, ngược lại cơ... mặt trời mỗi năm một lạnh hơn.

Tom ngỏ ý với Gatsby:

- Ta ra ngoài đi. Tôi muốn dẫn ông đi thăm nhà tôi một lúc.

Tôi đi cùng với họ ra ngoài hàng hiên. Trên eo biển xanh lè với mặt nước tù đọng vì nóng, một cánh buồm nhỏ đang bò chậm chậm về phía biển khơi mát mẻ. Gatsby nhìn theo cánh buồm đó một lát. Anh giơ tay lên, chỉ sang bên kia vịnh.

- Nhà tôi ở ngay bên kia, đối diện với nhà ông.

- Đúng vậy.

Mắt chúng tôi nhớn lên bên trên các luống hoa hồng và thảm cỏ nóng rẫy, qua đám cỏ dại quen nóng mọc ven bờ nước. Những cánh buồm trắng của chiếc thuyền kia chậm chậm di động trên đường ranh giới xanh mát của bầu trời. Phía

trước là đại dương hình vỏ sò và biết bao nhiêu hòn đảo hạnh phúc.

Tom hát đầu nói:

- Trò giải trí này lí thú lắm. Giá được ra đây với nó khoảng một tiếng đồng hồ. Chúng tôi ăn trưa trong phòng ăn cũng rợp tối vì được che rèm chống nóng, và chìm sự vui vẻ bồn chồn trong cốc bia lạnh.

Daisy kêu lên:

- Chúng ta biết làm gì đây trong chiều nay, trong ngày mai và ba mươi năm tới?
- Đừng có những ý nghĩ quái gở, – Jordan khuyên. – Cuộc sống sẽ lại bắt đầu khi trời vào thu mát mẻ.

- Nhưng hôm nay sao nóng thế, và mọi thứ rối tinh rối mù cả lên, – Daisy gần như phát khóc. – Ta ra thành phố cả đi.

Giọng nàng cố ngoi qua cái nóng, vật lộn với nó, nhào nặn cái hỗn mang của nó thành hình dạng.

Tom nói với Gatsby:

- Tôi nghe nói có người đã biến chuồng ngựa thành nhà xe, nhưng tôi là người đầu tiên đã biến nhà xe thành chuồng ngựa.

- Ai muốn ra thành phố nào? – Daisy cứ một mực hỏi. Cặp mắt của Gatsby lơ lửng trôi về phía nàng. Daisy kêu lên: - Ôi, ông trông tươi mát quá!

Ánh mắt họ bắt gặp nhau, họ nhìn xoắn lầy nhau, chỉ biết có mình nhau trong không gian. Daisy cố hạ cặp mắt mình xuống, nhìn xuống bàn.

- Ông lúc nào trong cũng tươi mát, – nàng nhắc lại.

Nàng vừa mới bày tỏ với Gatsby là nàng yêu anh, và Tom Buchanan đã thấy. Tom sững sờ. Miệng hé mở, Tom hết nhìn Gatsby lại quay sang Daisy như thể anh vừa mới nhận ra nàng là người mà anh đã quen biết từ lâu.

Daisy nói tiếp một cách tự nhiên:

- Ông trông giống nhân vật trong tờ quảng cáo, ông có biết quảng cáo về người...

- Được, – Tom cắt ngang, giọng gay gắt. – Tôi rất tán thành ra thành phố. Ta đi thôi... tất cả chúng ta đều ra thành phố.

Tom đứng dậy, mắt vẫn long lên hết nhìn Gatsby lại nhìn vợ. Không ai nhúc nhích.

- Đi thôi! – Sự tự chủ của anh đã hơi rạn nứt một chút. – Sao nào? Nếu định ra thành phố thì đi ngay thôi.

Bàn tay Tom, run lên vì cố giữ bình tĩnh, đưa nốt chỗ bia còn trong cốc lên môi. Giọng nói của Daisy lôi chúng tôi đứng dậy và bước ra lối đi rải sỏi nắng chói chang.

- Ai lại đi ngay như thế này? – Daisy phản đối. – Không để cho mọi người hút một điếu thuốc đã à?

- Mọi người đã hút suốt bữa ăn rồi.

- Ôi, mình vui vẻ lên chứ, – nàng khấn khoản chồng. – Nóng nực thế này mà to tiếng thì còn ra làm sao!

Tom không đáp.

- Thôi tùy mình, – nàng nói tiếp. – Jordan, lại đây.

Hai người phụ nữ lên gác chuẩn bị còn ba người đàn ông chúng tôi thì cứ đứng đó, lấy chân đảo đi đảo lại các viên sỏi nóng rẫy. Một vành trăng bạc đã treo lơ lửng trên mảng trời phía tây. Gatsby định nói gì sau lại thôi, nhưng Tom đã xoay người đối diện với anh, chờ đợi. Gatsby đành cố đặt câu hỏi:

- Ông cho xây chuồng ngựa ở đây à?

- Cách một phần tư dặm, cạnh đường cái.

- À.

Mấy chúng tôi im lặng một lúc, rồi Tom bật ra, giọng hàm hàm:

- Không biết ra thành phố để làm trò trống gì. Đàn bà là hay có những ý kiến quái quỷ...

- Ta có mang theo đồ uống gì không? – Daisy ở cửa sổ trên gác hỏi vọng xuống.

- Tôi sẽ lấy uýt-xki. – Tom đáp rồi vào trong nhà.

Gatsby quay sang tôi, người cứng nhắc.

- Tôi không thể nói được gì tại nhà này, người anh em ạ.

- Nàng nói giọng vô ý quá, – tôi nhận xét, – Giọng nàng chứa đầy... – tôi ngắc ngứ.

- Giọng nàng chứa đầy tiền bạc, – Gatsby nói luôn.

Đúng thế. Trước đó tôi chưa hiểu ra. Giọng Daisy quả đúng là chứa đầy tiền bạc – đó chính là những tiếng mê hồn uốn lượn không bao giờ tắt trong giọng nàng, những tiếng leng keng giòn tan, ngân vang như tiếng chũm chọe trong giọng nàng... Ngựa chót vót trên cao trong cung điện trắng toát là ái nữ của đức vua, cô gái vàng...

Tom ở trong nhà bước ra, bọc một chai uýt-xki trong một chiếc khăn mặt. Theo sau là Daisy và Jordan, cả hai đều đội những chiếc mũ nhỏ bằng vải kim loại bó sát lấy đầu và khoác trên tay những tấm áo choàng mỏng.

- Tất cả đi bằng xe của tôi chứ? – Gatsby đề nghị. Anh sờ lớp da xanh bọc ghế nóng bỏng. – Đáng nhẽ tôi phải để xe trong bóng râm mới phải.

- Cần số xe ông có phải là loại phổ thông không? – Tom hỏi.

- Phải.

- Thế thì ông đi chiếc cu-pê của tôi, để tôi lái chiếc xe của ông cho.

Gatsby không thích đề nghị ấy. Anh bác lại:

- Tôi sợ xe tôi không đủ xăng.

- Thừa xăng, – Tom nói oang oang, mắt nhìn vào đồng hồ chỉ xăng. – Mà nếu

thiếu, tôi có thể đỗ xe ở một hiệu thuốc. Thời buổi này, muốn mua gì ở hiệu thuốc mà chả có.

Một sự im lặng tiếp theo sau lời nhận xét có vẻ băng quơ này. Daisy chau mày nhìn Tom, và trên nét mặt Gatsby thoáng hiện lên một vẻ khó tả, vẻ mặt ấy tôi dứt khoát chưa thấy bao giờ nhưng đồng thời lại lờ mờ quen, như thể tôi mới chỉ được nghe miêu tả bằng lời.

- Đi thôi, Daisy, – Tom lấy tay ứn Daisy về phía xe của Gatsby. – Tôi sẽ đưa mình đi trong cỗ xe của gánh xiếc rong này.

Tom mở cửa xe, nhưng Daisy vùng ra khỏi vòng tay chồng.

- Mình đi với anh Nick và Jordan. Em và ông Gatsby sẽ đi theo sau trên chiếc cu-pê.

Nàng đi sát cạnh Gatsby, tay chạm cả vào áo vét-tông của anh. Jordan, Tom và tôi cùng lên ngồi ở hàng ghế trước trong chiếc xe hơi của Gatsby. Tom mò mẫm sử dụng cái cần số không quen và chiếc xe lao vụt đi trong cái nóng ngọt ngào, bỏ lại mất hút hai người kia ở đằng sau.

- Anh có nhìn thấy không? – Tom hỏi.

- Nhìn thấy gì?

Tom nhìn chăm chăm vào tôi và hiểu ra rằng Jordan và tôi hẳn đã biết chuyện từ lâu rồi.

- Các bạn tưởng tôi là thằng ngốc hả? – Tom nói. – Có thể lắm, nhưng tôi còn có... đôi khi gần như một cặp mắt thứ hai nó bảo tôi phải làm gì. Có lẽ các bạn không tin, nhưng khoa học...

Tom im bặt. Tình thế trước mắt túm lấy anh, kéo anh ra khỏi lĩnh vực lí thuyết. Anh nói tiếp:

- Tôi đã tiến hành một cuộc điều tra nho nhỏ về gã này. Lẽ ra tôi đã tìm hiểu sâu hơn nếu như tôi biết được...

- Phải chăng anh muốn nói anh đã tìm đến một bà đồng? – Jordan hài hước.

- Cái gì? – Hoang mang, Tom nhìn chăm chăm vào hai chúng tôi trong khi chúng tôi phá lên cười. – Một bà đồng à?

- Để hỏi về Gatsby mà.

- Về Gatsby! Không, không phải. Tôi nói là tôi đã tiến hành một cuộc điều tra nhỏ về quá khứ của gã.

- Và anh phát hiện ra ông ta là một cựu sinh viên Oxford. – Jordan móm lời.

- Cựu sinh viên Oxford! – Tom lộ vẻ không tin. – Thôi đi! Thằng cha mặc bộ quần áo màu phấn hồng ấy mà đã học ở Oxford ư?

- Dẫn vậy, ông ấy là cựu sinh viên Oxford đấy.

- Oxford bang New Mexico (2) hả? – Tom dè bĩu, – hay một nơi nào tương tự.

- Anh Tom, nếu anh là người nệ gia thế đến vậy, sao anh còn mời ông ta đến ăn

trưa? – Jordan khó chịu hỏi.

- Daisy mời hẳn. Cô ấy quen hẳn trước khi chúng tôi lấy nhau... ở chỗ quái quỷ nào không biết.

Rượu bia trong người đã hết làm cả bọn chúng tôi bây giờ dễ cáu kỉnh. Biết vậy, chúng tôi nín thính một lúc trong khi xe chạy. Đến khi cặp mắt bạc phếch của bác sĩ T. J. Eckleburg hiện ra ở đầu đường, tôi sực nhớ đến lời nhắc nhở của Gatsby về xăng.

- Có đủ tới thành phố rồi, – Tom bảo.

- Nhưng ngay đây có trạm xăng cơ mà. – Jordan kéo nèo. – Em không muốn ngồi ôm xe giữa cái nóng như hun này.

Tom nóng nảy dùng cả hai phanh, và chiếc xe rê bánh đứng sững lại dưới tấm biển hiệu của Wilson làm bốc lên một đám bụi mù. Một lát sau, người chủ hiệu sửa chữa hiện ra, con mắt đờ đẫn nhìn trân trân vào chiếc xe.

- Cho xăng đi! – Tom gắt. – Ông tưởng chúng tôi đỗ lại để làm gì, ngắm cảnh chác?

- Tôi ôm. – Wilson nói, không nhúc nhích. – Tôi ôm suốt cả ngày hôm nay.

- Ôm sao?

- Tôi hết cả hơi sức rồi.

- Vậy tôi tự bơm xăng lấy nhé, – Tom hỏi. – Thế mà ông gọi điện thoại có vẻ khoẻ ra phết.

Wilson thở phì phò cố sức lê chân rời khỏi chỗ bóng râm và khung cửa đang tựa ra vắn nắp bể xăng. Ra ngoài nắng, mặt ông ta trông xanh lè.

- Tôi đâu có ý phá ngang bữa trưa của ông, – Wilson nói. – Chỉ vì tôi rất cần tiền, mà tôi không biết ông định tính sao về chiếc xe cũ của ông.

- Ông thấy chiếc xe này thế nào? – Tom hỏi. – Tôi mới mua tuần trước đấy.

- Chiếc xe vàng này đẹp nhỉ. – Wilson nói trong lúc kéo cần bơm xăng.

- Ông có muốn mua không?

- Làm gì có chuyện, – Wilson nở một nụ cười yếu ớt. – Không, nhưng tôi có thể kiếm được chút ít ở chiếc xe kia.

- Ông bỗng dựng cần tiền để làm gì?

- Tôi sống ở đây quá lâu rồi. Tôi muốn bỏ đi nơi khác. Vợ tôi và tôi muốn chuyển về miền Tây.

- Vợ ông muốn chuyển đi à? – Tom sững sốt thốt lên.

- Bà nhà tôi nói đến chuyện này từ mười năm nay rồi. – Wilson tựa người một lúc vào cột xăng, lấy tay che mắt. – Và bây giờ thì bà ấy sẽ phải đi, dù muốn hay không. Tôi sẽ lôi bà ấy đi.

Chiếc xe con phóng vụt qua bên cạnh chúng tôi giữa một đám bụi mù và lấp loáng một bàn tay vẫy vẫy.

- Bao nhiêu tiền? – Tom hỏi cộc cằn.

- Tôi dò ra được một chuyện mờ ám vừa mới cách đây hai hôm, – Wilson nói. – Vì vậy tôi mới muốn bỏ đi. Vì vậy tôi mới phải làm rầy ông về chiếc xe.

- Tôi phải trả bao nhiêu?

- Một đôla hai mươi.

Cái nóng hầm hập làm đầu tôi mù đi, tôi cảm thấy nôn nao trong người một lúc rồi mới nhận ra rằng cho đến lúc này sự ngờ vực của Wilson chưa chĩa vào Tom. Ông ta đã phát hiện ra vợ mình có một cuộc sống riêng ở một nơi khác, và đờn choáng váng ấy làm cho ông ta ốm thực sự. Tôi dăm dăm nhìn ông ta rồi nhìn sang Tom, anh này cũng vừa mới khám phá ra một chuyện tương tự dính dáng đến mình cách đây chưa đầy một tiếng – và tôi nghĩ về mặt trí tuệ hoặc nòi giống, con người ta không khác nhau mấy như sự khác biệt giữa người ốm và người khỏe. Wilson ốm đến nỗi trông ông ta như người có tội, một tội không thể tha thứ, tưởng đâu ông ta đã làm cho một cô gái khốn khổ nào đó có con.

- Tôi sẽ bán cho ông chiếc xe ấy, – Tom nói. – Chiều mai tôi sẽ cho mang lại chỗ ông.

Địa điểm này hình như bao giờ cũng có một khía cạnh gì làm cho người ta mơ hồ lo lắng, dù là giữa buổi chiều nắng chang chang. Tôi quay đầu lại như linh tính thấy có chuyện gì đằng sau mình. Bên trên những gò đất tro, hai con mắt khổng lồ của bác sĩ T. J. Eckleburg đang canh gác, nhưng một lúc sau, tôi nhận ra có hai con mắt khác đang trừng trừng nhìn chúng tôi cách chỗ chúng tôi chưa đầy hai mươi bước. Ở một cửa sổ bên trên nhà xe, rèm đã bị vén lên một chút và Myrtle Wilson đang dòm xuống chỗ xe chúng tôi. Bà ta đang mãi nhìn đến nỗi không biết có người nhìn mình, và những cảm xúc khác nhau lần lượt hiện lên trên nét mặt bà ta như một bức ảnh đang hiện hình chậm chậm. Về mặt Myrtle có cái gì quen quen kì lạ – đó là một vẻ mặt mà tôi đã hay bắt gặp ở đàn bà, nhưng ở Myrtle Wilson nó có vẻ như vô cớ và không giải thích nổi cho đến khi tôi nhận ra hai con mắt bà ta, trợn trừng lên vì một nỗi kinh hoàng bởi lòng ghen, không nhìn Tom mà nhìn thẳng vào Jordan Baker mà bà ta tưởng là vợ Tom.

Không có sự hoang mang nào bằng nỗi hoang mang của một kẻ nông nổi, vì thế trong khi xe chúng tôi phóng đi, Tom cảm thấy những ngọn roi rát bỏng của cơn hốt hoảng quất lên mình. Vợ anh và người tình của anh, trước đây một tiếng còn an toàn và bất khả xâm phạm, nay đang trôi tuột khỏi tay anh. Bản năng tự nhiên làm Tom dận chân lên bàn đạp tăng tốc vừa để đuổi kịp Daisy vừa để bỏ xa Wilson lại đằng sau. Xe chúng tôi lao về phía Astoria với tốc độ năm mươi dặm một giờ cho đến khi giữa những thanh dầm của con đường sắt đặt trên cao chằng ra ngang dọc như mạng nhện, chúng tôi nhìn thấy chiếc xe con màu xanh lơ đang bon bon từ tốn.

- Những rạp chiếu bóng lớn ở phố Năm mươi mát lắm. – Jordan gợi ý. – Em rất thích New York những buổi chiều hè khi mọi người đã bỏ đi hết cả. Nó có một cái gì như nhục cảm... một cái gì chín nẫu, tưởng chừng mọi thứ quả lạ sẽ rơi vào bàn tay mình.

Hai tiếng “nhục cảm” càng làm cho Tom thêm bồn chồn, nhưng anh chưa nghĩ ra câu nào bác lại thì chiếc xe con phía trước đã dừng bánh và Daisy vẫy tay ra hiệu bảo chúng tôi cho xe đỗ bên cạnh. Nàng hét to:

- Đi đâu bây giờ?

- Xem chiếu bóng được không?

- Nóng lắm. – Daisy ca cẩm. – Bên ấy cứ đi đi. Bên xe này đi dạo một lúc rồi gặp nhau sau. – Nàng cố khôi hài yếu ớt. – Ta sẽ gặp nhau ở một góc phố. Âm hiệu: tôi sẽ là người đàn ông hút hai điếu thuốc.

- Không bàn được ở đây, – Tom nóng nảy nói trong khi một chiếc xe tải bóp còi rũa àm lên ở đằng sau. – Xe bên ấy hãy đi theo tôi đến mé nam Công viên trung tâm, trước cửa khách sạn Plaza.

Chốc chốc Tom lại ngoảnh lại theo dõi chiếc xe kia, và khi nó bị tụt lại đằng sau vì vướng xe cộ trên đường thì anh cũng cho xe mình chạy chậm lại cho đến khi nhìn thấy nó. Chắc anh sợ họ sẽ ngoắt vào một ngách phố nhỏ rồi vĩnh viễn biến mất khỏi cuộc đời anh.

Nhưng chiếc xe ấy không rẽ đi đâu mất. Và tất cả chúng tôi đều đi đến quyết định khó hiểu là thuê một phòng ở khách sạn Plaza.

Đến nay tôi không còn nhớ hết những lời lẽ bàn cãi ồn ào và kéo dài cuối cùng đã dẫn đến chỗ lừa chúng tôi vào phòng khách đó, nhưng tôi còn nhớ như in là trong lúc mọi người bàn cãi, chiếc quần lót của tôi cứ như một con rắn lầy nhầy bò leo chung quanh chân tôi, và mồ hôi lạnh từng giọt một lần đuổi nhau dọc sống lưng tôi. Thoạt tiên là gợi ý của Daisy khuyên cả bọn nên thuê năm buồng tắm để tắm nước lạnh, rồi sau đó chuyển sang một hình thức dễ hiểu hơn là “kiếm một chỗ để uống rượu ulytxki đá pha bạc hà”. Chúng tôi ai nấy đều nói đi nói lại rằng đó là một “ý kiến lẫn thẩn” – cả bọn cùng nói một lúc làm cho nhân viên khách sạn phải ngắt người ra nghe, và tất cả tự cho rằng, hoặc giả vờ cho rằng mình là những kẻ ngộ nghĩnh lắm...

Gian phòng rộng lớn và ngọt ngào. Tuy đã bốn giờ chiều nhưng mở hết cửa sổ cũng chỉ đem lại có một ngọn gió nóng từ các lùm cây trong công viên. Daisy ra đứng trước gương chải đầu, quay lưng lại chúng tôi.

- Phòng khách “kháu” (3) đấy chứ. – Jordan thì thào với giọng cung kính làm mọi người cười ồ.

- Mở cửa sổ nữa ra, – Daisy ra lệnh, không quay lại.

- Không còn cửa sổ nào nữa.

- Thế thì gọi điện thoại bảo mang lên đây cái riu...

- Tốt hơn là quên cái nóng đi, – Tom bực tức nói. – Càng kêu ca càng làm mình thêm khó chịu gấp mười lần.

Tom gỡ chai rượu ra khỏi cái khăn mặt quấn xung quanh và đặt nó lên bàn.

- Ông nên để bà ấy yên, người anh em ạ, – Gatsby nói. – Chính ông đã đòi ra thành phố.

Gian phòng lặng đi một lúc. Cuốn danh bạ điện thoại tuột khỏi đinh rơi tung xuống sàn. Thấy vậy, Jordan thì thào hai tiếng “Xin lỗi” nhưng lần này không có ai cười.

- Để tôi nhặt lên cho, – tôi nói.

- Tôi nhặt rồi, – Gatsby ngắm nghía sợi dây đứt, khẽ “Hừm” một tiếng với một vẻ chăm chú rồi quăng quyển sách lên một chiếc ghế.

- Câu nói ưa thích của ông đấy phải không? – Tom hỏi gay gắt.

- Cái gì?

- Mấy tiếng “người anh em”, ông nhặt được ở đâu ra thế?

- Thôi nào, Tom, – Daisy quay mặt khỏi gương, – mình mà cứ chằm chọc nữa thì em sẽ không ở đây thêm một phút nào. Mình gọi điện thoại bảo đem đá lên cho vào rượu đi.

Khi Tom cầm lấy máy nói thì cái nóng bị nén tức bật ra thành âm thanh và chúng tôi nghe thấy những hợp âm gờ trong bản “Hành khúc hôn lễ” của Mendelssohn từ phòng nhảy bên dưới vọng lên.

- Ai lại cười nhau giữa trời nóng nực này. – Jordan kêu lên với giọng buồn thảm.

- Thế mà... tôi cười vào giữa tháng Sáu đấy – Daisy hỏi tưởng. – Louisville, giữa tháng Sáu! Có kẻ ngất. Ai ngất, Tom nhỉ?

- Biloxi, – Tom trả lời cộc lốc.

- Một gã tên là Biloxi. “Blocks” Biloxi mà túi thì chẳng có móc xì gì cả (4) – đúng thế đấy – và gã lại là người Biloxi, bang Tennessee. (5)

- Người ta khiêng hần vào nhà em, – Jordan bổ sung, – vì nhà em ở cách nhà thờ có mấy bước. Thế là hần ở lì nhà em ba tuần, cho đến khi ba em phải tống cổ, hần mới đi. Hần đi được một ngày thì ba em qua đời. – Sau một lát Jordan nói thêm. – Hai sự việc không liên quan gì đến nhau.

- Tôi trước có quen một người tên là Bill Biloxi ở Memphis, – tôi nói.

- Anh em họ hần đấy. Trước khi hần đi em đã biết hết lai lịch nhà hần. Hần cho em một cái gậy đánh gôn bây giờ em vẫn còn dùng.

Tiếng nhạc lặng đi khi buổi lễ bắt đầu và bây giờ từ ngoài cửa sổ vọng vào một tiếng reo hò kéo dài, tiếp theo sau là những tiếng hét “Hoan hô!” ngắt quãng và cuối cùng vang lên một điệu nhạc jazz khi chuyển sang mục khiêu vũ.

- Chúng ta già mất rồi, – Daisy than thở. – Nếu còn trẻ thì chúng ta đã đứng lên

nhảy rồi.

- Hãy nhớ đến gương Biloxi – Jordan nhắc nhở nàng. – Anh Tom, anh quen hẳn ở đâu nhỉ?

- Biloxi ấy à? – Tom cố nghĩ. – Tôi không quen. Hẳn là bạn của Daisy.

- Không phải, – Daisy phủ nhận – Đó là lần đầu tiên em gặp hẳn. Hẳn đi cùng toa xe lửa riêng đến cơ mà.

- Ấy là vì hẳn bảo hẳn quen mình. Hẳn bảo hỏi trẻ hẳn sống ở Louisville. Asa Bird kéo hẳn lại nhà vào phút chót, hỏi xem còn chỗ cho hẳn đi cùng không.

Jordan cười tủm tỉm:

- Có lẽ hẳn muốn đi bám xe nhờ về quê. Hẳn lại kể với em hẳn là trưởng lớp các anh ở trường đại học Yale đấy.

Tôi và Tom ngậy người nhìn nhau:

- Biloxi?

- Trước hết bọn tôi không có trưởng lớp nào cả...

Gatsby bồn chồn gõ chân liên hồi xuống sàn và bỗng dừng Tom quay sang anh.

- Nhân đây xin hỏi ông Gatsby, hình như ông là cựu sinh viên Oxford thì phải.

- Không hẳn thế.

-Ồ, có chứ. Nghe nói ông đã học ở Oxford mà.

- Có, tôi có học ở đấy.

Gian phòng lặng đi một lúc, rồi giọng Tom hồ nghi và châm chọc:

- Chắc chắn ông học ở đấy hồi Biloxi học ở Yale.

Gian phòng lại lặng đi một lúc nữa. Một người hầu phòng gõ cửa đem vào rượu úýt-xki pha đá với bạc hà, nhưng bầu không khí im lặng vẫn không bị xua tan sau câu “xin cảm ơn” của anh ta và sau khi cánh cửa được khép lại nhẹ nhàng. Chi tiết quan trọng này trong cuộc đời Gatsby cuối cùng sắp được làm sáng tỏ.

- Tôi đã bảo với ông là tôi có học ở đấy.

- Tôi đã nghe ông nói rồi, nhưng tôi muốn biết là vào thời gian nào.

- Đó là vào năm một nghìn chín trăm mười chín. Tôi chỉ ở đấy có năm tháng. Vì lẽ đó tôi không thể thực sự coi mình là cựu sinh viên Oxford.

Tom đưa mắt nhìn quanh xem chúng tôi có hoài nghi như anh không. Nhưng chúng tôi đều nhìn Gatsby.

- Đó là một cơ hội dành cho các sĩ quan sau ngày đình chiến, – Gatsby nói tiếp.

– Chúng tôi được quyền đến học tại bất kì trường đại học nào ở Anh và Pháp.

Tôi muốn đứng dậy vỗ vỗ lưng anh. Tôi lại thấy hoàn toàn tin ở anh như trước đây đã từng tin anh.

Miệng cười mỉm, Daisy đứng lên, ra ngồi ở bàn.

- Mình mở rượu đi, Tom, – nàng ra lệnh. – Em sẽ pha cho mình một cốc úýt-xki bạc hà. Rồi mình sẽ hết vẻ ngốc nghếch như thế... Xem thứ bạc hà này này.

- Khoan đã, – Tom giật giọng. – Tôi muốn hỏi ông Gatsby một câu nữa.

- Ông cứ hỏi, – Gatsby trả lời hoà nhã.

- Ông định gây ra chuyện bất hoà gì trong gia đình tôi?

Thế là cuối cùng họ đã nói toạc ra với nhau và Gatsby lấy làm hài lòng.

- Đâu phải ông ấy gây bất hoà. – Daisy tuyệt vọng nhìn hết người này đến người kia. – Có mình gây ra thì có. Mình hãy bình tĩnh một chút nào.

- Bình tĩnh! – Tom mỉa mai nhắc lại: - Có lẽ cái mới nhất bây giờ là khoanh tay ngồi yên để cho một kẻ Vô danh tiểu tốt từ nơi Vô sở tại đến làm tình với vợ mình. Thế nào chứ nếu cô cho như vậy là phải thì nên chừa tôi ra... Thời buổi này, người ta bắt đầu giễu cợt cuộc sống gia đình và các thể chế gia đình, rồi chẳng bao lâu nữa sẽ tung hê hết cả và cuối cùng da đen da trắng lấy lẫn nhau mất thôi.

Những lời lấp bắp nóng nảy bừa phứa đã đẩy Tom đến chỗ đứng trơ một mình trên ranh giới cuối cùng của văn minh.

- Ở đây đều là người da trắng cả, – Jordan nói khe khẽ.

- Tôi biết tôi không được nhiều người hâm mộ. Tôi không tổ chức những cuộc vui lớn. Có lẽ phải biến nhà mình thành chuồng lợn thì mới mong có bạn bè... ở cái thế giới hiện đại này.

Như tất cả mọi người có mặt ở đây, tôi rất bất bình, song cứ mỗi lần Tom mở miệng nói là tôi chỉ muốn phì cười vì anh đã biến đổi hẳn từ kẻ ăn chơi thành kẻ lên mặt rắn đời.

- Tôi cũng có đôi điều muốn nói với ông, người anh em ạ. – Gatsby bắt đầu. Nhưng Daisy đã đoán được ý anh, nàng luống cuống ngăn lại.

- Đừng!... Thôi ta về cả đi. Ở kia, sao lại không về nhỉ?

Tôi đứng dậy:

- Đúng đấy, Tom, thôi về đi. Không ai muốn uống nữa đâu.

- Tôi muốn biết ông Gatsby có điều gì cần nói với tôi?

- Vợ ông không yêu ông, – Gatsby nói. – Vợ ông chưa hề bao giờ yêu ông. Nàng yêu tôi.

- Ông điên rồi! – Tom thốt lên như một cái máy.

Gatsby đứng bật dậy, xúc động mãnh liệt và phấn khích. Anh nói to:

- Vợ ông chưa hề bao giờ yêu ông, ông nghe rõ không? Nàng lấy ông chỉ vì lúc bấy giờ tôi nghèo và nàng không chờ đợi tôi được nữa. Đó là một sai lầm ghê gớm, nhưng trong lòng, nàng chỉ yêu có tôi.

Đến giây phút này, Jordan và tôi cố tìm cách ra về nhưng cả Tom và Gatsby, với giọng kiên quyết không kém gì nhau, nâng nặc đòi chúng tôi ở lại như thể cả hai người đều không có mảy may điều gì phải giấu giếm và tưởng đâu như được cùng chia sẻ những xúc động của họ là một đặc quyền.

- Daisy, ngồi xuống, – Tom cố lấy giọng kẻ cả nhưng không được. – Sự tình diễn ra như thế nào? Tôi muốn nghe đầy đủ.

- Tôi đã nói với ông sự tình diễn ra như thế nào rồi. Đã diễn ra từ năm năm nay... mà ông không hề hay biết.

Tom quay sang Daisy.

- Mình vẫn gặp người này trong năm năm qua sao?

- Không phải gặp, – Gatsby nói. – Không, hai chúng tôi không gặp được nhau. Nhưng chúng tôi vẫn yêu nhau trong suốt thời gian ấy mà ông không hay biết gì, người anh em ạ. Lắm lúc tôi bật cười, – nhưng không có vẻ cười trong ánh mắt anh, – khi nghĩ rằng ông không hay biết gì cả.

- Ồ... có thể thôi à? – Tom chụm các ngón tay trùng trục lại vào nhau như một kẻ tu hành và ngả người vào trong ghế.

- Ông điên rồi! – Giọng Tom oang oang. – Tôi không nói được về những gì diễn ra cách đây năm năm, vì lúc bấy giờ tôi chưa quen biết Daisy... mà tôi cũng không hiểu ông làm thế quái nào mà mon men đến được gần Daisy ở khoảng cách dưới một dặm trừ phi ông là kẻ đi giao thực phẩm vào nhà bằng cửa sau. Còn ngoài ra mọi chuyện khác đều là bịp bợm hết. Daisy yêu tôi khi tôi lấy nàng và bây giờ nàng vẫn yêu tôi.

- Không phải, – Gatsby lắc đầu.

- Thế mà nàng yêu tôi đấy. Có điều là đôi khi nàng có những ý nghĩ lẩn thẩn, không biết mình đang làm gì. – Tom gật gù nghiêm trang. – Với lại, tôi cũng yêu Daisy. Thỉnh thoảng tôi có bỏ đi vui anh vui em, nhưng bao giờ tôi cũng quay về, và trong thâm tâm tôi hoàn toàn yêu quý nàng.

- Mình thật ghê tởm, – Daisy nói. Nàng quay sang tôi, giọng trầm hẳn xuống, làm tràn đầy gian phòng một sự khinh bỉ ghen ngào. – Anh có biết tại sao vợ chồng nhà em lại rời Chicago đi không? Em ngạc nhiên là chưa có ai đả anh nghe câu chuyện về trò vui anh vui em ấy.

Gatsby bước lại đứng bên cạnh nàng. Giọng anh tha thiết:

- Daisy, mọi sự ấy nay đã qua rồi. Chúng không còn ý nghĩa gì nữa. Chỉ cần em nói thẳng sự thật với ông ta là em chưa hề bao giờ yêu ông ta – là tất cả những chuyện ấy sẽ bị vĩnh viễn xoá sạch.

Nàng nhìn Gatsby với cặp mắt thần thờ:

- Nhưng... làm sao... làm sao mà em có thể yêu anh ấy được?

- Em chưa hề bao giờ yêu ông ta.

Daisy ngậm ngừng. Mắt nàng nhìn về Jordan và tôi vẻ như cầu cứu, như thể cuối cùng nàng đã hiểu ra việc mình làm – và như thể suốt từ đầu đến nay nàng không hề có chủ định làm bất cứ việc gì hết. Nhưng việc ấy đã diễn ra mất rồi. Đã quá muộn.

- Em chưa hề bao giờ yêu anh ấy, – nàng nhắc lại với vẻ miễn cưỡng rõ rệt.

- Ở Kapiolani cũng không? – Tom đột ngột hỏi.

- Không.

Từ phòng nhảy bên dưới, những hợp âm nghèn nghẹt và ngọt ngào vang lên theo những luồng gió nóng.

- Cả hôm tôi bế mình từ con thuyền Punch Bowl lên bờ để khỏi ướt chân mình, Daisy? – Có một sự âu yếm nghèn nghẹn trong giọng Tom.

- Thôi, mình đừng nói nữa, – Giọng Daisy vẫn lạnh lùng nhưng đã hết ác cảm. – Jay, anh... – nàng nói, tay run bần bật khi cố châm điếu thuốc. Bỗng dưng nàng vứt điếu thuốc và que diêm đang cháy xuống thảm.

- Ôi, anh đòi hỏi quá nhiều, – nàng kêu lên với Gatsby. – Bây giờ em yêu anh, thế chưa đủ sao? Em biết làm thế nào với những gì đã qua rồi, – nàng bưng mặt khóc nức nở. – Trước kia em có yêu anh ấy, nhưng em cũng yêu cả anh nữa.

Đôi mắt Gatsby mở to rồi nhắm lại.

- Em cũng yêu cả anh nữa? – Anh nhắc lại.

- Ngay câu ấy cũng là giả dối, – Tom hùng hổ. – Nàng không biết ông còn sống hay không. Biết nói sao... giữa Daisy và tôi có những việc ông sẽ không bao giờ biết được, những việc chúng tôi không thể nào quên.

Những lời ấy dường như thực sự đâm vào da thịt Gatsby.

- Tôi muốn nói riêng với Daisy, – anh yêu cầu. – Bây giờ nàng bị quá kích động...

- Dù riêng với anh, em cũng không thể nói em không hề yêu Tom được, – nàng thú nhận với giọng khổ sở. – Như thế không đúng sự thật.

- Tất nhiên là không đúng, – Tom tán thành.

Daisy quay sang chồng:

- Mình cứ làm như điều đó đối với mình quan trọng lắm.

- Tất nhiên là quan trọng chứ. Từ nay trở đi tôi sẽ quan tâm chăm sóc mình hơn.

- Ông không hiểu, – Gatsby nói, giọng hơi hoảng hốt. – Ông sẽ không chăm sóc nàng nữa đâu.

- Tôi mà không...? – Tom trợn tròn mắt, cười phá lên. Bây giờ thì Tom đã tự chủ được rồi. – Vì lẽ gì cơ chứ?

- Daisy sẽ rời bỏ ông.

- Vô lí.

- Nhưng đúng như thế, – Daisy nói với một cố gắng rõ rệt.

- Nàng sẽ không rời bỏ tôi, – những lời nói của Tom đột ngột chĩa vào Gatsby. – Chắc chắn không phải bỏ tôi để đi theo một tên bịp bợm tầm thường, một kẻ có thể đã đi ăn cắp ở đâu chiếc nhẫn mà nó đeo vào tay nàng.

- Tôi không chịu nổi! – Daisy kêu lên. – Ôi, xin mọi người đi về thôi.

- Thực ra, ông là ai mới được cơ chứ? – Tom quát lên. – Ông là một kẻ trong bọn bám gót Meyer Wolfsheimer, tôi đã biết tổng rồi. Tôi đã tiến hành một cuộc điều tra nho nhỏ về những công việc làm ăn của ông, ngày mai tôi sẽ đi sâu thêm.

- Mời ông cứ tự tiện, người anh em ạ, – Gatsby nói một cách rần rỏi.

- Tôi đã phát hiện ra những “hiệu thuốc” của ông là gì rồi. – Tom quay sang chúng tôi, liến thoắng. – Ông ta với tên Wolfsheimer mua lại một lô hiệu thuốc nhỏ ở đây và ở Chicago để bán rượu lậu. Đây là một trong những mảnh làm ăn vặt của ông ta. Ngay trong lần gặp đầu tôi đã ngờ ông ta là kẻ buôn lậu và tôi đã đoán không sai lắm.

- Rồi sao nữa? – Giọng Gatsby vẫn hoà nhã. – Hình như ông Walter Chase, bạn ông, đã không quá kênh kiệu mà chê công việc này.

- Để rồi bọn các ông bỏ rơi ông ta trong cơn hoạn nạn, phải không? Các ông đã để mặc ông ta đi ngồi tù một tháng ở New Jersey. Chao ôi! Giá mà được nghe Walter nói về bọn các ông.

- Ông ta đến với chúng tôi hai bàn tay trắng. Ông ta thấy kiếm được một ít tiền là mừng lắm rồi, người anh em ạ.

- Tôi cảm ông gọi tôi là “người anh em”, – Tom hét lên. Gatsby nín thinh. – Walter còn có thể đưa các ông vào nhà đá về chuyện các sòng bạc nữa, nhưng Wolfsheimer hăm dọa làm ông ta phải câm miệng.

Cái vẻ mặt không thường thấy nhưng quen quen ấy lại hiện lên trên nét mặt của Gatsby.

Tom chậm rãi nói tiếp:

- Mấy cái hiệu thuốc kia mới chỉ là một mảnh nhỏ. Bây giờ các ông lại nhảy vào một việc mà Walter còn sợ chưa dám kể với tôi.

Tôi đưa mắt nhìn Daisy và Jordan. Daisy đang kinh hoàng nhìn trân trân vào một điểm giữa Gatsby và chồng, còn Jordan thì đã bắt đầu giữ thăng bằng ở chóp cằm mình một vật gì vô hình nhưng làm cô ta chăm chú lắm. Sau đấy tôi ngoảnh sang Gatsby và giật mình trước vẻ mặt anh. Trông anh – tôi nói ra đây tuy vẫn hoàn toàn khinh miệt những lời rêu rao bôi nhọ anh trong vườn nhà anh – đúng là như thể anh đã “giết người”. Trong một giây lát, vẻ mặt Gatsby chỉ có thể mô tả bằng những lời quái đản ấy.

Vẻ mặt ấy qua đi và Gatsby bắt đầu rít phân bua với Daisy, lại cả những lời tố cáo chưa ai nói ra. Nhưng Gatsby càng nói thì Daisy càng co mình lại cho nên cuối cùng anh đành phải thôi. Duy chỉ còn giấc mơ đã tan vỡ là vẫn cố bám níu trong khi buổi chiều dần dần trôi đi, cố đụng chạm đến cái nay không còn hữu hình nữa, cố sức một cách khổ sở nhưng không nản lòng vươn tới cái giọng nói đã tan chìm đi ở đằng kia gian phòng.

Giọng nói ấy lại một lần nữa đòi về.

- Tom, em xin mình! Em không chịu nổi nữa đâu.

Con mắt khiếp sợ của nàng cho thấy rõ là cho dù nàng đã có những ý định gì, cho dù nàng đã có lòng dũng cảm đến thế nào thì tất cả những thứ đó nay đã vĩnh viễn qua rồi.

Tom bảo:

- Hai người về nhà đi, Daisy. Bằng xe của ông Gatsby.

Daisy nhìn Tom, bây giờ thì lo ngại; nhưng với một sự khinh bỉ đại lượng, Tom một mực yêu cầu:

- Cứ về đi. Ông ấy sẽ không làm rầy mình đâu. Tôi tin rằng ông ấy đã hiểu ra trò tán tỉnh hợm hĩnh của ông ấy đã chấm dứt rồi.

Hai người đi ra, không nói một lời, bị tan vào trong không trung, bị biến thành tro bụi, vật vờ như những bóng ma, ngay cả đối với tình thương của chúng tôi.

Một lúc sau, Tom đứng dậy, bọc chai rượu vào trong khăn mặt.

- Có ai dùng cái của này không? Cô Jordan?... Anh Nick?

Tôi không trả lời.

- Anh Nick? – Tom hỏi lại.

- Cái gì?

- Anh có uống không?

- Không... Tôi vừa nhớ ra hôm nay đúng là sinh nhật của tôi.

Tôi tròn ba mươi tuổi. Trước mắt tôi mở ra con đường chông gai đầy hăm dọa của một thập niên mới.

Khi chúng tôi ngồi vào trong chiếc cu-pê cùng với Tom đi về Long Island thì đã bảy giờ tối. Tom nói luôn miệng, cười hề hả, nhưng tiếng anh đối với Jordan và tôi xa xôi như những tiếng ồn ào xa lạ trên hè đường và tiếng ầm ầm của đường xe lửa trên cao chạy qua đầu chúng tôi. Sự thiện cảm của con người có những giới hạn của nó. Chúng tôi bằng lòng để cho tất cả những lí lẽ bi thảm của những giới hạn ấy phai mờ đi cùng với những ánh đèn thành phố đằng sau. Ba mươi tuổi – sự hứa hẹn của một thập niên cô đơn, một danh sách ngắn dần những người bạn độc thân quen biết, một cái cặp đũa nhiệt tình mỏng dần, mái tóc thưa thớt dần. Nhưng có Jordan bên tôi, không như Daisy, cô này khá khôn ngoan để khỏi bao giờ chớ những giấc mơ đã quên hẳn từ thời đại này sang thời đại khác. Lúc xe chạy trên mặt cầu tối đen, gương mặt uể oải của Jordan lười biếng ngả lên vai áo tôi và những tiếng chuông điểm ghê gớm của tuổi ba mươi lặng tan dần khi bàn tay cô ta nắm chặt lấy tay tôi.

Chúng tôi cứ thế lao về phía cái chết trong cảnh trời chạng vạng đang dịu mát dần.

Anh thanh niên Hy Lạp Michaelis, mở quán ăn gần mấy cái đồi đất tro, là

nhân chứng chính trong cuộc điều tra. Lúc trời nóng, Michaelis ngủ suốt cho đến năm giờ chiều mới dậy và đi tha thẩn sang chơi bên hiệu sửa chữa xe hơi. Michaelis thấy George Wilson ốm ngồi trong phòng giấy – ốm thực sự, nước da nhợt nhạt như mái tóc nhợt nhạt của ông ta và toàn thân run lẩy bẩy. Michaelis khuyên Wilson lên giường nằm nhưng ông ta không nghe, bảo rằng nằm sợ bỏ lỡ mất công việc. Trong khi anh lảng giềng cố thuyết phục ông ta thì trên gác có tiếng đập phá ầm ĩ. Wilson thản nhiên giải thích:

- Tôi nhốt bà nhà tôi ở trên ấy. Bà ấy sẽ phải cứ ở yên đấy cho đến ngày kia khi chúng tôi đi khỏi đây.

Michaelis kinh ngạc. Lảng giềng với nhau bốn năm trời, Michaelis chưa bao giờ thấy Wilson tỏ ra có khả năng, dù chỉ là đôi chút, nói năng như vậy. Nhìn chung, Wilson thuộc loại người đã tàn tạ, bạc nhược: khi không có việc gì làm thì ông ta lẩy ghế ra ngồi ở bậu cửa nhìn người và xe qua lại trên đường. Hễ có ai nói chuyện với mình là ông ta cười lẩy lòng nhợt nhẽ. Ông ta là một người nhu nhược, sợ vợ.

Vì thế, cố nhiên Michaelis cố tìm hiểu xem có chuyện gì nhưng Wilson không chịu hé răng nói một lời nào mà lại nhìn người lảng giềng với con mắt nghi ngờ kì quặc và căn vặn anh ta đã làm gì vào những giờ nào giờ nào đó trong những ngày nào ngày nào đó. Vừa lúc Michaelis bắt đầu thấy khó chịu thì có mấy người thợ đi qua cửa về phía quán ăn nên anh ta nhân cơ hội ấy bỏ về, định bụng sẽ quay lại sau. Nhưng Michaelis không quay lại. Anh ta cho rằng có lẽ mình quên, đơn giản thế thôi. Lúc Michaelis lại ra ngoài đường, sau bảy giờ tối một chút, anh ta nhớ lại câu chuyện khi nãy vì nghe thấy tiếng bà Wilson quát tháo ở tầng dưới bên nhà xe.

Michaelis nghe thấy bà ta kêu toáng lên:

- Đánh tôi đi! Cứ đê tôi ra mà đánh tôi đi, đồ hèn nhát, dơ bẩn!

Một lát sau, bà ta chạy vọt ra cảnh trời hoàng hôn bên ngoài, vừa vung tay, vừa kêu la – Michaelis chưa kịp rời khỏi khung cửa nhà anh thì sự việc đã diễn ra xong.

“Chiếc xe tai họa” như các báo sau đó gọi, đã không đỗ lại. Nó từ trong bóng tối đang sẫm dần lao ra, lao đảo một cách bi thảm một lát rồi mất hút sau một khúc đường vòng. Michaelis thậm chí không dám quả quyết về màu xe – anh ta khai với người cảnh sát đầu tiên đến nơi là chiếc xe màu lá mạ. Còn chiếc xe hơi kia, chiếc chạy ngược về phía New York thì đỗ lại cách nơi xảy ra tai nạn độ một trăm thước. Người lái xe lao vội đến chỗ Myrtle Wilson đang nằm gục giữa lòng đường và hoà dòng máu sền sệt đen sẫm của mình vào lớp bụi, sự sống đã bị dập tắt phũ phàng.

Michaelis và người đàn ông kia là những người đầu tiên chạy đến chỗ Myrtle.

Khi họ xé toang ngực áo còn dẫm mồ hôi của bà ta, họ thấy cả một bên ngực trái đã bị xé toạc hẳn ra, lủng lảng như một cái nắp, và không cần phải nghe xem bên dưới tim còn đập hay không nữa. Miệng bà ta há hốc và rách một tí ở hai bên mép tưởng đâu bà ta đã hơi bị nghẹn khi trút ra ngoài cái sức sống mãnh liệt đã bị giam hãm trong người quá lâu.

*

* *

Ngay từ lúc còn cách xa một quãng, chúng tôi đã thấy ba bốn chiếc xe hơi và đám người đông đúc.

- Xe đồ! – Tom nói. – Tốt thôi. Wilson cuối cùng có chút việc làm.

Tom cho xe chạy chậm lại nhưng vẫn không định đỗ hẳn cho đến khi lúc xe tới gần hơn, vẻ mặt nín lặng và dăm chiêu của những người đứng bên cửa hiệu sửa chữa xe làm anh bất giác dận chân phanh.

Tom nghi hoặc:

- Ta vào nhìn xem sao, nhìn loáng một cái thôi.

Bây giờ tôi mới nhận ra một tiếng rên rĩ khàn đục không ngọt từ trong nhà vọng ra: khi chúng tôi xuống xe bước về phía cửa thì tiếng đó rõ thành những tiếng: “Ồi giời ôi” nức nở, ai oán, lặp đi lặp lại mãi.

- Có chuyện nghiêm trọng đây, – giọng Tom lo lắng.

Anh kiểng chân nhìn qua đầu một đám người vào bên trong nhà xe đang leo lét mỗi một ngọn đèn vàng khè đặt trong một cái rổ sắt đung đưa phía trên đầu. Rồi thốt lên một tiếng đục đục trong họng. Tom gạt mạnh hai cánh tay lược lưỡng lấy chỗ lách người vào. Vòng người khép ngay lại sau lưng Tom với những lời phồng đoán rì rầm. Tôi định thần mất một phút mới nhìn ra. Rồi vòng người lại bị xáo trộn vì những kẻ hiếu kì mới đến và Jordan với tôi bỗng dựng được đẫy lợt vào bên trong.

Thi thể Myrtle Wilson, bọc trong một tấm chăn, rồi lại bọc trong một tấm chăn khác tưởng đâu bà ta bị cảm lạnh trong đêm nóng nực này, được đặt nằm trên một cái bàn máy kê cạnh tường, và Tom đang cúi xuống thi thể ấy, quay lưng lại chúng tôi, người không nhúc nhích. Đứng cạnh Tom là một viên cảnh sát đi mô tô đang ghi vào một cuốn sổ những tên người với nhiều mồ hôi và những chỗ dập xoá. Thoạt tiên, tôi không hiểu những tiếng rên rĩ vang to trong nhà xe tưởng là ở đâu ra, mãi sau tôi mới nhìn thấy Wilson đang đứng ở bậc cửa phòng giấy của ông, hai tay bấu lấy trụ cửa, người ngật ngà ngật ngưỡng. Có ai đó đang nói nhỏ với ông và thỉnh thoảng toan đặt tay lên vai ông, nhưng Wilson không nghe và không nhìn thấy gì hết. Mắt ông hết nhìn ánh đèn chao đảo rồi lại từ từ sụp xuống nhìn chiếc bàn máy cạnh tường, rồi lại giật lên nhìn ngọn đèn, không ngừng rên rĩ những tiếng kêu the thé, ghê sợ:

- Ôi giờ ôi! Ôi giờ ôi! Ôi giờ ôi! Ôi giờ ôi!

Bây giờ thì Tom bắt đầu ngẩng lên, nhìn khắp nhà xe một lượt với con mắt thần thò rồi lúng búng một câu gì nghe không rõ với người cảnh sát.

- “M-a-y-o-” – viên cảnh sát đánh vần.

- Không phải, r-, người kia chữa lại, “M-a-y-r-o-”,

- Tôi hỏi cái này, – Tom sẵn giọng làm bằm.

- “r-o-”, người cảnh sát nói tiếp.

- “g-”

- “g-” người cảnh sát ngẩng đầu lên khi bàn tay to bè của Tom vỗ mạnh lên vai anh ta. – Ông bạn muốn gì?

- Chuyện gì thế? Cho tôi hỏi chuyện gì thế?

- Ô-tô đâm. Bà ta chết ngay tức khắc.

- Chết ngay tức khắc, – Tom nhắc lại, mắt tròn tròn.

- Bà ta lao người ra đường. Thằng khốn kiếp không thèm đỗ xe lại.

- Có hai chiếc xe, – Michaelis kể, – một xe đến, một xe đi, ông hiểu không.

- Đi đường nào? – Viên cảnh sát hỏi giật giọng.

- Hai xe đi ngược chiều nhau. Bà ta, – bàn tay Michaelis giơ lên trở về phía những tấm chắn nhưng dừng lại nửa chừng và rơi thõng xuống bên người, – bà ta chạy xô ra ngoài và chiếc xe từ New York lại đâm đúng bà ta, nó chạy tới ba mươi hoặc bốn mươi dặm một giờ.

- Địa điểm này tên là gì nhỉ? – viên cảnh sát hỏi.

- Không có tên.

Một người da đen ốm yếu, ăn mặc chỉnh tề, bước lại gần:

- Đó là một chiếc xe màu vàng, một chiếc xe to sơn vàng. Mới toanh.

- Ông chứng kiến tai nạn à? – Viên cảnh sát hỏi.

- Không nhưng chiếc xe ấy đã vượt xe tôi trên đường. Nó chạy hơn bốn mươi. Tới năm mươi, sáu mươi dặm một giờ.

- Ông lại đây và cho biết tên. Lui ra nào, để tôi ghi tên ông này.

Wilson đứng lảo đảo ở cửa phòng giấy có lẽ nghe lồm bồm được những câu hỏi này vì bỗng dưng một chủ đề mới được thể hiện thành lời giữa những tiếng kêu than ngất quãng của ông.

- Không cần bảo, tôi cũng biết nó là loại xe nào! Tôi biết nó là loại xe nào rồi.

Nhìn Tom, tôi thấy mảng thịt sau vai anh nổi cục lên dưới lớp áo vét-tông. Tom bước nhanh lại chỗ Wilson, đứng ngay trước mặt ông ta, nắm chặt lấy cánh tay ông ta.

- Bình tĩnh lại nào, – Tom khuyên giải một cách thô lỗ.

Con mắt Wilson nhìn vào Tom. Ông ta rướn người lên trên đầu ngón chân rồi có lẽ đã khụy xuống nếu không có Tom đỡ.

- Nghe này, – Tom hơi lay người ông ta. – Tôi vừa mới tới đây được một phút, từ New York tới. Tôi đem đến cho ông chiếc cu-pê mà ta đã nói với nhau. Chiếc xe vàng chiều nay không phải là xe của tôi... ông có nghe hiểu không? Tôi không nhìn thấy nó suốt chiều nay.

Chỉ có người da đen và tôi là đứng khá gần để có thể nghe được những lời Tom nói, nhưng người cảnh sát nhận thấy có cái gì là lạ trong giọng Tom nên ngừng đầu lên, trợn mắt hỏi:

- Chuyện gì đấy hả?

- Tôi là bạn ông ấy, – Tom ngoái đầu lại nhưng tay vẫn giữ chặt lấy người Wilson.

– Ông ấy bảo ông ấy biết chiếc xe đã... Đó là một chiếc xe sơn vàng.

Một sự linh cảm lờ mờ khiến người cảnh sát nhìn Tom ngờ vực:

- Xe ông màu gì?

- Xe tôi màu lam, một chiếc cu-pê nhỏ.

- Chúng tôi từ New York thẳng đến đây, – tôi nói thêm.

Một người có xe chạy ngay sau xe chúng tôi xác nhận cho lời khai ấy nên viên cảnh sát ngoảnh đi:

- Nào bây giờ đọc lại để tôi ghi chính xác cái tên đó vào...

Nhắc bổng Wilson lên như một con rối, Tom đưa ông ta vào trong phòng giấy, đặt ông ta ngồi xuống một cái ghế rồi trở ra, giọng oang oang như ra lệnh:

- Có ai ở đây vào ngồi với ông ta một lúc không?

Tom đưa mắt theo dõi trong khi hai người đàn ông đứng gần cửa nhất liếc nhìn nhau rồi miễn cưỡng đi vào trong phòng. Tom khép cửa lại sau lưng hai người, bước xuống một bậc cửa đọc nhất, mắt tránh nhìn về phía cái bàn. Khi đi qua cạnh tôi, Tom thì thầm: “Đi thôi”.

Lúng túng trước mọi con mắt, chúng tôi lách qua đám người hiếu kì vẫn mỗi lúc một đông nhờ hai cánh tay hồng hách của Tom mở đường, chạm trán một người bác sĩ tay cầm túi cứu thương đang vội vã chạy đến. Nửa giờ trước người ta đã gọi ông với một hi vọng hảo huyền.

Tom cho xe chạy chậm chậm cho đến hết chỗ đường vòng – sau đó anh dận mạnh chân ga và chiếc xe nhỏ lao vút đi trong đêm tối. Ít phút sau tôi nghe thấy tiếng sụt sịt trầm trầm khe khẽ và thấy nước mắt chảy rờn rờn trên mặt Tom.

- Thằng hèn, thằng khốn! – Tom thút thít. – Nó không thêm đỗ xe lại.

*

* *

Toà nhà của vợ chồng Buchanan bỗng lướt trôi về phía chúng tôi giữa đám cây xào xạc tối đen. Tom cho xe dừng lại bên cạnh cổng, nhìn lên tầng hai có hai cửa sổ sáng rực ánh đèn giữa các dây nho leo.

- Daisy về rồi, – Tom nói.

Trong khi chúng tôi xuống xe, Tom nhìn tôi, hơi chau mày:

- Lẽ ra tôi phải đưa anh về West Egg, anh Nick ạ. Tối nay chẳng còn việc gì nữa.

Một sự thay đổi đã diễn ra ở Tom: bây giờ anh nói năng nghiêm trang, dứt khoát. Trong khi chúng tôi bước về phía bậc thềm trên lớp sỏi ngập ánh trắng, Tom giải quyết tình thế bằng vài câu ngắn gọn:

- Tôi sẽ gọi dây nói bảo tắc-xi đến đưa anh về. Trong khi chờ đợi, anh và Jordan nên xuống nhà bếp bảo họ dọn cái ăn cho hai anh em, nếu hai anh em muốn. – Tom mở cửa. – Anh vào đi.

- Thôi, cảm ơn. Nhưng nhờ anh gọi tắc-xi hộ tôi. Tôi đợi ở bên ngoài.

Jordan đặt bàn tay cô lên cánh tay tôi.

- Anh không vào trong nhà à, anh Nick?

- Không, cảm ơn.

Tôi cảm thấy người nao nao và muốn được một mình. Nhưng Jordan còn nán lại thêm một lúc nữa.

- Mới có chín rưỡi, – Jordan nói.

Cho dù có bị quỷ tha ma bắt tôi cũng không vào. Chịu đựng bọn họ một ngày đã là quá đủ đối với tôi rồi, và bỗng nhiên tôi gộp cả Jordan vào số người ấy. Cô ta hẳn đã nhận thấy đôi chút ý nghĩ đó trên nét mặt tôi vì cô ta quay ngoắt đi, chạy vội lên mấy bậc thềm rồi mất hút vào trong nhà. Tôi ngồi xuống, hai tay ôm lấy đầu, được vài phút thì nghe thấy người hầu phòng cầm điện thoại gọi tắc-xi. Sau đó tôi chậm chậm rời khỏi toà nhà theo lối đi trong vườn, định chờ xe bên cổng ngoài.

Tôi đi chưa được hai mươi thước thì nghe thấy có người gọi tên tôi và Gatsby từ giữa hai bụi cây bước ra tiến về phía tôi. Lúc ấy chắc tôi phải đang ở trong một tâm trạng khá kì quái vì tôi không thể nghĩ đến cái gì khác ngoài ý nghĩ bộ quần áo màu phấn hồng của Gatsby dưới ánh trăng sao mà sáng thế.

- Anh làm gì ở đây? – Tôi hỏi.

- Tôi đứng ở đây thôi, người anh em ạ.

Dù sao, công việc ấy xem chừng thật đáng khinh bỉ. Cứ như tôi hiểu thì anh ta có lẽ sắp vào ăn trộm nhà này. Tôi sẽ không ngạc nhiên nếu thấy những bộ mặt mờ ám, những “người của Wolfshiem” đằng sau anh ta trong các lùm cây tối đen.

- Anh có thấy xảy ra chuyện gì trên đường không? – Gatsby hỏi tôi sau một phút.

- Có.

Anh ngạp ngừng.

- Bà ta có chết không?

- Chết.

- Tôi đã đoán vậy. Tôi đã bảo với Daisy là tôi đoán vậy. Nên để cho cơn choáng váng đến liền ngay một lúc là hơn. Nàng chịu đựng khá tốt.

Gatsby nói như thể chỉ có tâm trạng của Daisy là điều duy nhất quan trọng.

- Tôi đã về West Egg bằng một con đường tắt – Gatsby nói tiếp, – và đã cất xe trong nhà xe của tôi. Tôi chắc không có ai nhìn thấy chúng tôi, nhưng tất nhiên không thể quả quyết được.

Tôi có ác cảm với anh nhiều đến nỗi tôi không thấy cần phải báo cho anh biết là anh nhầm.

- Người đàn bà ấy là ai thế? – Gatsby hỏi.

- Tên bà ta là Wilson. Chồng là chủ hiệu sửa chữa xe hơi. Quái quỷ thế nào mà để xảy ra như vậy?

- Quả tôi đã cố kéo lại tay lái,... – Gatsby im bật và đột nhiên tôi đoán ra sự thật.

- Daisy lái à?

- Đúng, – anh nói sau một lúc, – nhưng tất nhiên tôi sẽ nhận tội lái. Anh đã thấy đấy, khi chúng tôi rời New York, nàng ở trong một trạng thái rất bồn chồn và nghĩ rằng lái xe sẽ làm cho nàng bình tĩnh hơn chẳng – thế rồi người đàn bà kia lao vào xe chúng tôi đúng lúc chúng tôi gặp một chiếc xe khác đi ngược lại. Sự việc chỉ xảy ra trong chớp mắt, nhưng tôi thấy hình như người đàn bà ấy muốn nói gì với chúng tôi, tưởng chúng tôi là người quen. Sự thể thế này: đầu tiên Daisy tạt xe về phía chiếc xe kia để tránh người đàn bà, rồi nàng hốt hoảng lái ngoặt lại. Đúng lúc tôi với được tay lái thì tôi cảm thấy sự va đập – chắc bà ta chết ngay tức khắc.

- Người bà ta bị xé toạc...

- Thôi đừng kể nữa, người anh em ạ. – Gatsby rùng mình, co rúm người lại. – Rồi sau... Daisy cứ thế dận lên chân ga. Tôi cố gắng giúp nàng đỗ xe lại, nhưng nàng không đỗ được. Tôi phải kéo phanh tay. Sau đấy nàng ngã vào lòng tôi và tôi thay nàng lái tiếp.

- Ngày mai chắc hẳn nàng sẽ bình ổn, – Gatsby nói tiếp. – Tôi đứng chờ ở đây xem hấn có định làm rầy nàng về chuyện rắc rối chiều nay không. Nàng đang ở trong buồng nàng và đã khoá cửa lại rồi, nếu hấn định giờ trò gì cục súc thì nàng sẽ tắt đèn rồi bật lên làm ám hiệu.

- Anh ta chắc sẽ không đụng đến nàng đâu. Hiện giờ anh ta không nghĩ gì đến nàng đâu.

- Tôi không tin được hấn, người anh em ạ.

- Anh định chờ bao nhiêu lâu?

- Suốt đêm nếu cần. Dù sao thì cũng đến khi họ đi ngủ.

Tôi bỗng có một cách nhìn nhận mới. Giả sử Tom phát hiện ra Daisy lái, anh ta có thể nghĩ đây là chuyện nhân quả – anh ta có thể nghĩ bậy bạ bất cứ điều gì.

Tôi nhìn toà nhà. Ở tầng dưới có hai ba cửa sổ có ánh đèn và buồng của Daisy trên tầng một sáng hồng hồng.

- Anh đợi ở đây nhé, – tôi nói. – Tôi ra xem có dấu hiệu cãi cọ nhau không nhé. Tôi bước trở lại men theo rìa thảm cỏ, nhẹ chân đi ngang qua lối đi rải sỏi và rón rén bước lên mấy bậc thềm. Rèm cửa phòng khách đã được vén lên, tôi thấy trong phòng trống không. Đi qua hành lang nơi chúng tôi đã ăn tối vào một đêm tháng Sáu cách đây ba tháng, tôi thấy một ô ánh sáng nhỏ hình chữ nhật mà tôi đoán là cửa sổ gian bếp. Cửa chớp đã được hạ xuống nhưng tôi thấy có một kẽ hở sát bậc cửa.

Daisy và Tom đang ngồi đối diện nhau qua một cái bàn bếp, trước mặt hai người là một đĩa gà rán nguội và hai chai bia mạnh. Tom đang hăng say nói với nàng qua mặt bàn và trong lúc sôi nổi bàn tay Tom đặt lên bàn tay nàng, phủ kín bàn tay nàng. Thỉnh thoảng Daisy ngược mắt lên gật đầu tỏ vẻ tán thành.

Hai người trông không vui vẻ và cả hai đều không đụng đến đĩa thịt gà lẫn chai bia, tuy nhiên trông họ cũng không có vẻ gì đau khổ. Cảnh ấy có một vẻ thân mật tự nhiên không thể nào sai và ai cũng phải bảo là họ đang cùng nhau mưu tính chuyện gì.

Lúc tôi rón rén rời khỏi hành lang, tôi nghe thấy chiếc xe tắc-xi của tôi đang mò mẫm đi về phía toà nhà trên con đường cái tối đen. Gatsby vẫn đứng yên ở chỗ lối đi lúc này chờ tôi. Anh lo lắng hỏi:

- Trong ấy yên ổn cả chứ?

- Yên ổn cả, – tôi ngập ngừng. – Anh nên về ngủ một chút thì hơn.

Gatsby lắc đầu:

- Tôi muốn chờ cho đến khi Daisy đi ngủ. Chào anh nhé, người anh em.

Gatsby thọc hai tay vào túi áo, hăm hở quay lại với công việc theo dõi của anh, như thể sự có mặt của tôi làm cho buổi canh của anh mất tính thiêng liêng. Vì thế, tôi bước đi, để lại anh đứng đó dưới ánh trăng, canh gác cho cái hư không.

Chú thích:

(1) Trong truyện trào phúng *Satyricon* của Gaius Petronius ở La Mã thế kỉ thứ nhất sau công nguyên, Trimalchio là một kẻ mới nổi, ăn tiêu cực kì hoang phí, tổ chức những bữa tiệc xa hoa đến lố bịch.

(2) Không có thành phố Oxford nào ở New Mexico. Bang này là một trong những bang kém phát triển nhất nước Mỹ về kinh tế và văn hoá.

(3) Nguyên văn: *a swell suite*, những từ đọc lên có những âm láy.

(4) Nguyên văn: *"Blocks" Biloxi and he made boxes*. Chuỗi từ này có những âm láy mà chúng tôi cố diễn đạt bằng câu dịch trên.

(5) Daisy nhằm: Biloxi ở bang Mississippi.

Chương VIII

Suốt đêm tôi không sao ngủ nổi. Tiếng còi chỉ đường cho tàu trong sương cứ rền rĩ không dứt ngoài Eo. Tôi như người ốm dở, chao đảo giữa thực tế lố bịch và những cơn mê khủng khiếp, man rợ. Khoảng gần sáng tôi nghe có tiếng xe tắc-xi lăn bánh vào đường xe chạy trong vườn nhà Gatsby. Ngay lập tức, tôi nhảy khỏi giường và mặc quần áo – tôi thấy có điều cần phải báo cho anh biết, cần phải nhắc anh đề phòng, sợ để đến sáng thì muộn mất.

Đi tạt ngang qua thảm cỏ nhà Gatsby, tôi thấy cổng trước vẫn để ngỏ và Gatsby đang tựa người vào một chiếc bàn trong gian tiền sảnh, vẻ hết sức ủ rũ vì chán nản hoặc mất ngủ.

- Không xảy ra chuyện gì cả, – Gatsby uể oải nói. – Tôi chờ, và đến khoảng bốn giờ sáng thì nàng ra cửa sổ, đứng độ vài phút rồi tắt đèn.

Toà nhà của anh tôi thấy chưa bao giờ nó mênh mông như trong đêm hôm ấy khi chúng tôi đi tìm thuốc lá qua các gian phòng rộng lớn. Chúng tôi gạt những tấm rèm cửa to như những cánh buồm, sờ soạng trên không biết bao nhiêu thước tường tối đen để tìm nút bật đèn – một lần tôi vấp ngã xoài người trên hàng phím của một chiếc đàn dương cầm ma quái. Chỗ nào cũng đầy bụi, bụi rất nhiều, không hiểu ở đâu ra. Các gian phòng có mùi ẩm mốc và bí, như thể đã bao nhiêu lâu chúng không được thông gió. Tôi thấy hộp thuốc không để đúng chỗ trên một chiếc bàn, trong hộp còn hai điếu thuốc đã mất mùi và mốc meo. Mở tung cánh cửa sổ dài của phòng khách, chúng tôi ngồi xuống hút thuốc, nhả khói vào trong bóng tối.

- Anh phải đi đi, – tôi nói. – Chắc chắn rồi họ sẽ tìm ra xe anh.

- Đi ngay bây giờ ư, hả người anh em?

- Đến ở một tuần tại Atlantic City hay lên ở Montreal.

Gatsby chắc sẽ không nghe theo lời khuyên của tôi. Anh thực không thể nào rời bỏ Daisy mà đi được chừng nào chưa biết nàng sẽ làm gì. Anh cố bám lấy tia hi vọng cuối cùng và tôi không đành lòng dứt anh ra.

Chính trong đêm ấy Gatsby kể cho tôi nghe câu chuyện lạ lùng về thời thơ ấu của anh với Dan Cody – anh kể ra với tôi vì “Jay Gatsby” đã vỡ tan ra như thủy tinh khi đụng phải sự độc địa tàn nhẫn của Tom và trò đùa rò dại thảm kín kéo dài kia đã kết thúc. Tôi tưởng bây giờ anh sẽ thú nhận hết, không giấu giếm điều gì, nhưng anh chỉ muốn nói về Daisy.

Nàng là cô gái “con nhà” đầu tiên mà anh được biết từ trước đến giờ. Anh đã từng được tiếp xúc với hạng người như vậy với những tư cách khác nhau mà anh không nói ra, nhưng bao giờ ở giữa cũng có một hàng rào dây thép gai vô hình. Anh thấy nàng thật đáng say mê khao khát. Anh đến nhà nàng, đầu tiên

cùng đi với các sĩ quan khác ở doanh trại Taylor, sau đến một mình. Ngôi nhà làm anh choáng ngợp – anh chưa bao giờ được đặt chân vào một ngôi nhà nào tráng lệ đến vậy. Nhưng sở dĩ ngôi nhà ấy gây cho người ta một cảm xúc mãnh liệt đến nghẹt thở, chính là vì có Daisy. Nàng sống ở đó cũng tự nhiên thoải mái như anh sống trong túp lều của anh tại doanh trại vậy. Ngôi nhà này mang trong lòng nó một điều bí ẩn đầy sức hấp dẫn như một quả cây chín mọng, nó làm cho ta tưởng tượng ra những buồng ngủ trên gác lộng lẫy và dịu mát hơn mọi buồng ngủ khác, những trò nghịch ngợm diễn ra suốt dọc các hành lang, những chuyện tình lãng mạn không khô héo và bị xếp xó như những cánh hoa ép, mà tươi tắn, rộn rã hơi thở, thơm mùi những chiếc xe hơi mới choáng lộn và những điệu nhảy đi kèm với những bông hoa chẳng mấy khi héo tàn. Một điều nữa cũng kích thích anh là đã có nhiều người yêu Daisy rồi – nó càng làm tăng giá trị của nàng đối với con mắt anh. Anh cảm thấy sự có mặt của đám người ấy ở khắp mọi nơi trong nhà, và không gian còn tràn ngập hình bóng và tiếng vọng của những cảm xúc hãy còn sống động.

Nhưng anh hiểu rằng anh có mặt ở nhà Daisy là do một sự tình cờ lớn. Dù cho tương lai của anh dưới cái tên Jay Gatsby có rục rở đến đâu, hiện tại anh vẫn chỉ là một kẻ hai bàn tay trắng, không gốc gác và bất kì lúc nào cái vỏ bảo vệ vô hình là bộ quân phục của anh cũng có thể tuột khỏi vai anh. Vì vậy anh phải tận dụng đến mức cao nhất thời gian của mình. Anh chiếm đoạt lấy những gì có thể chiếm đoạt, vô lấy mà ngẫu nhiên, không đắn đo cân nhắc – cuối cùng anh đã chiếm đoạt được Daisy vào một đêm tháng Mười êm ả, chiếm đoạt nàng vì lẽ thực ra anh không có quyền động đến dù chỉ bàn tay nàng.

Lẽ ra anh phải khinh bỉ mình, vì chắc chắn anh đã chiếm đoạt nàng bằng cách lừa dối. Tôi không có ý nói anh đã khoe khoang những triệu đồng tiền ma của anh, nhưng anh đã cố ý gây cho Daisy một cảm nghĩ yên tâm: anh làm cho nàng tưởng lầm rằng anh là người cùng một tầng lớp với nàng, rằng anh hoàn toàn có khả năng trông nom chăm sóc nàng. Thực ra, anh tuyệt nhiên không có những khả năng đó, – anh không có một gia đình sung túc để hỗ trợ cho mình, anh bị lệ thuộc vào tính khí bất thường của một chính phủ không cá tính có thể đẩy anh đến bất cứ nơi nào trên thế giới.

Nhưng Gatsby đã không khinh bỉ mình và tình hình đã không diễn ra như anh tưởng tượng. Có lẽ anh chỉ có ý định chiếm đoạt lấy những gì có thể chiếm đoạt được, xong rồi bỏ đi – nhưng nay anh nhận ra mình đã lao vào việc theo đuổi một mục tiêu vô vọng. Anh biết rằng Daisy là khác thường, nhưng anh chưa hiểu nổi một cô gái “con nhà” thực ra có thể khác thường đến đâu. Nàng tan biến vào trong ngôi nhà giàu sang của nàng, vào trong cuộc sống giàu sang, đầy đủ của nàng, và bỏ lại cho Gatsby một cõi hư vô. Anh như cảm thấy mình đã kết hôn với

nàng, tất cả chỉ có vậy.

Hai hôm sau, khi gặp lại nhau, chính Gatsby lại là người bàng hoàng, như có phần nào bị phản bội. Hàng hiên nhà nàng lấp lánh những đồ xa xỉ mua được của các ngôi sao trời, chiếc xôpha bằng mây phát ra tiếng cọt két xa hoa khi nàng ngoảnh mặt về phía anh để anh hôn lên khoé miệng kì cục và đáng yêu kia. Nàng bị cảm khiến giọng nàng càng khàn hơn và càng quyến rũ hơn bao giờ hết, và Gatsby ngọt ngào nhận ra vẻ tươi trẻ và bí ẩn chứa đựng và gìn giữ trong cảnh giàu sang, sự tươi mát của biết bao nhiêu quần áo, và Daisy, óng ánh như giát bạc, yên ổn và kên kiệu bên trên những cuộc vật lộn gay gắt của người nghèo.

- Tôi không mô tả nổi với anh tôi đã kinh ngạc đến đâu khi nhận ra tôi đã yêu nàng, người anh em ạ. Tôi thậm chí có lúc mong rằng nàng sẽ ruồng rẫy tôi, nhưng nàng đã không ruồng rẫy vì nàng cũng đem lòng yêu tôi. Nàng tưởng tôi biết rộng vì tôi hiểu biết những điều khác với nàng... Đây, lúc bấy giờ tôi như thế, xa rời các hoài bão của tôi, mỗi giây phút càng ngụp sâu hơn vào trong tình yêu, và thế rồi đột nhiên tôi thây kệ. Làm những việc to tát để mà làm gì nếu như tôi có thể sống những giờ phút sung sướng hơn khi kể với nàng những việc tôi sẽ làm?

Buổi chiều cuối cùng trước ngày Gatsby lên đường đi chiến đấu ở bên kia đại dương, anh ngồi ghì chặt Daisy trong vòng tay, lặng yên giờ lâu. Đó là vào một ngày thu lạnh lẽo, trong phòng đốt lửa và má nàng đỏ bừng. Thỉnh thoảng nàng nhúc nhích và anh hơi dịch tay một chút, và có một lần anh hôn vào mái tóc bóng sẫm của nàng. Buổi chiều hôm ấy làm họ trầm lắng được một lúc, như để ghi sâu vào trong lòng họ kỉ niệm về cuộc chia li dài sẽ đến hôm sau. Trong một tháng yêu nhau chưa bao giờ họ cảm thấy gần gũi nhau như bây giờ, chưa bao giờ họ ngỏ lòng với nhau sâu sắc bằng lúc đôi môi im lặng của nàng cọ vào vai áo anh hoặc khi anh nhẹ nhàng chạm vào đầu ngón tay nàng, như thể nàng đang ngủ.

*

* *

Gatsby đã chiến đấu rất xuất sắc trong chiến tranh. Với chức đại úy trước khi ra chiến trường, anh đã được thăng chức thiếu tá sau các trận giao chiến ở Argonne và được cử chỉ huy các khẩu đại liên của sư đoàn. Sau ngày đình chiến anh ra sức tìm cách xin giải ngũ về nước, nhưng do có chuyện rắc rối hay hiểu nhầm gì đó, anh lại được gửi đến Oxford. Lúc này anh đang lo lắng – những bức thư của Daisy để lộ một tâm trạng bồn chồn tuyệt vọng. Nàng không hiểu tại sao anh không trở về. Nàng cảm thấy sức ép của thế giới bên ngoài, và nàng muốn gặp anh, muốn có anh bên cạnh để cảm thấy yên lòng là những việc mình

làm là đúng.

Bởi vì Daisy còn trẻ, mà trong cái thế giới giả tạo của nàng thì tràn ngập những hoa phong lan và những thói đời hợm hĩnh chỉ biết đến cưỡi cọt đùa vui, những dàn nhạc ấn định nhịp điệu cho từng năm, ghi lại nỗi buồn và hình ảnh của cuộc đời thành những khúc nhạc mới. Suốt đêm, các cây kèn xác-xô nức nở lời than vãn tuyệt vọng của bản nhạc “Điệu blue phổ Beale” trong khi hàng trăm đôi dép vàng dép bạc làm tung lên lớp bụi óng ánh. Vào những giờ uống trà mờ tối, luôn luôn có những gian buồng chìm đắm liên miên trong cơn sốt nhẹ nhẹ êm dịu này trong khi những khuôn mặt tươi tắn trôi giạt đây đó như những cánh hồng bị hơi thổi của những cây kèn co buồn bã làm tung bay khắp sàn nhà.

Trong cái thế giới tranh tối tranh sáng ấy, Daisy lại bắt đầu giao tiếp khi mùa xuân đến. Đột nhiên nàng lại nhận lời mỗi ngày gần chục buổi hẹn hò với gần một chục chàng trai để rồi ngủ thiếp đi vào lúc bình minh với những chuỗi hạt trai và những tấm áo dạ hội nhàu nát vứt bừa bãi dưới sàn bên cạnh giường cùng với những cánh hoa lan tàn héo. Trong thời gian ấy luôn luôn có một nỗi niềm nào đó trong người thôi thúc nàng phải đi đến một quyết định. Nàng muốn cuộc sống của mình phải được định hình từ bây giờ, không chậm trễ. Mà làm được việc ấy phải là một sức mạnh nào đấy ở ngay cạnh nàng – sức mạnh của tình yêu, của tiền bạc, một sức mạnh hoàn toàn có giá trị thiết thực.

Cái sức mạnh ấy hiện ra vào giữa mùa xuân với Tom Buchanan. Con người anh, địa vị anh, có một cái gì đồ sộ, vững chãi, và Daisy lấy làm hãnh diện. Chắc cũng có diễn ra một sự giằng co nhất định nhưng cũng đi đến một tâm trạng nhẹ nhõm. Bức thư đến tay Gatsby khi anh đang ở Oxford.

*

* *

Ở Long Island bây giờ trời đã rạng, chúng tôi đi mở nốt các cửa sổ ở tầng dưới để cho ánh sáng chỗ thì nhờ nhờ xám, chỗ đã hoe hoe vàng ủa vào trong nhà. Bóng một thân cây ngả dài cắt ngang lớp sương đêm và những con chim như những bóng ma bắt đầu cất lên tiếng hót giữa đám lá còn nhuốm màu xanh lam. Trong không khí có một sự xao động nhẹ nhẹ dễ chịu, chưa hẳn là một làn gió, hứa hẹn một ngày mát mẻ và thú vị.

- Tôi không tin nàng đã có lúc nào yêu hẳn, – Gatsby quay lưng lại cửa sổ, nhìn tôi với vẻ như thách thức – Anh phải nhớ rằng chiều hôm qua nàng bị kích động mãnh liệt. Hẳn kể ra những chuyện ấy với nàng với dụng ý làm nàng khiếp sợ – làm tôi trông như một kẻ bất lương hèn mạt. Kết quả là nàng hầu như không hiểu mình nói gì.

Gatsby ngồi xuống, nét mặt u tối.

- Tất nhiên, có thể nàng đã yêu hẳn trong chốc lát, hồi hai người mới lấy nhau –

để rồi sau đây nàng lại yêu tôi hơn, anh hiểu không?

Bỗng nhiên anh đưa ra một nhận xét kì quặc.

- Dù sao, đó chỉ là chuyện riêng.

Qua câu ấy ta có thể hiểu như thế nào, nếu không phải ngờ rằng trong ý nghĩ của anh có một nỗi niềm day dứt mãnh liệt không lấy gì mà đo nỗi?

Gatsby ở Pháp trở về lúc Tom và Daisy còn đang đi nghỉ tuần trăng mật. Anh đã dốc nốt số tiền lương sĩ quan còn lại cho một cuộc hành trình thăm thương không thể dừng được, đến Louisville. Anh ở lại thành phố này một tuần, đi trên những đường phố nơi tiếng chân của họ đã vang lên bên nhau trong suốt đêm tháng Một năm ấy và thăm lại những nơi hẻo lánh mà hai người đã tới bằng chiếc xe hơi trắng của nàng. Cũng như ngôi nhà của Daisy bao giờ đối với anh cũng bí ẩn và vui tươi hơn mọi ngôi nhà khác, ý nghĩ của anh về thành phố này, dù nay đã vắng bóng nàng, vẫn thấm đượm một vẻ đẹp u buồn.

Gatsby rời khỏi thành phố với cảm nghĩ giá anh cố công tìm kiếm có lẽ anh đã tìm thấy nàng, và nay thì anh đang bỏ lại nàng ở đằng sau. Toa xe hạng ba – túi anh bây giờ không còn một xu – rất nóng. Anh ra chỗ đầu toa ngỏ cửa, ngồi xuống một chiếc ghế gấp. Nhà ga lụi dần và mặt sau các toà nhà loang loáng lướt qua mắt anh. Khi tàu ra đến các cánh đồng mùa xuân, một chiếc xe điện vàng chạy theo nó trong một phút với những hành khách có lẽ đã từng thấy sắc thái huyền ảo của gương mặt nàng tình cờ trên đường phố.

Đường tàu lượn vòng. Giờ đây con tàu chạy quay lưng lại mặt trời đang lặn mỗi lúc một thấp hơn và dường như trải dài ra ban phước lành cho thành phố đang khuất dần, cái thành phố đã đem lại hơi thở cho nàng. Anh tuyệt vọng đưa tay ra như muốn thu lấy dù chỉ là một chút không khí, như muốn vớt vát lấy một mảnh nhỏ của xứ sở mà vì anh nàng đã biến thành mĩ lệ. Nhưng tất cả bây giờ đều lướt qua quá nhanh đối với con mắt đã nhòa tối của anh và anh biết rằng mình đã vĩnh viễn mất đi rồi mảnh đời ấy, mảnh đời tươi mát nhất và đẹp đẽ nhất của mình...

Ăn điểm tâm xong thì đã chín giờ sáng, chúng tôi ra ngoài thêm. Đêm đã làm thời tiết thay đổi hẳn và không gian nay đã có hương sắc mùa thu. Người làm vườn, người cuối cùng còn lại trong số các gia nhân cũ của Gatsby, đến chỗ chân thêm, thưa:

- Bẩm ông, hôm nay tôi sẽ tháo nước ở bể bơi. Lá sắp rụng, đến khi ấy ống tháo nước dễ bị tắc lắm.

- Đừng tháo hôm nay vội, – Gatsby đáp. Anh quay sang tôi giải thích. – Anh biết không, tôi chưa một lần dùng đến bể bơi suốt mùa hè.

Tôi xem đồng hồ và đứng dậy.

- Còn mười hai phút nữa là đến chuyến tàu tôi đi.

Tôi không muốn ra thành phố. Tôi không đủ sức làm việc gì cho ra hồn, nhưng không phải chỉ có thế – tôi không muốn rời Gatsby. Tôi đã lỡ chuyến tàu, rồi lại chuyến tiếp theo nữa, sau mới bứt mình đi nổi.

- Tôi sẽ gọi điện thoại cho anh, – cuối cùng tôi nói.

- Anh gọi nhé.

- Tôi sẽ gọi cho anh vào khoảng trưa.

Chúng tôi chậm chậm bước xuống các bậc thềm.

- Tôi chắc Daisy cũng sẽ gọi điện thoại cho tôi, – anh nhìn tôi lo lắng như hi vọng tôi sẽ hậu thuẫn cho ý kiến ấy.

- Tôi cũng chắc vậy.

- Thôi tạm biệt anh nhé.

Chúng tôi bắt tay nhau và tôi đi. Gần tới bờ giậu, tôi nhớ ra điều gì, quay người lại.

- Bọn họ chỉ là một lũ không ra gì, – tôi hét to qua thảm cỏ. – Mình anh còn đáng giá bằng mấy lũ ấy gộp lại.

Cho đến nay tôi vẫn mừng là đã nói ra câu ấy. Đó là lời khen ngợi duy nhất mà tôi nói với anh, bởi vì từ đầu đến cuối tôi đã không tán thành anh. Thoạt tiên, Gatsby gật đầu nhã nhặn sau gương mặt anh sáng lên thành một nụ cười rạng rỡ và thông cảm, như thể chúng tôi lúc nào cũng ăn ý với nhau về mặt này. Bộ quần áo hồng của anh, nay chỉ còn là một mớ vải nhàu nát lộng lẫy, nổi lên thành một vệt sáng trên những bậc thềm đá trắng làm tôi nhớ đến đêm đầu tiên tôi đến toà nhà cổ kính của anh ba tháng về trước. Ngoài vườn và trên lối đi đêm ấy lúc nhúc những bộ mặt những kẻ dò đoán về sự đòi bại của anh – và anh đã đứng trên những bậc thềm này, che giấu ước mơ không gì xua tan nổi của mình khi anh vẫy tay tiễn chào họ.

Tôi cảm ơn anh về lòng mến khách của anh. Chúng tôi – tôi cũng như những kẻ khác – bao giờ cũng cảm ơn anh về tấm lòng đó.

- Tạm biệt, – tôi gọi to. – Cảm ơn anh về bữa điểm tâm nhé, anh Gatsby.

*

* *

Ra đến thành phố tôi để một lúc ghi lại thời giá vào một bảng dài dằng dặc các cổ phiếu rồi ngủ thiếp đi trên chiếc ghế xoay. Gần giữa trưa, chuông điện thoại đánh thức tôi, tôi giật mình tỉnh dậy, mồ hôi vã trên trán. Đó là Jordan Baker. Cô ta thường gọi tôi vào giờ này vì cô ta hay đi lại thất thường giữa các khách sạn, các câu lạc bộ và các nhà riêng cho nên khó có thể tìm được cô ta bằng cách khác. Thường thường, giọng Jordan truyền qua đường dây vọng đến tươi mát như một mảnh đất còn dính một túm cỏ bị cái chày đánh gôn màu xanh đánh bật lên và văng đến cửa sổ phòng làm việc của tôi, nhưng sáng nay giọng

ấy xem chừng thô nhám và khô khốc.

- Em đã rời nhà Daisy đi rồi, – Jordan nói. – Em hiện đang ở Hempstead và chiều nay em sẽ xuống Southampton.

Có lẽ rời khỏi nhà Daisy là khéo xử, nhưng việc ấy làm tôi bực mình và câu nói tiếp của Jordan thì làm tôi đứng đưng.

- Tối qua anh không tử tế với em chút nào.

- Nó có quan trọng gì vào một lúc như lúc ấy?

Im lặng một lúc, rồi cô nói tiếp:

- Tuy nhiên, em muốn gặp anh.

- Tôi cũng muốn gặp cô.

- Ví thử em không đi Southampton nữa mà ra New York chiều nay thì sao?

- Đừng, tôi thấy chiều nay không nên.

- Thôi vậy.

- Chiều nay thì không thể được. Những...

Chúng tôi nói chuyện như vậy được một lúc, và rồi bỗng dưng không nói nữa. Không biết trong hai chúng tôi ai đã bỏ máy xuống kêu đánh cách một cái, nhưng tôi biết là tôi chẳng cần quan tâm làm gì. Hôm ấy tôi không có lòng nào ngồi nói chuyện với cô ta bên một bàn trà cho dù tôi sẽ không bao giờ lại có dịp nói chuyện với cô ta nữa trên đời này.

Mấy phút sau, tôi gọi điện thoại đến nhà Gatsby nhưng đường dây bận. Tôi gọi lại bốn lần, cuối cùng Tổng đài phát bực lên bảo cho tôi biết đường dây bị giữa cho một cuộc nói chuyện đường dài từ Detroit gọi đến. Lấy ra bảng giờ tàu, tôi khoanh một vòng tròn nhỏ xung quanh chuyến tàu ba giờ năm mươi. Sau đó tôi ngả người trong ghế, cố suy nghĩ. Lúc ấy vừa đúng giữa trưa.

*

* *

Khi tàu chạy qua chỗ những gò đất tro sáng hôm ấy, tôi đã cố ý chuyển sang ngồi phía bên kia toa. Tôi đoán chắc sẽ có một đám người tò mò xúm xít quanh đó suốt ngày, nhưng đũa trẻ dò tìm những vật đen đen trong lớp bụi đường và một kẻ ba hoa nào đó kể đi kể lại những sự việc đã xảy ra cho đến khi những lời kể ấy càng ngày càng xa lạ cả đối với gã đến nỗi gã không thể kể tiếp được nữa, và sự kết thúc bi thảm của Myrtle Wilson thế là bị rơi vào trong lãng quên. Bây giờ tôi muốn đi ngược lại thời gian một chút và kể những gì đã diễn ra tại hiệu sửa chữa xe sau khi chúng tôi đi khỏi đây đêm trước.

Mãi người ta mới tìm được cô em, cô Catherine. Cô ta đêm ấy chắc đã vi phạm nguyên tắc của mình là không uống rượu vì khi đến nơi cô ta còn mụ người vì hơi men và không hiểu nổi là xe cứu thương đã đi Flushing rồi. Đến khi người ta giúp cho cô hiểu ra thì cô ngất xỉu, y như thể đó lại là đoạn không thể chịu đựng

nổi trong sự việc này. Có ai đó, vì tử tế hay hiếu kì, diu cô lên xe mình và đưa cô đi theo thi hài chị cô.

Quá nửa đêm khá lâu, đám người vẫn không ngừng tụ tập trên bậu cửa nhà sửa chữa xe, hết người này đi lại có người khác đến, trong khi Wilson cứ đu người ngật ngưỡng trên chiếc ghế trong nhà. Cửa buồng vẫn để ngỏ một lúc, và ai bước vào nhà xe cũng không thể không dòm mắt nhìn vào trong. Cuối cùng có người bảo như thế thật nhục nhã và đóng cửa lại. Michaelis cùng với mấy người đàn ông khác ở lại bên Wilson, thoát đầu là bốn năm người, sau còn lại hai ba người. Mãi sau, Michaelis nhờ người lạ mặt cuối cùng chờ ở đó thêm mười lăm phút nữa để anh về nhà pha lấy một cốc cà phê. Sau đó Michaelis ở lại một mình với Wilson cho đến rạng sáng.

Đến khoảng ba giờ sáng, Wilson bốt nói lảm nhảm – ông dụ đi và bắt đầu nói đến chiếc xe màu vàng. Wilson bảo là ông có cách tìm ra người chủ chiếc xe ấy, rồi ông ta nói lộ là cách đây hai tháng vợ ông đi New York về mặt mày bị thâm tím và mũi sưng vù.

Nhưng tự nghe mình kể đến đây, Wilson im bặt và lại rên rỉ “Ồi giời ôi!” bằng một giọng thảm thiết. Michaelis vụng về cố hỏi chuyện cho ông khuây khoả.

- Ông lập gia đình đã lâu chưa, ông George? Nghe đây nào, cố ngồi yên một tí và trả lời nào. Ông lập gia đình bao nhiêu lâu rồi?

- Mười hai năm.

- Ông có con chưa? Thôi nào, ông George, ngồi yên nào. Tôi hỏi ông một câu. Ông đã có con bao giờ chưa?

Những con bọ cánh cứng màu nâu cứ dậm đầu vào ánh sáng mờ đục, và mỗi khi nghe thấy một chiếc xe hơi chạy vụt trên đường, Michaelis lại tưởng chừng đó là chiếc xe đã không đỗ lại cách đây mấy giờ. Anh không muốn vào nhà xe vì bàn máy bị dây máu chỗ đã đặt xác, vì vậy anh cứ loay hoay trong phòng giấy, – trời chưa sáng rõ Michaelis đã thuộc hết tất cả đồ đạc trong phòng – và thỉnh thoảng ngồi xuống bên cạnh Wilson cố làm cho ông dụ đi thêm.

- Ông có chọn một nhà thờ nào để thỉnh thoảng đi lễ không, ông George? Dù là nhà thờ ông đã lâu không đến. Tôi gọi điện thoại mời một linh mục đến nói chuyện với ông nhé, được không?

- Tôi không theo một nhà thờ nào cả.

- Lễ ra phải theo một nhà thờ chứ, ông George, để cho những lúc như bây giờ. Trước kia hẳn ông đã đi nhà thờ rồi chứ? Thế ông không cưới ở nhà thờ à? Nghe này, ông George, nghe tôi hỏi này. Ông có cưới ở nhà thờ không?

- Lâu lắm rồi.

Wilson cố trả lời khiến người ông đu đưa – ông ngồi im một lúc. Rồi lại vẫn cái vẻ dờ tỉnh dờ mê hiện trên đôi mắt nhàn nhạt của ông.

- Xem trong ngăn kéo kia kìa, – Wilson chỉ vào bàn giấy.

- Ngăn nào?

- Ngăn kia kìa.

Michaelis rút chiếc ngăn kéo gần tay mình nhất. Trong ngăn kéo không có gì ngoài một sợi dây buộc cổ chó nhỏ xíu và đắt tiền, làm bằng da và sợi bạc tết lại. Cái dây có vẻ còn mới.

- Cái này ấy à? – Michaelis giơ cái dây lên.

Wilson trừng trừng nhìn cái dây, gật đầu.

- Tôi thấy nó chiều hôm qua. Bà nhà tôi cố giải thích, nhưng tôi biết là có chuyện ám muội.

- Ông muốn nói là bà nhà đã mua cái dây này à?

- Bà ấy gói nó trong giấy lụa để trên bàn phấn.

Michaelis không thấy có gì lạ trong việc này, anh dẫn ra với Wilson hàng chục lí do khiến vợ ông cần mua một cái dây buộc chó. Nhưng có lẽ Wilson đã từng được nghe Myrtle nói ra một số lời giải thích giống như vậy rồi nên ông lại bắt đầu rên rỉ “Ồi giời ôi” khiến người an ủi ông đành bỏ dở những lời giải thích khác.

- Thế rồi nó giết chết bà ấy, – Wilson nói. Cảm ông bỗng sệ xuống.

- Ai giết?

- Tôi có cách tìm ra.

- Đừng lẩn thẩn nữa, ông George, – Michaelis khuyên. – Ông bị choáng váng nên không còn biết mình nói gì. Thôi, cố ngồi yên cho đến sáng.

- Nó đã giết bà ấy.

- Đây là một tai nạn, ông George ạ.

Wilson lắc đầu. Mắt ông nheo lại, mồm hé mở và một tiếng “Hứ” thốt ra khỏi miệng ông rồi tắt vụt ngay.

- Tôi biết, – Wilson nói dứt khoát. Tôi là người cả tin, không làm hại ai bao giờ, nhưng đã biết chuyện gì thì tôi biết đích xác. Nó là đứa lái chiếc xe ấy. Bà ấy chạy ra để nói với nó nhưng nó không chịu đỗ lại.

Michaelis cũng đã chứng kiến cảnh ấy nhưng anh không nghĩ nó có một ý nghĩa gì đặc biệt. Anh tin rằng bà Wilson chỉ cốt chạy xa chồng chứ không định chặn lại một chiếc xe nào.

- Bà ấy làm thế để làm gì cơ chứ?

- Bà nhà tôi là người kín đáo, – Wilson nói, như trả lời cho câu hỏi. – A-a-a...

Wilson lại bắt đầu dung đưa người và Michaelis đứng vắn vẹo cái dây dắt chó trong tay.

- Chắc ông có bạn chứ, ông George? Có ai không nào để tôi gọi dây nói báo cho.

Một hi vọng viễn vông – Michaelis hầu như biết chắc Wilson không có bạn bè

nào cả – ngay cả vợ, ông cũng còn chưa đáp ứng đủ. Sau đó, Michaelis hơi mừng thấy có một sự biến đổi trong gian phòng: một màu xanh lam lan nhanh trên các ô cửa sổ và không lâu nữa là đến sáng. Khoảng năm giờ, trời bên ngoài sáng khá rõ để có thể tắt đèn.

Cặp mắt trần trần của Wilson quay về phía những gò đất tro ở đó những cụm mây xám nhỏ có những hình dáng kì quái và bị làn gió yếu ớt buổi sớm mai xua đi tan tác.

- Tôi đã bảo với bà ấy, – Wilson lẩm bẩm sau một lúc lâu im lặng, – tôi đã bảo với bà ấy là bà có thể lừa dối được tôi nhưng bà không lừa dối Chúa được đâu. Tôi kéo bà ấy đến bên cửa sổ, – ông gắng đứng dậy và đến chỗ cửa sổ trông ra đằng sau, cúi người áp mặt vào cửa sổ, – và tôi bảo: “Chúa biết hết những việc bà làm, mọi việc bà làm. Bà có thể lừa dối được tôi, nhưng bà không lừa dối Chúa được đâu”.

Đứng sau Wilson, Michaelis kinh hoàng thấy ông đang nhìn vào hai con mắt của bác sĩ T. J. Eckleburg vừa mới từ trong màn đêm đang tan dần hiện ra khổng lồ và nhợt nhạt.

- Chúa nhìn thấy mọi sự, – Wilson nhắc lại.

- Biển quảng cáo đấy mà – Michaelis trấn an Wilson. Song tự nhiên anh không dám nhìn tiếp ra qua cửa sổ và quay mặt vào trong phòng. Nhưng Wilson cứ đứng đó một lúc lâu, mặt sát ô kính cửa sổ, gật đầu với ánh sáng nham nhở.

*

* *

Đến sáu giờ sáng thì Michaelis mệt nhoài: anh mừng rỡ nghe thấy có tiếng xe hơi đỗ bên ngoài. Đó là một trong những người ngồi canh đêm qua hẹn trở lại. Michaelis sửa soạn bữa điểm tâm cho ba người nhưng sau chỉ có anh với người kia ăn. Wilson bây giờ đã dịu hơn nên Michaelis về nhà ngủ. Bốn giờ sau, tỉnh dậy, Michaelis vội vã sang bên hiệu sửa chữa xe thì Wilson đã đi đâu mất rồi.

Về sau, lần theo dấu vết Wilson – ông toàn đi bộ – người ta được biết ông đã đến Port Roosevelt rồi đến Gad’s Hill, tại đó ông mua một cái bánh mì cặp thịt nhưng không ăn, và một tách cà phê. Wilson chắc mệt và đi chậm vì đến tận trưa ông mới tới Gad’s Hill. Cho đến giờ ấy, tính xem Wilson đã dùng thời gian như thế nào không khó – vài đứa trẻ đã nhìn thấy một người “lang thang như người điên”, và vài người lái xe đã gặp ông đứng bên vệ đường đưa mắt nhìn theo họ trờng trờng. Nhưng sau đó thì ông biến đi đâu mất không rõ khoảng ba giờ đồng hồ. Căn cứ vào những lời Wilson đã nói với Michaelis: “Tôi có cách tìm ra”, cảnh sát cho rằng trong thời gian ấy ông đã mò đến từng nhà xe một để tìm chiếc xe hơi màu vàng. Tuy nhiên, các chủ nhà xe không có một ai báo là đã

trông thấy Wilson. Vậy có lẽ Wilson có một cách tìm dễ dàng hơn, chắc chắn hơn, để biết cái điều ông muốn biết. Đến hai giờ rưỡi thì Wilson xuất hiện ở West Egg, tại đó ông hỏi thăm một người đường đi đến nhà Gatsby. Vậy là đến lúc ấy Wilson đã biết tên Gatsby.

*

* *

Khoảng hai giờ chiều, Gatsby mặc quần áo tắm và dặn người hầu phòng là nếu có ai gọi điện thoại đến cho anh thì lại bể bơi báo anh. Gatsby tạt qua nhà để xe lấy cái đệm hơi vẫn dùng làm phao bơi mà dạo hè khách khứa nhà anh rất thích. Người lái xe bơm cái phao bơi giúp anh. Sau đó Gatsby dặn anh ta rằng bất kì thế nào cũng không được lôi chiếc xe mui trần đó ra khỏi nhà – lời dặn kể cũng lạ vì lá chắn đằng trước của xe bị móp ở mé phải cần được đưa ra hiệu nắn lại.

Gatsby vác cái đệm hơi lên vai đi về phía bể bơi. Anh dừng lại một lần để xóc đệm trên vai. Người lái xe đến xin mang đỡ cho anh nhưng anh lắc đầu, và một lúc sau anh mất hút giữa những bụi cây lá đang ngả vàng.

Không có ai gọi điện thoại, nhưng người hầu phòng vẫn không đi ngủ trưa mà cứ chờ cho đến bốn giờ chiều – tức là quá cái giờ không còn ai để mà báo, cho dù có người gọi đến. Tôi cho rằng chính Gatsby cũng không tin là sẽ có người gọi điện thoại cho anh, hoặc có lẽ anh chẳng thiết nghĩ đến nữa. Nếu quả đúng thế thì chắc Gatsby phải cảm thấy anh đã mất hẳn rồi cái thế giới ám áp xưa kia và anh đã phải trả bằng một giá đắt vì đã sống quá lâu với một ước mơ duy nhất. Chắc anh đã ngửa đầu nhìn lên một bầu trời xa lạ qua những vòm lá thật đáng sợ, và rùng mình khi nhận ra những bông hồng mới kì cục làm sao và ánh nắng rọi lên lớp cỏ mọc nhu nhú mới sống sượng làm sao. Một thế giới mới, vật chất đầy mà lại không có thật, nơi những bóng ma khốn khổ đáng thương, thờ bằng mơ ước thay cho không khí, trôi giạt vô định... như cái hình người nhợt nhạt, ma quái, đang trườn về phía anh giữa các hàng cây bắt thành hình kia.

Người lái xe – nằm trong số đám tay chân của Wolfsheimer – nghe thấy tiếng nổ súng. Về sau anh ta chỉ khai được rằng anh ta không nghĩ là đã xảy ra chuyện gì nghiêm trọng. Tôi xuống ga là về thẳng ngay nhà Gatsby, và dáng điệu hấp tấp lo lắng của tôi khi bước vội mấy bậc thềm lại là sự việc đầu tiên báo động cho họ. Nhưng tôi tin chắc là đến lúc ấy họ đã biết sự thể rồi. Hầu như câm lặng, bốn người chúng tôi – người lái xe, người hầu phòng, người làm vườn và tôi – vội vã chạy về phía bể bơi.

Mặt nước chuyển động thật nhẹ nhàng, hầu như khó nhận thấy, bởi luồng nước mới từ đầu bể đổ về cửa tháo nước cuối bể. Làn nước lăn tăn chưa hẳn thành sóng đẩy chiếc đệm chở nặng trôi không đều về phía dưới bể bơi. Chỉ một ngọn

gió nhẹ làm hơi rần mặt nước đã đủ để xáo động con đường đi vô tình của nó với cái gánh nặng vô tình của nó. Một đồng lá nhỏ chạm vào nó cũng làm nó chậm chậm xoay tròn, vạch ra như một mũi com-pa một đường tròn đỏ mảnh mai trên nước.

Chúng tôi đem Gatsby đi về phía toà nhà rồi người làm vườn mới phát hiện ra xác Wilson trong lùm cỏ cách đó một quãng, và cuộc huỷ diệt thế là trọn vẹn.

Chương IX

Đã hai năm qua, nay tôi chỉ nhớ về những giờ còn lại của ngày hôm ấy, đêm hôm ấy và ngày hôm sau như là một chuỗi người tấp nập ra vào không ngớt qua cổng nhà Gatsby – những viên cảnh sát, phóng viên nhiếp ảnh và nhà báo. Một sợi dây thừng được chằng ngang cổng, bên cạnh là một viên cảnh sát đứng chặn những kẻ tò mò, nhưng đám trẻ con chẳng mấy chốc phát hiện ra chúng có thể vào qua sân nhà tôi, cho nên lúc nào cũng có dăm ba đứa, miệng há hốc, đứng túm tụm quanh bể bơi. Một người dáng điệu tự tin, có lẽ là một thám tử, lúc cúi xuống xác Wilson chiều hôm ấy, đã thốt lên hai tiếng “thằng điên” và thẩm quyền ngẫu nhiên của lời nói ấy đã đề ra giọng điệu cho các bài tường thuật trên các báo sáng hôm sau.

Hầu hết những bài báo này là những cơn ác mộng, – kịch cỡm, dọa dẫm, hung hăng và sai. Khi Michaelis khai ra với nhân viên điều tra sự nghi ngờ của Wilson đối với vợ, tôi đã tưởng toàn bộ sự việc sẽ bị phơi bày ra thành một chuyện xấu xa li kì, nhưng Catherine, tưởng sẽ bạ gì nói nấy, ai ngờ lại không hé lộ một lời nào. Cô lại còn tỏ ra có một bản lĩnh đáng kinh ngạc: nhìn thẳng vào nhân viên điều tra với con mắt kiên nghị dưới hàng lông mày vẽ lại, cô thề rằng chị cô chưa hề bao giờ gặp Gatsby, rằng chị cô sống hoàn toàn hạnh phúc với chồng và không làm bất cứ điều gì sai trái. Cô đã tự làm cho mình tin vào những lời mình nói, tay cầm mũi soa bưng mặt khóc như thể chỉ nghĩ đến việc sai trái ấy cô đã không chịu nổi rồi. Thành ra Wilson chỉ là một kẻ “quẩn trí vì quá đau buồn” khiến cho vụ này có thể được thu hẹp lại ở cái dạng đơn giản nhất của nó. Và nó đã dừng lại ở cái dạng đó.

Nhưng tất cả phần ấy thật là xa xôi và không thiết yếu. Tôi ở lại bên cạnh Gatsby – mỗi mình tôi. Kể từ khi tôi gọi điện thoại báo tin dữ này đến làng West Egg, mọi điều phỏng đoán về Gatsby và mọi vấn đề thực tế đều đến tay tôi. Thoạt tiên, tôi lấy làm bất ngờ và bối rối. Rồi sau, trong lúc Gatsby nằm dài trong toà biệt thự của anh, không động đậy, không thở, không nói, hết giờ này qua giờ khác, tôi dần dần nhận thấy tôi phải đứng ra đảm đương công việc vì không có một ai khác quan tâm đến – tôi muốn nói là quan tâm bằng mối quan hệ cá nhân thân thiết mà có lẽ mọi người hình như đều có quyền được hưởng vào lúc cuối của đời mình.

Tôi gọi điện thoại cho Daisy sau khi tìm được Gatsby chừng nửa giờ – tôi gọi cho nàng theo bản năng, không do dự. Nhưng Daisy và Tom đã ra đi từ đầu buổi

chiều, đem theo cả hành lí.

- Không để lại địa chỉ à?

- Không.

- Có dặn khi nào về không?

- Không.

- Liệu có đoán được họ ở đâu không? Tôi làm cách nào để gặp được họ?

- Tôi không biết. Tôi không biết nói thế nào.

Tôi muốn có người đến với anh. Tôi muốn vào phòng anh đang nằm và nói để anh yên tâm: “Tôi sẽ tìm ra người đến với anh, Gatsby ạ. Đừng lo, cứ tin ở tôi, tôi sẽ tìm ra người đến với anh”.

Meyer Wolfshiem không có tên trong quyển danh bạ điện thoại. Người hầu phòng cho tôi địa chỉ phòng làm việc của ông ta tại Broadway. Tôi gọi tổng đài, nhưng đến khi được nối đường dây thì đã quá năm giờ chiều từ lâu và không thấy ai trả lời.

- Nhờ chị quay số gọi cho lần nữa.

- Tôi đã gọi ba lần rồi.

- Việc rất cần chị ạ.

- Rất tiếc. Có lẽ không có ai bên máy.

Tôi trở lại phòng khách, tưởng rằng có khách khứa tình cờ đến chơi, nhưng lại chỉ là người của nhà chức trách kéo đến đầy nhà. Tuy họ có vén tấm khăn phủ lên và nhìn Gatsby với con mắt kính sợ, nhưng lời khấn khoản của anh vẫn tiếp tục giục giã trong óc tôi:

- “Này, người anh em, anh phải tìm ra ai đến với tôi chứ. Anh cố tìm đi. Tôi không thể ra đi đơn độc như thế này.”

Có người hỏi tôi, nhưng tôi gạt đi và bỏ lên gác, vội vã nhìn vào trong những ngăn kéo không khoá ở bàn giấy của Gatsby – anh chưa bao giờ nói rạch ròi với tôi là cha mẹ anh đã qua đời. Nhưng không có gì cả, chỉ có bức ảnh Dan Cody, tượng trưng cho một thời trôi nổi đã qua, từ trên tường nhìn xuống đăm đăm.

Sáng hôm sau, tôi cho người hầu phòng đi New York cầm một bức thư cho Wolfshiem, hỏi những tin tức cần thiết và yêu cầu ông ta đến ngay bằng chuyến tàu sớm nhất. Lúc viết thư, tôi nghĩ yêu cầu như vậy là thừa. Tôi tin rằng đọc được tin đăng trên báo là ông ta sẽ vội đến ngay, cũng như tôi tin rằng từ giờ đến trưa thế nào cũng nhận được điện tín của Daisy – nhưng cả bức điện lẫn Wolfshiem đều không thấy đâu. Không một ai đến, mà chỉ lại có thêm cảnh sát, phóng viên nhiếp ảnh và nhà báo. Khi người hầu phòng đem về bức thư trả lời của Wolfshiem thì tôi bắt đầu có một ý nghĩ thách thức, cảm thấy có một mối liên kết gắn bó Gatsby với tôi bằng lòng khinh bỉ tất cả bọn họ.

Ông Carraway thân mến,

Đây là một trong những sự việc choáng váng khủng khiếp nhất trong đời tôi, khó mà tin được là có thật. Hành động điên rồ của kẻ ấy thật phải làm tất cả chúng ta suy nghĩ. Tôi không thể đến trong lúc này vì đang vướng vào một việc hết sức quan trọng và do đó tôi không dính tay vào đây được. Nếu ít lâu nữa, có việc gì mà tôi có thể làm, xin ông báo cho tôi biết qua thư gửi cho Edga. Tôi sẽ sẵn sàng khi nghe nói về vụ này và tôi đúng là quy ngã, không gượng dậy nổi.

Xin gửi ông lời chào thân mến,

Meyer Wolfshiem.

và dòng tái bút viết vội dưới đây:

Xin ông cho biết về lễ mai táng, vân vân. Không biết tí gì về gia đình ông ta.

Khi chuông điện thoại réo vang chiều hôm đó và điện thoại đường dài báo là Chicago gọi, tôi nghĩ cuối cùng đây chắc là Daisy. Nhưng lại là một giọng đàn ông rất nhỏ và xa tí:

- Slagle đây...

- Ai? – Tôi nghe tên không quen.

- Thư ám ớ quá hả? Nhận được điện của tôi chưa?

- Không có điện nào cả.

- Thằng nhóc con Parke hỏng rồi. – Đầu dây đằng kia liến thoắng. – Nó đã bị tóm gáy khi trao tín phiếu tại quầy trả tiền. Bọn kia đã nhận được tin từ New York báo cho biết các số phiếu trước đó đúng năm phút. Ông tính sao đây? Không thể nào nói chắc được ở những thị trấn quê mùa này...

- Alô, – tôi hốt hển cắt ngang, – Đây không phải là Gatsby. Ông Gatsby chết rồi. Một lúc im lặng dài ở đầu dây đằng kia, tiếp theo sau là một tiếng cảm thán... rồi một tiếng “cạch” khô khốc khi ống nghe bị bỏ xuống.

*

* *

Hình như đến ngày thứ ba thì có một bức điện kí tên Henry C.Gatz gửi từ một thị trấn ở bang Minnesota đến. Bức điện chỉ nói là người gửi sẽ lên đường ngay tức khắc và yêu cầu hoãn việc mai táng cho đến khi người ấy tới.

Đó là bố đẻ của Gatsby, một cụ già vẻ nghiêm nghị, dáng điệu lúng ta lúng túng, hốt hoảng, co ro trong chiếc áo choàng rẻ tiền dài rộng lụng thụng giữa thời tiết ẩm áp của một ngày tháng Chín. Những giọt nước mắt theo nhau ứa ra ở khoé mắt cụ và khi tôi đỡ lấy cái túi xách tay và cái ô của cụ thì tay cụ cứ giật giật liên hồi chòm râu xám xỉn thưa thớt làm tôi loay hoay mãi mới cởi được áo khoác cho cụ. Trông cụ có vẻ muốn khuyu ngã, tôi vội dìu cụ sang phòng đàn, đỡ cụ ngồi xuống ghế và gọi người đem thức ăn lên. Nhưng cụ không ăn, và sữa trong cốc rót cả ra ngoài trong bàn tay lẩy bẩy của cụ.

- Tôi đọc được trên tờ Chicago, – cụ nói, – Họ kể hết trên tờ Chicago. Tôi vội vã

đi ngay.

- Tôi không có cách nào báo tin cho cụ.

Đôi mắt cụ không ngừng ngờ ngác nhìn quanh gian phòng nhưng không thấy gì hết.

- Nó là một thằng điên phải không ông? – cụ hỏi. – Nó có điên mới thế.

- Cụ dùng chút cà phê nhé, – tôi khẩn khoản.

- Tôi không muốn ăn uống gì đâu. Tôi cảm thấy dễ chịu rồi. Ông là ông...?

- Carraway.

- Vâng, tôi thấy dễ chịu rồi. Jimmy nằm ở đâu hả ông?

Tôi đưa cụ vào phòng khách, chỗ đặt con trai cụ, và để cụ lại đấy. Có mấy đứa trẻ mon men đến tận các bậc thềm dòm vào trong nhà. Khi tôi bảo với chúng người khách mới đến là ai, chúng đành luyến tiếc bỏ đi.

Một lát sau, cụ Gatz mở cửa bước ra, miệng há hốc, mặt hơi đỏ, trong mắt lăn ra những giọt lệ lẻ loi và chậm trễ. Cụ đã tới tuổi mà cái chết không còn là sự bất ngờ ghê sợ nữa, và khi cụ lần đầu tiên nhìn ra xung quanh thấy gian tiền sảnh mênh mông tráng lệ, thấy các gian phòng lớn mở thông sang các gian phòng rộng lớn khác thì nỗi đau buồn của cụ pha đượm một niềm kiêu hãnh hải hùng. Tôi đưa cụ lên một phòng ngủ trên gác. Trong khi cụ cởi áo, tôi nói với cụ là việc mai táng đã được hoãn lại chờ cụ.

- Tôi không biết cụ định liệu thế nào, thưa cụ Gatsby...

- Tên tôi là Gatz.

- ... thưa cụ Gatz. Tôi nghĩ có thể cụ muốn đưa thi hài về miền Tây chẳng?

Cụ lắc đầu.

- Jimmy xưa nay vẫn thích miền Đông này hơn. Jimmy đã xây dựng được địa vị của mình ở miền Đông... Ông là bạn của con trai tôi phải không, ông...?

- Tôi với anh ấy là bạn thân.

- Tương lai của Jimmy thật xán lạn, ông biết đấy. Jimmy còn trẻ, nhưng sức mạnh tinh thần thì có nhiều ở đây này.

Cụ trịnh trọng chỉ vào đầu mình, và tôi gật đầu.

- Nếu còn sống, Jimmy sẽ phải là một con người vĩ đại. Một người như James J. Hill (1) ấy. Jimmy rồi sẽ giúp cho đất nước phồn thịnh.

- Thưa cụ, đúng vậy, – tôi đáp ứng, ngại ngùng.

Cụ mân mê tấm khăn thêu trải giường định nhắc ra, sau lại lóng ngóng nằm xuống, duỗi thẳng người và ngủ thiếp đi ngay tức khắc.

Đêm ấy, có một người gọi điện thoại đến với giọng lộ rõ là hoảng hốt, hỏi tôi là ai đã rồi mới chịu xưng tên.

- Tôi là Carraway đây.

- A, – người kia thở phào nhẹ nhõm. – Tôi là Klipspringer.

Tôi cũng thấy nhẹ hẫng người vì có lẽ sẽ có mặt thêm một người bạn nữa bên nắm mồ của Gatsby. Tôi không muốn đăng cáo phó trên báo, vì như vậy sẽ chỉ thu hút một đám người tò mò văn cảnh, mà tôi sẽ đích thân gọi điện thoại cho một vài người. Nhưng khó gặp được họ quá.

- Ngày mai thì đưa tang, – tôi nói. – Vào lúc ba giờ chiều tại đây, ở nhà này. Tôi mong ông sẽ báo lại với những ai có ý định đến đi đưa.

- Vâng, tôi sẽ báo, – hắn nói vội. – Tất nhiên không chắc tôi đã gặp ai, nhưng nếu gặp...

Giọng hắn làm tôi nghi hoặc.

- Còn ông, tất nhiên ông sẽ có mặt chứ?

- Vâng, nhất định tôi sẽ cố gắng. Tôi gọi điện thoại là vì...

- Khoan đã, – tôi ngắt lời hắn. – Ông cho biết có đến hay không?

- Vâng, quả thực là... tôi hiện đang ở nhà một vài người bạn tại Greenwich, có lẽ họ muốn có tôi ở chơi với họ ngày mai. Chẳng là họ định tổ chức một buổi cắm trại hay cái gì đó. Tất nhiên, tôi sẽ cố gắng tìm cách rút lui.

Tôi không nén được một tiếng “xì”, chắc hắn có nghe thấy vì hắn luống cuống nói tiếp:

- Tôi gọi điện thoại cốt để hỏi đôi giày của tôi bỏ quên đằng ấy. Liệu tôi có thể nhờ ông bảo người hầu phòng chuyển đến cho tôi được không. Một đôi giày đánh tennis, không có nó tôi thực không biết xoay xử ra làm sao. Địa chỉ của tôi là: “Gửi qua B.F...”

Tôi không nghe hết tên và dập máy.

Sau đấy, tôi cảm thấy hơi nhục nhã cho Gatsby – một kẻ khi tiếp lời gọi điện thoại của tôi, nói bóng gió với tôi rằng Gatsby bị như thế là đáng đời lắm. Tuy nhiên, đó là lỗi ở tôi, vì gã này nằm trong số những kẻ thường lấy can đảm bằng hơi men của Gatsby để nhạo báng Gatsby cay độc nhất. Lẽ ra tôi phải hiểu người hơn để khỏi gọi cho gã.

Sáng hôm đưa tang, tôi lên New York gặp Meyer Wolfshiem. Tôi thấy không có cách nào khác để gặp ông ta. Theo lời chỉ dẫn của thằng nhỏ coi cầu thang máy, tôi đẩy cánh cửa bên ngoài đề chữ “Công ty Swastika” và lúc đầu tưởng không có ai trong nhà. Nhưng khi tôi gọi to vài tiếng vô ích thì nghe có tiếng xì xào đằng sau một vách gỗ và ít phút sau một phụ nữ Do Thái duyên dáng hiện ra ở khung cửa trong, nhìn tôi chằm chằm với đôi mắt đen ác cảm. Bà ta bảo:

- Không có ai ở nhà. Ông Wolfshiem đi Chicago rồi.

Phần đầu câu nói hiển nhiên là không đúng sự thật vì bên trong có ai bắt đầu huýt sáo lạc điệu bài “Vườn hồng”.

- Nhờ bà báo là có ông Carraway muốn gặp ông ấy.

Đúng lúc đó có tiếng người, đúng tiếng Wolfshiem không sai, ở sau cửa trong

gọi to: “Stella!”

- Ông để lại danh thiếp lên bàn kia, – bà ta nói vội, – tôi sẽ chuyển lại khi nào ông ấy về.

- Nhưng tôi biết ông Wolfshiem có nhà.

Bà ta bước lên một bước về phía tôi, đánh đá chống tay vào hai bên hông, sắc sảo:

- Bọn thanh niên các anh tưởng bất cứ lúc nào cũng xông được vào nhà người ta đấy à? Chúng tôi ngấy lắm rồi. Tôi đã bảo ông ấy đi Chicago là ông ấy đi Chicago rồi.

Tôi nói tên Gatsby.

- À! – bà ta lại nhìn tôi. – Thế ra ông chính là... Tên ông là gì?

Bà ta biến đi. Một lúc sau, Meyer Wolfshiem đứng trịnh trọng ở giữa khung cửa, chìa cả hai tay ra với tôi. Ông ta kéo tôi vào phòng làm việc của ông ta, nhận xét bằng một giọng cung kính rằng đây là lúc đau buồn đối với cả hai chúng tôi, và mời tôi một miếng xì gà.

- Tôi còn nhớ hôm đầu tiên gặp ông ấy, – Wolfshiem kể. – Một thiếu tá trẻ măng mới xuất ngũ ngực đầy mề đay giành được trong chiến tranh. Ông ấy tưng thiếu đến nỗi vẫn cứ phải đánh bộ đồ quân nhân vì không đủ tiền mua một bộ thường phục. Lần đầu tiên tôi gặp là lúc ông ấy đến phòng bi-a Winebrenner ở phố Bốn mươi xin việc. Đã hai ngày, ông ta chưa được một miếng nào vào bụng. Tôi mới bảo: “Lại đây ăn trưa với tôi”. Ông ấy ngốn hết hơn bốn đô-la trong nửa giờ.

- Có phải ông đã đưa ông ấy vào nghề kinh doanh phải không? – Tôi hỏi.

- Đưa ông ấy vào thôi à? Tôi đã hoàn toàn gây dựng cho ông ta thì có.

- Ồ.

- Tôi đã đưa ông ta ngoi lên từ con số không, đúng là từ bùn rãnh ngoi lên. Tôi đã thấy ngay là ông ta có mẽ người, một chàng trai lịch sự. Đến khi ông ta kể là đã học ở Oxford thì tôi biết ngay tôi có thể dùng ông ta vào việc có ích. Tôi đã đưa ông ta vào Hội các cựu chiến binh và ông ta đã có một địa vị cao ở đấy. Ngay sau đó, ông ta đã làm được một số việc cho một khách hàng của tôi ở Albany. Chúng tôi bao giờ cũng làm ăn gắn bó với nhau như thế này, – ông ta giơ lên hai ngón tay chuối mắn, – bao giờ cũng có nhau.

Tôi không muốn biết mối quan hệ cộng tác này có gồm cả sự gian trá trong Giải vô địch bóng chày năm 1919 không.

- Bây giờ ông ấy chết rồi, – tôi nói sau một lúc, – ông là người bạn gần gũi nhất của ông ấy, vậy chắc ông sẽ muốn đến đưa tang ông ấy chiều nay.

- Tôi rất muốn.

- Vậy thì đến đi.

Túm lông trong mũi Wolfshiem hơi rung rung và ông ta vừa lắc đầu vừa nước

mắt chứa chan.

- Tôi không đến được, tôi không được dính vào chuyện đó.

- Không sợ có gì liên lụy đâu. Mọi chuyện đâu vào đấy cả rồi.

- Khi có ai bị giết chết, tôi không bao giờ muốn dính vào bằng bất cứ cách nào. Tôi đứng ngoài. Hồi trẻ thì khác – nếu có một người bạn chết, bất kể chết như thế nào, tôi sẽ bám riết lấy bạn đến phút chót. Ông có thể cho như thế là đã cảm, nhưng đúng thế đấy – cho đến tận phút chót.

Tôi hiểu ra là vì một lí do riêng nào đấy, Wolfshiem đã nhất quyết không đến, vì vậy tôi đứng dậy.

- Ông đã qua đại học chưa? – Wolfshiem đột nhiên hỏi.

Tôi đã tưởng ông ta lại sắp giới thiệu tôi với một “đầu mối” nhưng ông ta chỉ gạt gù cái đầu và bắt tay tôi, mồm khuyên nhủ.

- Ta hãy tìm cách bày tỏ tình cảm của mình với người khác khi họ còn sống chứ không phải khi họ đã chết. Ngoài ra phương châm xử thế của tôi là không dính dáng vào việc gì hết.

Lúc tôi rời phòng làm việc của Wolfshiem ra về thì trời đã tối, và tôi về đến West Egg dưới làn mưa phùn. Thay quần áo xong, tôi sang buồng bên và thấy cụ Gatz đang đi lại trong gian tiền sảnh, vẻ vô cùng xúc động. Niềm kiêu hãnh của cụ về người con trai cụ và tài sản của con trai cụ không ngừng tăng lên và bây giờ cụ có mấy thứ muốn khoe với tôi.

- Jimmy đã gửi cho tôi bức ảnh này, – cụ rút ví ra, tay run run. – Ông xem này.

Bức ảnh chụp toà biệt thự, mép đã quăn và nhem nhuốc nhiều vết tay. Cụ hăm hở chỉ cho tôi xem từng chi tiết. “Ông xem này” rồi tìm sự khâm phục trong mắt tôi. Cụ khoe bức ảnh ấy đã quá nhiều lần đến nỗi tôi nghĩ rằng đối với cụ bây giờ nó có lẽ còn thật hơn chính toà nhà.

- Jimmy gửi cho tôi đấy. Tôi thấy bức ảnh thật là đẹp. Chụp rõ nét quá.

- Vâng, rõ nét lắm. Gần đây cụ có gặp anh ấy không?

- Jimmy về thăm tôi cách đây hai năm và mua cho tôi ngôi nhà hiện tôi đang ở. Tất nhiên gia đình chúng tôi đã gặp khó khăn khi Jimmy bỏ nhà đi, nhưng nay tôi hiểu nó đi là có lí do, Jimmy biết nó sẽ có một tương lai rất rạng rỡ. Và từ khi giàu có, nó đối xử với tôi rất rộng rãi.

Ý chừng cụ không muốn cất bức ảnh đi, cứ giở ra trước mắt tôi. Mãi sau, cụ mới cất ví đi và lôi từ trong túi áo ra một cuốn sách cũ rách nát nhan đề “Hopalong Cassidy”.

- Ông xem này, đây là một cuốn sách của Jimmy hồi còn nhỏ tí. Nó cho thấy Jimmy là người như thế nào.

Cụ mở tờ bìa sau và quay cuốn sách lại cho tôi xem. Trên tờ giấy trắng lót bìa cuối cùng có dòng chữ hoa “THỜI GIAN BIỂU” và đề ngày 12 tháng Chín năm

1906. Bên dưới ghi:

Dậy 6g sáng

Tập tạ và trèo tường 6g15-6g30

Học điện, v.v... 7g15-8g15

Làm việc 8g30-4g30 chiều

Chơi bóng chày và thể thao 4g30-5g00

Tập cách ăn nói và giữ tư thế đàng hoàng 5g00-6g00

Nghiên cứu những sáng kiến cần thiết 7g00-9g00

NHỮNG ĐIỀU QUYẾT TÂM CHUNG

Không phỉ phạm thời giờ tại nhà Shafters hoặc (ghi tên không rõ).

Không hút thuốc lá và ăn kẹo cao su nữa.

Hai ngày tắm một lần.

Mỗi tuần đọc một cuốn sách hoặc một tạp chí để nâng cao kiến thức

Mỗi tuần để dành 5,00 đô-la (xoá bỏ) 3 đô-la.

Cư xử tốt hơn với cha mẹ.

- Tình cờ tôi tìm thấy cuốn sách này, – ông cụ nói. – Nó cho thấy Jimmy là người như thế nào, có phải không ông.

- Thưa đúng ạ.

- Jimmy nhất định phải vươn được lên cao. Nó hay đề ra những điều quyết tâm như thế này hoặc đại loại như thế. Ông có để ý thấy Jimmy đã ghi như thế nào về khoản nâng cao kiến thức không? Nó chú trọng khoản đó lắm. Có lần nó bảo tôi là tôi ngu như bò, tôi mới đánh cho nó một trận nên thân.

Cụ không muốn gấp cuốn sách lại, cứ đọc to từng mục rồi háo hức nhìn tôi, ánh chùng chờ đợi tôi cho chép lại những mục đó để bắt chước cũng nên.

Gần ba giờ thì ông mục sư giáo phái Lutheran từ Flushing đến. Tôi bất giác nhìn ra cửa sổ xem có chiếc xe nào khác không. Ông cụ thân sinh ra Gatsby cũng nhìn. Nhưng thời gian cứ trôi đi, và đến khi các gia nhân vào đứng cả ở tiền sảnh thì cụ bắt đầu chớp chớp mắt, vẻ lo lắng. Cụ nhắc đến trời mưa với giọng bản khoăn, lấp lửng. Ông mục sư xem đồng hồ đeo tay mấy lần. Tôi kéo ông ta ra một chỗ riêng yêu cầu chờ thêm nửa tiếng nữa. Nhưng vô ích. Không có ai đến.

*

* *

Khoảng năm giờ chiều, đoàn xe chúng tôi gồm ba mươi chiếc tới nghĩa trang, dừng lại bên cổng dưới làn mưa nặng hạt. Đi đầu là xe tang, đen ngòm và sũng nước rồi đến chiếc xe hòm chở cụ Gatz, ông mục sư và tôi, và cách xa một chút là chiếc xe “brích” (2) chở hàng của Gatsby trên có bốn, năm gia nhân và người đưa thư ở West Egg, tất cả đều quần áo lướt lướt. Khi chúng tôi bắt

đầu đi qua cổng nghĩa trang, tôi nghe thấy có một chiếc xe hơi xích đến đỗ ở đằng sau rồi có một người ộp oạp bước theo chúng tôi trên lối đi đầy những vũng nước. Tôi ngoảnh lại nhìn. Đó là người đàn ông đeo đôi kính như mắt cú mà tôi đã thấy đứng sững sờ trước các giá sách trong thư viện của Gatsby vào một đêm cách đây ba tháng.

Suốt từ bấy đến nay tôi không gặp ông ta. Tôi không hiểu ông ta làm thế nào biết được ngày đưa đám, mà tôi cũng không biết cả đến tên ông ta nữa. Mưa nhoè nhoẹt trên đôi mắt kính dày, ông ta nhấc kính ra lau nước mưa để nhìn rõ tấm khăn phủ quan tài được rải xuống đáy huyết.

Lúc ấy, tôi cố nghĩ về Gatsby một chút, nhưng anh đã quá xa rồi, và tôi chỉ có thể nhớ ra rằng, trong lòng không oán giận, Daisy đã không có lấy một bức điện hoặc một bông hoa nào gửi đến. Tôi thoáng nghe có ai lầm rầm: “Phúc đức cho kẻ qua đời được hạt mưa rơi” rồi người đàn ông mắt cú nói “Amen” bằng một giọng rần rỏi.

Chúng tôi lại lộn xộn vội vã trở ra xe dưới làn mưa. Ông mắt cú nói với tôi bên cổng nghĩa trang:

- Tôi tiếc không lại nhà được.
- Những người khác cũng vậy.
- Ông nói gì? – ông ta giật mình. – Trời! Trước họ đến có hàng trăm.

Ông ta nhấc kính ra, lại lau, cả mặt trong lẫn mặt ngoài, và nói:

- Khốn khổ, khốn nạn.

*

* *

Một trong những kỉ niệm sống động nhất của tôi là những lần từ trường dự bị đại học và sau đó là từ trường đại học trở về miền Tây nghỉ lễ Giáng sinh. Những sinh viên nào phải đi quá Chicago thì tập hợp tại nhà ga liên bang cổ lỗ tối om vào lúc sáu giờ tối một ngày tháng Chạp cùng với một vài người bạn Chicago vội vã ra tiễn họ. Tôi còn nhớ những chiếc áo lông của các cô gái vừa ở các trường kí túc nữ sinh khác nhau ra, những hơi thở đọng sương và những bàn tay giơ lên quá đầu vẫy vẫy người quen, những lời mời mọc dồn dập: “Anh đến gia đình Ordway à? gia đình Hersey à? gia đình Schultze à?” và những tấm vé dài màu xanh nắm chặt trong những bàn tay đi găng của chúng tôi. Rồi cuối cùng là toa xe lửa âm u vàng khè của tuyến đường Chicago, Milwaukee và St. Paul, trông tươi vui như chính Noel, xuất hiện trên đường sắt chạy qua cạnh cổng.

Khi con tàu của chúng tôi lao vào giữa đêm đông, và tuyết – tuyết thật, tuyết của quê hương chúng tôi, bắt đầu trải dài hai bên đường và lấp lánh ngoài cửa sổ, và những ánh đèn leo lét trong các ga xép ở Wisconsin lướt qua nhanh, thì

không khí bỗng có một hương men gấm gắt và hoang dã làm người khoan khoái lâng lâng. Chúng tôi hít những hơi dài bầu không khí đó khi chúng tôi đi từ toa ăn uống đi qua các chỗ đầu toa lùa gió lạnh trở về chỗ của mình, cảm thấy vô cùng sâu sắc sự gắn bó tha thiết giữa mình với mảnh đất này trong một giờ lạ lùng trước khi một lần nữa lại hoà lẫn hẳn vào với nó.

Đó là miền Trung Tây của tôi – không phải là lúa mì, hoặc những cánh đồng cỏ hay những thị trấn heo hút của những cư dân Thụy Điển, mà là những chuyến tàu trở về đầy xúc động thời thơ ấu của tôi, những ngọn đèn đường, những chùm chuông móc ở thành xe trượt tuyết trong đêm tối giá lạnh và những khung cửa sổ giăng đèn in bóng những vành hoa nhựa ruồi xuống mặt tuyết. Tôi là một phần của tất cả những cái ấy, hơi nghiêm trang vì cảm xúc do những mùa đông dài ấy để lại, hơi tự hào vì được lớn lên trong một ngôi nhà của dòng họ Carraway ở một thành phố mà các ngôi nhà qua bao thập kỉ vẫn còn được gọi bằng tên một dòng họ. Bây giờ tôi thấy rằng câu chuyện này xét cho cùng chính là một câu chuyện về miền Tây – Tom và Gatsby, Daisy và Jordan cùng với tôi đều là người miền Tây, và có lẽ chúng tôi mắc chung một nhược điểm nào đấy, nó làm cho chúng tôi không thể thích nghi được với cuộc sống miền Đông một cách khó nhận ra.

Ngay cả khi miền Đông làm tôi say mê nhất, ngay cả khi tôi nhận thức rõ nhất sự ưu việt của nó đối với những thành phố tẻ ngắt, vươn dài và phình to ở bên kia con sông Ohio với những cuộc điều tra liên miên chỉ chừa có trẻ con và người già – ngay cả khi ấy tôi vẫn thấy nó méo mó. Đặc biệt, West Egg còn hiện lên trong những giấc mộng thật là quái đản của tôi. Tôi thấy nó như một cảnh đêm của danh họa El Greco; một trăm nóc nhà, vừa khuôn sáo vừa kì cục, nép mình dưới một bầu trời u ám trĩu nặng và một vàng trắng mờ xỉn. Ở tiền cảnh, bốn người đàn ông nghiêm nghị mặc com-lê đi trên hè đường khiêng một cái cang bên trên đặt nằm dài một người đàn bà say rượu mặc bộ đồ dạ hội trắng. Bàn tay người đàn bà buông thõng bên cạnh cang lấp lánh những ánh lạnh lẽo của vàng bạc châu báu. Mấy người đàn ông kia nghiêm trang rẽ vào một ngôi nhà – không đúng ngôi nhà họ định tìm. Nhưng không ai biết tên người đàn bà, và họ cũng chẳng bận tâm làm gì.

Sau khi Gatsby chết, tôi thấy miền Đông cứ lờn vờn những bóng ma như vậy, nó bị méo mó đến mức mắt tôi không thể hiệu chỉnh lại nổi. Vì vậy khi làn khói lam từ đám lá khô giòn toả vào không trung và gió thổi thẳng băng mớ quần áo ướt treo trên dây phơi thì tôi quyết định trở về quê hương.

Còn một việc cần giải quyết trước khi ra đi, một việc khó xử và khó chịu, giá cứ bỏ mặc thì tốt hơn. Nhưng tôi muốn thu xếp mọi sự đâu ra đấy rồi hãy đi, chứ không hề trông mong ở ngọn sóng biển tốt bụng và dừng dưng kia quét sạch họ

những rác rưởi của tôi. Tôi gặp Jordan Baker, nói chuyện lâu với cô ta về những gì đã xảy ra với cả hai chúng tôi và những gì đã xảy ra sau đấy với riêng tôi. Jordan ngồi thật yên trong một chiếc ghế bành lớn lắng tai nghe.

Cô ta mặc bộ đồ đánh gôn và tôi còn nhớ tôi đã nghĩ cô ta trông giống một bức ảnh quảng cáo chụp rất đẹp, cầm hếch lên hơi nghịch ngợm, mái tóc ngả màu lá thu, nước da mặt rám nắng như màu chiếc găng tay không ngón đặt nơi đầu gối. Nghe tôi nói xong, Jordan nói thẳng với tôi không một chút quanh co là cô ta đã đính hôn với một người rồi. Tôi không tin, tuy rằng có nhiều người cô ta chỉ gạt đầu là lấy được ngay, nhưng tôi vẫn giả vờ ngạc nhiên. Trong đúng một phút, tôi tự hỏi không biết mình có tính sai không, nhưng sau tôi bình tâm lại ngay và đứng dậy từ biệt.

- Dù sao, chính anh đã bỏ rơi em, – Jordan bỗng dưng nói. – Anh bỏ rơi em qua điện thoại. Bây giờ thì em không cần gì ở anh nữa, nhưng đấy là một điều chưa bao giờ xảy ra với em nên em hơi choáng váng mất một thời gian.

Chúng tôi bắt tay nhau.

- Mà này, anh còn nhớ không, – Jordan nói thêm – anh còn nhớ một câu chuyện giữa hai chúng ta về việc lái xe không?

- Không nhớ rõ lắm.

- Anh bảo là một người lái xe tồi chỉ an toàn chừng nào chưa gặp phải một người lái xe tồi khác, có phải không? Thế đấy, em đã gặp phải một người lái tồi thứ hai, có đúng không? Em muốn nói là em đã sơ ý đoán nhầm. Em những tưởng anh là một người khá trung thực, khá thẳng thắn. Em những tưởng đó là niềm tự hào thầm kín của anh.

- Tôi đã ba mươi tuổi rồi, – tôi nói. – Tôi đã quá năm năm cái tuổi tự dối mình rồi gọi đó là danh dự.

Jordan không trả lời. Cái kính và có lẽ hơi yêu cô ta cũng nên, với buồn tiếc vô cùng, tôi quay gót.

*

* *

Một buổi chiều cuối tháng Mười, tôi gặp Tom Buchanan trên Đại lộ Năm. Anh ta đang đi trước tôi, dáng nhanh nhẹn, hung hăng như muốn gây sự với ai, hai tay khuỳnh khuỳnh như muốn gạt những ai chạm vào mình, cái đầu lúc quay bên này lúc ngoái bên kia theo chiều con mắt không để yên một chỗ của anh ta. Đúng lúc tôi cố bước chậm để tránh đuổi kịp anh ta thì Tom đứng lại, cau mày nhìn vào tủ kính một cửa hiệu vàng bạc. Bất thần anh ta nhìn thấy tôi và quay lại, chìa tay ra với tôi.

- Sao, có chuyện gì, anh Nick? Anh không muốn bắt tay tôi à?

- Đúng. Anh biết tôi nghĩ gì về anh.

- Anh lần thần lắm, anh Nick, – Tom liền thoảng. – Lần thần quá lắm. Tôi không biết anh nghĩ thế nào.

- Tom, – tôi hỏi, – anh đã nói gì với Wilson chiều hôm ấy?

Tom nhìn tôi chằm chằm, nín thinh, và tôi biết là tôi đã đoán đúng về quãng thời gian mất vết tích của Wilson. Tôi quay gót toan bỏ đi, nhưng Tom bước lên một bước nắm lấy cánh tay tôi.

- Tôi đã nói với hắn sự thật, – Tom nói. – Hắn mò đến nhà tôi đúng lúc chúng tôi sắp sửa đi. Khi tôi cho người ra cửa bảo là chúng tôi không có nhà, hắn định xông lên gác. Hắn đã khá điên đến nỗi có thể giết chết tôi nếu tôi không nói cho hắn biết ai là người chủ chiếc xe. Tay hắn cứ nắm khư khư khẩu súng trong túi suốt lúc hắn ở trong nhà tôi. – Rồi Tom nói thẳng thừng với giọng thách thức. – Tôi đã nói toạc ra với hắn thì đã sao? Thằng cha kia bị như thế là đáng đời lắm. Nó đã tung hoả mù vào mắt anh như vào mắt Daisy vậy. Nó là một đứa đêu giả. Nó đã chệt chết Myrtle như người ta chệt chết một con chó mà không thềm đổ lại.

Tôi không biết nói gì, trừ cái điều không thể nói ra là sự thật không phải thế.

- Anh tưởng tôi không chịu phần đau khổ đấy à? Anh nghe đây này. Khi tôi đến trả lại gian buồng ấy và nhìn thấy hộp bánh bích quy chó khốn khổ ấy trên tủ bát đĩa, tôi đã ngồi xuống khóc như con nít. Lạy Chúa, thật là kinh khủng...

Tôi không thể tha thứ cho anh ta mà cũng không thể có thiện cảm với anh ta được, nhưng tôi hiểu ra rằng đối với anh ta thì những việc anh ta làm là hoàn toàn chính đáng. Tất cả đầu đuôi chỉ là chuyện vô tâm và nhầm lẫn. Họ là những kẻ vô tâm – Tom và Daisy – họ đập phá tan tành mọi thứ, của cải lẫn con người, rồi rút về ẩn náu trong tiền bạc của họ hoặc trong sự dửng dưng mệnh mông của họ, hay trong bất cứ cái gì gắn bó họ với nhau, và để mặc cho kẻ khác dọn dẹp cảnh hỗn độn mà họ gây ra...

Tôi bắt tay Tom. Tôi thấy nếu không bắt tay thì thực là dớ dẩn, vì tôi bỗng cảm thấy như đang nói chuyện với một đứa trẻ. Sau đó, Tom vào cửa hàng vàng bạc mua một chiếc vòng ngọc trai – hay có thể chỉ là một cặp khuy tay áo – và vĩnh viễn bứt xa được khỏi cái tính khe khát tình lẻ của tôi.

*

* *

Toà biệt thự của Gatsby vẫn còn hoang vắng khi tôi ra đi – cỏ ở vườn nhà anh đã mọc cao bằng cỏ nhà tôi. Trong đám lái xe tắc-xi ở West Egg có một người lần nào chở khách qua cổng nhà anh cũng dừng lại một chút giờ tay chỉ trở vào bên trong. Có lẽ anh ta chính là người đã chở Daisy và Gatsby từ West Egg về East Egg tối hôm xảy ra tai nạn, và có lẽ anh ta đã hoàn toàn tự mình bịa ra một câu chuyện từ đầu chí cuối để kể cho khách. Tôi không muốn nghe câu

chuyện ấy nên tôi tránh mặt anh ta hôm tôi ra tàu.

Các tối thứ bảy tôi thường ở lại New York vì những cuộc vui xa hoa và rực rỡ của Gatsby hãy còn hiện lên trong óc tôi tươi rói đến nỗi tôi vẫn còn có thể nghe thấy tiếng nhạc và tiếng cười vắng vắng không ngớt từ vườn nhà anh vọng sang, cả tiếng xe hơi ra vào các lối đi trong vườn nữa. Một đêm, tôi nghe thấy có tiếng xe hơi thật ở bên đó và nhìn thấy đèn xe đỗ lại trước các bậc thềm đằng trước. Nhưng tôi không ra xem sao. Có lẽ đó là một trong những người khách cuối cùng nào đấy ở tít đầu kia quả đất không biết rằng cuộc vui đã tàn.

Đêm cuối cùng, hành lí đã đóng gói xong xuôi và chiếc xe đã nhượng lại cho người chủ hiệu thực phẩm, tôi sang bên nhà anh để nhìn cái vật khổng lồ, rời rạc, không ra nhà kia, một lần nữa. Trên bậc đá trắng, một câu tục tĩu, do một đứa trẻ con nào đó viết bằng gạch, hiện rõ dưới ánh trăng. Tôi xoá nó đi, bằng cách di giày ken két trên mặt đá. Sau đó tôi đi thơ thẩn xuống bãi biển và nằm dài trên cát.

Hầu hết các nhà nghỉ mát ven bờ nước nay đã đóng cửa, không còn mấy ánh đèn trừ ánh đèn lù mù di động của một chiếc phà đang qua eo biển. Trăng lên cao làm cho những ngôi nhà vô dụng kia mỗi lúc một mờ đi, chìm đi, cho đến khi tôi dần dần cảm thấy như mình đang đứng trên hòn đảo thời xa xưa ở nơi đây, hòn đảo đã có thời xoè nở trước con mắt các thuỷ thủ Hà Lan khác nào bộ ngực tươi mát xanh rờn của thế giới. Những bụi cây khi ấy, những bụi cây nay đã nhường chỗ cho ngôi nhà của Gatsby, đã có thời, bằng những tiếng thì thào, khơi dậy lên giấc mơ cuối cùng và to lớn nhất của con người. Trong một phút giây ngỡ ngàng ngẩn ngui, con người đã phải nín thở trước sự xuất hiện của lục địa này, lặng người đi trong một sự chiêm ngưỡng thắm mĩ mà mình không hiểu nổi và cũng không mong ước khi lần cuối cùng trong lịch sử đối diện với một đối tượng khơi gợi được hết khả năng kinh ngạc của mình.

Và trong lúc tôi ngồi đó ngẫm nghĩ về cái thế giới xưa chưa biết, tôi nghĩ đến nỗi kinh ngạc của Gatsby khi anh lần đầu tiên phát hiện ra cái đốm sáng xanh ở cuối bến thuyền nhà Daisy. Anh đã phải đi một chặng đường dài mới tới được thảm cỏ xanh rờn này, và điều mơ ước của anh tưởng như đã ở gần đến nỗi hầu như giơ tay ra là thể nào anh cũng với tới nó. Anh đâu biết rằng nó đã rút lại đằng sau anh rồi, ở một chỗ nào đó trong khoảng tối mênh mông bên kia thành phố, nơi những cánh đồng sẫm đen của nước cộng hoà trải ra trong đêm tối.

Gatsby gửi niềm tin của mình vào cái đốm sáng xanh, cái tương lai làm đê mê lòng người mỗi năm một lùi ra xa chúng ta hơn. Nó đã tuột khỏi tay chúng ta rồi, nhưng có sao! – ngày mai chúng ta sẽ dần bước nhanh hơn, sẽ vươn tay ra dài hơn... Và một buổi sáng đẹp trời...

Chúng ta cứ thế cố dần lên, như những chiếc thuyền cố đi ngược dòng nước

không ngừng bị đẩy về dĩ vãng.

Chú thích:

(1) *James Jerome Hill (1836-1916): vua đường sắt miền Tây Bắc Mỹ đầu thế kỉ 20.*

(2) *Xe hơi chở người có hai hàng ghế và khoang rộng chở hàng ở đằng sau.*

Hết